

# HỘI THẢO THẦN HỌC VIỆT NAM

Ngày 17-18 tháng 4 năm 2013

CHỦ ĐỀ:

## **HƯỚNG ĐẾN MỘT HỘI THÁNH PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN TRONG BỐI CẢNH VIỆT NAM HIỆN NAY**

**CÁC BÀI VIẾT THUYẾT TRÌNH**

## XIN LƯU Ý

Những bài viết dưới đây là những bản thảo mà các tác giả dùng để thuyết trình trong Hội thảo Thần học vào tháng 4, 2013. Những bản thảo này chưa được xuất bản và có thể sẽ được tác giả hiệu chỉnh để xuất bản. Vì vậy việc trích dẫn bản thảo là không hợp lệ trừ khi được sự đồng ý bằng văn viết của tác giả.

## Nội dung

|  |    |
|--|----|
| Phát Triển Hội Thánh Sắc Tộc Cơ-ho Khu Vực Di Linh – Lâm Đồng .....  | 1  |
| <i>Mục sư Nhiệm chức K'Bro</i>   |    |
| Suy Tư Về Việc Chứng Đạo Trong Bối Cảnh Việt Nam Hiện Nay .....  | 6  |
| <i>Mục sư Nguyễn Hồng Chí</i>  |    |
| Người Tín Hữu Cơ Đốc Và Hội Thánh Góp Phần Xây Dựng Và Phát Triển Cộng<br>Đồng Xã Hội Của Minh Đàng Sống ..... | 15 |
| <i>Truyền đạo Nguyễn Thanh Hồng</i>  |    |
| Hội Thánh Tăng Trưởng Và Sung Mãn Tài Chánh Qua Việc Dâng Hiến: Bài<br>Học Từ Hội Thánh Hòa Mỹ .....           | 27 |
| <i>Thầy Huỳnh Kim Phước Hải</i>  |    |
| Xây Dựng Một Hội Thánh Tự Lực Tự Cường Về Mặt Tài Chánh .....  | 30 |
| <i>Mục sư Hồ Nguyên Kha</i>  |    |
| Nâng Cao Kỹ Năng Sống Cho Các Tín Hữu Trong Hội Thánh .....  | 40 |
| <i>Cô Nguyễn Thị Thanh Tâm</i>   |    |
| Suy Tư Về Đạo Đức Cơ Đốc Trong Hội Thánh Việt Nam .....  | 51 |
| <i>Bác sĩ Lê Phước Thắng</i>   |    |
| Suy Tư Về Mối Liên Hệ Giữa Cơ Đốc Nhân Với Tín Hữu Các Tôn Giáo Khác.....                                      | 58 |
| <i>Mục sư Nguyễn Trọng Việt</i>  |    |
| Mối Liên Hệ Giữa Người Tín Hữu Cơ Đốc Với Những Người Xóm Giềng<br>Chưa Tin Chúa .....                         | 72 |
| <i>Truyền đạo Lê Đức Trịnh</i>   |    |
| Tình Hình Thông Tin Pháp Lý Về Đạo Tin Lành Tại Việt Nam .....   | 81 |
| <i>Giáo sư Hoàng Ngọc Hùng</i>   |    |
| Biểu Tượng Những Cây Cầu & Một Con Đường Phục Hưng Hội thánh Đức Chúa<br>Trời Tại Việt Nam .....               | 93 |
| <i>Tiến sĩ Công Nghĩa Tự</i>   |    |

# **Phát Triển Hội Thánh Sắc Tộc Kơ-ho**

## **Khu Vực Di Linh – Lâm Đồng**

MSNC K’Brop

Di Linh còn có tên gọi là Djiring (theo tiếng của người địa phương, chủ yếu là sắc tộc Kho). Di Linh là một huyện phía nam của tỉnh Lâm Đồng, nằm trên cao nguyên Di Linh, ở độ cao 1.000 m so với mặt nước biển. Di Linh là vùng đất Bazan màu mỡ, có tổng diện tích tự nhiên hơn 162.000 ha; trong đó, có 47.000 ha đất nông nghiệp. Di Linh có tiểu vùng thời tiết, khí hậu rất thích hợp đối với các loại cây công nghiệp mà đặc biệt là cây cà phê.

Năm 2005, dân số của huyện là 158.000 người. Trong đó, dân số khu vực thành thị là 20.607 người, khu vực nông thôn là 137.393 người. Mật độ dân số là 95 người/km<sup>2</sup>, thấp hơn rất nhiều so với mật độ trung bình của toàn tỉnh 1.117 người/km<sup>2</sup>). Dân tộc thiểu số chiếm 35,6% tổng dân số của toàn huyện chủ yếu là người sắc tộc Kơ-ho.<sup>1</sup>

Theo thống kê của Mục sư K’Tốp, Ủy viên Ban đại diện tỉnh Lâm Đồng, kiêm quản nhiệm huyện Di Linh thì đến cuối năm 2012, thì Hội thánh Tin Lành Việt Nam (MN) tại Di Linh có 43 chi hội và điểm nhóm, trong đó có 11 chi hội chính thức và 32 điểm nhóm. Số tín đồ khoảng gần 8.000 người. Nếu tính luôn các hệ phái khác thì khoảng 1.000 người nữa.<sup>2</sup>

Toàn bộ số chi hội đang nhóm tạm tại nhà tín đồ, chưa có nhà thờ nào được mọc lên trong khu vực này, hiện tại có 2 nhà thờ đang xây dựng và chuẩn bị để cung hiến.

### **I. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**

#### **1. Giai đoạn 1 (từ giữa những năm 30 đến năm 75)**

Ngày 28 tháng 6 năm 1936, Chúa cho vợ chồng Nhà truyền giáo Trịnh an Mẹo đặt chân đến Di Linh (Djiring). Có ông L. Ourgaud muốn cho một nhà gạch bốn thước vuông ở đó, để lo làm nhà giảng bằng tole về sau. Chỗ đất nhà nước cho độ chừng hơn nửa mẫu tây.<sup>3</sup>

Việc làm chứng cho người sắc tộc Kơ-ho ở đây còn gặp nhiều khó khăn vì đường xá đi lại chưa thuận tiện, xứ sở lúc này còn hoang vu, rừng thiêng, nước độc nên các nhà truyền giáo đi tiên phong phải hy sinh, chịu khổ rất nhiều. Cám ơn Chúa, ngày 29 tháng 8 năm 1937, tức là khoảng hơn 1 năm khi đặt chân đến Di Linh, đã có lễ khánh thành nhà giảng rất long trọng ở đây.<sup>4</sup>

Việc truyền giáo lúc này đã đem lại kết quả khả quan, đến năm 1939 đã có 5 làng dân tộc Kơ-ho nhóm lại vào mỗi sáng chủ nhật, số người cầu nguyện đã lên đến 200.<sup>5</sup> Nhờ ơn thương xót của Chúa, các tín đồ người Kơ-ho lúc đó có tấm lòng khao khát, ham thích Lời

---

<sup>1</sup> <http://www.lamdong.gov.vn/vi-VN/chinhquyen/bo-may-to-chuc/huyen-tp-tx/Pages/huyen-dilinh.aspx>.

<sup>2</sup> Di Linh, Phỏng vấn Ms K’Tốp về”Phát triển HT sắc tộc Kơ-ho kv Di Linh,” (2/3/2013).

<sup>3</sup> Trịnh Văn Mẹo, ‘Tin tức gần xa’, *Thánh Kinh Báo*, từ năm 1935-1926, q2, trang 231.

<sup>4</sup> Trịnh Văn Mẹo, ‘Tin tức gần xa’, *Thánh kinh Báo*, từ năm 1937-1938, q3, trang 255.

<sup>5</sup> Trịnh Văn Mẹo, ‘Tin tức gần xa’, *Thánh kinh Báo*, từ năm 1939 (số 98), tr 114.

Chúa, có ba lần nhóm trong ngày Chúa Nhật. Thật cảm tạ Chúa, vì công việc lớn lao Chúa làm đã đem lại biết bao linh hồn đồng bào Kơ-ho về với Chúa.

13 tháng 6 năm 1950 ông bà Giáo sĩ Chung Khâm Lộc được bổ đến Di Linh để lo cho người Kơ-ho thay cho mục sư Trịnh An Mẹo. Sau 3 tháng học tiếng ông bà đã có thể giảng bằng tiếng Kơ-ho.<sup>6</sup> Cũng có một trường Kinh thánh dành cho người Thượng (người dân tộc thiểu số) ở tại đây.

## 2. Giai đoạn 2 (từ năm 75 đến năm 85)

Sau ngày đất nước thống nhất, các giáo sĩ về nước, còn các mục sư truyền giáo Việt nam cũng không còn ở lại nhiệm sở, một số ra nước ngoài, một số bị trả về địa phương. Cơ sở của Hội thánh bị nhà nước trưng dụng, con cái Chúa tản lạc. Việc nhóm lại gặp nhiều khó khăn, phần thì bị bắt bớ. Hội thánh phân tán theo cụm nhỏ, lẻ, khoảng 2-3 gia đình nhóm chung với nhau, nếu tăng lên 4 gia đình thì sẽ tách ra làm hai nhóm.

## 3. Giai đoạn 3 (từ 86 -99)

Đây là giai đoạn Chúa thăm viếng sắc tộc Kơ-ho một cách đặc biệt, có nhiều cuộc phấn hưng và kết quả là nhiều hội thánh được thành lập. Mặc dầu thời gian này, việc bắt bớ dữ dội hơn, những người đi nhóm phải giấu Kinh thánh, thánh ca trong người, nếu gặp người truy bắt thì giấu trong cây cà phê. Hội thánh phải nhóm lại vào 3, 4 giờ sáng để khỏi bị bắt, tịch thu Kinh thánh, thánh ca. Càng bắt bớ thì số lượng người tin Chúa càng đông. Hội thánh sốt sắng, nóng cháy trong sự cầu nguyện, và Chúa ở cùng những người lãnh đạo cho dù họ bị bắt, giam cầm nhưng không hề sợ hãi, mà cứ tiếp tục công việc Chúa.

## 4. Giai đoạn 4 (2001 đến nay)

Hội thánh Tin lành Việt Nam bắt đầu có tư cách pháp nhân, việc nhóm lại không còn gặp bắt bớ nữa nhưng cũng là lúc tinh thần yêu mến Chúa của con dân Chúa trong Hội thánh nguội lạnh. Các nhóm này, nhóm kia tách ra, thiếu sự hiệp một. Những nhân sự coi sóc điểm nhóm đòi hỏi quyền lợi, chức danh, không còn chú tâm vào việc phát triển chiều rộng và chiều sâu của Hội thánh nữa.

## II. THÀNH QUẢ VÀ NHỮNG HẠN CHẾ CỦA HỘI THÁNH SẮC TỘC KƠ-HO

### 1. Thành quả

Bảy mươi bảy năm Tin lành đến với vùng đất đỏ bazan này. Chỉ tính riêng với Hội thánh sắc tộc Kơ-ho thì đã đạt được một số thành quả nhất định sau:

- Những buôn làng tin nhận Chúa có những sự thay đổi rõ rệt. Họ có một đời sống được biến đổi. Họ không hút thuốc, không uống rượu cần, bỏ việc cúng bái các thần núi, thần lúa, v.v. bỏ tục đâm trâu, và những đời sống được Chúa biến đổi này cũng có cuộc sống kinh tế dần đi vào ổn định.

---

<sup>6</sup> Di Linh, Phòng vấn Ms K'Tốp về "Phát triển HT sắc tộc Kơ-ho kv Di Linh" (2/3/2013).

- Những buôn làng nào có ánh sáng Phúc âm chiếu rọi, thì gần như cả buôn làng đều tiếp nhận phúc âm.
- Họ sốt sắng trong việc nhóm lại, họ có tấm lòng đơn sơ để đón nhận Lời Chúa.
- Họ thích nhóm bồi linh, và tham gia sốt sắng vào các chương trình học kinh thánh hè.
- Số lượng điểm nhóm và chi hội tăng nhanh, với số tín đồ gần 8.000 người, chiếm 5% tổng dân số của toàn huyện Di Linh.
- Được tự do nhóm lại, được học hỏi và trang bị nhiều.

## 2. Những hạn chế

- Trình độ thấp, nhất là những người thuộc lứa tuổi 30 trở lên ít biết chữ, có khả năng nghe nhưng không biết đọc, viết tiếng phổ thông.
- Chưa ý thức được việc dâng hiến 1/10 và các của dâng khác dẫn đến HT không vững vàng về tài chính: 43/43 chi hội là hội tự dưỡng, chưa đủ khả năng lên tự trị.
- Việc đi lại giữa địa bàn rộng lớn, thường phải vượt đèo, leo núi vào những thôn bản xa, trời mưa, trơn trượt rất khó đi lại.
- Trình độ thuộc linh còn non kém, số người thật sự trưởng thành chưa nhiều. Hội thánh chỉ phát triển về lượng mà chưa phát triển về chất.
- Số đầy tớ Chúa còn quá ít, người đứng trong hàng ngũ hầu việc Chúa chủ yếu là chấp sự, với 43 hội thánh mà chỉ có 1 mục sư thực thụ, 2 mục sư nhiệm chức và 6 thầy truyền đạo tình nguyện.
- Không có cơ sở thờ phượng Chúa nghiêm trang, còn nhóm tại nhà riêng của tín đồ, chưa có tư thất, cơ sở cho cơ đốc giáo dục, nhà trẻ, hay hệ thống nhà vệ sinh (hiện có 2 nhà thờ đang xây dựng). Vào mùa mưa cũng khó khăn trong việc nhóm lại.
- Hội thánh từ khi có tư cách pháp nhân vẫn giữ mô hình co cụm y như trong giai đoạn khó khăn, không muốn phát triển vì sợ mất quyền lợi. Không có những nhân sự được đào tạo bài bản, có hệ thống. Lòng yêu mến Chúa của nhiều người nguội lạnh. Thỏa mãn và an phận với những gì Chúa cho. Không có tinh thần cầu tiến để tiếp tục phát triển, tạo ra những con người ù lì, không muốn phát triển.
- Tinh thần truyền giáo không còn nóng cháy, thậm chí dậm chân tại chỗ vì họ cho rằng đa phần người Cơ-ho đều đã nghe tin lành, có thể là khác niềm tin như theo Công giáo, và các hệ phái khác. Và vấn đề thuộc linh sa sút.

## III. GỢI Ý CÁCH PHÁT TRIỂN HỘI THÁNH CHO SẮC TỘC CƠ-HO TRONG TƯƠNG LAI

1. Cầu nguyện phấn hưng cho khu vực: Từ khi chính quyền tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhóm lại, không còn cảnh vừa nhóm vừa chạy nấp, thì con dân Chúa trở nên thiếu

tỉnh thức, không dốt đờ trong sự cầu nguyện nữa. Những buổi hiệp nguyện hàng tháng trong khu vực trở thành những buổi báo cáo, nêu những nan đề của Hội thánh hơn là hiệp lại và dốt đờ trong sự cầu nguyện.

Trước đây, khi gặp bất bở, việc hiệp nguyện trở nên cực kỳ cấp thiết, họ cùng kiêng ăn, cầu nguyện, và Chúa đã làm những việc diệu kỳ. Vì thế để bắt đầu cho những định hướng và kế hoạch không thể thiếu sự cầu nguyện.

## 2. Định hướng kế hoạch phát triển

### a. Huấn luyện, trang bị cho nhân sự đặt nền tảng trên Kinh Thánh

- Mở các lớp đào tạo bồi dưỡng cho chấp sự
- Mở trường trung cấp thần học

### b. Phát triển về cả chất và lượng

- Tổ chức các lớp học thánh kinh hè
- Thực hiện công tác chứng đạo và chăm sóc
- Thực hiện công tác dạy đạo cho thanh thiếu niên
- Tổ chức các chương trình trại xuân, trại hè cho thanh niên
- Tổ chức bồi linh, thông công.
- Mở các lớp học kinh thánh căn bản cho mọi lứa tuổi trong HT.

### c. Đẩy mạnh công tác cho người chưa được cứu

- Dùng nhiều phương tiện. Âm nhạc: tổ chức chương trình ca nhạc thánh, cứu trợ xã hội, y tế: khám và phát thuốc, thể thao: tổ chức các giải bóng đá giữa các xã trong huyện.
- Tổ chức các chương trình truyền giảng lớn cho cả khu vực.
- Tận dụng những cơ hội để truyền giảng: đám tang, cưới hỏi.
- Đẩy mạnh việc cá nhân chứng đạo vì nó luôn phù hợp với mọi hoàn cảnh xã hội
- Người sắc tộc thường hay quan tâm đến những gì cụ thể và trước mắt. Họ thường bị người khác khinh khi và xem thường, nếu chúng ta bày tỏ tình yêu thương sự quan tâm đối với họ thì họ sẽ hiểu về tình yêu của Chúa một cách dễ dàng.
- Người sắc tộc cũng hay bắt chước người khác. Nếu một con cái Chúa được Chúa biến đổi trở nên mới thì sẽ thu hút rất nhiều người đến với Chúa, vì thế việc kêu gọi con cái Chúa sống đạo để có thể nói đạo cho người khác biết. Đó cũng là một cách truyền giảng Phúc âm.

### d. Kiện toàn các chi hội điểm nhóm:

- Các điểm nhóm hoàn tất các thủ tục về mặt giáo quyền để xin lên chi hội tự dưỡng và dần tiến đến chi hội tự lập.
- Các điểm nhóm từ 100 đến 300 người nhanh chóng sát nhập lại, vì khoảng cách địa lý quá gần (bán kính từ 2,3 cây số) để dễ ra mắt chính quyền, và có đủ điều kiện về tài chính để xây dựng và mở mang nơi nhóm lại khang trang, tôn nghiêm.
- Tránh co cụm, và dậm chân tại chỗ, bằng lòng với những gì đang có từ trong những năm khó khăn. Cần kêu gọi sự hiệp một để chung tay gây dựng và phát triển Hội thánh
- Tổ chức nhóm nhỏ tuần hoàn trong các khu vực vào một ngày trong tuần để có sự thông công, gây dựng và phát triển đời sống tâm linh.

### **Kết luận**

Cảm tạ Chúa, vì Ngài đã thành lập Hội thánh, đã mua Hội thánh bằng chính huyết Ngài. Buổi ban đầu khi Hội thánh được thành lập, người sắc tộc Kơ-ho tuy còn ít học, ít hiểu biết và khá đơn sơ nhưng họ yêu Chúa bằng tất cả tấm lòng.

Tuy nhiên, ngày hôm nay các nhu cầu vật chất của thế giới hiện đại đã len vào tận thôn xóm như điện thoại di động, truyền hình cáp, Internet, game, bi da, trượt patin. Chính sự xuất hiện của các phương tiện giải trí hiện đại đã cuốn hút các bạn thanh thiếu niên hơn là việc học Kinh Thánh và yêu mến việc nhóm lại thờ phượng Chúa. Bên cạnh đó, các điểm nhóm không thể ngồi lại với nhau vì quyền lợi của các cá nhân lãnh đạo và vì dân tộc tính (bà con dòng họ) cũng gây nên tình trạng chia rẽ và thiếu hiệp một. Đối diện với những nan đề này của Hội thánh sắc tộc Kơ-ho tại Di Linh ngày hôm nay, chúng ta thấy Hội thánh cần có sự thăm viếng đặc biệt của Chúa Thánh Linh. Hội thánh cũng cần nhờ cậy Chúa để hâm nóng tinh thần truyền giáo và ăn năn vì sự sa sút thuộc linh của mình rồi tiếp tục nhờ cậy Chúa để Ngài sẽ ban ơn, mở đường cho việc phấn hưng trở lại và vấn đề phát triển Hội thánh cả về chất lẫn về lượng.



# Suy tư Về Việc Chứng đạo Trong Bối cảnh Hiện nay Tại Việt Nam

MS Nguyễn Hồng Chí

## Dẫn nhập:

Nhiều người cho rằng chặng đường 100 năm của Tin lành trên đất nước Việt Nam là một chặng hành trình “không thành công”, và có khuynh hướng đổ lỗi cho Hội thánh Tin lành Việt Nam (HTTLVN) với tư cách là hệ phái chính và hầu như “độc quyền” giữ vòng c-hệ phái (c=các) cải cách trong chặng đường lịch sử đó.

Thật sự suy nghĩ như trên không hoàn toàn sai mà cũng không hoàn toàn đúng. Không hoàn toàn sai vì hiện tại chỉ có khoảng vài trăm ngàn tín hữu Tin lành trong vòng người Việt (người Kinh) sau gần 100 năm truyền giảng, và đây phần nào chính là trách nhiệm của HTTLVN. Nhưng ở mặt khác, nhận định trên không hoàn toàn đúng vì thời điểm cho lời khiển trách đó đã qua đi. Hiện nay, trong cơn lốc dữ dội của “toàn cầu hóa”, không chỉ c-hệ phái tin lành trên đất nước Việt Nam đang thất bại, mà s-sút (s=sự) của Cơ đốc giáo nói chung đang diễn ra ở khắp mọi nơi trên toàn thế giới. Bối cảnh của sự giảm sút tín hữu Cơ đốc có thể nhìn thấy ở hầu hết các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia phương Tây nơi mà trước đây từng là thành trì của Cơ đốc giáo. Cũng không hoàn toàn đúng là vì phải thừa nhận rằng Chúa có thời điểm của Người cho mọi việc, và chúng ta cũng không thể quên giai đoạn 65 năm khá “thành công” của HTTLVN trước đây, từ 1911-1975.

Nhìn nhận như trên, công việc của chúng ta hiện nay không phải là đổ trách nhiệm cho nhau, nhưng chính là cần ngồi lại cùng nhau để xem xét và tìm kiếm phương cách (n=những) nhằm tiếp tục phát triển vương quốc Chúa trong ngày tới.

Tuy vậy, mục tiêu của bài viết này không nhằm đưa ra giải pháp mà chỉ mong muốn tìm hiểu tại sao chúng ta đang thiếu hiệu quả trong việc chứng đạo, truyền giảng; hầu như có thể từ đó tiếp bước cách tốt hơn.

Chúng ta làm điều này với tinh thần mạnh mẽ rằng việc suy tư để đóng góp ý kiến cho sự phát triển của Hội thánh, dù chỉ là bước đầu, là nỗ lực vô cùng cần thiết. Chúng ta cũng biết rằng đây là một trận chiến cam go, mà trong bất kỳ chiến trận nào nguyên tắc “tri bỉ tri kỷ, bách chiến bách thắng” của Tôn Tử hầu như cũng luôn luôn đúng. Hiểu như thế, chúng ta sẽ cùng nhau suy nghĩ một số khía cạnh sau của vấn đề như là nỗ lực để tìm hiểu chính mình và “đối tượng” truyền giảng của mình.

1. Về thuật ngữ “chứng đạo”, “truyền giảng”, “truyền giáo”, v.v.
2. Vai trò của “bối cảnh hóa” hay “hội nhập văn hóa”.
3. Ảnh hưởng của toàn cầu hóa.
4. Một cộng đồng “được kêu gọi rakhỏi thế gian”.
5. Một cộng đồng thiếu tính thuyết phục.
6. Một vài kết luận/đề xuất.

Dù rằng đề tài của chúng ta đề cập đến “việc chứng đạo trong bối cảnh thành thị, nông thôn, và miền núi Việt Nam”, nhưng thảo luận này bước đầu chỉ muốn tập trung vào một số suy tư

tổng quát, nguyên tắc chung liên quan đến công tác chứng đạo của hội thánh, với tiên liệu rằng trong ngày tới sẽ có nhiều đóng góp cách chi tiết hơn.

## 1. Về c-thuật ngữ “chứng đạo”, “truyền giảng”, “truyền giáo”, v.v.

Một vấn đề không lớn lắm nhưng cũng không phải là không quan trọng, đó là vấn đề sử dụng c-thuật ngữ. Trong mấy mươi năm qua chúng ta thường dùng một số từ và cụm từ sau đây khi nói về lãnh vực đang bàn luận: “làm chứng”, “chứng đạo”, “truyền giảng”, “truyền giáo”, và “cán nhân chứng đạo”, v.v. . .

Cólẽ không có sai trật nghiêm trọng nào đã diễn ra trong việc sử dụng c-thuật ngữ trên. Tuy nhiên việc phân biệt rõ rệt hơn c-nội hàm ý nghĩa của mỗi từ c-ólẽ sẽ giúp ích nhiều hơn cho việc thảo luận vấn đề và thậm chí còn giúp cho định hướng về truyền giảng học trở nên chính xác hơn.

Trước hết chữ “*làm chứng*” và “*chứng đạo*” không nhất thiết chỉ được hiểu là “*nói đạo*” cho một người nào đó. Nhưng nên được hiểu theo nghĩa rộng hơn của Công vụ 1.8 là “*làm c-chứng nhân*” cho phúc âm. Xin lưu ý danh từ số nhiều “*c-chứng nhân*” ở Cv. 1.8, chứ không phải là số ít “*một chứng nhân*”.

Xác định này đem lại ít nhất hai hệ quả khá quan trọng: (1) tránh được tình trạng chỉ có một số rất ít tín hữu có khả năng tham gia công tác truyền giảng, vì không có nhiều người có khả năng “*nói*”, (2) công tác truyền giảng sẽ được xem xét và thực hiện một cách toàn diện hơn ở nhiều lãnh vực, với nhiều phương thức hơn là chỉ “*nói*” mà thôi, là điều phù hợp nhiều hơn trong bối cảnh hiện đại khi mà việc “*nói*” đạo hầu như bị chống đối mạnh mẽ bởi ảnh hưởng của chủ nghĩa đang nguyên và chính sách hài hòa tôn giáo.

Riêng hai từ “*truyền giảng*” và “*truyền giáo*” c-ólẽ không có nhiều vấn đề lắm ngoài trừ việc nên gán nội hàm nào cho chúng. Đằng thì thường thấy trong giới tín lành Việt Nam là sử dụng chữ “*truyền giảng*” để chỉ chung việc thực hiện Đại Mạn lệnh; còn chữ “*truyền giáo*” thì dùng với ý nghĩa là “*truyền giảng cho một nhóm người có đặc điểm về văn hóa hoặc xã hội hoặc địa lý khác hơn với nhóm truyền giảng*”.

Xác định rõ hơn như vậy về từ “*truyền giáo*” cũng thúc đẩy mạnh hơn, mở rộng hơn cánh cửa truyền giảng cho hội thánh. Ví dụ, hiện nay hội thánh Việt Nam nên nghĩ đến việc truyền giáo cho chính ng-Việt Nam (ng-=người) đang sinh sống ở các quốc gia khác, là nhóm có đặc điểm xã hội, địa lý và chính trị khác hơn chúng ta tại quốc nội, trong khi chúng ta chưa có điều kiện để truyền giáo cho c-nhóm chủng tộc khác. Chúng ta có nhiều chứng cứ hiện tại cho thấy công tác truyền giáo như vậy đang tác động rất lớn đến sự phát triển của chính nhóm truyền giáo.

## 2. Vai trò của “bối cảnh hóa” hay “hội nhập văn hóa”

C-thuật ngữ “bối cảnh hóa” hay “hội nhập văn hóa” (HNVH) có một vài khía cạnh khác biệt trong ý nghĩa và cách sử dụng; nhưng nhìn chung, chúng đều được dùng để chỉ đến việc làm thế nào để phúc âm có thể thâm nhập hiệu quả hơn vào một nền văn hóa đặc thù nào đó.

Nói chung, ngày nay nhiều người cho rằng HNVH là thiết yếu, không thể thiếu cho sự phát triển của hội thánh. Chính Chúa Giêsu cũng đã thực hiện HNVH trần thế khi Người nhập thế nhằm dung hợp “văn hóa thiên thượng” vào trần gian để làm biến đổi nền văn hóa của nhân thế.

Trở lại với lịch sử truyền giảng phúc âm tại Việt Nam, chúng ta thấy các giáo sĩ Tin Lành tiên phong người Mỹ đã rất yếu trong công tác HNVH. Họ đã phạm sai lầm khi biến HTTLVN thành một cộng đồng “tách biệt khỏi thế gian” theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa thuật ngữ. Và kết quả là rất ít người Việt Nam chịu tiếp nhận phúc âm dù nhiều người trong số đó rất có cảm tình với nội dung chính của nó.

Giáo hội Công giáo Việt Nam ngày nay hầu như nhìn nhận đã phạm sai lầm về HNVH ngay từ ngày đầu khi các giáo sĩ của họ truyền giảng phúc âm ở Việt Nam. Xin lắng nghe ý kiến của Vua Gia Long (1802-1898) trả lời linh mục Công giáo khi tranh chấp về việc cho hay không cho “thờ cúng ông bà”:

“Tôi mong sao phong tục này (= thờ cúng tổ tiên) hòa hợp được với Kitô giáo vì theo cách nhìn của tôi, không còn chướng ngại nào khác có thể cản trở cả vương quốc này theo đạo... Tôi chống lại ma thuật, chiêm tinh và coi việc tôn thờ ngẫu tượng là lầm lạc và buồn cười, nhưng tôi coi trọng việc thờ cúng cha mẹ, theo như cách nhìn mà tôi đã trình bày, bởi vì tôi coi nó như là một trong những nền tảng giáo dục của đất nước chúng tôi”. (<http://www.giaophanvinhlong.net/Hoc-Hoi-ve-Hoi-Nhap-Van-Hoa.html#6>)

Gần đây Giáo hội Công giáo Việt Nam đã sửa sai trong lãnh vực này và đang cố gắng lấy lại n-gì đã đánh mất trong quá khứ, dù rằng n-hệ lụy của sai lầm ngày xưa không dễ gì khắc phục. Với nỗ lực HNVH hiện nay cộng với một số thực hành đức tin mang tính cách “huyền bí” (mà nhiều người cho là “mê tín”) mà họ đã có xưa nay, thì khả năng đưa đến một bùng phát gia tăng tín hữu không phải là điều không thể, nếu như có một số thay đổi nhất định khác của tình hình chính trị-xã hội.

Nói như trên để thấy rằng HNVH là một nhu cầu có thật, liên hệ chặt chẽ với công tác truyền giảng truyền giáo. Sứ đồ Phaolô viết rằng, “Tôi ở yếu đuối với người yếu đuối, hầu được người yếu đuối; tôi đã trở nên mọi cách cho mọi người, để cứu chuộc được một vài người không cứ cách nào.” (1 Côrinhtô 9.22).

Trong khoảng hơn một thập kỷ vừa qua, giáo hội Công giáo Việt Nam đã cho phép tín hữu có bàn thờ tổ tiên trong gia đình, cho phép sử dụng nhang đèn, và cũng cố gắng xây dựng ngôi nhà thờ của họ để mang phong cách Việt Nam hơn... Tuy nhiên, liệu nỗ lực như vậy có đúng về mặt thần học và có hiệu quả đến đâu về mặt thực tiễn lại là một vấn đề khác cần bàn luận.

Trở lại với hệ phái Tin Lành Việt Nam, người ta thấy rằng hầu như đã không có một nỗ lực đúng mực nào trong lãnh vực HNVH trong suốt cả trăm năm qua. Tất cả n-gì người Tin Lành đã làm là thẳng thắn trình bày câu chuyện phúc âm đúng theo cách của Kinh thánh mà thôi. Điều này dẫn đến chỗ hình thành tâm lý “xà lạ, ngoài lề” trong suy nghĩ của người Việt về Tin Lành. Tâm lý này đã đâm rễ khá sâu trong cộng đồng người Việt và không thể phớt lờ ngày một ngày hai.

Ngoài ra, dưới ảnh hưởng của nền giáo dục xã hội cũ (-cn=chủ nghĩa) trong gần 60 năm qua ở miền bắc và gần 40 năm qua ở miền nam, suy nghĩ của giới trẻ Việt Nam ngày càng trở nên “khó chịu” đối với Cơ đốc giáo. Họ gần như “đi-ứng” với tất cả n-gì có nguồn gốc từ kinh thánh hoặc từ giáo hội cơ đốc.

Với những quan sát như trên, việc hiểu đúng về HNVH là một trách nhiệm quan trọng của hội thánh hiện nay nếu chúng ta muốn công tác truyền giảng trở nên hiệu quả hơn trong những ngày tháng tới.

Để bắt đầu hành trình HNVH như vậy, có một số vấn đề mà chúng ta cần suy nghĩ trong tình hình hiện tại.

Thứ nhất là, liệu chúng ta cần nhắm đến một loại HNVH bên ngoài, chẳng hạn như cố gắng xây dựng ngôi nhà thờ theo kiểu dáng công chúa Phật giáo, cố gắng dùng âm nhạc dân tộc như cải lương chẳng hạn để thay thế cho hoặc bổ sung vào âm nhạc thờ phượng cổ điển theo kiểu phương tây; hay điều chúng ta cần là một loại HNVH thuộc bên trong? Nthay đổi bên ngoài như vậy có làm đánh mất nét đặc trưng cổ điển hay không? Có nhất thiết phải hisinh về bên ngoài truyền thống của cổ điển giáo như vậy hay không? Để lấy lại niềm tin và cảm tình của cộng đồng liệu nthay đổi bên ngoài như thế có ích lợi gì hay không? Đó là cấp độ HNVH thứ nhất.

Ở cấp độ thứ hai, liệu nỗ lực HNVH ở mức truyền thông chân lý hay truyền thông phúc âm có thể thực hiện được hay không và có ích lợi gì? Hầu như cho đến nay chưa có một nghiên cứu tầm vóc nào về văn hóa Việt nam từ giới tin lành Việt nam. Trong tình hình mà chữ “văn hóa” bị lạm dụng khá nhiều, nào là văn hóa ăn, văn hóa uống, văn hóa mặc,... thậm chí văn hóa ngủ,... thì một nghiên cứu văn hóa với chiều sâu tâm linh là thiết yếu để hỗ trợ cho công tác HNVH. Nghiên cứu văn hóa Việt để tìm ra khía cạnh tương đồng giữa câu chuyện phúc âm và câu chuyện dân gian Việt nam, hầu cho việc trình bày phúc âm mang âm hưởng Việt, và thuyết phục hơn đối với tâm hồn Việt, dễ đi vào lòng người hơn. Chẳng hạn, cần triển khai nghiên cứu có chất lượng để tài ví dụ như: “*Tâm thức Việt trong Thờ cúng Ông bà và quan niệm về Hiếu thảo trong Thánh kinh*”, hoặc “*Đông phương hóa: đặc trưng của tín ngưỡng Việt và của thờ phượng theo Tân ước.*” Cần đi tìm cho ra Việt tính, nghĩa là lối suy nghĩ Việt, lối sống Việt, là điều duy nhất còn lại sau khi đã lột bỏ hết n-yếu tố xuyên-văn hóa và toàn cầu hóa. Để làm gì? Để lấy đó làm lối đi vào tâm hồn Việt. Xin lấy một ví dụ: có thật là “*Annam ta gì cũng cười*” như xưa nay vẫn được nghe hay không? Và nếu điều này là đúng hay sai thì nó có ảnh hưởng thế nào đến việc truyền thông phúc âm? Cần đi tìm cho ra hệ thống giá trị thuần Việt để từ đó có lối đột phá vào tâm hồn Việt với phúc âm cách hiệu quả hơn. Sách chứng đạo trong tương lai cần nhắm vào lối đó. Nhài giảng truyền giảng cũng cần nhắm vào hướng đó.

Cấp độ thứ ba của HNVH được đề nghị tại đây là cấp độ đụng đến chính nội dung phúc âm hay nội dung chân lý, tức chân lý cổ điển. Câu hỏi của cấp độ này là: liệu chúng ta có được phép đảo ngược điều cấm xưa nay của truyền thống giáo hội cổ điển liên quan đến niềm tin cổ điển căn bản? Một suy nghĩ rất bức xúc đối với người tin lành Việt nam gần đây là tại sao giáo hội công giáo Việt nam lại chophép thờ cúng ông bà và sử dụng nhang đèn. Ở một phương diện, nếu chỉ cần thay đổi loại nguyên liệu làm ra trầm hương và nhang đèn thì không gian xung quanh một bàn thờ tối tiên của gia đình Việt sẽ có nét hương sắc tương tự với một buổi thờ phượng của Chính thống giáo mà ở đó người ta cũng xông hương và sử dụng loại trầm và đèn hoặc nến rất phong phú. Hãy đến với một buổi thờ phượng của Do thái giáo để thấy nó mang hình thức như thế nào? Hay là trở về với Cựu ước và hình dung lại hình ảnh của nghi thức thờ phượng của thời đó để xem nó ra sao? Cần lưu ý là chính ĐCT đã chọn lựa toàn bộ hệ thống tư tưởng và nghi thức thờ phượng cụ kỷ phức tạp của Cựu ước để chuyển tải đến nhân loại nền thành học Cổ điển; còn Tân ước thì không hề có ý cho rằng hệ thống chuyển tải đó của Cựu ước là “xấu-ác” nên cần phải loại bỏ.

Thế thì, điểm mấu chốt ở cấp độ thứ ba này là gì? Người tin lành Việt Nam nên có thái độ rạo rọi với vấn đề nêu trên? Không chịu trả lời câu hỏi này mà chỉ lờ đi thì không bao giờ chúng ta thành công trong công tác truyền giảng như mong muốn. Lờ đi không phải là thái độ của người minh trí, mà ĐCT chúng ta là một Đảng minh trí – tuyệt đối minh trí. Không thoả hiệp, không hời hợt chân lý không có nghĩa là chúng ta nhắm mắt làm ngơ, không chịu lắng nghe và học hỏi.

Hãy xem Phaolô và cố gắng thấy được “nguyên tắc HNVH” của ông. Ông nói rằng khi ở với người Do Thái, thì ông giữ theo cách của người Do Thái. Khi ở với người khg-Do Thái, thì ông không ép họ phải làm theo cách của người Do Thái. Phaolô quả trách Phierô đã “ép” người khg-Do Thái phải theo cách của người Do Thái. Luận bản về sụ đạo Cơ đốc, Phaolô nói về ba tình trạng mà ông phải xử lý: với người Do Thái, với người khg-luật pháp, và với người yếu đuối. Mục tiêu của Phaolô không phải là để trở thành họ, nhưng là để “cứu” tức là “giải phóng” họ khỏi lối sống khg-luật pháp hay yếu đuối đó bằng cách không đối đầu nhưng làm thân thiện để gần gũi họ.

Điểm mấu chốt là, câu chuyện phúc âm không được phép để cho bị biến dạng, không được phép để cho bị che khuất bởi văn hóa, hay câu chuyện của một nền văn hóa nào; nhưng ngược lại phúc âm cũng không nên lấn ép văn hóa, mà chỉ làm nhiệm vụ giác ngộ và giải phóng. Muốn vậy câu chuyện phúc âm phải tìm được lối đi vào văn hóa. Điều không được quên là, nỗ lực HNVH không được nhắm vào phát triển hội thánh, nhưng phải nhắm vào biến đổi nhân sinh và đời sống xã hội. Và đây chính là nhiệm vụ của hội thánh trước khi mọi sự sẽ tròn về quá trễ.

### **3. Ảnh hưởng của toàn cầu hóa**

Ảnh hưởng của toàn cầu hóa, tức tác động qua lại giữa nền văn hóa khác nhau trên thế giới hiện nay thông qua phương tiện giao thông và truyền thông tiên tiến; trong đó một số nền văn hóa có ảnh hưởng mạnh hơn hoặc mạnh nhất; dẫn đến việc thay đổi một số giá trị trong cuộc sống, thậm chí giá trị cơ bản nhất. Có lẽ không cần nói nhiều về ảnh hưởng của đời sống toàn cầu hóa trên giới trẻ Việt Nam. Mới đây vào tháng Giêng 2013 cửa hàng đầu tiên của Starbucks Coffee vừa khai trương tại Việt Nam như là tín hiệu cho thấy toàn cầu hóa không còn là một vài đời sống nhỏ nhẻ nữa nhưng đã trở thành cơn hồng thủy tràn ngập mọi ngõ ngách của thế giới ngày nay. Tiếp theo thiên đạ (th=thuyết) và thậ thiên đạ, toàn cầu hóa đã làm biến đổi gần như tận gốc rễ bộ mặt thế giới.

Cách đây khoảng 30 năm, một thanh niên với đầu tóc dài sẽ bị xem là khó chấp nhận trong xã hội về mặt đạo đức. Còn ngày nay người ta thấy đầu tóc xanh, vàng, đỏ và thậm chí nái nón không được giữ xuống trong nhà thờ đang giờ thờ phượng. Người ta cũng bắt đầu thấy chiếc quần sọt nam giới xuất hiện trong nhà thờ, nói chi đến nơichôn khác. Trong c-hội thánh được mang tiếng là “bảo thủ” xưa nay, người ta bắt đầu bàn luận về việc chấp nhận hay không chấp nhận hôn nhân đồng tính... ..

Trong tình thế đó, hội thánh phải “nghiêm túc” đối mặt với thách thức ở hai phương diện. Thứ nhất là, đổi mới nền giáo dục Cơ đốc để làm thân thiện giới trẻ, tức là hội thánh tương lai, vẫn có thể dung nhận hệ thống giá trị vĩnh hằng của thánh kinh. Và thứ hai là, làm sao để tận dụng toàn cầu hóa như là phương tiện cho công tác truyền giảng phúc âm. “Nghiêm túc” tức là cần có nỗ lực cụ thể, ở cấp tổ chức của hội thánh, để tìm ra giải pháp.

Trong giới hạn của thảo luận này, chúng ta chỉ nêu lên một vài suy nghĩ liên quan đến việc làm sao để tận dụng tác động của toàn cầu hóa vào việc truyền giảng. Trước hết, tác động toàn cầu hóa đã đưa một vài yếu tố xã hội từ cấp độ quốc gia lên cấp độ quốc tế. Một ví dụ điển hình là vấn đề ngôn ngữ. Vài ngôn ngữ đã trỗi lên mạnh hơn ngôn ngữ khác; cụ thể như Anh ngữ chẳng hạn. Một ví dụ khác là âm nhạc và Internet. Âm nhạc dân gian không còn phổ biến ở quốc gia sản sinh ra nó, thậm chí đang trải qua diễn trình cố gắng để tồn tại. Còn Internet là một công cụ vô đối để truyền bá bất cứ điều gì, ở bất cứ lãnh vực nào.

Đây là một ý niệm khó nhìn thấy và không dễ nhìn nhận. Nhiều hội thánh không nhận ra và cũng không chấp nhận sự kiện rằng mình phải thay đổi để phù hợp với thời đại mới. Dĩ nhiên không phải là thay đổi hệ thống giá trị hoặc lý do tồn tại của hội thánh. Nhưng hội thánh phải thay đổi ở mọi tầng hoạt động, nếu không sẽ khó tồn tại, chứ chưa nói đến truyền giảng hiệu quả.

Một hội thánh mà thế hệ đương đại chịu để lắng nghe phải là một hội thánh như thế nào là điều chúng ta phải suy nghĩ cho ra lẽ. Hội thánh phải đi đầu hoặc ít nhất phải theo kịp mức tiến bộ của xã hội ở khu vực hoạt động mà xã hội quan tâm, chẳng hạn việc sử dụng Anh ngữ, v.v. Hội thánh ở dưới tầm xã hội không thể là làm một chứng cứ tốt cho phúc âm. Một công nhân, nói chung, chỉ có thể làm chứng cho bạn công nhân của mình. Một bác sĩ sẽ làm chứng hiệu quả hơn cho bạn bác sĩ khác. Cbuổi thờ phượng của hội thánh phải mang một hình thức như thế nào mà ở một mặt vẫn trung thành với và thậm chí đẩy mạnh c-yếu tố then chốt của thờ phượng, nhưng ở một mặt khác phải luôn đổi mới theo dòng chảy của thời đại.

Tận dụng n thêm mạnh của hội thánh và ntác động biến đổi của toàn cầu hóa để trỗi lên chứng cứ hiệu quả cho phúc âm là thách thức lớn của hội thánh ngày nay. Trên đất nước này, có lẽ vẫn còn kịp nếu chúng ta chịu cộng tác với nhau trong tinh thần “mọi điều tôi làm là vì cớ tin lành” theo như gương của Phaolô, chứ không vì cá nhân hoặc vì sự phát triển của một hệ phái nào.

#### **4. Một cộng đồng “được kêu gọi rakhỏi thế gian”**

Trong một trăm năm vừa qua của Tin lành tại Việt Nam, có lẽ chúng ta hiểu vừa đúng vừa sai về định nghĩa rằng “hội thánh là người được kêu gọi rakhỏi thế gian” để thờ phượng ĐCT và để sống nếp sống cõđộc. Đúng là vì đây chính là ý nghĩa của từ ngữ “hội thánh” mà Tân ước sử dụng, không thể thay thế được. ĐCT phán với Pharaôn rằng: “Hãy để dân Ta đi”. Họ phải ra khỏi Ai cập. Họ không thể ở lại. Họ không được phép sống nếp sống của Ai cập hoặc thoả hiệp với nếp sống đó.

Hội thánh ngày nay cũng vậy, chúng ta không được phép thoả hiệp với thế gian trong nviệclàm tội lỗi của họ. Nhưng điều này không có nghĩa là chúng ta phải sống tách biệt, cõlập hoặc bị cõlập khỏi cộng đồng dân tộc mà mình đang ở trong.

Đáng tiếc là trong thời gian qua, ngTin lành Việt Nam đã bị cõlập hoặc tự cõlập chính mình rakhỏi cộng đồng dân tộc, làm đánh mất cảm tình của cộng đồng đối với sứ điệp phúc âm mà cha ông mình đã đạt được ở vài chặng khởi điểm.

Đây là thời điểm mà chúng ta phải tìm cách sửa chữa sai phạm này, dù biết rằng có nỗ không do chính lỗi của chúng ta mà do nguyên nhân khách quan khác. Nếu không làm được điều này thì chúng ta không thể có hiệu quả nhiều hơn trong công tác truyền giảng trong ngày tới.

Chúng ta thử nhắm mắt lại và hình dung trong đầu mình hình ảnh của tập thể “Tin lành” trong cái nhìn của cộng đồng người Việt hiện nay xem sao. Đây là một tập thể bao gồm những điểm sau: họ không bao giờ đụng đến rượu bia; họ không uống rượu bia trong lễ cưới của họ và cũng cấm khách dự khác uống, dù người ta có đạo của họ hay không; họ không hút thuốc; họ không ăn đồ cúng của tôn giáo khác hay đồ cúng trên bàn thờ tổ tiên; họ không dự đám giỗ dù được mời, họ không ăn thức ăn của đám giỗ; họ không thờ ông bà chạ; họ thường bắt tinh hữu tảo tòng phải từ bỏ bàn thờ tổ tiên trong nhà mình; họ không chịu để trâu cày trên mâm sinh lễ của đám cưới; họ không mua vé số; một số người trong vòng họ không chịu đứng chụp hình trước bàn thờ của tôn giáo khác; một số người trong họ không chịu vật dụng có hình con rồng trên đó; một số người trong họ thường nói một loại ngôn ngữ lấp bắp gì đó không ai hiểu được khi cầu nguyện giống như người có vấn đề về tâm thần vậy; họ không xem bói, đồng cốt, bùa chú; họ đóng cửa cửa hàng vào ngày Chủ nhật dù biết là ngày đó nhiều khách nhất... .. Nói chung, họ là người rất khác biệt với phần còn lại của cộng đồng người Việt chúng ta. Một nhóm người có thể là tốt nhưng rất khó giao thiệp... ..

Đó là hình ảnh của chúng ta trong mắt cộng đồng dân tộc. Có lẽ tốt, nhưng “khó chơi, khó gần gũi”. Dĩ nhiên, khác biệt có thể là một nét thú vị. Một tập thể nào cũng cần có đặc trưng của nó. Và có môi trường mà nét đặc thù hay khác biệt trở nên thú vị, hấp dẫn; nhưng có khi đặc trưng lại là nguyên nhân gây ra phản cảm.

Khác biệt cần được phân định lại rõ rệt hơn. Ở phương diện ngoại vi có hai loại “khác biệt”. Thứ nhất, “khác biệt” thật sự đến từ sự dẫy dụa của kinh thánh mà mọi người đều phải đồng ý. Thứ hai, như chỉ đến từ thói quen hay từ truyền thống giải thích kinh thánh của giáo hội/hệ phái. Chúng ta tin rằng n-gi thật sự phát xuất từ kinh thánh sẽ không gây phản tác dụng nơi người tìm hiểu đạo. Ví dụ, việc chúng ta không tham dự vào bói toán đồng bóng sẽ là một nét đặc trưng thú vị đối với rất nhiều người ngoại.

Tuy vậy, chúng ta cần hiểu rõ rằng khác biệt hay nét đặc trưng thật sự của chúng ta không nằm ở ngoại vi nhưng nằm ở bản chất biến đổi của phúc âm, tức là “trái của Thánh linh” thể hiện nơi đời sống của người tin. Một câu chuyện có thật kể rằng một người ngoại nhận xét về một gia đình tin lành như sau: “Tôi chắc chắn rằng họ phải có rất nhiều tiền vàng nên họ mới vui vẻ bình an như vậy” trong khi thật sự là gia đình tin lành này chỉ tạm vừa đủ ăn, nếu không muốn nói là nghèo. Đó mới là đặc trưng hay khác biệt mà chúng ta tìm kiếm, chứ không phải là không chịu chụp hình trước bàn thờ chảnh hạn.

Nói chung, nếu một mục sư của vài hệ phái tin lành Việt Nam nào đó mà nói với một người tin rằng: “Không sao, tôi thấy không có trở ngại nào cho ông/bà/anh/chị trong việc tiếp tục tham gia thờ cúng ông bà cùng với gia đình mình trong lúc này” thì mục sư đó chắc khó tránh khỏi rắc rối với tổ chức. Và thiên nhiên Elisê cũng vậy, chắc chắn sẽ bị nhiều hệ phái tin lành Việt Nam cách chức và dứt phép thông công vì đã dám nói với Naaman là “Hãy đi bình an” khi ông này xin phép được tiếp tục tham gia vào việc thờ phượng trong đền thờ thần Rimmon.

Để làm chúng ta có hiệu quả, còn nhiều điều chúng ta cần xem xét lại trong vấn đề “khác biệt với thế gian”.

## 5. Một cộng đồng thiếu tính thuyết phục

Và cuối cùng, có lẽ đây là khuyết điểm khó khắc phục nhất: chúng ta đang là một cộng đồng thiếu thuyết phục. Chúng ta rao giảng một ĐCT toàn năng, nhưng chúng ta thiếu

quyền năng. Chúng ta rao giảng náo chuyện về phép lạ có đầy đủ trong Tân Ước, nhưng hầu như lâu lắm rồi không có lấy một phép lạ nhỏ nào xảy ra giữa chúng ta. Chúng ta rao giảng về tình yêu, nhưng chúng ta không thật sự yêu nhau và không thật sự yêu người xung quanh mình. Thật thiếu tính thuyết phục!

Nhưng đó lại là điều mà thế gian khao khát. Xin đừng tránh né bằng cách lý thuyết hóa phép lạ của thánh kinh. Bạn không thể cho n-gì bạn không có. Bạn chỉ có thể ban cho n-gì mình thật sự có.

Hội thánh phải trở lại và tin vào sự cầu nguyện. Đơn giản tin vào quyền năng của sự cầu nguyện. Tin rằng khi chúng ta cầu nguyện thì Chúa nghe và Người đã, đang, hoặc sẽ thực thi điều cầu xin đó cho mình tùy theo ý chí tốt lành của chương trình của Người. Khi có phép lạ xảy ra giữa vòng hội thánh, trong buổi nhóm hoặc trong sinh hoạt hội thánh thì Danh Chúa sẽ được tôn cao, được nhiều người lưu ý, và nhu cầu của cộng đồng được đáp ứng. Tuy thế, một số “nhóm tin lành” đã quên rằng phép lạ kèm theo là “để làm vững đạo” chứ không phải là lý do tồn tại chính của hội thánh.

## 6. Một vài kết luận/đề xuất

Dưới tác động của trào lưu hiện đại và hậu hiện đại bức màn huyền bí của tôn giáo đã bị hạ xuống, rồi đến đọt sống không thể cưỡng lại được của toàn cầu hóa, con người đã trở nên trần trụi đến mức thô thiển; và chính tại nơi đó họ cảm thấy cô độc và hiểm nguy trên trần gian này, họ lại cảm thấy cần đến cái gì đó siêu thực để che chở cho hồn linh mình.

Đây chính là lúc để tôn giáo nói chung vươn bản tay cứu độ của mình cho nhân thế. Đây là thời điểm để chúng ta đưa sứ điệp phúc âm đến với cộng đồng dân tộc. Một bộ phận thật nhiều người rất vô thần trước đây bây giờ đang trở nên khát khao chân lý. Do vậy, hội thánh phải chớp lấy thời cơ và cần nhớ rằng kỳ thuật tiện sẽ lại được thay thế bằng kỳ không thuật tiện, như đã diễn ra trong lịch sử.

Một vài đề xuất được nêu lên tại đây chỉ như n-gợi ý thô thiển ban đầu với ước mong nhiều đóng góp tích cực và sâu sắc hơn sẽ được thảo luận thêm:

- \* Nên tổ chức “sự kiện truyền giảng” với mục đích tiếp cận nguồn thanh hữu thay vì chỉ buổi truyền giảng truyền thống lâu nay mà thôi. Điều này sẽ giúp nhiều người tham gia công tác truyền giảng hơn.
- \* C-hội thánh/hệ phái có điều kiện nên nghĩ đến tổ chức “truyền giáo” cho cộng đồng ng Việt ở hải ngoại hoặc nhóm chủng tộc khác ngay ở quốc nội.
- \* C-hội thánh/hệ phái có điều kiện nên tạo điều kiện tài chính cho giới học giả tin lành trong và ngoài nước bắt đầu công việc nghiên cứu nền văn hóa Việt Nam cách nghiêm túc, hàn lâm, và sâu sắc hơn. Việc này là thiết yếu và cấp bách trước khi chúng ta đưa ra n-ứng dụng về HNVH mà chưa có đủ cơ sở lý luận cần thiết.
- \* Trước mắt, hội thánh cần chuẩn bị và hỗ trợ cho giới trẻ ở mọi mặt có thể làm được để đẩy hội thánh lên tầm mức xứng với xã hội hiện đại, đặc biệt là vấn đề trang bị Anh ngữ và kỹ năng sống cho họ. Thành công của họ trong xã hội về lâu về dài sẽ dội ngược lại trở thành thành công của hội thánh vậy.



- \* Trong khi chờ đợi nghiên cứu sâu hơn, hội thánh phải cố gắng đổi mới nền giáo dục cơ đốc, nếu không chúng ta sẽ không giữ được thể chế mới, như đã và đang diễn ra ở nhiều quốc gia. Ví dụ, phải thành thật hỏi: bài học Trường Chuán Hật đang sử dụng có được học thích hay họ cảm thấy chán nản với chúng? Giờ học kinh thánh sinh động hay buồn chán? Ngạy hay hướng dẫn giờ học kinh thánh có biết cách dạy hay hướng dẫn không? v.v.
- \* Cũng trong lúc chờ đợi này, chúng ta nên cố gắng sửa đổi n-gì có thể sửa đổi được trong giao tiếp với cộng đồng dân tộc để lấy lại tình cảm ban đầu của họ với phúc âm mà chúng ta đã kiến tạo được.
- \* Và cuối cùng, hãy cùng nhau cầu nguyện, cảnh báo và chung, ở cấp tín hữu và ở cấp lãnh đạo, lúc rảnh rỗi và lúc bận rộn nhất, khi ngồi nghe giảng và khi đang trên bục giảng, để chúng ta có sức mạnh thuyết phục khi làm chứng nhân của phúc âm cứ rỗi.

Trở lên là thảo luận về một số chi tiết, dù chỉ là khởi điểm, nhưng điểm then chốt là gì? Thiết nghĩ ý tưởng cốt yếu mà thảo luận này muốn trình bày là: công tác chứng đạo, truyền giảng không thể đạt hiệu quả tốt hơn nếu như chúng ta không thật tâm muốn giải quyết gốc rễ trên, và đây không thể là công việc của một cá nhân nào nhưng phải là của cả hội thánh với hỗ trợ của “năng lực từ trên cao” vậy.

## HỘI THÁNH GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI CỦA MÌNH ĐANG SỐNG

TĐ. Nguyễn Thanh Hồng

Một Hội thánh mạnh khi mà con cái Chúa có thuộc linh mạnh, có giáo dục tốt cả về niềm tin Cơ Đốc lẫn kiến thức văn hóa xã hội, và có nền tài chánh vững. Điều đó đòi hỏi mỗi gia đình tín hữu cần có đời sống kinh tế ổn định. Sự thật không có Hội thánh nào không có nền kinh tế mạnh mà có thể phát triển truyền giáo, mở Hội thánh mới hiệu quả. Nếu tài chánh không có từ Hội thánh địa phương của mình thì phải dựa vào tài chánh của một tổ chức Cơ Đốc hay Hội thánh nào đó giúp đỡ. Cuối cùng, một yếu tố không kém quan trọng để nói đến một Hội thánh mạnh là Hội thánh có nhiều người có địa vị trong xã hội thể hiện sức mạnh và tầm ảnh hưởng trong cộng đồng dân tộc.

Thế nhưng, lâu nay Hội thánh chúng ta thường chú trọng về thuộc linh. Quan điểm này đã thể hiện qua bài thánh ca: “Bạc vàng tôi không ham Chúa ôi...” Nhưng sự thật thế nào thì mỗi người tự trong lòng mình biết rõ. Có phải là “mau dâng cho Chúa bao điều tốt nhất không?” Bài hát có thể nói lên đúng với một cá nhân của người sáng tác, nhưng không thể đó là sự thật của những người hát và sống. Đó mới là hát, nhưng sẽ tệ hại hơn nếu lời giảng dạy và thực chất của đời sống người giảng cũng như lời chứng của những đời sống người làm chứng không như nhau?

Tôi thừa nhận tầm quan trọng của thuộc linh, nhưng cũng thấy tầm quan trọng sự dạy dỗ của Chúa về các phương diện thuộc thế của đời sống Cơ Đốc và Hội thánh. Tôi hầu việc Chúa giữa sắc tộc Katu ở Quảng Nam Việt Nam tôi muốn chia sẻ một ít về quan điểm và mục vụ của mình.

### I. VAI TRÒ CỦA HỘI THÁNH KATU TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC

Khi chuẩn bị trở về cùng Cha, Chúa Giê-xu phán cùng môn đồ tại phòng cao trong một không gian hết sức trang nghiêm mà tôi coi đó là giây phút chuyển giao sứ mạng:

“Buổi chiều nọ ngày đó, là ngày thứ nhứt trong tuần lễ, những cửa nơi các môn đồ ở đều đương đóng lại, vì sợ dân Giu-đa, Đức Chúa Jê-sus đến đứng chính giữa các môn đồ mà phán rằng: Bình an cho các ngươi! Nói đoạn, Ngài giơ tay và sườn mình cho môn đồ xem. Các môn đồ vừa thấy Chúa thì đầy sự mừng rỡ. Ngài lại phán cùng môn đồ rằng: Bình an cho các ngươi! Cha đã sai ta thế nào, ta cũng sai các ngươi thế ấy. Khi Ngài phán điều đó rồi, thì hà hơi trên môn đồ mà rằng: Hãy nhận lãnh Đức Thánh Linh. Kẻ nào mà các ngươi tha tội cho, thì tội sẽ được tha; còn kẻ nào các ngươi cầm tội lại, thì sẽ bị cầm cho kẻ đó” (Giăng 20:19-23).

Trong phạm vi của bài viết tôi chỉ nhấn mạnh đến cụm từ “Cha đã sai ta thế nào, ta cũng sai các ngươi thế ấy” để nhìn nhận vai trò của người Cơ Đốc và Hội Thánh của Chúa trong thế gian nói chung và trong cộng đồng của mình đang sống nói riêng. Vấn đề ở đây là “Cha đã sai Chúa Giê-xu như thế nào?”

Bài giảng đầu tiên của Chúa Giê-xu tại quê hương Na-xa-rét, nơi dưỡng dục Chúa, khi Ngài chuẩn bị thi hành chức vụ của Ngài trên đất là câu trả lời cho câu hỏi trên:

“Đức Chúa Jêsus đến thành Na-xa-rét, là nơi dưỡng dục Ngài. Theo thói quen, nhằm ngày Sa-bát, Ngài vào nhà hội, đứng dậy và đọc. Có người trao sách tiên tri Ê-sai cho Ngài, Ngài giờ ra, gặp chỗ có chép rằng: Thần của Chúa ngự trên ta; Vì Ngài đã xúc dầu cho ta đặng truyền tin lành cho kẻ nghèo; Ngài đã sai ta để rao cho kẻ bị cầm được tha, Kẻ mù được sáng, Kẻ bị hà hiếp được tự do; Và để đồn ra năm lành của Chúa. Đoạn, Ngài xếp sách, trả lại cho kẻ giúp việc, rồi ngồi xuống; mọi người trong nhà hội đều chăm chỉ ngó Ngài. Ngài bèn phán rằng: Hôm nay đã được ứng nghiệm lời Kinh thánh mà các người mới vừa nghe đó” (Lu 4:16-21).

Ở đây tôi cũng chỉ muốn chú ý đến mục đích Thần Đức Chúa Trời ngự trên Chúa Giê-xu là để *“truyền tin lành cho kẻ nghèo; rao cho kẻ bị cầm được tha, Kẻ mù được sáng, Kẻ bị hà hiếp được tự do; Và để đồn ra năm lành của Chúa.”* “Truyền”, “rao” hay “đồn” không chỉ là nói, nhưng là công bố, một hành động thực thi quyền năng mà chính Ngài sẽ làm. Sự hiện diện của Ngài là tin mừng cho người nghèo như chàng rể và cô dâu trong tiệc cưới tại Ca-na (Giăng 2:1-10). Sự hiện diện của Chúa là một sự mừng rỡ cho đoàn dân đông đang đói khi trời đã về chiều tại nơi hoang vắng (Mat 14:13-21). Trong ý nghĩa đó, Ngài đã giải phóng những kẻ bị giam cầm. Không chỉ những kẻ bị giam cầm trong tội lỗi nhưng cũng trong sự giam cầm của truyền thống tôn giáo, của tập tục mà con người đặt ra dẫn đến sự phân biệt đối xử. Ngài đến rao cho kẻ mù được sáng, không phải chỉ là kẻ mù lòa thuộc linh mà còn là kẻ mù chữ, ngu dốt sống trong tối tăm của phong tục tập quán vi phạm đạo đức và lương tâm. Ngài đã đem ánh sáng đến cho nhiều người, họ nhận thấy được giá trị đích thực của một đời người, có thái độ đúng đắn với vật chất và nhất là đối với của cải và linh hồn. Ngài cũng đã đem lại tự do cho những kẻ bị áp bức, không phải chỉ là áp bức của Ma quỷ, nhưng còn là áp bức của con người trên con người như kẻ nghèo bị nô lệ cho người giàu, tôi tớ nô lệ cho chủ, da đen nô lệ da trắng và người thiểu số nô lệ cho người Kinh. Thậm chí sự nô lệ cũng xảy ra trong tôn giáo nữa (những gì bị ép buộc phải làm, không từ tấm lòng ý thức tự giác là đang bị nô lệ). Nếu Tin lành là Đạo thì không có nô lệ; nhưng nếu Tin lành là một tôn giáo thì cũng không thiếu tình trạng con chiên là nô lệ của chủ chăn. Không thiếu tình trạng dân sự của Chúa bị hà hiếp bởi những Thầy Tế Lễ và người Pha-ri-si trước và trong thời Chúa đến thế gian. Cuối cùng Ngài đồn ra năm lành của Chúa. Ngài công bố hồng ân của Thiên Chúa, đó là *“Đức Chúa Trời đã nhờ sự chết của Con Ngài chịu lấy trong thân thể của xác thịt mà khiến anh em hòa thuận, đặng làm cho anh em đứng trước mặt Ngài cách thánh sạch không vết, không chỗ trách được.”* Ngài “đồn ra” không phải bằng lời nói nhưng bằng chính sự hy sinh mạng sống của Ngài, làm một món quà để Đức Chúa Trời trao tặng con người. Ngài làm hết mọi điều để kẻ được chọn hưởng lấy, nhận lấy cách nhưng không và đó là Hồng Ân, là “Năm Lành” của Chúa ban cho. Ngài đã sống và hoàn tất sứ mạng của Cha trên trời và Ngài đã nói: “Con đã tôn vinh Cha trên đất làm xong công việc Cha giao con làm.” Ngài đã về trời và chuyển giao sứ mạng cho môn đệ của Ngài và cũng cho mỗi Cơ Đốc nhân chúng ta hiện tại, nhưng không phải chúng ta thi hành sứ mạng một mình hay với nhau nhưng là với Chúa Giê-xu, vì chính Ngài phán sau khi truyền Đại Mạng Lịnh rằng “Ta thường ở cùng các người luôn cho đến tận thế.”

Thực thi sứ mạng của Chúa cho dân tộc Katu là vai trò, là mục vụ của Cơ Đốc nhân và Hội Thánh Katu để *“truyền tin mừng cho kẻ nghèo, rao cho kẻ bị cầm được tha, kẻ mù được sáng, kẻ bị hà hiếp được tự do và đồn ra năm lành của Chúa.”* Dân tộc Katu đang nghèo đói và khó khăn, họ đang bị giam cầm trong tập tục lạc hậu. Phụ nữ và trẻ em chưa được giải phóng: họ bị mù về tri thức, mù trong tâm hồn và tâm linh. Họ đang là nô lệ cho người Kinh

Việt Nam. Họ là những con nợ truyền kiếp bao đời nay. Họ phải được Phúc Âm giải phóng, phải được Tình Yêu cứu ra khỏi nghèo khó, khỏi sự giam cầm, khỏi đui mù và khỏi nô lệ.

Kinh tế là yếu tố quan trọng để Cơ Đốc nhân thực thi vai trò của mình. “Có thực mới vực được Đạo” là câu nói lên một thực tế cần thiết cho một đời sống thành công. Dù biết rằng đó không phải là giáo lý Cứu Rỗi của người Cơ Đốc, vì “Người công bình sống bởi đức tin.”

Nhiều chứng cứ từ Kinh thánh nói đến sự cứu rỗi là cứu cả thân thể và linh hồn, được cứu ra khỏi cả nghèo khổ vật chất và tâm linh...

### *Giăng Báp Tít*

Ông bảo “hãy kết quả xứng đáng với sự ăn năn.” Mọi người hỏi ông: “Vậy thì chúng tôi phải làm gì?” Ông trả lời cách cụ thể cho từng đối tượng. Với dân chúng: “Ai có hai áo, hãy lấy một cái cho người không có; và ai có đồ ăn cũng nên làm như vậy.” Với những kẻ thù thu: “Đừng đòi chi ngoài số luật định.” Với những người lính: “Đừng hà hiếp, đừng phỉnh gạt ai hết, nhưng hãy bằng lòng về lương hưởng mình” (Lu 3:8-14).

Chúng ta thử hỏi giảng Tin lành, nói về Chúa cho thân hữu với việc cời chiếc áo của mình cho họ, đãi họ một bữa ăn, tiếp đón họ vào nhà chúng ta thì điều nào chúng ta làm dễ hơn? Phải chăng chúng ta mang nặng trong mình niềm tin về “thuộc linh mới quan trọng, vật chất không cần thiết.” Cho nên, thường chúng ta nói với người nghe rằng “hãy đi cho bình an và ăn cho no, mặc cho ấm.” Thiết tưởng, câu trả lời chân thật từ lòng mình cho câu hỏi trên sẽ là phần quan trọng giúp cho mình thấy đâu là giá trị thật và sẽ nhận ra chính mình là ai.

### *Chúa Giê-xu*

Khi bị ma quỷ cám dỗ hóa đá thành bánh để ăn. Ngài phán cùng ma quỷ rằng: “Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, song nhờ mọi lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời” (Mat 4:1-4).

Sự sống con người cần hai nhu cầu “Bánh và Lời Đức Chúa Trời.” Thiết tưởng ai đó nói cùng Chúa rằng: “Loại người sống chỉ cần lời Đức Chúa Trời mà thôi” thì Ngài cũng phán với người đó rằng “Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ lời Đức Chúa Trời mà thôi, song nhờ bánh nữa”. Thật vậy, con người là linh hồn và thể xác. Nếu chỉ là linh thì đó là thiên sứ, nếu chỉ là xác thôi thì đó là đồ vật. Tóm lại, Chúa Giê-xu muốn nói, con người sống bằng cả hai thứ “bánh và lời Đức Chúa Trời”

Khi các môn đồ xin Chúa dạy họ cầu nguyện. Chúa đã dạy họ rằng:

“Vậy, các ngươi hãy cầu như vậy: Lạy Cha chúng tôi ở trên trời; Danh Cha được thánh; Nước Cha được đến; Ý Cha được nên; Ở đất như trời! Xin cho chúng tôi hôm nay đồ ăn đủ ngày; Xin tha tội lỗi cho chúng tôi, như chúng tôi cũng tha kẻ phạm tội nghịch cùng chúng tôi; Xin chớ để chúng tôi bị cám dỗ, mà cứu chúng tôi khỏi điều ác!” (Mat 6:9-13).

Bài cầu nguyện có hai phần, xin cho Đức Chúa Trời và xin cho con người của mình với nhu cầu đầu tiên cần mà Chúa Giê-xu nói đến đó là: “Xin cho chúng tôi hôm nay đồ ăn đủ ngày.” Đồ ăn đủ ngày là nhu cầu trước cả xin tha tội lỗi và xin thoát khỏi cám dỗ!

Ai phải cho đoàn dân đông theo Chúa ăn khi họ đang đói, lúc trời đã về chiều? Chúa phán với các sứ đồ của Ngài: “Chính các ngươi phải cho họ ăn!” (Mác 6:37).

“Chính các ngươi phải cho họ ăn.” Là người chăn bầy của Chúa, chúng ta có trách nhiệm nuôi bầy, cho bầy ăn nuốt lời Chúa. Nhưng không vì thế mà bỏ quên nghĩa đích thực của lời phán này là bánh ăn của nhu cầu thuộc thể mà vẫn mạch đã cho chúng ta. Chúa Giê-xu không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh là lời Đức Chúa Trời cho dân sự, nhưng chính Ngài đã đáp ứng nhu cầu thuộc thể cho chính dân sự Ngài khi đói.

Chúng ta cần quân bình hai nhu cầu này của con người trên cả phương diện tích cực và tiêu cực. Phải chăng ngày nay chúng ta quá sẵn sàng để “rao” ra lời Chúa đến nỗi người ta coi lời Chúa rẻ mạt. Và chúng ta chẳng “rao” bánh ra cho một ai đến nỗi kẻ nghèo đang đói khát? Một lần nữa xin nói “hãy quân bình sứ điệp để sống với sứ mạng của Chúa!”

Trong bài giảng của Chúa Giê-xu về Người Chăn Hiên Lành, Ngài tuyên bố: “Kẻ trộm chỉ đến để cướp giết và hủy diệt; còn ta đã đến, hầu cho chiên được sự sống, và được sự sống dư dật” (Giăng 10:10). “Chiên được sự sống, và được sự sống dư dật?” có nghĩa là gì? Trong cuộc trao đổi với Giáo sư Trương Văn Thiên Tư vào ngày 29 tháng 4 năm 2010 về vấn đề sự sống sung mãn, Giáo sư cho rằng: “Một đời sống Cơ Đốc sung mãn cần có 4 yếu tố sau: Thuộc linh mạnh; Kinh tế ổn định; Giáo dục tốt và Có ảnh hưởng trong xã hội.” Mục sư Nguyễn Hữu Cương, từng là Viện trưởng Viện Thần Học Việt Nam nói rằng: “Nếu Chúa chỉ muốn cứu linh hồn của người tin thôi, thì khi tin Chúa, Ngài liền đem chúng ta về trời chứ Ngài để chúng ta lại trong thế gian này làm gì?”<sup>1</sup>

Một trong những bài giảng cuối cùng của Chúa Giê-xu trên đất trước khi Ngài bước lên thập tự giá đó là bài giảng về Sự Phán Xét Sau Cùng trong Phúc âm Ma-thi-ơ 25:31-46.

“Vì ta đói, các ngươi đã cho ta ăn; ta khát, các ngươi đã cho ta uống; ta là khách lạ, các ngươi tiếp rước ta; ta trần truồng, các ngươi mặc cho ta; ta đau, các ngươi thăm ta; ta bị tù, các ngươi viếng ta. Lúc ấy, người công bình sẽ thưa rằng: Lạy Chúa, khi nào chúng tôi đã thấy Chúa đói, mà cho ăn; hoặc khát, mà cho uống? Lại khi nào chúng tôi đã thấy Chúa là khách lạ mà tiếp rước; hoặc trần truồng mà mặc cho? Hay là khi nào chúng tôi đã thấy Chúa đau, hoặc bị tù, mà đi thăm viếng Chúa? Vua sẽ trả lời rằng: Quả thật, ta nói cùng các ngươi, hễ các ngươi đã làm việc đó cho một người trong những người rất hèn mọn này của anh em ta, ấy là đã làm cho chính mình ta vậy.”

Dường như chúng ta không thấy gì là “đức tin”, là thuộc linh ở trong lời phán này phải không? Chỉ thấy ăn, uống, mặc, thăm, viếng... Phải chăng nhờ việc lành mà được cứu? Hoàn toàn không! Tất cả mọi việc làm đó đều xuất phát từ đức tin thật nơi Chúa Giê-xu.

Nhiều người trong chúng ta hẳn đã từng nghe câu nói nổi tiếng của thánh Francis vùng Assisi: “Hãy giảng Tin Lành mọi lúc; và khi cần thiết hãy dùng lời nói.”

## II. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN HỘI THÁNH & CỘNG ĐỒNG KATU

Tin lành được truyền đến dân tộc Katu từ năm 1941 qua cố Mục sư truyền giáo Kiêu Toàn. Qua Hội Ký Chức Vụ của nhà truyền giáo với tựa đề “Hành Trình Đến Với Người Katu” thì chúng ta sẽ hiểu nhiều về đời sống, văn hóa, dân trí, tín ngưỡng, phong tục và địa hình hiểm trở thế nào của cư dân Katu sinh sống.

---

<sup>1</sup> Phỏng vấn Giáo sư Trương Văn Thiên Tư ngày 29 tháng 4 năm 2010.

Có thể nói cách ngắn gọn để đo lường và đánh giá quá trình phát triển của dân tộc Katu trong vùng được truyền giáo nói chung và cộng đồng người Katu tin Chúa nói riêng từ năm 1941 đến năm 1975 (34 năm) như sau: Không một người Katu nào học hết lớp 9, một số đông tín hữu học tiểu học (lớp 1-5).<sup>2</sup> Hầu hết dân chúng Katu thì mù chữ. Không có một tín hữu Katu nào dâng mình vào trường Kinh Thánh, dù biết rằng từ năm 1968 thì MS Kiều Toàn vào Thần học viện Nha Trang làm Giám thị.<sup>3</sup> Từ 1974 đến 1988 là thời kỳ “đen tối” trong nhiều phương diện của con cái Chúa Katu trở lại với núi rừng, bản làng và dân tộc mình.

Từ đầu mốc 1988 đến nay Hội thánh Chúa tại Katu tái hình thành và phát triển trong tình trạng khó khăn, kỳ thị, cô lập và bất bớ của một giai đoạn lịch sử không ngắn (1988-2008). Sự phát triển bao gồm những lĩnh vực đời sống tâm linh, tâm hồn và vật chất trên các phương diện: Cơ Đốc Giáo Dục, văn hóa xã hội, giáo dục, kinh tế, y tế, sức khỏe cộng đồng bao gồm vệ sinh môi trường cải thiện một cách đáng kể đối với tình trạng một dân tộc được đánh giá là “mọi rợ, dã man”<sup>4</sup> từ những thập niên trước.

Phát triển Hội Thánh và cộng đồng dựa vào tài sản và nguồn lực trong cộng đồng khởi điểm từ các tài sản và sức mạnh hiện có của cộng đồng, đặc biệt sức mạnh vốn có trong các tín hữu và mạng lưới Cơ Đốc. Xây dựng và phát triển cộng đồng trên nguyên tắc từ trong Hội Thánh ra ngoài cộng đồng đã mang lại những kết quả như sau:

#### *Về Hội Thánh*

Hội Thánh Katu đã phát triển thêm hai hội nhánh. Số tín hữu hiện tại trên 600 người, công tác truyền giáo mở thêm điểm nhóm cho một dân tộc mới là dân tộc Ve (Giê triêng). Mỗi hội nhánh và điểm nhóm đều có nhà nguyện do con cái Chúa dâng hiến hoặc xây dựng nên và nhóm lại mỗi sáng Chúa nhật, có ban chấp sự riêng để điều hành Hội thánh.

#### *Về nhân sự*

Đã có hai truyền đạo người Katu tốt nghiệp chương trình học ở Viện Thánh Kinh Thần Học lo cho các Hội nhánh. Có hai sinh viên thần học đang còn học trong Viện Thánh Kinh Thần Học của HTTLVN sắp ra trường trong năm tới. Cùng với một ban chấp sự hơn 20 người có khả năng lãnh đạo đảm trách công việc giảng dạy Lời Chúa và các phần việc khác tại các khu vực cách tốt đẹp.

#### *Về giáo dục*

Đã có nhiều học sinh tốt nghiệp cấp 3, một số đông vào học trong các trường trung học, cao đẳng chuyên nghiệp như y tế, sư phạm, công nghệ thông tin, đóng tàu. Đã có các giáo viên, y sĩ, cán bộ văn phòng là con cái Chúa Katu ra trường đang công tác tại địa phương. Cũng đã có sinh viên Katu trong các trường Đại học Y, Ngoại ngữ, Bách khoa, Kiến trúc. Tất cả con cái Chúa Katu mù chữ từ 50 tuổi trở xuống đã được xóa mù hoàn toàn trước năm 2009. Hầu hết đều có kiến thức về y tế, bảo vệ sức khỏe, vệ sinh môi trường cũng như biết nuôi dạy con cái cách tốt nhất có thể.

---

<sup>2</sup> Vì số tín hữu này được ms Kiều Toàn đưa về vùng đồng bằng sinh sống với người Kinh và nhóm lại thờ phượng Chúa chung với Hội Thánh Đại An từ năm 1966-1974 nên được đi học. Họ là một chi phái của Hội thánh Đại An.

<sup>3</sup> Kiều Toàn “*Hội Kỳ Chức Vụ*”. Lưu hành nội bộ; trang 222,231.

<sup>4</sup> Tế thần bằng cách giết người lấy máu làm của lễ; thích ăn thịt cá ương, có mùi hôi và uống rượu.

### *Về đời sống kinh tế*

Cộng đồng Katu và nhất là con cái Chúa hiện tại không chỉ làm kinh tế qua việc phát rẫy trồng tía mà còn biết trồng cây ăn trái, nhiều quán buôn bán tạp hóa, quán ăn, quán giải khát, chụp hình, tiệm may áo quần, tiệm bán đồ điện, sửa xe honda, tiệm hớt tóc, lò bánh mì, nuôi heo rừng cùng với những mô hình chăn nuôi khác như nuôi ong, gà vịt, heo trong chuồng trại. Dù vậy, với địa hình hiểm trở, giao thông khó khăn (chưa có đường giao thông thuận lợi, chưa có chợ), thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh từ vật đến người lan tràn, cho nên mọi mô hình kinh tế gặp không ít khó khăn để đứng vững và vượt qua.

Một trong những thành công về kinh tế trong cộng đồng Katu cần nhìn nhận là người Katu đã biết tư duy, tính toán, chọn lựa công việc phù hợp với khả năng của mình, thích ứng với môi trường sống, nhiều người mạnh dạn vay vốn để làm ăn cách tự tin.

### *Về hôn nhân gia đình*

Hôn nhân cải thiện đáng kể, sự quan tâm và ý thức trách nhiệm về bổn phận vợ chồng theo Kinh thánh được thể hiện trong gia đình Cơ Đốc và ảnh hưởng đến cộng đồng rất tốt, không còn đa thê hay quan hệ ngoài hôn nhân cách tự do. Vị trí của người phụ nữ trong gia đình được khẳng định cao hơn. Con cái được yêu thương, quan tâm nuôi dạy, học hành cách có trách nhiệm.

### *Về y tế, sức khỏe cộng đồng*

Đời sống người dân ý thức hướng thiện có khát vọng cho sự phát triển, sống có quyết tâm thoát nghèo và mong chờ một dòng dõi tốt hơn ở tương lai của dân tộc. Với ý thức đó, đã sản sinh nhiều cách làm việc và tổ chức có tính khoa học trong các lĩnh vực của đời sống. Cụ thể như quan tâm đến sức khỏe, vệ sinh trong ăn uống, sử dụng nước sạch, môi trường sạch hơn, nhà vệ sinh, phòng tắm, chăn nuôi chuồng trại... được khuyến khích cho mỗi gia đình thực hiện để có một cộng đồng ngày càng văn minh.

Tất cả những gì Chúa cho tại Katu hiện tại nó như là sản phẩm của chương trình giáo dục thích ứng và kịp thời để trang bị người hầu việc Chúa đáp ứng nhu cầu công việc nhà Chúa tại Việt Nam nói chung và tại Katu nói riêng. Viện Thần Học Tin Lành Việt Nam, với tên thường được biết là Trường UUC, đã đóng góp đáng kể cho những thành tựu tại Hội thánh Katu và cộng đồng Katu.

Để phát biểu về ý nghĩa đời sống của mình với công việc nhà Chúa tại dân tộc và Hội thánh Ngài tại Katu, tôi có thể nói rằng: Tia sáng rọi vào bóng đêm thật có giá trị lớn cho người sáng ở trong bóng tối, (dĩ nhiên nó sẽ chẳng giá trị gì với người mù sống trong bóng tối). Đó là hình ảnh của chương trình đào tạo thần học cho người hầu việc Chúa của UUC tại Việt Nam trong những năm đầy khó khăn trên nhiều phương diện, hiện tại vẫn chưa là ngoại lệ. Có thể điều này không nằm trong trường hợp của ai đó; nhưng nó hoàn toàn chính xác đối với tôi là người tình nguyện hầu việc Chúa tại dân tộc Katu 24 năm qua.

## **III. ĐIỀU TÍN HỮU VÀ HỘI THÁNH KATU VÀ NHỮNG ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG KATU TRONG HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI**

Mục đích lãnh đạo của Chúa Giê-xu là phát triển con người, trong đó có cả người lãnh đạo và những người được lãnh đạo. Vì vậy, lãnh đạo đúng đắn sẽ phát triển con người bởi vì nó nhắm vào con người chứ không phải thành quả công việc. Vì vậy, phát triển Hội Thánh và

cộng đồng là phát triển con người, để mọi người cùng làm việc hướng đến mục tiêu, không phải để một người làm nhiều điều nhưng để nhiều người làm nhiều việc cho một mục đích chung.

Mục tiêu của Hội Thánh Katu là truyền bá Phúc Âm Cứu Rỗi cho dân tộc mình và góp phần biến đổi cộng đồng. Cho nên phải có con người của mình lãnh đạo và phát triển Hội Thánh trên quê hương và cho dân tộc mình. Câu hỏi đặt ra là: Phải bắt đầu từ đâu, và bắt đầu như thế nào để xây dựng, đào tạo phát triển con người để cùng thực hiện mục tiêu cho dân tộc mình?

Trong tác phẩm “Kế Hoạch Phổ Biến Tin Lành của Chúa Giê-xu” tác giả Robert E. Coleman nói rằng: “Không một ai có thể biến đổi thế gian nếu không có những con người đã được biến đổi, và những con người đó biến đổi khi được bàn tay Chúa Giê-xu nhào nặn.”<sup>5</sup> Những người lãnh đạo Hội Thánh Katu cần được biến đổi, những người cùng làm việc với lãnh đạo được biến đổi mới mong đợi một cộng đồng biến đổi, và như thế mới trông chờ nhiều thế hệ kế tiếp được biến đổi. Chính suy nghĩ chứ không phải hoàn cảnh quyết định cuộc sống của chúng ta. Hoàn cảnh có thay đổi mà con người bên trong không thay đổi thì không có hy vọng thay đổi. Cái mới của vạn vật chung quanh không thể nào thay đổi cái cũ hằn sâu trong bản chất con người.

Trong tác phẩm *Lửa và Gió* của Bruce Larson có đoạn:

Những đàn sếu đông đúc vượt một quãng đường dài qua nhiều châu lục có ba phẩm chất đáng quý: thứ nhất, chúng luân phiên nhau làm đầu đàn, không có con nào bay suốt ở vị trí dẫn đầu; thứ hai chúng lựa chọn những con có thể xử lý được sự hỗn loạn trong đàn làm đầu đàn; thứ ba, trong khoảng thời gian bay, con đầu đàn luôn luôn dẫn đầu và những con khác luôn báo hiệu sự an toàn cho cả đoàn bằng tiếng kêu.<sup>6</sup>

Lãnh đạo thành công nó bao gồm phát triển con người và gặt hái kết quả. Khi phát triển con người thì thành quả là một tất yếu không thể thiếu. Một nhà lãnh đạo tài giỏi, không phải nhờ quyền lực người đó nắm trong tay, mà ở chỗ có khả năng phát huy tài năng của người khác. Sự thành công mà không có người kế tục là sự thất bại.<sup>7</sup> Chúng ta thành thật nhìn nhận rằng bông trái không ra từ gốc nhưng ra từ nhánh, chính Chúa Giê-xu cũng đã nói về mình và các sứ đồ rằng “Ta là gốc nho, các người là nhánh. Ai cứ ở trong ta và ta trong họ thì sinh ra lắm trái” (Giăng 15:5). Một mối tương quan không thể thiếu được trong quan hệ của tổ chức và người lãnh đạo cần có trên hành trình của sự thành công.

Tôi cũng sẽ qua đi, di sản cần để lại là thành quả hay là thành công? Nếu là thành quả thì tôi sẽ vui mừng đón nhận cho hôm nay và rồi nó sẽ không thể tồn tại khi tôi đã ra đi, nhưng thành công thì nó còn trong cả tiến trình còn lại. Bởi nó sẽ tiếp diễn với những con người kế tục. Vì thế tôi vô cùng tâm đắc với lời này của Maxwell với tác phẩm *Kim Cương Trong Mỏ Vàng*:

“Muốn để lại di sản thì phải tạo dựng di sản và phải trở thành những gì mà mình muốn người khác trở thành. Di sản truyền lại qua con người chứ không phải qua đồ vật. Chỉ có con

---

<sup>5</sup> Robert E. Coleman. *Kế Hoạch Phổ Biến Tin Lành Của Chúa Giê-xu*. Thần học Phúc Âm (TEE), p 9

<sup>6</sup> Bruce Larson. *Wind and Fire (Lửa và Gió)*. Trích từ “Phát triển kinh nghiệm lãnh đạo” tr 19,20

<sup>7</sup> John C. Maxwell. *Phát Triển Kỹ Năng Lãnh Đạo*. NXB Lao Động- Xã hội, tr 33



người mới tiếp tục tồn tại và tiếp bước khi chúng ta ra đi. Giá trị vĩnh hằng của một nhà lãnh đạo chính là sự tiếp bước.<sup>8</sup>

Vì vậy, ngoài những thành quả mà tín hữu và Hội Thánh Katu thu được trong quá trình hơn 20 năm qua và dần dần ảnh hưởng ra bên ngoài để tạo nên sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc như đã trình bày trong phần hai của bài viết thì tín hữu và Hội Thánh Katu tiếp tục đóng góp vào sự phát triển cho cộng đồng Katu trong hiện tại qua các phương diện sau.

### *1. Cung cấp cho xã hội những con người lãnh đạo đúng đắn*

Hiện tại đã có những giáo viên là con cái Chúa Katu ra trường trở về địa phương dạy tại các trường, có y sĩ, nữ hộ sinh, điều dưỡng về công tác tại các trạm y tế và bệnh viện huyện, có nhân viên văn phòng làm việc cho Ủy ban Xã, có công nhân điện và đặc biệt nhiều cán bộ thôn là người tin lành lãnh đạo rất tốt và gương mẫu trong cả giáo dục, hôn nhân gia đình và đời sống kinh tế. Đã và đang tiếp tục có những người hầu việc Chúa, chân bày của Chúa là người Katu lo cho dân tộc Katu trong tương lai không xa.

Hy vọng sẽ có một đội ngũ tri thức và thành đạt trong tương lai phục vụ xã hội và cộng đồng; sẽ có những hiệu trưởng của người Katu tại các trường trong vùng đất có Hội Thánh và Cơ Đốc nhân Katu; sẽ có những Cơ Đốc nhân bác sĩ, kỹ sư, bác sĩ thú y giỏi cống hiến phục vụ cho dân tộc mình trong tương lai gần bởi các em sinh viên học sinh mang tinh thần Cơ Đốc khát khao giải phóng dân tộc mình vào trong các trường Cao đẳng và Đại học.

### *2. Thu hút cộng đồng để hòa nhập, biến đổi và phát triển cộng đồng*

Nhà thờ không chỉ dành cho Hội Thánh nhóm lại mỗi Chúa nhật, nhưng là nơi thu hút cộng đồng để biến đổi. Những hoạt động thu hút cộng đồng:

#### *Điều đã làm và kết quả*

- Mùa hè tổ chức dạy kèm cho các em học sinh học yếu từ cấp 1 đến cấp 3. Kêu gọi sinh viên Tin Lành trong thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng nam tình nguyện giúp đỡ mỗi sinh viên từ một đến hai tuần. Cổ động các học sinh thành phố giúp sách giáo khoa đã học rồi đóng lại thành từng bộ giúp các em học sinh Katu ngay tháng đầu mùa hè để có sách dạy và học kèm cho các em.
- Tổ chức vui xuân trong những ngày tết tại sân nhà thờ cho mọi người dân Katu bằng các gian hàng bán vé để tham gia trò chơi có giải thưởng. Tạo sân chơi lành mạnh thu hút nhiều người đặc biệt giới trẻ khỏi sa vào những tệ nạn để vui xuân.
- Tổ chức những buổi nói chuyện với sinh viên học sinh về những chủ đề mở như: Ngưỡng mộ nhưng không mê muội; Bất chước nhưng không làm mất chính mình; Cần tiền nhưng không tham tiền; Danh hiệu và giá trị, hay Phải biết yêu chính mình để yêu người khác như mình.

Kết quả mở rộng hiểu biết, lý luận và thay đổi được một ít suy nghĩ của của giới trẻ sống trong một xã hội thực dụng đề cao vật chất, đánh mất giá trị vốn có của mình trong sự sáng tạo và ban cho của Thiên Chúa. Điều chỉnh lại quan niệm sống của mình.

---

<sup>8</sup> John C. Maxwell. *Kim Cương Trong Mỏ Vàng*. AlphaBooks ấn hành, 2008.

### *Điều còn trong kế hoạch gần và phương án thực hiện*

- Xây dựng lại nhà thờ, trang trí, tổ chức lại hình thức thờ phượng Chúa mang bản sắc văn hóa dân tộc để gần gũi với cộng đồng, tránh những hiểu lầm về Tin Lành là đạo của ai đó... và điều này đã gặp khi Tin Lành vào Việt Nam thì người dân gọi là “Đạo Rối”.
- Tổ chức những chương trình hội thảo, bàn về các mô hình kinh tế thích ứng và khả thi đối với vùng Katu trong hoàn cảnh hiện tại và lập kế hoạch thực hiện trong tinh thần chia sẻ giúp nhau.
- Tổ chức các lớp dạy phù đạo trong khuôn viên nhà thờ, kêu gọi các sinh viên Katu tình nguyện trong thời gian nghỉ hè tham gia dạy cho các em học sinh học yếu ở các lớp theo nhu cầu. Hội Thánh đã có một phòng máy vi tính (15 máy) tổ chức hướng dẫn cho mọi học sinh có nhu cầu làm quen và sử dụng vi tính trong việc học hành cũng như truy cập internet để mở rộng tầm nhìn, cập nhật để phát triển.
- Tổ chức những buổi giao lưu nói, hát tiếng Anh giữa các giáo viên ngoại ngữ là người nước ngoài với các thầy cô, học sinh cấp hai của xã nhà. (Mời giáo viên ngoại ngữ của trung tâm ngoại ngữ Thần Đồng Đà Nẵng.)
- Kêu gọi và phối hợp với các đoàn khám bệnh, phát thuốc từ thiện của thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam giúp cho đồng bào Katu, cũng như tổ chức những buổi huấn luyện về sức khỏe cộng đồng, vệ sinh phụ nữ, cách chăm sóc nuôi nấng trẻ em cho cộng đồng Katu.

### *3. Tổ chức xây dựng gia đình Cơ Đốc để ảnh hưởng và góp phần phát triển cộng đồng*

Hiểu văn hóa địa phương là một tiêu chí cần thiết cho sự góp phần phát triển cộng đồng dân tộc. Hiểu, để chúng ta xây dựng niềm tin và không chỉ là văn hóa mà tín ngưỡng cũng là vấn đề cần hiểu. Đơn vị cấu thành xã hội của người Katu là gia đình. Các mối quan hệ trong gia đình có những ảnh hưởng rất lớn đến xã hội. Vì vậy, việc xem xét các mối quan hệ trong gia đình sẽ cho ta một cái nhìn sâu hơn, đầy đủ hơn về đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội của người Katu.

Cần nhìn nhận một điều hết sức quan trọng, có giá trị tiềm ẩn trong sự phát triển Hội Thánh, đó là văn hóa dân tộc hay văn hóa địa phương nơi chúng ta sống đời sống Cơ Đốc. Chiến lược lý tưởng là không loại bỏ văn hóa bản xứ, nhưng sống Phúc âm trong văn hóa đó để biến đổi.

Cần phân biệt đâu là văn hóa của người giảng Tin Lành, đâu là văn hóa của người nghe Tin Lành và đâu là Tin Lành của Đức Chúa Trời, để tránh tình trạng văn hóa loài người bị làm lẫn với Tin lành (Phúc Âm). Văn hóa là phương tiện mà Chúa dùng để truyền đạt, giao tiếp với con người vì Đấng Christ đã trở thành một con người để có thể truyền đạt hay bày tỏ về Đức Chúa Trời cho con người.

Xây dựng và phát triển niềm tin vào Đức Chúa Trời là mục tiêu và lẽ sống mà mọi người chủ chăn Cơ Đốc, mọi tín hữu thật của Chúa Cứu Thế đang sống. Nhưng xây dựng phát triển bằng đường hướng hay mô hình như thế nào để thích nghi với văn hóa dân tộc mình trong hoàn cảnh hiện tại cách hiệu quả nhất có thể, thì phải là điều cần suy tư và hoạch định kế hoạch.

Hai mối quan hệ hết sức quan trọng còn lại đến đời đời là mối quan hệ với Chúa và với người. Để thiết lập mối quan hệ đúng đắn ấy cần sống với điều răn của Chúa “Hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn, hết ý, hết sức kính mến Đức Chúa Trời và yêu người lân cận như mình” (Mat 12: 37-38). Ai là kẻ lân cận? Chúa đã chỉ ra rằng “người đã lấy lòng thương xót đối đãi với kẻ bị cướp là lân cận nhau” (Lu 10:36-37). Có thể tóm tắt như sau:

- Mối quan hệ đúng với Gia Đình (vợ con, cha mẹ, anh em)
- Mối quan hệ đúng với Hội Thánh (những con cái Chúa cùng đức tin)
- Mối quan hệ đúng với Tha Nhân (người chưa tin trong bà con và dân tộc mình)

Con cái Chúa là những người đã được tái sinh, mang một bản chất mới như lời Chúa dạy trong II Cô-rinh-tô 5:17. Dầu vậy, sống trong bản chất xác thịt con người cũ vẫn còn và còn phạm tội. Cho nên đừng coi mình là thánh và mọi người khác là ô uế xấu xa, trở thành cách biệt, mất mối quan hệ cần có để giúp nhau sống tốt hơn mỗi ngày và cộng đồng mỗi ngày càng đẹp hơn.

Gia đình là trung tâm giáo dục, nơi hình thành nhân cách trong đó có nhân cách Cơ Đốc bởi Cơ Đốc Giáo Dục tạo nên. Trong đó, xã hội và Hội Thánh đóng vai trò hỗ trợ mà thôi. Điều này phù hợp với Kinh Thánh cũng như văn hóa Việt chúng ta.

Dĩ nhiên các bậc cha mẹ trong gia đình người Katu không thể tự học biết cách nào để góp phần vào việc hình thành và phát triển đức tin trong gia đình mình. Cho nên, nếu Hội thánh muốn mỗi gia đình Cơ Đốc Katu trở thành một đơn vị Cơ Đốc Giáo Dục, góp phần vào việc giáo dục thuộc linh thì bước đầu Hội Thánh Katu cần kêu gọi sự hiệp tác, sự yểm trợ của những Cơ Đốc nhân người kinh được trang bị và có ân tứ trong mục vụ Cơ Đốc Giáo Dục giúp cung cấp những chương trình huấn luyện và sự hỗ trợ thiết thực để xây dựng nền móng cho người chủ của các gia đình Cơ Đốc tại Katu ít nhất nhận biết 4 lĩnh vực quan trọng để xây dựng một gia đình hạnh phúc:

1. Đời sống hôn nhân của cha mẹ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển tâm lý, tình cảm của con cái. Tình yêu giữa cha mẹ là gương mẫu cụ thể nhất để con cái có thể hiểu được ý nghĩa tình yêu giữa Đức Chúa Trời và con người cũng như giữa người với nhau. Đức tin của các cháu sẽ phát triển một cách khỏe mạnh trong một môi trường đầy đầy tình yêu như vậy.

2. Sự truyền thông tốt giữa các mối quan hệ trong gia đình là cần thiết để xây dựng tốt Cơ Đốc Giáo Dục của gia đình. Thiết lập mối quan hệ gần gũi cha mẹ và con cái để tâm lý và tình cảm của con cái được lành mạnh. Sự truyền thông tích cực, vui vẻ, lành mạnh bắt đầu phải từ vợ chồng mới có thể dẫn đến sự truyền thông tốt giữa cha mẹ và con cái. Một số ít thanh thiếu niên đã thực sự rơi vào cảnh hư hỏng sa đọa trong một số gia đình là vì sự tương giao, tương thông giữa cha mẹ và con cái đã bị đổ vỡ.

3. Cần biết kiểm soát con cái mình cách khôn ngoan, với một số giới hạn và kỷ luật trong gia đình được đặt ra. Kỷ luật và “luật pháp” trong gia đình ảnh hưởng rất lớn đến nhân cách, cá tính, và thái độ của chúng đối với lời Chúa. Nhưng cần phải tránh kỷ luật mang tính độc đoán hay quá dễ dãi. Cần có tính dân chủ trong kỷ luật.

4. Cần biết cách dưỡng dục con cái tốt. Đây là cách bao gồm cả những cách trên. Yếu tố này giúp cho mối liên quan giữa cha mẹ và con cái về mặt tình cảm trở nên bền

chặt và do đó ảnh hưởng rất tích cực đến sự phát triển của con cái cả về tinh thần, thể chất lẫn thuộc linh.

Để mỗi gia đình thực hiện được các yêu cầu đặt ra như đã nêu ở trên, Hội thánh Katu cần lập kế hoạch cho công tác hỗ trợ cho các thành viên là chủ gia đình qua các chương trình huấn luyện hỗ trợ như sau:

1. *Cần có mục vụ tư vấn hôn nhân gia đình*: Quản nhiệm Hội thánh là người đảm trách công việc này trong giai đoạn đầu, sau đó tạo người và lựa chọn những đôi vợ chồng có hôn nhân mẫu mực và ân tứ tư vấn đảm nhiệm thay thế. Họ phải nghiên cứu học hỏi nhiều để đáp ứng thỏa đáng nhu cầu của các đôi nam nữ hay vợ chồng.

2. *Thành lập các lớp học về hôn nhân*. Quan tâm việc soạn giáo trình cách thích ứng với nhu cầu thực tế của Hội thánh, giáo trình phải được đáp ứng cho từng thời kỳ của hôn nhân như: Trước lễ cưới, sau lễ cưới, giai đoạn tiền mãn kinh, v.v.

3. *Tổ chức những buổi hội thảo chuyên đề* về đời sống gia đình Cơ Đốc cũng là một sự hỗ trợ thiết thực. Những lớp học hoặc hội thảo chuyên đề như vậy có thể tổ chức tập trung hoặc trong những sinh hoạt của gia đình trẻ hoặc thanh niên, v.v.

4. *Thành lập những nhóm nâng đỡ*. Những nhóm nâng đỡ sẽ rất cần thiết cho những trường hợp gia đình có những sự khủng hoảng. Sự cầu nguyện, sự hiện diện, những lời khuyên giải xây dựng, v.v... là những điều giúp ích rất nhiều cho những cặp vợ chồng có nan đề.

5. *Thành lập và huấn luyện những cặp cố vấn hôn nhân*. Hội thánh có thể chọn lựa và kêu gọi những cặp vợ chồng có đời sống gia đình hạnh phúc, có đức tin trong Chúa để huấn luyện và giúp họ trở thành những cố vấn hôn nhân. Những cặp như vậy sẽ nhận lãnh trách nhiệm cố vấn cho những cặp mới cưới hoặc sắp sửa lập gia đình. Những cố vấn hôn nhân như vậy có thể hoạt động từng cặp hoặc theo nhóm.

6. *Tổ chức thuyết trình về chuyên đề* như: nghệ thuật lắng nghe trong các mối quan hệ vợ chồng và con cái trong gia đình. Cha mẹ cũng cần phải học nghệ thuật lắng nghe con cái. Khi cha mẹ biết thực sự lắng nghe con cái thì chúng sẽ sẵn sàng cởi mở trong sự truyền thông.

7. *Giúp vợ chồng nhận biết những đối nghịch* mà mỗi người phải chấp nhận nó hiện hữu trong hôn nhân, hầu giúp hôn nhân trong tiến trình “dính dứ” để “trở nên một thịt.” Cần phải học để hiểu biết và chấp nhận những sự khác nhau đó để bổ túc cho nhau.

8. *Hội Thánh có thể mở những lớp học để huấn luyện cho cha mẹ* biết cách xác định và “thi hành” kỷ luật dựa trên lời Chúa và theo nguyên tắc dân chủ. Cần thiết lập một giáo trình để xác định những giới hạn và kỷ luật trong gia đình một cách rõ ràng theo sự dạy dỗ của Lời Chúa trong Kinh Thánh. Học biết cách trách phạt một cách nghiêm minh nhưng đầy tình thương và ân điển. Con cái cần nhận biết rõ những hình thức kỷ luật trách phạt của cha mẹ xuất phát từ động cơ yêu thương. Lớn lên trong môi trường như vậy, trẻ em Katu sau này sẽ biết sống một đời sống có tổ chức, có kỷ luật, biết tôn trọng sự lãnh đạo và biết lãnh đạo khi cần thiết, biết tôn trọng và biết giá trị của thẩm quyền, và biết vâng lời Chúa trong đời sống của mình.

Về nhóm nhỏ, mỗi khu vực là bản làng đều hình thành một đội ngũ giáo viên thích ứng với số tín hữu của khu vực để mở các lớp học Kinh thánh đáp ứng các nhu cầu của mô hình mục vụ gia đình như đã trình bày ở trên.

Những hoạt động trên đây là những phương tiện cần thiết để giúp đời sống cá nhân và gia đình của người tín hữu Katu trưởng thành hầu có thể đóng góp cho sự phát triển lành mạnh của cộng đồng Katu. Tuy nhiên, Hội thánh cũng cung cấp những phương tiện này cho cả những cá nhân hoặc gia đình Katu chưa tin nhận Chúa. Nếu có những gia đình Katu chưa tin Chúa muốn được tư vấn về hôn nhân gia đình, về nuôi dạy con cái, thì đây không chỉ là một cách đóng góp phát triển cộng đồng, mà còn là cách làm chứng về tình yêu của Chúa cho họ.

### **Kết luận**

Đức Chúa Trời là Đấng đã dựng nên con người theo ảnh tượng Ngài, là Đấng chu cấp và thi hành chương trình cứu chuộc, phục hồi địa vị cho con người qua Chúa Cứu Thế Giê-xu. Đó chính là phục hồi hình ảnh Đức Chúa Trời trong con người bởi nó đã bị hoen ố sau khi tổ phụ loài người phạm tội. Chúa Giê-xu là hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được, là “ảnh tượng” rõ ràng nhất của Đức Chúa Trời và cuộc đời Ngài trên đất là một mô hình lý tưởng để chúng ta noi theo để ngày càng “trở nên giống Đấng Christ.”

Để người tín hữu Cơ Đốc và Hội Thánh góp phần xây dựng và phát triển cộng đồng xã hội của mình đang sống trước hết cần ứng dụng mô hình mục vụ gia đình và nhóm nhỏ tại nơi tín hữu sinh sống, xây dựng trên căn bản là tạo mối tình thân trong quan hệ, dù là quan hệ trong gia đình hay ngoài xã hội đi nữa thì cũng rất quan trọng trong đời sống cộng đồng người Việt nói chung và Katu nói riêng. Làm một Cơ-đốc nhân sống trong lòng dân tộc, chúng ta luôn phải tương tác và chịu ảnh hưởng với văn hóa dân tộc, nhằm bày tỏ đức tin và thực hiện sứ mạng truyền giảng Phúc Âm mà Chúa Giê-xu đã dạy. Phao lô nói rằng: “Tôi ở yếu đuối với những người yếu đuối; tôi đã trở nên mọi cách cho mọi người, để cứu chuộc một vài người không cứ cách nào” (1Côr 9:22). Khi chúng ta càng trở nên giống như người mà ta đang cố gắng đạt đến, thì cơ hội giao tiếp sẽ dễ dàng hơn. Chúa Giê-xu đã “tự bỏ mình đi, tự hạ mình xuống” thì chúng ta càng phải luôn ghi nhớ hãy hết sức tôn trọng đối tượng và văn hóa mà họ đang sống. Văn hóa là một sự thật mà chúng ta không thể khước từ hoặc hủy bỏ, nhưng chấp nhận để rồi biến đổi./.

# HỘI THÁNH TĂNG TRƯỞNG VÀ SUNG MÃN TÀI CHÍNH QUA SỰ DÂNG HIẾN: BÀI HỌC TỪ HỘI THÁNH HÒA MỸ

Huỳnh Kim Phước Hải

*“Các người hãy đem hết thảy phần mười vào kho, hầu cho có lương thực trong nhà ta; và từ nay các người khá lấy điều này mà thử ta, Đức Giê-hô-va vạn quân phán, xem ta có mở các cửa sổ trên trời cho các người, đổ phước xuống cho các người đến nỗi không chỗ chứa chăng!” (Ma-la-chi 3:10)*

## **Giới thiệu**

Nhiều người sẽ đồng tình với nhận xét rằng phần lớn các hội thánh tại Việt Nam, ngoại trừ một số hội thánh lớn tại các trung tâm thành phố, không có nền tài chính sung mãn do sự dâng hiến thấp từ tín hữu. Những hội thánh cần tài chính để mở rộng cơ sở hoặc xây mới nhà thờ thường không thể tự tích lũy tài chính qua việc dâng hiến mà phải trông chờ sự hỗ trợ từ các nguồn bên ngoài như các hiệp hội Tin lành hoặc các hội thánh tại Hàn Quốc và Mỹ...

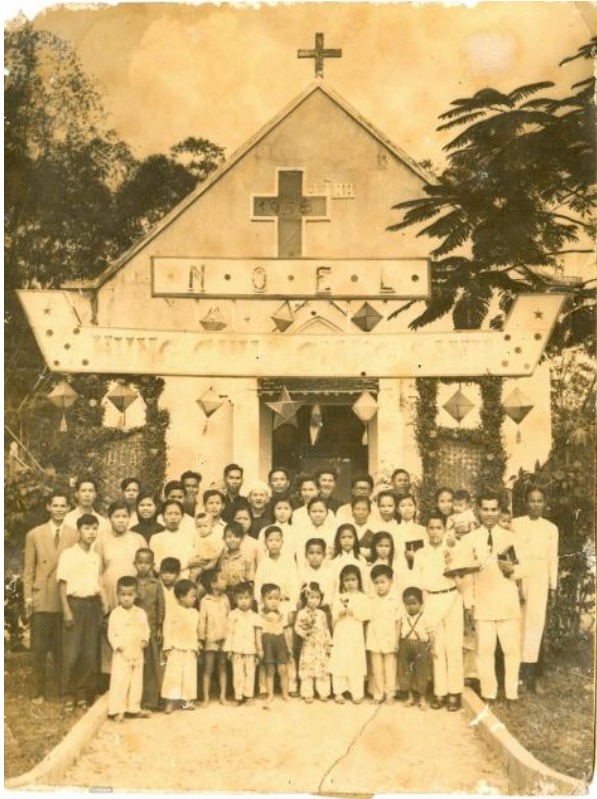
Việc xin tài trợ thể hiện một số nét tiêu cực dễ dàng nhận thấy trong các hội thánh tại Việt Nam như sau:

- “Tư tưởng người nghèo”: Tín hữu, và ngay cả mục sư, thường suy nghĩ một cách mặc định rằng hội thánh mình nghèo nên tin rằng hội thánh sẽ không bao giờ có đủ tiền xây nhà thờ hoặc thực hiện một dự án cần nhiều kinh phí dựa vào tiền dâng từ nội bộ hội thánh.
- Việc dạy cho tín hữu một cách rõ ràng và kỹ lưỡng về việc dâng phần mười và dâng hiến cho Chúa chưa được thực hiện tốt. Các mục sư quản nhiệm thường ít giảng về việc dâng hiến vì thấy vấn đề này hơi nhạy cảm và ngại tín hữu hiểu lầm.
- Hội thánh không kinh nghiệm được sự tiếp trợ đặc biệt của Chúa như trong Ma-la-chi 3:10.

Dựa vào thực tế xảy ra tại hội thánh Hòa Mỹ (Đà Nẵng), bài viết này sẽ chỉ ra rằng ba điểm tiêu cực trên có thể bị loại bỏ khỏi hội thánh và làm cho hội thánh trở nên sung mãn về tài chính cũng như tăng trưởng ở nhiều phương diện khác.

## **Tóm lược lịch sử hình thành và phát triển của hội thánh Hòa Mỹ**

Hội thánh Hòa Mỹ được thành lập năm 1953 tại làng Hòa Mỹ (nay là phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng) từ một nhóm tín hữu làng Hòa Mỹ và Hòa An lúc đó đang sinh hoạt tại hội thánh Đà Nẵng. Họ phải đi bộ 6km mỗi Chúa nhật nên xin thành lập chi hội tự dưỡng và được chấp thuận.



Một ngôi nhà thờ được xây dựng bên quốc lộ 1A và được mở rộng sau năm 1975 đó để có đủ chỗ cho tín hữu nhóm. Vào những năm 90, thành phố Đà Nẵng mở rộng quốc lộ 1A và lấy bớt 1/3 đất của nhà thờ. Hội thánh cũng phát triển đông hơn và nhà thờ không đủ chỗ ngồi nên muốn xây nhà thờ mới.

Hội thánh liên tục xin tài trợ từ các nguồn bên ngoài nhưng đến năm 2002 vẫn chưa tìm được nguồn kinh phí đáng kể. Ngoài một số tiền do một gia đình cho hội thánh mượn để mua đất nâng tổng diện tích lên thành gần 1000m<sup>2</sup>, hội thánh trông chờ sẽ tìm được nguồn tài trợ từ một hiệp hội Tin Lành để xây nhà thờ.

Bước ngoặt lớn xảy ra năm 2003 khi một chương trình dâng hiến rộng rãi bằng hình thức bỏ tiền heo đất được phát động.

Nhiều tín hữu tham gia và tin thần tự lực lần đầu tiên được ngày càng mạnh mẽ hơn trong hội thánh.

Số tiền dâng hiến và cho mượn của tín hữu sau hơn 1 năm lên đến vài trăm triệu – Một số tiền đáng kể đối với hội thánh Hòa Mỹ vào thời điểm đó.

Phép lạ xảy ra khi Chúa đưa đất một người Hàn Quốc đến thăm. Nghe về nhu cầu của hội thánh và tinh thần dâng hiến của tín hữu, bà đã quyết định tặng \$65,000 (sáu mươi lăm ngàn đô la Mỹ) cho hội thánh.

Nhà thờ mới của hội thánh Hòa Mỹ được xây với tổng kinh phí hơn 1,700,000,000 (một tỉ bảy trăm triệu đồng) và được cung hiến tháng 4/2005 trong sự vui mừng và biết ơn Chúa của hội thánh.



BỘ ỒNG ĐỂ XÂY DỰNG NHÀ THỜ

### Những thay đổi đáng lưu ý tại Hòa Mỹ từ 2005<sup>1</sup>

1. “ Tư tưởng người nghèo ” bị xóa bỏ. Việc xin tài trợ từ bên ngoài hoàn toàn biến mất khỏi suy nghĩ của tín hữu.
2. Số người dâng hiến và số tiền dâng ngày càng tăng

<sup>1</sup> Trong phần này và phần kế tiếp, những ý chính sẽ được nêu vắn tắt. Người thuyết trình sẽ trình bày chi tiết kèm với hình ảnh bằng slideshow trong hội thảo.

3. HT mạnh mẽ dâng hiến cho các HT thánh và dự án trong và ngoài HT
4. Tài sản HT tăng
5. Nhiều chương trình mới được khởi xướng và có kết quả tốt
6. Truyền giảng được đẩy mạnh
7. Tách thêm nhóm nhỏ và có nhiều người được tham gia phục vụ trong các vai trò khác nhau

#### **Bài học rút ra từ hội thánh Hòa Mỹ**

1. Tín hữu cần được dạy rõ ràng và mạnh mẽ về việc dâng hiến;
2. “Tu tưởng người nghèo” tồn tại mạnh mẽ trong HT tại Việt Nam như một rào cản của đức tin cần được triệt tiêu và có thể được triệt tiêu;
3. Tín hữu sẽ dâng hiến mạnh mẽ khi HT có mục tiêu rõ ràng và truyền thông tốt;
4. Sung mãn tài chính từ việc dâng hiến có thể là bước ngoặt trong sự phát triển của hội thánh.



## XÂY DỰNG MỘT HỘI THÁNH TỰ LỰC TỰ CƯỜNG VỀ MẶT TÀI CHÁNH

MS Hồ Nguyễn Kha

Tài chánh luôn là vấn đề quan trọng trong mọi tổ chức xã hội nói chung, thậm chí đối với Hội thánh – một tổ chức thuộc linh trong xã hội, thì vấn đề tài chánh vẫn luôn quan trọng và có tầm ảnh hưởng lớn đến mọi mặt trong mọi sinh hoạt và sự phát triển của Hội thánh.

Có một số ý kiến cực đoan cho rằng Hội thánh không nên quan tâm đến vấn đề tiền bạc, vì sẽ dễ đi theo và tôn thờ ma môn thay vì tôn thờ Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, bằng chứng rõ ràng là Kinh thánh đề cập rất nhiều về vấn đề tiền bạc. Thậm chí trong chức vụ của Chúa Giê-xu trên đất, Ngài cũng cần tiền bạc để thực thi sứ mạng của mình với sự giúp đỡ của nhóm mười hai sứ đồ, trong đó có Giu-đa Ích-ca-ri-ốt làm thủ quỹ.

Vì vậy nhìn nhận đúng vai trò của tiền bạc trong sự mở mang, phát triển của Hội thánh sẽ giúp cho lãnh đạo Hội thánh và mỗi Cơ Đốc nhân biết cách gây dựng Hội thánh địa phương mình trở thành một Hội thánh tự lực tự cường về mặt tài chánh. Đây là vấn đề thiết yếu trong bối cảnh mở mang và phát triển Hội thánh tại Việt Nam.

Mặc dầu có nhiều nỗ lực truyền giáo của nhiều tổ chức trước đó, nhưng Tin lành chỉ thực sự được truyền đến Việt Nam vào năm 1911 bởi Hội truyền giáo Phúc âm Liên hiệp. Để tránh những sai lầm và thất bại tại nhiều công trường truyền giáo trước đó, Hội truyền giáo Phúc âm Liên hiệp đã thực thi sứ mạng truyền giáo với một chính sách rất rõ ràng, đó là thiết lập một Hội thánh bản xứ tự lập, tự trị, và tự truyền bá.<sup>1</sup> Hiến chương của hội chỉ rõ rằng, Hội liên hiệp sẽ khuyến khích và ủng hộ việc thực hiện hoàn toàn hay một phần nguyên tắc tự lập trong công trường truyền giáo hải ngoại.<sup>2</sup>

Có thể nói, chính sách “Hội thánh bản xứ” với nguyên tắc tam tự: tự lập (về tài chánh), tự trị (quản trị hành chánh) và tự truyền bá, đã được khởi xướng bởi John L. Nevius, một giáo sĩ tại Trung Hoa và Triều Tiên (1856), và được Roland Allen, một giáo sĩ tại Trung Hoa (1895-1930) giải thích một cách đầy đủ trong các tác phẩm của mình về mô hình truyền giáo của Phao-lô.<sup>3</sup> Chính sách ấy đã được Hội truyền giáo Phúc âm Liên hiệp cụ thể hóa và thông qua tại Hội đồng các giáo sĩ Đông Dương tại Đà Nẵng vào năm 1922:

“Hội thánh có mười tín hữu chịu trách nhiệm về tất cả những chi phí bất ngờ, với mười lăm tín hữu thì phải trả thêm phụ cấp cho người coi giữ nhà thờ, có hai mươi lăm tín hữu thì thêm một phần tư lương truyền đạo, với bốn mươi tín hữu thì thêm một phần hai lương truyền đạo, với sáu mươi tín hữu thì thêm ba phần tư lương truyền đạo, với tám mươi tín hữu thì thêm cả số lương truyền đạo, và cứ thế sẽ chu cấp cho tất cả mọi nhân viên khác, cùng với tiền thuê nhà...”

Vì một Hội thánh mới mở không trông mong có ai dâng tiền, Hội truyền giáo tạm thời đảm nhiệm việc cấp dưỡng cho các truyền đạo. Nhưng đến khi nào có người gia nhập Hội

---

<sup>1</sup> I.R. Stebbins, *41 năm hầu việc Chúa với Hội thánh Tin lành Việt Nam* (Ohio: Spiritual Light Magazine, n.d.), 39.

<sup>2</sup> *Constitution of the International Missionary Alliance (1889)*, 1-16.

<sup>3</sup> Craig Ott & Gene Wilson, *Mở mang Hội thánh toàn cầu* (Hà Nội: Nhà xuất bản Phương Đông, 2012), 101-104. Xem thêm Lê Hoàng Phu, *Lịch sử Hội thánh Tin lành Việt Nam (1911-1965)*, (Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn giáo, 2010), 90-94.

thánh bởi lễ báp-tem, người đó bắt đầu đóng góp vào mọi chi phí của Hội thánh và công tác truyền giảng Tin lành.”<sup>4</sup>

Chính sách ấy tự chứng tỏ tính đúng đắn của mình trong lịch sử Hội thánh Tin lành Việt Nam hơn 100 năm qua, và có lẽ chính sách ấy cũng đúng với các Hội thánh Tin lành thuộc những hệ phái khác.

Vấn đề là làm thế nào để xây dựng một Hội thánh tự lực tự cường về mặt tài chánh trong bối cảnh ngày nay? Bài viết này trước hết đề cập đến thực trạng tài chánh trong Hội thánh nói chung, những lý do khiến cho nhiều Hội thánh chưa tự lực tự cường về mặt tài chánh, tìm kiếm những nguyên tắc dưới ánh sáng Thánh Kinh, và cuối cùng đề ra một vài gợi ý để giúp xây dựng Hội thánh tự lực tự cường về mặt tài chánh.

### **Những nan đề tài chánh trong Hội thánh ngày nay**

Hội thánh ngày nay nhìn chung rất đa dạng trong sự phát triển, phụ thuộc vào các yếu tố địa dư, văn hóa, truyền thống và hệ phái, nhưng vấn đề tài chánh vẫn luôn là thách thức hàng đầu cho các Hội thánh. Nhiều Hội thánh rơi vào tình trạng luẩn quẩn của vấn đề nhân lực và tài lực – muốn có tài lực mạnh mẽ, cần nhân lực dồi dào để góp phần dâng hiến, nhưng để có nhân lực dồi dào, cần phải có tài chánh mạnh mẽ để truyền giáo và mở rộng các mục vụ đào tạo nhân lực – nó trở nên một vòng tròn mà nếu không có sự đột phá, chắc chắn khó thoát khỏi được.

Có hai nhóm Hội thánh chưa tự lập về mặt tài chánh, thứ nhất là nhóm Hội thánh mới được thành lập, và thứ hai là nhóm Hội thánh chậm phát triển. Hai nhóm Hội thánh này có một nan đề chung là thiếu hụt tài chánh, nhưng điểm khác nhau đó là quá trình lịch sử của Hội thánh đặt ra những nan đề khác nhau khi muốn xây dựng Hội thánh trở nên tự lập về tài chánh. Tuy nhiên nhìn chung, có 5 nhóm vấn đề chính yếu thường thấy trong những Hội thánh chưa tự lập về mặt tài chánh:

*Nan đề thứ nhất: Xuất phát điểm thấp.* Nhiều lãnh đạo Hội thánh chịu áp lực với việc mở Hội thánh mới, họ tìm mọi cách để đạt được chỉ tiêu của chính mình hoặc của lãnh đạo cao hơn giao cho hằng năm hay định kỳ phải thành lập những Hội thánh mới. Vì lý do đó mà người lập Hội thánh mới chỉ quan tâm đến vấn đề số lượng thành viên trong Hội thánh, mà không quan tâm đến các yếu tố khác như tài chánh, cơ sở, và các nguồn lực khác... khiến cho nhiều Hội thánh mới có xuất phát điểm quá thấp – ít người, ít tiền, và ít phương tiện.

Việc mở Hội thánh mới cần nhiều yếu tố hơn là chỉ có nhân lực. Nếu chỉ có một nhóm 4-5 gia đình với khoảng 15-20 người mà thành lập một Hội thánh, kiếm tiền để sở hữu và điều hành một cơ sở, cung lương cho một mục sư và các chi phí khác..., sẽ là gánh nặng quá lớn cho một hội chúng quá nhỏ. Về lâu dài, gánh nặng tài chánh ấy sẽ gây nản lòng cho cả người lãnh đạo và Hội thánh.

*Nan đề thứ hai: Nhân lực hạn chế.* Hội thánh càng ít người thì kết quả hiển nhiên là số tiền dâng hiến sẽ ít hơn. Trong khi nhu cầu tài chánh để trang trải cho các chi phí của một Hội thánh có 50 tín hữu cũng gần như tương đương một Hội thánh có 100 tín hữu, vì họ đều cần phải cung lương cho mục sư, thanh toán các chi phí điều hành: điện, nước, điện thoại, văn phòng, truyền giáo, tương trợ, bảo trì, v.v... với mức gần như bằng nhau. Khi đó, tỉ suất

---

<sup>4</sup> Ibid., 104-105.

dâng hiến tính trên đầu người đối với Hội thánh nhỏ hơn gần như gấp đôi, và điều này trở nên gánh nặng đối với nhiều Hội thánh.

Vấn đề thiếu nhân lực có thể xảy ra do Hội thánh mới thành lập có xuất phát điểm thấp như đã phân tích ở trên, nhưng đối với Hội thánh có quá trình lịch sử lâu đời thì nguyên nhân của vấn đề chính là tốc độ phát triển của Hội thánh quá chậm. Tỷ lệ người thêm vào Hội thánh hằng năm không đủ để bù vào số lượng tín hữu trong Hội thánh mất đi trong năm đó – vì lý do qua đời hoặc chủ yếu là chuyển hội do nhu cầu về công việc làm hay học tập.

*Nạn đề thứ ba: Khả năng tài chính.* Mức thu của một Hội thánh còn tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của địa phương, nơi tín hữu sinh sống và làm việc. Một Hội thánh có quy mô và số lượng tín hữu như nhau, nhưng nếu ở tại các trung tâm thành phố lớn sẽ có mức thu cao hơn nhiều lần so với một Hội thánh tương tự ở các tỉnh hoặc vùng nông thôn.

Trên thực tế, mức chênh lệch giữa thu nhập bình quân tính trên đầu người tại các tỉnh thành khác nhau rất lớn. Thu nhập bình quân đầu người năm 2011 tại các thành phố lớn như: thành phố Hồ Chí Minh: 3.000 USD/năm, Cần Thơ: 2.350 USD/năm, Hà Nội: 1.850 USD/năm; trong khi tại các tỉnh nghèo và thuần nông lại có thu nhập rất thấp: Nam Định: 900 USD/năm, Bắc Kạn: 700 USD/năm, Quảng Ngãi: 400 USD/năm, Hà Giang: 300 USD/năm. Trong khi đó, mức thu nhập bình quân đầu người của cả nước là 1.000 USD/năm. Như vậy, mức thu nhập bình quân ở nơi cao nhất gấp 10 lần ở nơi thấp nhất, gấp 3 lần so với mức trung bình, và mức trung bình vẫn gấp hơn 3 lần so với nơi thấp nhất – đây là một khoảng cách rất lớn – và dĩ nhiên nó cũng tác động đến vấn đề tài chính của Hội thánh.<sup>5</sup>

Tình hình kinh tế của địa phương hay quốc gia ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập người dân, và như vậy cũng ảnh hưởng đến sự dâng hiến của các tín hữu, dẫn đến ảnh hưởng trên nền tài chính của Hội thánh. Trong lịch sử của Hội thánh Tin lành Việt Nam, giai đoạn khủng hoảng kinh tế vào những năm 1930, và sau này là giai đoạn những năm 1980 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mức độ tự lập của các Hội thánh.<sup>6</sup>

*Nạn đề thứ tư: Mức độ dâng hiến.* Bên cạnh các yếu tố ngoại tại, thì yếu tố nội tại căn bản chính là mức độ hiểu biết về trách nhiệm dâng hiến của tín hữu trong Hội thánh còn yếu. Một khảo sát nhanh tại một số Hội thánh cho thấy số lượng tín hữu dâng hiến 1/10 và thường xuyên hằng tháng chiếm tỷ lệ rất thấp, trung bình là 14%,<sup>7</sup> - nghĩa là nếu Hội thánh có 100 gia đình, tương đương với 400 tín hữu thì chỉ có khoảng 14 gia đình dâng hiến 1/10 và hằng tháng cho ngân quỹ điều hành của Hội thánh, thành phần còn lại chủ yếu dâng lạc hiến trong chương trình thờ phượng mà thôi.

Tình trạng này chủ yếu do con cái Chúa thiếu sự hướng dẫn từ Lời Chúa về sự dâng hiến, cũng như lòng yêu mến Chúa của nhiều người không đủ để sẵn sàng dâng hiến tiền bạc cho Chúa. Phần nhiều tín hữu có suy nghĩ rằng, tiền dâng là tiền của mình nên dâng hiến cách tùy tiện theo ý thích chứ không tuân theo một nguyên tắc Thánh Kinh nào.

*Nạn đề thứ năm: Thiếu tính minh bạch.* Yếu tố cuối cùng này không phải là phổ biến, nhưng cũng không phải là quá hiếm thấy trong các Hội thánh. Một số Hội thánh có tâm lý

<sup>5</sup> Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, 'Giảm khoảng cách chênh lệch thu nhập,' (5/2012).

<sup>6</sup> Lê Hoàng Phu, 185-192. Tình hình vào năm 1932 khó khăn đến mức Hội đồng Tổng liên hội lần IX tại Hội An đã có biểu quyết riêng để thúc đẩy vấn đề tự lập của các Hội thánh. Hội thánh Tin lành Việt Nam, *Quyết nghị Hội đồng Tổng liên hội (1924-1963)*, (Sài Gòn: Văn phòng Tổng liên hội, 1964), 7.

<sup>7</sup> Khảo sát tại 7 Hội thánh và 5 Điểm nhóm thuộc tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ gia đình tín hữu dâng hiến 1/10 và hằng tháng của Hội thánh thấp nhất là 5% và cao nhất là 50%, trung bình là 14%.

xuê xòa, dễ dãi và tùy tiện trong việc quản lý tài chánh, chính điều này khiến cho nhiều người e ngại khi dâng hiến vào ngân quỹ của Hội thánh, vì họ không biết số tiền đó sẽ được sử dụng như thế nào, kết quả ra sao.v.v.

Hội thánh là một tổ chức thuộc linh và được điều hành bởi một tập thể với tính cách dân chủ, do đó yếu tố công khai, minh bạch là điều cần phải được bảo đảm. Bên cạnh đó, khi Hội thánh công khai và minh bạch về ngân quỹ, các tín hữu sẽ hiểu rõ công việc Chúa, nhìn thấy những nhu cầu và họ có thể dự phần hầu việc Chúa cụ thể hơn.

### **Vấn đề tài chánh trong Hội thánh đầu tiên**

Nhiều người vẫn còn những quan điểm lệch lạc về tiền bạc trong Hội thánh, họ cảm thấy điều gì đó là tội lỗi hoặc bất khiết khi nói đến vấn đề tiền bạc. Tuy nhiên ngay trong chức vụ giảng dạy của Chúa Giê-xu, Ngài đề cập rất nhiều về tiền bạc. Người ta đã tính rằng, trong số những chủ đề Chúa Giê-xu giảng dạy, có 15% liên quan đến tiền bạc – nhiều hơn cả những bài giảng của Ngài về thiên đàng và địa ngục cộng lại.<sup>8</sup>

Hội thánh đầu tiên trong thời các sứ đồ luôn là khuôn mẫu để Hội thánh trong mọi thời ký lịch sử học hỏi và áp dụng trong thực tiễn để hướng đến sự phát triển và hoàn thiện. Trong phương diện tài chánh cũng vậy, có mấy điểm chúng ta có thể nhìn thấy trong Hội thánh đầu tiên như sau:

*“Lấy mọi vật làm của chung.”* Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem đã bắt đầu việc gây dựng ngân quỹ bằng cách: *“lấy mọi vật làm của chung. Bán hết gia tài điền sản mình mà phân phát cho nhau, tùy sự cần dùng của từng người”* (Công vụ 2:44-45). Ngân quỹ của Hội thánh đầu tiên được hình thành từ phần dâng hiến của mỗi tín hữu trong Hội thánh, và mức độ của sự dâng hiến đó cũng là điều đáng phải lưu ý và học hỏi.

Ngày nay, người ta vẫn bàn luận nhiều về mức độ dâng hiến của mỗi tín hữu theo tiêu chuẩn Kinh Thánh là bao nhiêu? Tùy ý, 1/10, hay hơn 1/10? Có thể nói, tín hữu trong Hội thánh đầu tiên đã dâng hiến gần như 10/10.

Khi Chúa Giê-xu quở trách những người Pha-ri-si là kẻ giả hình, Ngài nói với họ rằng: *“các ngươi nộp một phần mười về bạc hà, hồi hương, cùng mọi thứ rau, còn sự công bình và sự kính mến Đức Chúa Trời, thì các ngươi bỏ qua! Ấy là các việc phải làm, mà cũng không nên bỏ qua các việc khác”* (Lu-ca 11:42). Rõ ràng Chúa Giê-xu không dạy phải bỏ qua việc dâng 1/10, mà hoàn toàn ngược lại.

Một lần khác khi Chúa Giê-xu thấy người đàn bà góa bỏ hai đồng tiền vào hòm tiền dâng, Ngài đã gọi các môn đồ lại và chỉ cho họ thấy tấm gương cao quý đó, chính là sự dâng hiến trọn vẹn 10/10, không như những người giàu có chỉ dâng phần nhỏ trong số tiền mình có được (Mác 12:41-44).

Tuy nhiên, sự dâng hiến cho Chúa không phải là ép buộc nhưng là vui lòng mà làm như điều sứ đồ Phao-lô đã dạy: *“Mỗi người nên tùy theo lòng mình đã định mà quyên ra, không phải phàn nàn hay vì ép uổng; vì Đức Chúa Trời yêu kẻ thí của cách vui lòng”* (2 Cô-rinh-tô 9:7).

---

<sup>8</sup> Randy Alcorn, *Nguyên tắc của cải* (n.p.: n.pub., n.d.), 9.

Vì vậy, hãy định ra một mức dâng hiến cụ thể cho chính mình và nhờ ơn Chúa để trung tín dâng hiến cho Chúa một cách ròi rộng, để bày tỏ tình yêu thương, sự tin cậy nơi sự ban cho dư dật của Chúa.<sup>9</sup>

“*Đặt dưới chân các sứ đồ.*” Công vụ 4:34-35 cho biết: “những người có ruộng hay nhà, đều bán đi, bán được bao nhiêu tiền cũng đem đến đặt dưới chân các sứ đồ; rồi tùy theo sự cần dùng của mỗi người mà phát cho.” Có thể nói, chính các sứ đồ là những người đầu tiên chịu trách nhiệm quản trị ngân quỹ của Hội thánh, trách nhiệm đó về sau có lẽ được giao cho các chấp sự (Công vụ 6:1-6).

Ở đây chúng ta nhìn thấy có sự tổ chức trong vấn đề quản lý tài chánh, mặc dầu chúng ta không rõ mô hình ấy được vận hành như thế nào, nhưng có thể thấy rõ sự nhận lãnh và sự ban cho là tương ứng với nhau

“*Không ai thiếu thốn cả.*” Đó là trình trạng của tín hữu trong Hội thánh đầu tiên, họ được cung ứng những nhu cầu cần thiết trong đời sống từ nguồn tài chánh của Hội thánh (Công vụ 4:34-35). Hội thánh địa phương cũng quan tâm đến nhu cầu của các Hội thánh khác và các tội tớ Chúa, con cái Chúa như trường hợp Hội thánh Rô-ma (Rô-ma 12:13), Phi-líp (Phi-líp 4:10-18), Ma-xê-đoan hay Cô-rinh-tô (2 Cô-rinh-tô 9:1-5)... Hội thánh trong thời kỳ này đã bày tỏ một sự chia sẻ thiết thực để bày tỏ tình yêu thương của Chúa cho mọi người.<sup>10</sup>

Tình trạng cục bộ của nhiều Hội thánh địa phương ngày càng trở nên rõ ràng hơn, một khi những chênh lệch về số lượng tín hữu và điều kiện tài chánh càng lớn. Nhiều Hội thánh tại các trung tâm thành phố có ngân quỹ dồi dào và dư quá mức cần thiết, trong khi nhiều Hội thánh khác lại rơi vào trong tình trạng thiếu hụt ngân quỹ để điều hành chứ chưa nói đến việc mở mang phát triển Hội thánh. Lãnh đạo Hội thánh, mà rộng hơn là giáo hội cần có cái nhìn cho công việc Chúa chung để hỗ trợ cho sự phát triển Hội thánh.

Trong một phương diện, nguồn lực có được của các Hội thánh ở các thành phố lớn là từ các vùng nông thôn, do sự di chuyển vì nhu cầu công việc làm, học tập hay sinh sống. Do đó, thay vì đóng góp khả năng và tài chánh cho Hội thánh quê nhà, họ phục vụ Chúa tại Hội thánh nơi mình làm việc, học tập hay sinh sống. Vì vậy, những Hội thánh đã tiếp nhận những nguồn lực này cần có trách nhiệm chia sẻ những khó khăn với các Hội thánh ở nông thôn.

“*Nuôi mình bởi Tin lành.*” Tài chánh trong Hội thánh đầu tiên được sử dụng để lo cho các buổi nhóm của Hội thánh (thường kèm theo bữa ăn thông công và tiệc thánh), giúp đỡ những người nghèo khó, và đồng thời cũng cung ứng nhu cầu cho những người hầu việc Chúa – như sứ đồ Phao-lô đã lập luận để bênh vực chức vụ mình trong 1 Cô-rinh-tô 9:7-14.

Ngoài những vấn đề liên quan đến điều hành, và cung ứng cho các mục vụ khác của Hội thánh, phần lớn ngân quỹ của Hội thánh dành cho việc cung lương cho người hầu việc Chúa, là các mục sư, truyền đạo hay nhân sự của Hội thánh. Việc cung lương cho người hầu việc Chúa là vâng theo Lời Chúa và thực hiện trách nhiệm Chúa giao cho Hội thánh. Hội thánh cần ròi rộng trong việc cung lương để người chăn bầy được an tâm phục vụ, chứ không trả lương theo cảm tình thương ghét hày giàu nghèo.

---

<sup>9</sup> Mục sư Thomas Anderson đã có một phân tích rất thú vị về việc dâng hiến 1/10 và các của dâng khác trong quyển sách của mình, *Trở thành triệu phú theo cách của Chúa* (Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, 2007), 61-69.

<sup>10</sup> Gene A. Getz, *Thấu triết về Hội thánh* (n.p.: n.pub., n.d.), 105-106.

“*Tự túc hầu việc Chúa.*” Trong một giai đoạn nhất định, Hội thánh không thể cung ứng nhu cầu cho người hầu việc Chúa, thì Phao-lô cũng đã tự túc hầu việc Chúa trong một thời gian tại thành phố Cô-rinh-tô, với công việc may trại (Công vụ 18:3-4). Do đó, trong một vài hoàn cảnh đặc biệt mà Hội thánh không thể cung ứng nhu cầu cho người chăn bầy, thì sự hy sinh để tự túc hầu việc Chúa của người chăn bầy cũng rất cần thiết. Lịch sử Hội thánh Tin lành Việt Nam đã từng trải qua những giai đoạn khó khăn như vậy, nhất là thập niên 1980-1990; hoặc như tình trạng của nhiều Hội thánh Việt Nam ở hải ngoại hiện nay, người hầu việc Chúa vừa làm công việc chăn bầy, cũng phải làm thêm công việc xã hội để lo cho gia đình và giảm nhẹ gánh nặng tài chánh cho Hội thánh.

Tuy nhiên, đó chỉ là tình trạng nhất thời trong một giai đoạn nhất định nào đó. Hội thánh cần nỗ lực để tiến đến mục tự lập tài chánh để lo cho người hầu việc Chúa, và ngược lại, người hầu việc Chúa tận lực tận tâm dành trọn thời gian để lo cho bầy chiên thì Hội thánh sẽ được phước và phát triển hơn nữa.

### **Những đề nghị để xây dựng một Hội thánh tự lập về mặt tài chánh**

Để xây dựng một Hội thánh tự lập về mặt tài chánh, không chỉ cần giải pháp riêng lẻ cho vấn đề tài chánh, nhưng phải là một giải pháp tổng hợp liên quan đến vấn đề phát triển Hội thánh toàn diện: truyền giáo, Cơ Đốc giáo dục, tương trợ, huấn luyện nhân sự, tổ chức Hội thánh, v.v. vì Hội thánh mạnh cần phải mạnh cả về tổ chức, nhân lực, và tài lực. Sau đây là một số đề nghị cơ bản:

#### *Hướng dẫn tín hữu hầu việc Chúa bằng sự dâng hiến*

Trước hết là trách nhiệm giảng dạy và làm gương trong sự dâng hiến của lãnh đạo Hội thánh. Ban chấp hành của Hội thánh – bao gồm vị quản nhiệm phải đóng vai trò tiên phong trong sự dâng hiến, vì hội chúng sẽ “học” được nhiều khi thấy những người lãnh đạo thực hành những điều họ giảng dạy, hơn là những điều họ nói. Mỗi thành viên trong ban chấp hành nên dâng hiến ít nhất là 1/10 thu nhập của mình. Nhiều người cảm thấy khó khăn trong việc dâng hiến 1/10, vì nghĩ đó là số tiền quá lớn, nhưng theo quan điểm Thánh Kinh, đó là sự dâng hiến tối thiểu.

Sự giảng dạy và hướng dẫn tín hữu dâng hiến nên bắt đầu từ những bài học đầu tiên khi họ tiếp nhận Chúa trong lớp giáo lý báp-tem, để những tân tín hữu hoặc những thanh thiếu niên trong Hội thánh sẽ hiểu rõ và bắt đầu thực hành sự dâng hiến, từ những ngày đầu tiên bước đi theo Chúa.

Điều cần nhấn mạnh trong sự giảng dạy trong sự dâng hiến không phải chỉ là trách nhiệm của mỗi tín hữu, nhưng sự dâng hiến còn là ơn, niềm vui và phước hạnh của mỗi con cái Chúa khi được dự phần trong công việc lớn lao của Đức Chúa Trời trên đất. Một khi Hội chúng được hướng dẫn bởi Lời Chúa, đồng thời với tấm lòng tin cậy Chúa và tin cậy những người lãnh đạo, chắc chắn sự dâng hiến của Hội chúng sẽ gia tăng.

#### *Thiết lập mô hình quản lý tài chánh hiệu quả*

Hội thánh phải thực hiện mô hình quản lý tài chánh theo nguyên tắc tự nguyện, tập thể và công khai – nghĩa là dâng hiến tự nguyện, quản lý tập thể, và tường trình công khai.

Các khoản thu của Hội thánh đến từ nhiều nguồn dâng hiến khác nhau: trợ giúp từ giáo hội hoặc các cá nhân hay Hội thánh khác, của dâng 1/10, lạc hiến trong giờ thờ phượng và

những dâng hiến đặc biệt khác. Ngoài các khoản dâng cho ngân quỹ điều hành, tùy theo Hội thánh còn có thêm các ngân quỹ truyền giáo, tương trợ, Cơ Đốc giáo dục, xây dựng, tạo mãi, v.v... Để sử dụng tài chánh của Hội thánh một cách hiệu quả nhất, Hội thánh cần:

1. Thấu triệt nguyên tắc Thánh Kinh:
  - Mọi vật đều thuộc về Chúa (1 Sử ký 29:14, 16).
  - Ban cho có phúc hơn nhận lãnh (Công vụ 20:35);
2. Cân đối ngân sách phù hợp:
  - Dựa trên những khoản chi của năm trước, Ban Điều hành các ban ngành và Ban Chấp hành của Hội thánh cân đối dự chi cho năm mới;
  - Lấy dữ liệu thu từ năm trước so với số dự chi trong năm mới, từ đó có định hướng cho việc quản lý và gây quỹ cho Hội thánh trong năm mới.
3. Phân bổ ngân sách hợp lý:
  - Những khoản chi cố định: dâng hiến theo quy định cho ngân sách trung ương của giáo hội;
  - Những khoản chi thường xuyên: điện, nước, điện thoại, internet, văn phòng, điều hành, cung lương cho quản nhiệm và nhân sự;
  - Tích lũy dự phòng;
  - Hỗ trợ cho ngân quỹ của các ban ngành.
4. Quản lý tài chánh hiệu quả:
  - Thiết lập sổ tài chánh rõ ràng, chi tiết; có biên nhận cho các khoản thu; có phiếu xuất cho các khoản chi kèm chứng từ đầy đủ, theo nguyên tắc tài chánh - kế toán;
  - Thủ quỹ chịu trách nhiệm báo cáo tài chánh trước quản nhiệm và ban chấp hành hằng tháng; và chịu sự soát sổ của các soát sổ viên được Hội thánh cử hằng năm;
  - Thiết lập quy định chi xuất theo định mức tùy theo khả năng và nhu cầu thực tế;
  - Lưu giữ sổ sách, chứng từ đầy đủ.

#### *Hoạch định chương trình gây quỹ cho Hội thánh*

Một khi Hội thánh có một mô hình quản lý tài chánh ở mức tối thiểu, chúng ta sẽ biết mình cần có thể thu được bao nhiêu, cần phải chi bao nhiêu, và cuối cùng mình sẽ dư hay thiếu. Trong trường hợp ngân quỹ được dồi dào và có dư, hãy suy nghĩ đến việc tích lũy và dùng nó để đầu tư gây quỹ cho Hội thánh; ngược lại nếu thiếu hụt, Hội thánh càng cần phải suy nghĩ và hoạch định chương trình để đầu tư gây quỹ cho Hội thánh càng hơn.

Việc tự túc hầu việc Chúa của người chần bầy theo gương của sứ đồ Phao-lô, là một hình thức tự gây quỹ cho mục vụ của chính mình – đó cũng là cách mà nhiều giáo sĩ vẫn thường làm. Ở phương diện rộng hơn, Hội thánh cũng cần hoạch định cho mình một chương trình gây quỹ, dĩ nhiên phương pháp gây quỹ sẽ tùy thuộc và những điều kiện thực tế và những yếu tố chủ quan khác.

Một số quan niệm cho rằng, việc đầu tư sinh lời đối với Hội thánh là không phù hợp. Nhưng rõ ràng đó không phải là quan điểm của Thánh Kinh. Chúa Giê-xu đã kể một câu chuyện ngụ ngôn về những người đầy tớ và các nén bạc trong Lu-ca 19:11-27, mệnh lệnh ở đây là “hãy làm lợi ra,” và việc tối thiểu có thể làm để được lợi ra ấy là “giao cho người buôn bạc để khi trở về sẽ lấy cả vốn lẫn lãi.”

Trên thực tế, nhiều Hội thánh đã có những chương trình gây quỹ rất hữu hiệu:

- Một số Hội thánh trong khi chờ đợi xây dựng nhà thờ, đã đầu tư số tiền ban đầu vào vật liệu xây dựng khi giá còn thấp, hoặc gửi ngân hàng để sinh lời,...
- Một số Hội thánh ở nông thôn có điều kiện để đầu tư vào đất đai và cây trồng như: vườn cây ăn trái, rẫy cà phê, trồng cây kiểng, ruộng trồng lúa và hoa màu, v.v...
- Một số giáo hội thì đầu tư vào bất động sản hoặc các doanh nghiệp để kinh doanh và sinh lợi...

Nguồn lợi có được từ những chương trình gây quỹ sẽ giúp cho Hội thánh có thêm nguồn thu, và trang trải những chi phí cần thiết cho ngân sách của Hội thánh, và trong cái nhìn rộng hơn, đó còn là cách để Hội thánh có thể đóng góp cho xã hội trong phương diện kinh tế, việc làm, v.v...

#### *Hỗ trợ phát triển cho các Hội thánh chưa tự lập*

Sự phát triển Hội thánh không nên hạn chế trong phạm vi Hội thánh địa phương, nhưng cần mở rộng để có thể cùng nhau mở mang công việc Chúa. Việc đầu tư tài chánh để sinh lợi là cần thiết thì việc đầu tư tài chánh để mở mang phát triển Hội thánh càng quan trọng và cần thiết hơn. Phần lớn những Hội thánh tại các đô thị lớn đã tiếp nhận nguồn nhân lực và kéo theo đó là tài lực đến từ các Hội thánh vùng nông thôn, do đó họ phải có trách nhiệm để “tái đầu tư” cho “vùng nhân lực” tiềm năng mà mình đã và đang tiếp nhận, cũng như sẽ tiếp tục nhận được trong tương lai. Đó là cái nhìn lâu dài cho sự phát triển bền vững của Hội thánh.

Nhưng trên thực tế, tinh thần cục bộ vẫn tồn tại trên phần lớn các lãnh đạo Hội thánh địa phương, khi chỉ tập trung vào những vấn đề của Hội thánh mình, và thậm chí còn cố gắng tìm kiếm và lôi kéo thêm những nguồn lực bên ngoài hỗ trợ cho Hội thánh mình, mà chưa suy nghĩ đến sự đóng góp cho Hội thánh và công việc Chúa chung – khiến cho Hội thánh đã giàu càng giàu thêm, trong khi Hội thánh nghèo thì cứ tiếp tục nghèo.

Do đó, những Hội thánh lớn với nguồn lực tài chánh dồi dào nên có kế hoạch hỗ trợ các Hội thánh chưa tự lập. Công tác này cũng đã xuất hiện đơn lẻ ở một vài nơi, nhưng thiết nghĩ hiệu quả đạt được sẽ lớn hơn nếu chúng được thực hiện cách có hệ thống với một chiến lược rõ ràng, vì sự hỗ trợ từ các nguồn lực bên ngoài luôn tiềm ẩn những nguy cơ làm cho Hội thánh bị nghẹt ngòi và không thể “tự đứng trên chân mình,” khi họ cứ mãi trông chờ vào những sự trợ giúp như vậy.<sup>11</sup>

Craig Ott & Gene Wilson đã đề nghị một số nguyên tắc trong việc hỗ trợ tài chánh để gây dựng phát triển Hội thánh, bằng cách đề nghị những ngân quỹ như sau:<sup>12</sup>

1. *Ngân quỹ để bắt đầu* nhằm mục đích bắt đầu một nỗ lực mới ở nơi mà các nguồn lực địa phương rất hạn hẹp, như cách khởi động một dự án mới Hội thánh mới. Ngân quỹ để bắt đầu như vậy thường bị giới hạn về số lượng và thời hạn, vì nó chỉ giúp cho việc khởi động chứ không phải duy trì dự án.
2. *Ngân quỹ để duy trì* nhằm khuyến khích và mở rộng khả năng dâng hiến của các tín hữu tại Hội thánh địa phương, tuy nhiên cách tốt nhất khi sử dụng ngân quỹ này là hỗ trợ cho những nhu cầu tạm thời như xây dựng cơ sở hoặc mua sắm thiết bị, chứ không để trả lương cho mục sư.

---

<sup>11</sup> Craig Ott & Gene Wilson, 551.

<sup>12</sup> Ibid., 555-561.



3. *Ngân quỹ tạo đôn bầy* nhằm mục đích thúc đẩy một lãnh vực mục vụ trong Hội thánh địa phương, để qua đó sẽ thúc đẩy những mục vụ khác của Hội thánh cùng phát triển. Cách sử dụng hiệu quả nhất là hỗ trợ cho việc đào tạo và huấn luyện nhân sự.
4. *Ngân quỹ liên kết* nhằm mục đích giới thiệu và tạo cầu nối cho các Hội thánh có sự liên kết với các Hội thánh và tổ chức Cơ Đốc khác, qua đó họ sẽ tiếp nhận thêm các nguồn lực khác để hỗ trợ phát triển như sự huấn luyện, truyền giáo, hay các mục vụ xã hội.
5. *Ngân quỹ tương trợ* nhằm mục đích hỗ trợ cho các mục vụ xã hội từ thiện thông qua Hội thánh để bày tỏ tình yêu thương của Chúa cho cộng đồng gắn với trách nhiệm xã hội của Hội thánh.
6. *Ngân quỹ cho mượn* nhằm mục đích hỗ trợ tài chánh cho những dự án của Hội thánh như xây dựng hoặc tạo mãi cơ sở... vấn đề quan trọng là khả năng hoàn trả ngân quỹ trong tương lai.
7. *Ngân quỹ gia hạn* nhằm mục đích gia hạn các khoản trợ cấp đã đến hạn nhưng Hội thánh địa phương vẫn chưa đủ tiềm lực để tự lập hay đủ chưa thời gian để hoàn thành các dự án và hoàn trả ngân quỹ (nếu có). Tuy nhiên đây là ngân quỹ không được khuyến khích để sử dụng.

Nói chung, việc tìm kiếm và duy trì thường xuyên những nguồn lực từ bên ngoài để gây dựng một Hội thánh tự lập là việc làm không được khuyến khích, vì nó sẽ đem đến nhiều nguy cơ hơn là cơ hội. Hội thánh cần những nguồn lực như vậy để thúc đẩy nỗ lực dâng hiến của tín hữu trong một giai đoạn nhất định, sau đó cần có kế hoạch cắt giảm dần những nguồn lực đó, để Hội thánh có thể tự đứng trên chân mình.

Tóm lại, để xây dựng một Hội thánh tự lực tự cường về mặt tài chánh, không chỉ dừng lại ở vấn đề tiền bạc, nhưng cần một giải pháp mang tính tổng thể trong sự phát triển của Hội thánh, bao gồm việc truyền giáo để Hội thánh gia tăng về số lượng, chăm sóc để tín hữu được trưởng thành và biết dâng hiến hầu việc Chúa, hoàn thiện tổ chức để có thể nhìn thấy những nhu cầu và tiềm năng của Hội thánh, thiết lập một kế hoạch tài chánh hợp lý cũng như hoạch định một chương trình đầu tư và tái đầu tư để Hội thánh sẽ phát triển cách bền vững.

Ở phương diện giáo hội, càng có nhiều Hội thánh địa phương tự lực tự cường về mặt tài chánh, giáo hội sẽ vững vàng hơn trong việc điều hành, quản trị và hơn thế nữa, giáo hội sẽ có thêm nguồn lực để mở mang phát triển nhiều Hội thánh mới, cũng như mở rộng các mục vụ của mình để hỗ trợ cho các Hội thánh có thể phát triển thêm và mở ra cơ hội để dự phần vào những vấn đề xã hội.

Ở phương diện cá nhân hay gia đình tín hữu, là những người trực tiếp góp phần cho nền tài chánh của Hội thánh địa phương để giúp cho Hội thánh được tự lập, họ sẽ có được ích lợi gì? Trước hết là họ có cơ hội để hầu việc Chúa, qua đó họ sẽ kinh nghiệm sự ban cho của Chúa, nếm trải những phước hạnh cả thuộc linh và thuộc thể do Chúa đem đến y như những lời hứa của Ngài. Trong một phương diện, việc biết cách tổ chức và phân chia những khoản thu nhập để có thể dành 1/10 hoặc hơn nữa để dâng hiến cho Chúa, cũng sẽ giúp cho họ biết cách quản trị phần tài chánh của mình và làm lợi ra hơn nữa.<sup>13</sup>

---

<sup>13</sup> Mục sư Thomas Anderson đã phân tích về việc quản lý tài chánh để được sinh lợi: Thu nhập của một người nông dân Do Thái được tính dựa trên việc thu hoạch lúa mì, số lượng lúa mì thu hoạch được chia làm nhiều phần khác nhau, trước hết là lễ vật phần mười để “dem vào kho,” kế đến là lễ vật dâng hiến để “trồng trên

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### 1. Sách

- Alcorn, Randy. *Nguyên tắc của cải*. n.p.: n.pub., n.d.
- Anderson, Thomas. *Trở thành triệu phú theo cách của Chúa*. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, 2007.
- Getz, Gene A. *Thấu triết về Hội thánh*. n.p.: n.pub., n.d.
- Lê, Hoàng Phu. *Lịch sử Hội thánh Tin lành Việt Nam (1911-1965)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn giáo, 2010.
- Ott, Craig & Gene Wilson. *Mở mang Hội thánh toàn cầu*. Hà Nội: Nhà xuất bản Phương Đông, 2012.
- Stebbins, I.R. *41 năm hầu việc Chúa với Hội thánh Tin lành Việt Nam*. Ohio: Spiritual Light Magazine, n.d.

### 2. Tài liệu công

- Contitution of the International Missionary Alliance (1889)*.
- Hội thánh Tin lành Việt Nam. *Quyết nghị Hội đồng Tổng liên hội (1924-1963)*. Sài Gòn: Văn phòng Tổng liên hội, 1964.
- Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, 'Giảm khoảng cách chênh lệch thu nhập,' (5/2012).

---

Nước Trời,” và sau khi phân chia các phần còn lại để lo cho cuộc sống thì người nông dân bắt buộc phải chừa lại một phần để làm hạt giống “trồng trên đất đai.” Và cứ theo cách đó thì họ sẽ chẳng bao giờ nghèo thiếu. Vấn đề của chúng ta ngày nay chi tiêu theo sở thích chưa không phải theo nhu cầu, chúng ta thiếu một kế hoạch tài chánh cho cá nhân và gia đình, chúng ta chi tiêu nhiều đến mức gần như không thể thu về lễ vật phần mười trong kho của Chúa, và cũng chẳng còn hạt giống nào để có thể dùng cho mùa vụ kế tiếp. Thomas Anderson, 62-63.

# NÂNG CAO KỸ NĂNG SỐNG CHO TÍN HỮU TRONG HỘI THÁNH

Nguyễn Thị Thanh Tâm

## DẪN NHẬP

Kỹ năng sống (KNS) là một chương trình giáo dục được các nước quan tâm cách đặc biệt trong thế kỷ 21 này.

Tổ chức Y tế thế giới (WHO) định nghĩa “*KNS là những năng lực giao tiếp đáp ứng và những hành vi tích cực của cá nhân có thể giải quyết có hiệu quả những yêu cầu và thách thức của cuộc sống hàng ngày.*”<sup>[1]</sup>

"Năm 1996 Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hiệp quốc (UNESCO) do ông Jaccque Delor làm Chủ tịch đưa ra một báo cáo khẳng định vai trò quan trọng của giáo dục đối với sự phát triển tương lai của cá nhân, dân tộc và nhân loại. Báo cáo này nhấn mạnh giáo dục là “kho báu tiềm ẩn” và đã đưa ra một tầm nhìn về giáo dục cho Thế kỷ XXI dựa trên bốn trụ cột: *Học để biết; Học để làm; Học để tự khẳng định mình; Học để cùng chung sống.* Trong đó Học để cùng chung sống được coi là một trụ cột quan trọng, then chốt của giáo dục hiện đại, giúp con người có được thái độ sống hòa bình, khoan dung, hiểu biết và tôn trọng lịch sử, truyền thống và những giá trị văn hóa và tinh thần của nhau”<sup>[2]</sup>.

Theo Quỹ cứu trợ nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF), “*KNS là những kỹ năng tâm lý xã hội có liên quan đến tri thức, những giá trị và thái độ, cuối cùng thể hiện ra bằng những hành vi làm cho các cá nhân có thể thích nghi và giải quyết có hiệu quả các yêu cầu và thách thức của cuộc sống.*”

Từ đó, tạo ra nguồn động lực cho giáo dục quan tâm và thực hiện việc dạy KNS cho các đối tượng trong xã hội các nước nói chung và Việt Nam chúng ta nói riêng. Theo Vụ trưởng Vụ Công tác Học sinh Sinh viên (Bộ Giáo Dục và Đào tạo) ông Phùng Khắc Bình, trong tương lai và về lâu dài cần xây dựng chương trình môn học giáo dục kỹ năng sống cho học sinh lớp 1 đến lớp 12<sup>[3]</sup>.

Đặc biệt, tại các thành phố lớn ở Việt nam, việc dạy KNS trong những năm gần đây đã trở thành nhu cầu thiết yếu và ngày càng nhiều trung tâm, nhiều trường tổ chức dạy KNS đã thu hút số lượng học viên tham dự đáng kể. Tín hiệu đáng mừng là qua những lớp đào tạo KNS, người ta nhận ra cuộc sống có giá trị hơn, mối quan hệ giữa người với người trở nên quan trọng hơn, bản thân đối tượng thì được vui mừng hơn... Để rồi, qua những lớp học này, họ có những hành xử tốt đẹp và những mối quan hệ được cải thiện hơn.

Vậy vấn đề đặt ra là Cơ-đốc Nhân có cần phải học KNS hay không? Có một số ý kiến:

- Cơ-đốc Nhân đã có Kinh Thánh, đã có trường Chúa Nhật, đã có các lớp học Kinh Thánh, các giờ sinh hoạt ban ngành và những điều Mục sư giảng vào ngày Chúa nhật là đủ để có đời sống phước hạnh, thành công rồi, cần gì phải học KNS?

---

<sup>1</sup> [http://vi.wikipedia.org/wiki/định nghĩa](http://vi.wikipedia.org/wiki/định_nghĩa).

<sup>2</sup> [http://www.hcm.edu.vn/kynangsong/ý nghĩa học để cùng chung sống](http://www.hcm.edu.vn/kynangsong/ý_nghĩa_học_để_cùng_chung_sống).

<sup>3</sup> [http://vi.wikipedia.org/wiki/hiện tình giáo dục](http://vi.wikipedia.org/wiki/hiện_tình_giáo_dục).

- KNS là những điều bên ngoài xã hội họ học để theo đuổi thành công ở đời này, Cơ-độc Nhân chỉ cần làm theo Lời Chúa chứ cần gì phải theo đuổi những quan điểm sống của người đời?

- KNS của xã hội là của người đời, trong khi tôi là Cơ-độc Nhân, tôi đã có Kinh Thánh là vô ngộ, là Lời Đức Chúa Trời thì tôi cần gì phải học ai? phải làm sao để người ta cần phải học Kinh Thánh của mình, sao lại đi học giống người ta để làm gì?

Để làm sáng tỏ vấn đề đã đặt ra và trả lời thỏa đáng cho các câu hỏi vừa nêu, chúng ta cùng tìm hiểu về KNS với những ứng dụng trên nền tảng Kinh Thánh cho Cơ-độc Nhân.

## **NỘI DUNG**

### **I. Nâng Cao KNS Có Liên Quan Gì Đến Đời Sống Của Cơ-độc Nhân?**

#### **1. Nâng Cao Kỹ Năng Sống Là Gì?**

Như chúng ta đã biết KNS giúp con người có được thái độ sống hoà bình, khoan dung, hiểu biết và tôn trọng nhau; đem đến mối quan hệ tốt đẹp, làm cho cuộc sống vui thỏa hơn, hạnh phúc hơn. Điều này không có gì mới lạ vì từ xưa ông cha ta đã truyền tư tưởng giáo dục rằng: "Tiên học lễ, hậu học văn", là muốn dạy người ta chữ lễ để cư xử tôn trọng trong mối quan hệ giữa người với người.

Như vậy, có thể nói rằng mỗi người đều đã có sẵn KNS rồi, đặc biệt là các Cơ-độc Nhân thì có sự hiểu biết rất nhiều về cách sống như thế nào cho tốt hơn, bởi Cơ-độc Nhân được mời gọi để sống yêu thương trong mối quan hệ mật thiết với Chúa và tha nhân. Bên cạnh đó, Kinh Thánh còn dạy cách đầy đủ, trọn vẹn cho mọi vấn đề. Tuy nhiên, cần dùng nền tảng của Kinh Thánh dạy mà hướng dẫn phương pháp thực hành thật cụ thể để họ có được sự nhạy bén hơn, thành thói quen tốt, trở thành kỹ năng, đem đến đời sống cá nhân thành công và làm cho cộng đồng thay đổi cách tích cực. Điều này người viết gọi là "Nâng Cao KNS"; "Nâng Cao Kỹ Năng Sống Cho Các Tín Hữu Cơ Đốc Trong Hội Thánh" là một trong những yếu tố không thể thiếu được đối với một Hội Thánh muốn phát triển toàn diện trong bối cảnh hiện nay.

#### **2. KNS Có Liên Quan Gì Đến Đời Sống Cơ-độc Nhân Và Kinh Thánh?**

KNS đưa ra phương pháp và cách áp dụng để con người sống trong mối quan hệ hữu cơ, quan tâm mật thiết và hành xử tốt đẹp với nhau.

"Nâng Cao Kỹ Năng Sống Cho Các Tín Hữu Cơ Đốc Trong Hội Thánh" là kết hợp phương pháp áp dụng của KNS với Lời Chúa để dùng những lời Chúa dạy từ Kinh Thánh làm nền tảng triển khai, minh chứng cho phương pháp áp dụng của KNS đề ra.

Ví dụ 1: Mọi người ai cũng muốn để dành tiền nhưng thu nhập quá ít ỏi, không đủ chi phí, không có dư thì làm sao để dành, dầu họ biết rằng Kinh Thánh có dạy: "con kiến dầu là loài yếu hèn, lo sắm sửa vật thực mình trong mùa hạ" (Châm 30:25). Vậy thì kỹ năng quản lý tài chánh sẽ chỉ ra cho họ phương pháp quản lý tài chánh và nguyên tắc để dành được tiền dư, dù cho thu nhập của họ có ít như thế nào! Và việc làm này rất phù hợp với sự hướng dẫn của Kinh Thánh.

Ví dụ 2: Hội Thánh luôn nêu cao nhu cầu "cầu nguyện cho Hội Thánh được hiệp nhất". Mọi người ai cũng biết chia rẽ là nan đề lớn trong Hội Thánh và có nguy cơ làm tan rã Hội

Thánh. Vậy thì kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng chấp nhận người khác sẽ cung ứng một phương pháp, một lối mở để mọi người ý thức được và tự chấm dứt sự đổ kỵ, chia rẽ; đồng thời tích cực góp phần làm việc nhóm để xây dựng Hội Thánh.

Khi nâng cao kỹ năng sống cho Cơ-đốc Nhân trên nền tảng Kinh Thánh, đồng nghĩa với việc điền khuyết cách hợp lý vào những chỗ mà các bài giảng trong nhà thờ còn bỏ ngõ.

Ví dụ: Bài giảng nêu ra lời Chúa dạy các con cái của Ngài rằng "Phải siêng năng, chớ làm biếng, phải có lòng sốt sắng, phải hầu việc Chúa". Nhưng bài giảng không đủ thời lượng để đưa ra phương pháp cho con người siêng năng. Phương pháp chỉ ra làm thế nào để siêng năng, với những bài tính cụ thể, hợp lý cho học viên áp dụng rằng mỗi ngày họ dành bao nhiêu phần trăm thời gian cho vấn đề chăm sóc cá nhân; bao nhiêu phần trăm cho công việc có thu nhập; bao nhiêu phần trăm cho việc xây dựng mối quan hệ bên ngoài, và bao nhiêu phần trăm cho mối quan hệ gia đình thì hợp lý...

Như vậy, KNS cung ứng các phương pháp ứng dụng, bổ sung cách chắc chắn những thực nghiệm từ cuộc sống cho các bài giảng thuần Kinh Thánh ở nhà thờ; KNS đưa ra phương pháp và nguyên tắc thực hành giúp cho Cơ-đốc Nhân ứng dụng vào đời sống để thành công qua việc giúp con người có được thái độ sống hòa bình, khoan dung, hiểu biết và tôn trọng nhau. Đây cũng là một trong những mục tiêu mà Hội thánh mong muốn Cơ-đốc Nhân đạt được.

Vì vậy, chúng ta dùng Kinh Thánh làm nền tảng, trên đó chúng ta xây dựng KNS bằng những phương pháp chuyên môn là một kết hợp hoàn chỉnh và ưu việt. Chính sự kết hợp này làm tiền đề mở rộng Hội Thánh qua việc nâng cao KNS cho các Cơ-đốc Nhân có kèm theo mở rộng cho các đối tượng bên ngoài Hội Thánh tham gia.

### 3. KNS là một trong những mục vụ thuộc Cơ Đốc Giáo Dục của Hội Thánh.

Từ các định nghĩa về KNS của các tổ chức như đã nêu trong phần dẫn nhập, cùng với ý kiến của Randolph Crump Miller, một nhà Cơ Đốc Giáo Dục lỗi lạc của Hoa Kỳ, đã nói: "Mục đích của Cơ Đốc Giáo Dục là phải lấy Đức Chúa Trời làm trung tâm điểm và mang học viên đến một mối quan hệ đúng đắn với Ngài và *với những người chung quanh* dựa trên những chân lý của Cơ Đốc Giáo trong *mọi khía cạnh của đời sống*." Chúng ta thấy rằng nâng cao KNS cho Cơ-đốc Nhân trên nền tảng Kinh Thánh chính là một trong những mục vụ thuộc Cơ Đốc Giáo Dục của Hội Thánh.

Bên cạnh đó, Lewis Sherill đã đưa ra một định nghĩa: "Cơ Đốc Giáo Dục là một nỗ lực của những thành viên của cộng đồng Cơ Đốc để tham dự và hướng dẫn sự biến đổi của con người theo một mối quan hệ (đúng đắn) với Đức Chúa Trời, với người lân cận, với cõi tự nhiên, và với chính mình." Còn Westerhoff thì gọi Cơ Đốc Giáo Dục là quá trình "Cơ Đốc Xã Hội Hóa" (Christian socialization) với ý nghĩa là Cơ-đốc Nhân chẳng những được dạy "Đạo" mà còn phải được dạy "Sống Đạo" trong thế giới nữa. Nâng cao KNS cho Cơ-đốc Nhân trên nền tảng Kinh Thánh chính là dạy "Cơ-đốc Nhân Sống Đạo" trong thế giới này. Đây là một tiến trình chạm đến mọi mặt của cuộc sống một "tín hữu".

Cũng theo Westerhoff cho biết "Khi chúng ta giới hạn vai trò của Cơ Đốc Giáo Dục vào các "lớp học giáo lý" là đã vô tình tạo ra một khoảng cách lớn giữa những điều chúng ta tin (về mặt tâm linh) và những điều chúng ta thật sự sống mỗi ngày. Khi đức tin của các tín hữu được trưởng dưỡng trong một môi trường hạn hẹp như vậy, họ sẽ rất lúng túng khi cố gắng dùng niềm tin để đương đầu với những khó khăn trong đời sống thực tế".

Vì vậy, để tín hữu thực sự được vững vàng trước mọi tình huống trong thực tế, dám đổi mặt và thành công trong các mối quan hệ với người lân cận thì Hội thánh cần trang bị KNS cho họ, và KNS chính là một trong những mục vụ của Giáo dục cơ đốc không thể thiếu trong một Hội Thánh muốn phát triển toàn diện trong bối cảnh hiện nay.

#### 4. Có Thể Phát Triển Hội Thánh Qua Việc Nâng Cao KNS Cho Cơ-đốc Nhân Hay Không?

Để mời một thân hữu đến dự buổi truyền giảng e là không dễ trong bối cảnh hiện nay, nhưng để tuyên truyền một chương trình dạy KNS theo chuyên đề nào đó lại là điều thu hút đối với những người bên ngoài Hội Thánh. Bởi họ biết tầm quan trọng của KNS và giá trị mà KNS đem lại. Một học viên của tôi kể lại, hôm thứ 4 em xin phép lãnh đạo cơ quan cho em nghỉ làm sáng thứ 7 tuần này (ở cơ quan em được nghỉ việc buổi chiều thứ 7, buổi sáng vẫn làm bình thường) để đi học chương trình "Kỹ năng quản lý tài chánh" do tôi dạy tại một Hội Thánh ở quận Bình Tân, TP.HCM; thế là Trưởng phòng (TP) của em hỏi em học ở đâu? em trả lời học ở nhà thờ. Sếp em ngạc nhiên, Ô! Tốt vậy, nhà thờ cũng có dạy KNS à? dạ có. Học phí bao nhiêu? Dạ 100.000/ngày/học viên. Vậy nhờ em đăng ký cho phòng mình đi học luôn được không? Em tin đồ ấy vui quá và vậy là thứ 7 hôm ấy em đã dẫn đến nhà thờ 4 người bạn làm chung cơ quan với em để học chuyên đề "Quản lý tài chánh" tại nhà thờ. Qua một ngày học hôm ấy họ được biết đến nhiều câu Kinh Thánh dạy về tài chánh, họ đã rất thích thú với những ví dụ trong Kinh Thánh và đã có thiện cảm rất nhiều với Cơ Đốc Giáo.

Để chương trình dạy KNS trong Hội thánh thu hút được đối tượng bên ngoài tham gia là điều không khó, bởi vì chi phí để một học viên tham dự một chuyên đề bên ngoài luôn luôn cao hơn gấp nhiều lần. Cách đây 2 năm, vào ngày 29/09/2010, diễn giả Jack Canfield đã diễn thuyết tại khách sạn Equatorial (TP.HCM) với chủ đề: "Thành công đột phá trong công việc và cuộc sống" với mức phí 10.200.000 đ/người (còn khách quốc tế 600 USD/người). Những buổi học thấp nhất hiện nay với học phí từ 300.000 đến 1.000.000 đ/học viên đối với diễn giả người Việt Nam.

Hơn thế nữa, KNS trong Hội Thánh Cơ Đốc sẽ là nơi có những minh họa sống động, thích hợp như những câu chuyện về Người Sa-ma-ri nhân lành, câu chuyện về những người làm vườn nho...thật sự là những câu chuyện phản ánh được phương pháp và nguyên tắc của KNS đem lại mà không có một bài giảng dạy hay giáo trình nào của KNS "bên ngoài"<sup>4</sup> có thể so sánh kịp.

## II. Nâng Cao Kỹ Năng Sống Cho Cơ-đốc Nhân Đem Lại Những Ích Lợi Gì?

1. Điều chỉnh những hành vi, lời nói, thái độ cho Cơ-đốc Nhân đạt mức tốt nhất có thể được.

Quan sát trong giờ thờ phượng Chúa nhật hàng tuần, chúng ta sẽ thấy nhiều Cơ-đốc Nhân đi vào nhà thờ với thái độ trang nghiêm, im lặng tuyệt đối. Điều này thật tốt vì nhà thờ chính là nơi tôn nghiêm, nơi có sự hiện diện thánh của Chúa thì chúng ta phải trang nghiêm. Tuy nhiên, khi người dẫn chương trình lên tiếng: "Xin kính mời quý vị xoay qua bên trái, bên phải để bắt tay và chào thăm những anh chị em trong Chúa". Lúc đó, không khí náo nhiệt hẳn lên đến nỗi nhiều người sợ không kịp giờ hay là không biết mà đã dùng tay trái của mình để bắt tay; và nhiều người còn dùng cả hai tay để bắt với hai người cùng một lúc, tệ hại hơn là

---

<sup>4</sup> "bên ngoài" nghĩa là ngoài xã hội.

họ nhìn mặt cười với người bên trái nhưng lại mở miệng chào và gọi tên người bên phải.

Cũng quan sát trong giờ thờ phượng Chúa nhật hàng tuần, chúng ta sẽ thấy hầu hết những người đi trước sẽ vào ghế và ngồi ở bên ngoài của dãy ghế, là nơi gần lối ra vào. Đa số các nhà thờ có một lối vào chính giữa rẽ ra hai bên. Vì vậy người vào sau sẽ băng qua trước mặt người ngồi trước đó để đi vào bên trong, cứ như thế phía trong cùng sẽ dành cho người đi đến sau cùng và họ phải băng qua dãy người gồm 7 hoặc 8 người để vào được chỗ ngồi dành cho người đến sau?

Để tình yêu thương không chỉ là khẩu hiệu sáo rỗng hoặc bị xem như là khẩu hiệu sáo rỗng thì cần lắm phải có những nguyên tắc chính chu, đáp ứng sự quan tâm và lịch sự tối thiểu, phù hợp với yêu cầu tốt đẹp chung trong xã hội. Như thế, chúng ta hy vọng chinh phục được tầng lớp trí thức đương đại vào nhà thờ và trở thành anh, em với chúng ta trong cùng một Cha. "Khi nâng cao kỹ năng sống cho Cơ-đốc Nhân trên nền tảng Kinh Thánh" là giúp họ tự tin hơn để giao tiếp và giao tiếp đúng; nâng tầm Cơ-đốc Nhân lên kịp với sự tiến bộ của xã hội.

Thân hữu đến với buổi truyền giảng nhờ vào cách mời, thái độ mời và ấn tượng về lời mời của người quen họ. Khi vào ngồi trong nhà thờ họ được thiện cảm bởi cách nhìn, cách nói chào, cách thể hiện của các Cơ-đốc Nhân khác đang ngồi xung quanh họ và họ sẽ quyết định ngồi tham dự tiếp tục cho đến cuối hay ra về giữa chừng; tiến dần đến là nội dung chương trình, sự xúc động của sứ điệp... Nếu chúng ta tập trung vào buổi truyền giảng là chăm lo cho chương trình, các tiết mục, sứ điệp không thôi mà bỏ qua hành vi, thái độ, cách ứng xử chung trong cộng đồng cơ đốc thì xem như chúng ta đã đánh mất sự cân bằng vậy.

Việc chú trọng vào sản phẩm là một việc làm đúng và rất cần thiết nhưng nếu bỏ qua giai đoạn tiếp khách, làm hài lòng khách và cung cách phục vụ khách thì sản phẩm đó có nguy cơ chỉ nằm trong tủ trưng bày buồn thảm, vì khách không hài lòng nên không ghé vào để biết sản phẩm tốt.

Người ta thường nói: "Con nhà quan, tướng phải sang", nhưng chúng ta là con của Vua Trời? Vì vậy việc điều chỉnh những hành vi, lời nói và thái độ để nhìn vào chúng ta, thiên hạ sẽ nhận biết đó là Cơ-đốc Nhân theo ý nghĩa tích cực nhất. Đã đến lúc chúng ta cần xây dựng một văn hóa "Cơ Đốc" phù hợp với văn minh, lịch sự của xã hội. Ấy chính là lý do trọng yếu phải nâng cao KNS trong cộng đồng Cơ Đốc nếu muốn Hội Thánh thật sự phát triển cách toàn diện.

2. KNS là chất xúc tác cần thêm vào giúp Cơ-đốc Nhân thể hiện đời sống theo lời Chúa cách sống động và rõ ràng nhất.

Khi một tín hữu lỡ vào nhà thờ trễ, họ không bị những cái nhìn khó chịu từ xung quanh; khi một ai đó trong lối xóm có việc cần nhờ, họ không cần phải quá lo lắng vì không có ai giúp đỡ; khi con cái lỡ phạm sai lầm, chúng không đến nỗi tuyệt vọng vì bố mẹ không biết cảm thông. Nhưng trong mỗi tình huống là một phương cách cụ thể mà KNS đem đến cho học viên cách ứng xử đầy tình người, lịch sự và mang đến sự dễ chịu cho đời sống chính mình với người xung quanh, đó chính là "Học để sống chung", đó chính là Tình yêu thương mà I Cor 13:1-3 đề cập "Dầu tôi nói được các thứ tiếng loài người và thiên sứ, nếu không có tình yêu thương, thì tôi chỉ như đồng kêu lên hay là chập chỏa vang tiếng. Dầu tôi được ơn nói tiên tri, cùng biết đủ các sự mầu nhiệm và mọi sự hay biết; dầu tôi có cả đức tin đến nỗi dời núi được, nhưng không có tình yêu thương, thì tôi chẳng ra gì. Dầu tôi phân phát gia tài

để nuôi kẻ nghèo khó, lại bỏ thân mình để chịu đốt, song không có tình yêu thương, thì điều đó chẳng ích chi cho tôi".

3. Những lợi ích do KNS đem lại cho cá nhân học viên:

- Giúp họ biết quý trọng bản thân cách đúng mức và hợp lý, biết điều chỉnh bản thân, kiểm chế cảm xúc, tránh được tổn thương... khi họ học "Nhóm kỹ năng đối phó với cảm xúc và làm chủ bản thân" (xin xem phụ lục đính kèm).

- Giúp họ giao tiếp tốt; biết cách thương lượng, đàm phán hay từ chối; có tinh thần nâng đỡ, khích lệ và nhìn nhận giá trị của người khác khi họ học "Nhóm kỹ năng xã hội" (xin xem phụ lục đính kèm).

- Làm nhạy bén tư duy sáng tạo; suy nghĩ phán đoán; thu thập và xử lý thông tin, ra quyết định đúng đắn khi họ được học "Nhóm kỹ năng nhận thức" (Xin xem phụ lục đính kèm).

4. Những lợi ích do KNS đem lại cho tổ chức.

Những cá nhân mạnh góp phần làm cho tổ chức mạnh, những cá nhân ưu tú làm nên tổ chức ưu tú, những cá nhân được đào tạo KNS làm cho tổ chức ổn định. Trong đó mọi người cư xử với nhau trên những nguyên tắc chung trong tinh thần hòa bình, hợp tác, gắn kết và nhìn nhận lẫn nhau. Đặc biệt những nguyên tắc đó được xây dựng kèm theo các phương pháp để thực hành, khiến những người đã được học họ biết mình cần làm gì? theo chuẩn mực nào?. Họ góp phần làm cho công ty, tổ chức của họ vững mạnh hơn thay vì phải chuyển đổi qua Cty khác hoặc tổ chức khác khi họ không được hài lòng. Như thế, với Cty, với tổ chức trang bị KNS cho nhân sự của họ thật sự là một yêu cầu chính đáng vì KNS thúc đẩy phát triển cá nhân cho nhân sự của tổ chức và làm vững mạnh, ổn định đội ngũ nhân viên, tránh được tình trạng "chảy máu chất xám", làm cho tổ chức phát triển và nâng cao lợi nhuận. Các tổ chức sử dụng chuyên viên giảng dạy KNS cho biết việc đầu tư chi phí giáo dục KNS trong nội bộ Công ty đem lại cho họ lợi nhuận nhiều hơn.

5. Những lợi ích do KNS đem lại cho Hội Thánh.

Quá trình huấn luyện KNS, những chuyên đề cần thiết và phù hợp sẽ đem đến những ích lợi cho Hội Thánh như sau:

a. Chọn Lựa Được Nhiều Người Đứng Vào Hàng Ngũ Những Người Phục Vụ Chúa: "Vậy anh em hãy chọn trong bọn mình bảy người có danh tốt, đầy đầy Đức Thánh Linh và trí khôn, rồi chúng ta sẽ giao việc này cho" (Công vụ 6:3). Tiêu chí lựa chọn những người phục vụ là: Có danh tốt; đầy đầy Đức Thánh Linh, trí khôn. Việc nâng cao KNS cho tín hữu là giúp họ sống uy tín hơn, tôn trọng cam kết hơn, đem đến cho người khác thiện cảm nhiều hơn... những điều này làm cho họ có thêm danh tốt, có thêm sự khôn ngoan cùng với các yếu tố thuộc linh của họ sẽ giúp Hội Thánh chọn thêm được nhiều người đứng vào hàng ngũ phục vụ Chúa cách trung tín.

b. Làm cho Hội Thánh Vững Mạnh Hơn: Những Cơ-đốc Nhân có danh tốt, đầy đầy Đức Thánh Linh, có sự khôn ngoan càng nhiều thì càng làm cho Hội Thánh vững mạnh, ổn định hơn.

Góp phần cho Cơ đốc giáo dục trong Hội Thánh phát triển, thu hút người ngoài đến với Hội Thánh.

c. Giúp Hội Thánh Hạn Chế Những Nan Đề: Nếu các tín hữu được nâng cao KNS qua



chuyên đề tương hợp như sự hợp tác, sự chấp nhận... thì họ có phương cách áp dụng việc hiệp một và họ hiệp một, hoặc chấp nhận sự khác biệt ở người khác để tránh được sự chia rẽ, họ có phương pháp để tránh được những thói quen không tốt mà Phao-lô đề cập "thờ hình tượng, phù phép, thù oán, tranh đấu, ghen ghét, buồn giận, cãi lẫy, bắt bớ, bè đảng, ganh gố, say sưa, mê ăn uống cùng các sự khác giống như vậy" (Ga-la-ti 5:20-21a).

d. Hỗ Trợ Sự Huấn Đạo Cho Hội Thánh: Lời Chúa, sứ điệp của Mục sư trong các buổi thờ phượng và đời sống theo lời Chúa mỗi ngày giúp các con cái Chúa tăng trưởng thuộc linh, bước đi trong ánh sáng của chân lý. Còn nâng cao KNS cung ứng phương pháp và cách áp dụng cụ thể để con cái Chúa thực hành sống đạo mỗi ngày. Giúp họ yêu mến Lời Chúa hơn, thấm thấu được Lời Chúa nhiều hơn.

Chẳng hạn đối với Cô-lô-sê 3:12 "Vậy anh em là kẻ chọn lựa của Đức Chúa Trời, là người thánh và rất yêu dấu của Ngài, hãy có lòng thương xót. Hãy mặc lấy sự nhân từ, khiêm nhượng, mềm mại, nhịn nhục", thì chắc chắn các Mục sư sẽ giải thích để các tín hữu biết nhân từ, khiêm nhượng, mềm mại, nhịn nhục là như thế nào và họ sẽ làm theo. Tuy nhiên để đạt được hiệu quả cao nhất thì cần phải có chương trình nâng cao KNS để giúp họ thực hành bài học nhân từ ngay tại lớp và cung ứng cho họ gương nhân từ hiện nay trên thế giới là ai? Và nhân từ trong những lãnh vực nào?... Và khi vâng theo Lời Chúa để "nhân từ, khiêm nhượng, mềm mại, nhịn nhục" thì họ sẽ được những thực tế nào ngay trên đời sống ở trần gian này cách hợp lý và khoa học.

6. Phát Triển Hội Thánh Theo Đường Lối Phù Hợp Với Xu Thế Ngày Càng Phát Triển Của Xã Hội.

Lu-ca 2:52 "Chúa Giê-xu càng thêm khôn ngoan, thân hình càng lớn, càng đẹp lòng Đức Chúa Trời và người ta" cho chúng ta bài học cân bằng về 4 yếu tố cần phải có trong mỗi người cơ đốc, đó là "Trí thức, thể lực, tâm linh và xã hội". Nâng cao KNS cho các Cơ-đốc Nhân trong Hội Thánh là quan tâm đến cả 4 yếu tố này cho các Cơ-đốc Nhân. Chúa Giê-xu càng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và Ngài cũng càng làm đẹp lòng người ta thì không có lý do gì để các con cái Chúa sống đời sống không đẹp lòng người ta, nhất là đời sống ấy được trang bị nhằm để làm cho cuộc sống của Cơ-đốc Nhân trở nên tốt đẹp hơn.

Mặc khác, "Người nào nếu được cả thiên hạ mà mất linh hồn mình, thì có ích gì? Vậy thì người lấy chi mà đổi linh hồn mình lại?" (Mat 16:26). Phần lớn Cơ-đốc Nhân chủ trương "chi cần được linh hồn" là đủ. Gương mẫu từ Chúa Giê-xu cho chúng ta thấy, Chúa càng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và càng làm đẹp lòng người ta, thì Cơ-đốc Nhân cần cả hai: "linh hồn & thiên hạ". Vì vậy, Cơ-đốc Nhân được linh hồn rồi nhưng cũng cần được cả thiên hạ nữa, đó chính là cần phải được nâng cao KNS. Vì vậy, "Nâng Cao Kỹ Năng Sống Cho Các Tín Hữu Cơ Đốc Trong Hội Thánh" là một trong những yếu tố quan trọng đối với một Hội Thánh phát triển toàn diện trong bối cảnh hiện nay.

Tại đây chúng ta thấy xuất hiện một vấn đề, làm thế nào để có giảng viên vừa đáp ứng được là một giảng viên giảng dạy về KNS lại vừa có kiến thức Thần học để trung dẫn Kinh Thánh đúng nơi, đúng chỗ áp dụng cho giáo trình dạy KNS?

### III. Ai sẽ là người nâng cao KNS cho các tín hữu?

1. Đào Tạo Đội Ngũ Giảng Viên Cơ Đốc Chuyên Trang Bị Kỹ Năng Sống Cho Tín Hữu Trong Hội Thánh.

Giảng viên đứng lớp để thực hiện việc nâng cao KNS cho tín hữu trong Hội Thánh đòi hỏi phải đáp ứng đủ cả 2 yêu cầu: Đó là khả năng giảng dạy KNS mang tính chuyên nghiệp và khả năng phân tích, ứng dụng Kinh Thánh, hiểu biết thần học Cơ đốc giáo ở cấp cử nhân trở lên. Trong bối cảnh Hội Thánh hiện nay thật khó để có được những giảng viên đáp ứng cả hai yêu cầu này. Tuy nhiên khó không có nghĩa là bế tắc. Giải pháp cho vấn đề này người viết mạnh dạn đưa ra là dùng những người đã được trang bị và có khả năng giảng dạy Kinh Thánh (mức độ cử nhân thần học trở lên) để tiếp tục trang bị thêm cho họ những kỹ năng, phương pháp và giáo trình dạy KNS. Qua sự đầu tư trang bị này, mỗi Hội Thánh sẽ có được ít nhất là 2 giảng viên thực hiện công việc nâng cao KNS cho tín hữu trong Hội Thánh của mình. Đây là một mục vụ cần đáp ứng trong giai đoạn hiện nay đối với các Hội Thánh nếu muốn phát triển toàn diện.

## 2. Thời Gian Đào Tạo:

Người đã có kiến thức về thần học, có khả năng giảng dạy, khi tham gia lớp đào tạo để trở thành giảng viên KNS cho tín hữu cơ đốc cần phải học qua hai chương trình:

Chương trình thứ nhất: KNS và cách kết hợp Kinh Thánh làm nền tảng: 120 Tiết học<sup>5</sup>

Chương trình thứ hai: Phương pháp soạn giáo trình KNS chuyên biệt dành cho Cơ-đốc Nhân: 96 tiết học.

## 3. Chi Phí và Bằng Cấp (Vui lòng xem phụ lục số 2)

# IV. KNS Mà Các Trường Bên Ngoài Đang Đào Tạo Có Khác KNS Dành Cho Cơ-đốc Nhân Hay Không?

## 1. Khác Nhau Về Các Minh Họa, Các Bằng Chứng Trưng Dẫn.

Về mặt phương pháp và cách tiến hành cùng những thông số mang tính nghiên cứu và khoa học trong các nhóm kỹ năng xã hội, nhóm kỹ năng giao tiếp; nhóm kỹ năng đối phó với cảm xúc và làm chủ bản thân (xem phụ lục 1 đính kèm) của KNS thì đảm bảo tính nguyên bản, nguyên văn không có gì thay đổi. Nhưng phần minh họa và dùng các bằng chứng trưng dẫn thì tùy thuộc vào cá nhân giảng viên KNS. Có người dùng ví dụ vui, dí dỏm; có người dùng những câu chuyện ý nhị, sâu sắc; có người dùng bằng chứng mang tính chứng minh, có người dùng bằng chứng mang tính thực nghiệm hay quy nạp... Điểm khác biệt lớn nhất mà người viết muốn đề cập đó là KNS dành cho Cơ-đốc Nhân sẽ dùng những bằng chứng, những minh họa, những phân tích từ Kinh Thánh làm trọng tâm. Đây chính là cơ sở giới thiệu về Kinh Thánh cho những người chưa biết và là động lực để con cái Chúa hiểu biết về lời Ngài càng hơn. Một cách nào đó, dựa vào sự khéo léo của giảng viên KNS Cơ Đốc, lớp học KNS cho tín hữu sẽ bao gồm cả việc giới thiệu và học Kinh Thánh trong đó.

- Với niềm tin của một Cơ-đốc Nhân. Người viết tin rằng, những bằng chứng minh họa, trưng dẫn từ Kinh Thánh sẽ đem đến lớp học KNS cho tín hữu sự tuyệt vời hơn vì đó không phải là lời của con người như KNS xã hội trưng dẫn mà là Lời quyền năng của Đấng Tạo Hóa.

## 2. Khác Nhau Về Kết Quả Sau Đào Tạo.

Mục đích của việc nâng cao kỹ năng sống cho tín hữu là giúp các tín hữu trong Hội

---

<sup>5</sup> Một tiết học là 45 phút.

Thánh có nếp sống Cơ-đốc Nhân, mà tự thân nếp sống ấy sẽ là lực hút cho cộng đồng xung quanh đến với niềm tin Cơ Đốc. Hỗ trợ và làm mạnh mẽ hơn cho các sứ điệp của Chúa, giúp tín hữu xây dựng mối thông công mật thiết với Cha Thiên Thượng.

Mọi kỹ năng sẽ trở nên vô nghĩa đối với Cơ-đốc Nhân nếu thuần túy chỉ là kỹ năng. Nhưng kỹ năng sống phải được xem như một sự trang bị cộng thêm để làm sắc sảo hơn cho đời sống cơ đốc - một đời sống để thờ phượng Chúa, phục vụ Chúa và phục vụ tha nhân, là "ánh sáng của thế gian".

Trong khi đó, nếu học KNS mà xã hội đang hướng đến, họ sẽ đạt được thành công cá nhân rất đáng kể, và họ tạo lực hút để thu hút cộng đồng xung quanh thu về cho cá nhân họ, mục đích để có cuộc sống hài lòng với những mối quan hệ tốt đẹp, làm cho mình được hạnh phúc hơn và thu về nhiều lợi nhuận hơn. Điều này không có gì là xấu, nhưng là vô nghĩa đối với Cơ-đốc Nhân, vì "Nếu chúng ta chỉ có sự trông cậy trong Đấng Christ về đời này mà thôi, thì trong cả mọi người, chúng ta là kẻ khốn nạn hơn hết" (I Cor 15:19).

Sự khác nhau giữa KNS của xã hội và KNS Cơ Đốc là rất đáng kể vì nó xuất phát từ quan điểm và mục đích khác nhau. Chính điều này cũng thôi thúc Hội Thánh nên tận dụng thời điểm chưa quá chậm trễ để nâng cao KNS cho tín hữu của mình, nếu không họ sẽ được học tại trường học, tại công sở thì sự ảnh hưởng lớn lao từ KNS đem đến có khả năng trở thành con dao hai lưỡi trong thời buổi "Kim, Tiền" này.

## V. Tại Sao Hội Thánh Nên Có Giảng Viên KNS?

Giảng Viên KNS của Hội Thánh thuận tiện cho việc nâng cao KNS cho tín hữu trong Hội Thánh mình.

Ngày nay các doanh nghiệp tại VN đang đối mặt với hiện tượng thiếu nhân tài và không thể giữ chân nhân tài ở lại với doanh nghiệp của mình, sự thất thoát này đáng kể đến nỗi trong tiếng Việt chúng ta phải thêm vào thành ngữ gọi là: "*Chảy máu chất xám*". Để khắc phục tình trạng này, các doanh nghiệp đã xây dựng "trường ngay tại công sở". Họ mời các chuyên viên huấn luyện kỹ năng sống đến dạy cho các nhân viên của họ, và tôi gọi là "trường học ngay tại công sở" bởi vì họ huấn luyện định kỳ và nhiều lần trong năm với chi phí phải trả rất cao. Diễn giả Quách Tuấn Khanh "bật mí" rằng, có những cuộc diễn thuyết, người ta trả cho anh từ 1.000 - 2.000 USD/buổi là chuyện bình thường<sup>[6]</sup>. Một doanh nghiệp vừa và nhỏ thì họ cũng dám bỏ ra 500 đô-la/ngày để mời chuyên viên huấn luyện KNS cho nhân sự của họ. Họ dám trả chi phí cao như vậy vì lợi ích mà các chuyên đề từ KNS đem lại là rất lớn như đã phân tích ở trên.

Vì vậy, cần phải đầu tư cho nhân sự trong Hội Thánh học để trở thành giảng viên KNS Cơ Đốc, giúp cho hội thánh thuận tiện tổ chức nâng cao KNS cho tín hữu của Hội Thánh, tiết kiệm được chi phí đào tạo riêng lẻ, tiết kiệm được những khâu khác trong quản trị, và có khả năng thu hút thêm các thân hữu bên ngoài tham gia, là cơ hội để dạy họ KNS trên nền tảng của lời Đức Chúa Trời.

## KẾT LUẬN

KNS đã tạo nên một phong cách sống phù hợp với nền giáo dục hiện đại đang quan tâm,

---

<sup>6</sup> <http://www.khoahocphothong.com.vn/news/detail/5631/nghe-dien-gia.html>

đó chính là “Học để biết; Học để làm; Học để tự khẳng định mình; Học để cùng chung sống” mà UNESCO đã đề cập. Đó cũng chính là cách nâng cao và áp dụng mệnh lệnh của Đức Chúa Trời trong sách Sáng-thế Ký 1:26 “Hãy thống trị đất, hãy quản trị loài” mà Ngài đã giao cho loài người ngay từ ban đầu.

Điều đáng trân trọng hơn nữa rằng KNS hướng con người đến việc chung sống hòa bình, tôn trọng chính mình và người khác.

Khi càng đi vào chi tiết với KNS, chúng ta sẽ càng bắt gặp giá trị tuyệt vời về lời giáo huấn của Phao-lô trong sách Rô-ma 12:9: “Lòng yêu thương phải cho thành thật. Hãy góm sự dữ mà mến sự lành”. Thật đáng mừng khi KNS đã thay đổi dòng tư tưởng “thương nhân đa trả” trước kia trở thành tư tưởng “thành thật là yếu tố then chốt trong kinh doanh”. Người ta thống kê 10 tập đoàn hàng đầu thế giới đặt tiêu chí thành thật làm nền tảng đạo đức kinh doanh của họ và thông tin trên kênh truyền hình FBNC ghi nhận vào quý 4/2012 rằng: “sự thành thật giúp họ đứng vững trên thương trường và trở thành những tập đoàn lớn trên thế giới”. KNS dạy người ta hướng đến lợi ích của khách hàng trước tiên, tôn trọng khách hàng... như thế KNS đã thực sự ứng dụng lời dạy của Phao-lô "Hãy xem người khác như tôn trọng hơn mình". Điều này hoàn toàn phù hợp với đời sống của Cơ-đốc Nhân như Lawrence O. Richards giải thích: “đời sống” của một Cơ-đốc Nhân bao gồm cả đời sống xã hội và đời sống thuộc linh. Hay nói một cách khác hơn, đức tin và cuộc sống thường nhật của một Cơ-đốc Nhân phải là một, không phải là hai lãnh vực riêng biệt nhau”.

Càng đi vào nghiên cứu tính hòa hợp và thống nhất giữa các tư tưởng chủ đạo trong KNS với Kinh Thánh của Cơ Đốc Giáo, càng khiến cho người viết có tham vọng "đem Kinh Thánh minh họa cho các phương pháp trong KNS. Đem KNS vào trong Hội Thánh Đức Chúa Trời". Giao thoa của hai con đường này sẽ là chiếc cầu nối tuyệt đẹp được xây dựng bằng tình yêu thương, lẽ phải để nối kết Lời Đức Chúa Trời vào trong thế gian và để đem thế gian đến với Đức Chúa Trời.

“Rốt lại, hỡi anh em, phàm điều chi chân thật, điều chi đáng tôn, điều chi công bình, điều chi thanh sạch, điều chi đáng yêu chuộng, điều chi có tiếng tốt, điều chi có nhân đức đáng khen, thì anh em phải nghĩ đến” (Phi-líp 4:8). Một trong những việc nên nghĩ đến của các Hội Thánh Chúa trong bối cảnh hiện nay chính là “nâng cao KNS cho các tín hữu trong Hội Thánh”, ngõ hầu đem Hội Thánh đến sự phát triển toàn diện, nhằm mở mang vương quốc Đức Chúa Trời và xây dựng cộng đồng Cơ đốc xứng danh con Ngài.

## **PHỤ LỤC 1:**

KNS được phân loại thành 3 nhóm: kỹ năng xã hội, kỹ năng phát triển nhận thức; kỹ năng đối phó với cảm xúc và làm chủ bản thân, cụ thể như sau :

### **\* Nhóm kỹ năng xã hội:**

- KN giao tiếp
  - + Truyền thông bằng lời và không bằng lời
  - + Lắng nghe tích cực
  - + Biểu lộ cảm xúc, phản hồi
  - + Kỹ năng quan hệ, tương tác liên nhân cách
- KN đàm phán, thương lượng, từ chối
  - + Thương lượng và xử lý mâu thuẫn
  - + Kỹ năng tự khẳng định
  - + Kỹ năng từ chối
- KN quan hệ xã hội
- KN làm việc nhóm/hợp tác
- KN thấu cảm
- Kỹ năng động viên (advocacy skills)
  - + Kỹ năng ảnh hưởng và thuyết phục
  - + Kỹ năng tạo mạng lưới và động viên

### **\* Nhóm kỹ năng phát triển nhận thức:**

- KN ra quyết định và giải quyết vấn đề:
  - + Kỹ năng thu thập thông tin
  - + Đánh giá hệ quả tương lai của những hành động hiện tại đối với bản thân và người khác
  - + Xác định các giải pháp khác nhau cho vấn đề
  - + Kỹ năng phân tích ảnh hưởng của các giá trị, thái độ, động cơ của bản thân và người khác.
- KN suy nghĩ có phán đoán
- KN tư duy sáng tạo

### **\* Nhóm kỹ năng đối phó với cảm xúc và làm chủ bản thân:**

- KN quản lý căng thẳng
  - + Quản lý thời gian
  - + Tư duy tích cực
  - + Kỹ thuật thư giãn
- KN quản lý cảm xúc
  - + Làm chủ sự tức giận
  - + Xử lý những đau buồn và lo âu.
  - + Đối phó với những sự mất mát, lạm dụng, chấn thương
- KN tự điều chỉnh (tự ý thức, tự chủ)
  - + Ý thức về giá trị bản thân/ Kỹ năng xây dựng sự tự tin
  - + Ý thức về bản thân, bao gồm ý thức về quyền, ảnh hưởng, giá trị, thái độ, mặt mạnh, mặt yếu của bản thân

## SUY TƯ VỀ ĐẠO ĐỨC CƠ ĐỐC TRONG HỘI THÁNH

BS Lê Phước Thắng

Thực tế Hội Thánh ngày nay nổi lên một số vấn đề về đạo đức Cơ-đốc làm cho chúng ta phải suy nghĩ.

*Trường hợp 1:* Trong một bộ phim chiếu trên HBO, một nhân vật phản diện tuyên bố rằng: tôi không thích Công giáo vì cấm linh mục không được cưới vợ (sẽ bị dễ cảm dỗ phạm tội tà dâm), tôi thích làm người Tin lành sẽ dễ chịu hơn, vì phạm tội cỡ nào cũng được lên thiên đàng.

Đó có phải là quan điểm phổ biến của (thần học) Tin Lành về đạo đức?

*Trường hợp 2:* Có Hội Thánh khi xây nhà thờ lại vì phạm qui tắc xây dựng (không rõ có cố ý hay không) bị phạt tiền và phải xây lại.

Đó có phải là cách cho người khác biết về đạo đức Cơ-đốc? Cơ-đốc giáo có cần tuân thủ luật pháp không?

Hai trường hợp trên không khỏi làm cho chúng ta lo lắng cho vấn đề đạo đức trong Hội Thánh ngày nay và đó cũng là lí do được trình bày trong bài viết này.

Bài viết này nhằm đi tìm câu trả lời cho ba vấn đề sau:

1. Nếp sống đạo đức Cơ-đốc có cần thiết hay quan trọng không?
2. Vấn đề đạo đức Cơ-đốc trong giáo hội hiện nay như thế nào?
3. Cần làm gì để xây dựng đạo đức Cơ-đốc cho Giáo hội?

Trước tiên, chúng ta cũng nên tìm hiểu về nguyên ngữ một ít để phân biệt giữa ‘*Đạo Đức*’ và ‘*Luân Lý*’.

### I. Đạo Đức (Ethics), Luân Lý (Morals) và Đạo Đức Cơ-đốc

Cụ Phan Chu Trinh (19.11.1925) đã viết: “*đạo đức là ... đạo làm người. ...Dầu nhà bác học xướng ra học thuyết nào khác nữa, dầu chính thể khác nhau hoặc dân chủ, hoặc quân chủ, hoặc cộng sản nữa, cũng không tài nào vượt qua khỏi chân lý của đạo đức nghĩa là đạo đức thì không bao giờ thay đổi được... Luân lý có thể thay đổi được luôn. Luân lý thì mỗi người mỗi khác... Đạo đức gồm cả luân lý mà luân lý chỉ là một phần trong đạo đức mà thôi.*”<sup>1</sup>

Đạo đức Cơ-đốc là “đạo làm người” nhưng theo quan điểm Kinh Thánh.

### II. Đạo Đức Cơ-đốc có cần thiết không?

Có 4 nền tảng hay lý do cho thấy đạo đức Cơ-đốc là cần thiết nếu không muốn nói là vô cùng cần thiết.

1. Nền tảng Kinh Thánh

---

<sup>1</sup> <http://www.icevn.org/vi/DucDuc/Dao-Duc-Va-Luan-Ly-Dong-Tay>.

2. Nền tảng Lai thể học
3. Nền tảng Cứu thực học (tại thể)
4. Nền tảng xã hội.

### 1. Đạo Đức Trong Kinh Thánh:

Trong mười điều răn, có 6/10 là về các vấn đề “đạo đức làm người” nghĩa là cách sống với nhau. Chỉ có 4/10 là đề cập đến bổn phận đối với Đức Chúa Trời.

Trong Ê-sai 1:15-23, Chúa phán:

*“Vậy nên, khi các ngươi giơ tay, thì ta che mắt khỏi các ngươi. Khi các ngươi cầu nguyện rườm rà, ta chẳng thèm nghe. Tay các ngươi đầy những máu. <sup>16</sup>Hãy rửa đi, hãy làm cho sạch! Hãy tránh những việc ác khỏi trước mắt ta. Đừng làm dữ nữa. <sup>17</sup>Hãy học làm lành, tìm kiếm sự công bình; hãy đỡ đần kẻ bị hà hiếp, làm công bình cho kẻ mồ côi, bình vực lẽ của người góa bụa... <sup>23</sup>Các quan trưởng của dân ngươi là đồ phản nghịch, làm bạn với kẻ trộm, mỗi người trong chúng đều ưa của hối lộ, đeo đuổi theo tài lợi; chẳng làm công bình cho kẻ mồ côi, vụ kiện của người góa bụa chẳng đến cùng chúng nó.”*

Phân đoạn trên cho thấy đạo đức là yêu cầu/đòi hỏi của Đức Chúa Trời được khai thị qua Kinh Thánh. Chúa không chỉ muốn con dân Chúa thờ phượng Ngài mà còn muốn giữa người với người phải yêu thương nhau. Đạo đức tốt là tiền đề cho sự thờ phượng và là phần dạy dỗ rất quan trọng trong Kinh Thánh.

### 2. Nền tảng Lai thể:<sup>2</sup>

Barry Branaman liệt kê một số câu Kinh Thánh cho thấy nền tảng Lai thể của đạo đức:

- a. “... Ai được giao cho nhiều sẽ bị đòi hỏi nhiều, vì trách nhiệm nặng nề hơn.” Lu 12:47,48
- b. “...Vi tất cả chúng ta đều phải ra trước toà án Chúa Cứu Thế, để Ngài thưởng phạt mỗi người theo những việc tốt lành hay vô giá trị ta làm lúc còn trong thân xác.” II Co 5:10
- c. “Đến ngày Phán xét cuối cùng, mọi người phải khai hết những lời vô ích mình đã nói.” Mat 12:36
- d. “...tất cả chúng ta đều sẽ bị xét xử trước Tòa án của Thượng Đế... mỗi chúng ta đều sẽ khai trình mọi việc trong đời mình cho Thượng Đế.” Rm 14:10-12
- e. “...nên nhớ Chúa sẽ thưởng mọi người tùy theo việc tốt lành họ làm” Eph 6:7,8
- f. “...Làm việc gì cũng nên tận tâm như làm cho Chúa chớ không phải cho người. Đừng quên Chúa thưởng anh em... Nếu anh em không tận tâm Chúa sẽ báo trả...” Col 3:23-25 & Gia 2:12

---

<sup>2</sup> Barry Branaman, ĐẠO ĐỨC CƠ ĐỐC GIÁO VỚI CÁC VẤN ĐỀ CẬN ĐẠI.  
<http://nguonsusong.com/forum.php?mod=viewthread&action=printable&tid=1456>

- g. “Chúa Cứu Thế Giê-xu sẽ xét xử mọi tư tưởng, hành động kín đáo của loài người.” Rm 2:16
- h. “Thượng Đế đã lập Ngài (Chúa Cứu Thế Giê-xu) làm chánh án xét xử mọi người sống và người chết.” Công 10:42 17:31
- i. “Này, ta sẽ sớm đến, đem theo phần thưởng để trao cho mỗi người tùy theo công việc họ làm.” Kh 22:12

### 3. Nền tảng Cứu thực để sống đạo đức:<sup>3</sup>

Barry Branaman cũng chứng minh người Cơ-đốc sống đạo đức vì đã được cứu rỗi và có niềm hy vọng sẽ trở nên giống như Chúa Giê-xu.

“Anh em thân yêu, hiện nay chúng ta đã là con cái Thượng Đế. Mặc dù chưa biết hết tương lai nhưng chúng ta biết chắc khi Chúa trở lại, chúng ta sẽ giống như Ngài vì chúng ta sẽ thấy chính Ngài. Ai có niềm hy vọng ấy sẽ giữ mình tinh khiết vì Chúa Cứu Thế thật là tinh khiết.” I Gi 3:2-3

“Nhưng anh em đã đến gần núi Si-ôn gần thành phố của Thượng Đế Hằng sống, gần thủ đô Thiên quốc, gần hàng triệu thiên sứ, gần đoàn thể và Giáo hội của các con trưởng được ghi danh vào sổ trên trời, gần Thượng Đế là thẩm phán Tối cao của nhân loại, gần linh hồn những người công chính được hoàn toàn.” Hê 12:22-24

“...tập trung hy vọng đợi chờ ân phúc Thượng Đế dành cho anh em khi Chúa Cứu Thế trở lại...Đấng cứu rỗi anh em rất thánh thiện, nên anh em hãy ăn ở thánh thiện như Ngài.” I Phi 1:13-15

### 4. Nền tảng xã hội của đạo đức:

Đời sống xã hội buộc chúng ta phải có cách ứng xử và ứng xử theo những phong tục, lễ thói, qui tắc, luật lệ. Đạo đức là cách ứng xử cao hơn những yêu cầu của luật lệ. Nếu bị bỏ qua, xã hội có thể vẫn hoạt động nhưng cuộc sống sẽ không ổn định và hạnh phúc.

Ít người hiểu rằng đạo đức là bí quyết mang lại *Thành công, Phát triển, Hạnh Phúc* trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

- Về Kinh tế: đạo đức bảo đảm chất lượng hàng hóa/dịch vụ và qua đó kinh tế mới phát triển thành công và bền vững.
- Về Văn hóa: đạo đức đem lại thành công (bóng đá thất bại vì bán độ, ca sĩ mất danh hiệu vì hôn thầy tu).
- Về Tôn giáo: có một quan điểm cho rằng đạo đức tôn giáo có vai trò “ché ngự các hành vi phi đạo đức” và “làm cho xã hội ngày càng thuần khiết”<sup>4</sup>
- Về Gia đình: “một gia đình hạnh phúc ắt phải là một gia đình có đạo đức,”<sup>5</sup> gia đình hạnh phúc sẽ có xã hội tốt đẹp yên bình.

<sup>3</sup> Barry Branaman.

<sup>4</sup> Lan, Đặng thị, VỀ VAI TRÒ CỦA ĐẠO ĐỨC TÔN GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI. Tạp chí Triết Học. <http://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2008/04/14/5798765/>



- Về phương diện Cá nhân: đạo đức khiến người ta trở thành công dân tốt, tín đồ ngoan đạo.

Khi đề cập đến đạo đức sinh viên, PGS. TS LÊ VĂN TÊ, Phó Hiệu Trưởng ĐH KT CN Long An nói:

*“Ta có thể nói ngay rằng, một người sẽ không thể tiến hành các công việc mà mình đảm nhiệm nếu không có tài năng, nhưng sẽ là tệ hại hơn, với một người có tài năng nhưng lại thiếu vắng tư cách và đạo đức. Điều đó nếu xảy ra thì chính tài năng của họ không được đem ra công hiến mà ngược lại, với tư cách và đạo đức không được rèn luyện sẽ không đem lại lợi ích gì cho xã hội, cho cộng đồng mà ngược lại, có thể biến thành kẻ phản bội.”<sup>6</sup>*

Tóm lại, đạo đức là cần thiết, nếu không muốn nói là rất cần thiết cho bất kỳ xã hội, tổ chức nào. Nhất là khi tổ chức đó là tôn giáo. Tôn giáo không có đạo đức giống như muối mà không có vị mặn.

### **III. Đạo Đức Cơ-đốc Việt Nam Hiện Nay:**

Trở lại vấn đề đạo đức Cơ-đốc trong Hội Thánh, chúng ta hãy điem qua những thực tế dưới đây:

#### **Trong cái nhìn của Nhà nước:**

Trong một cuộc gặp gỡ chính thức với Giáo hội, một vị tiến sĩ đã nhấn mạnh đến những đặc điểm tích cực, lành mạnh của tín hữu Tin lành cần được phát huy, như “sống tiết kiệm, năng động, có tinh thần tự lập cao trong sinh hoạt tôn giáo, không hút thuốc uống rượu, tuân thủ pháp luật, v.v...”<sup>7</sup>

#### **Bộ mặt khác về đạo đức Hội Thánh hiện nay:**

Nhưng ở một phương diện khác, chúng ta thấy:

- Một số tín đồ vi phạm bản quyền một cách vô tư (photocopy cả cuốn sách để bán, dùng phần mềm vi tính, chống virus không bản quyền... để hầu việc Chúa!)
- Một số tín đồ/mục sư... làm chứng sai sự thật về “ơn phước” Chúa như số lượng và chất lượng Hội Thánh! Lạm dụng chữ “Hội Thánh” để báo cáo về số lượng. Nhà tài trợ thì thích nghe báo về số lượng hơn là tìm hiểu thực tế.
- Một số tín đồ/Mục sư/Ban trị sự sử dụng tiền bạc, tài nguyên Giáo hội tùy tiện (dịch Kinh Thánh, xây nhà thờ nguy nga...).
- Một số tín đồ/mục sư mượn tiền... không trả! (vì không có giấy tờ, dễ mượn nhất là tân tín hữu, và không sợ kiện tụng!). Mục sư và những “nhà thần học” lạm dụng Kinh Thánh, phương tiện truyền thông để phê phán người khác bằng những lời lẽ “phi tôn giáo.”

---

<sup>5</sup> Nguyễn Chính Kết, ĐẠO ĐỨC VÀ HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH. [http://www.maranatha-vietnam.net/doc/M17/dao\\_duc\\_hanh\\_phuc\\_17.htm](http://www.maranatha-vietnam.net/doc/M17/dao_duc_hanh_phuc_17.htm).

<sup>6</sup> <http://www.daihoclongan.edu.vn/nghien-cuu/nghien-cuu-khoa-hoc-va-giao-duc/286-quan-tam-den-viec-giao-duc-tu-tuong-dao-duc-cho-hoc-sinh-sinh-vien.html>.

<sup>7</sup> <http://www.tinlanhmienbac.org/web/?do=news&act=detail&id=612>.

- Một số Trường Chúa nhật, trường Thần học có nhiều... “học giả”! (Khi thi Kinh Thánh được quyền copy, làm bài tập thì sao chép bài của ...vợ (là giáo sĩ), đạo văn, nặng lời với thầy giáo, ...). Những người tốt nghiệp trường Thần học thích khoe bằng cấp và đòi trả lương (tính bằng đô-la Mỹ) tương xứng với bằng cấp hơn là đóng góp gì đó cho Hội Thánh.
- Một số tín đồ uống rượu bia, đánh bài, chơi đề, vé số, xem bói, tử vi, xem ngày (lành) tháng (tốt) để cưới hỏi v.v...
- Một số thanh thiếu niên nghiện games, ma túy, thậm chí đi đến hành động giết người v.v...

Hậu quả của tình trạng đạo đức Cơ-đốc suy đồi là:

- Không làm sáng danh Chúa.
- Vấp phạm cho người chưa tin.
- Phá hủy đức tin, nhất là những người mới tin Chúa và giới trẻ.
- Kiểm hãm sự phát triển Hội Thánh.
- Mất lòng tin quốc tế vào công cuộc hỗ trợ truyền giáo cho Việt Nam.

Trước thực trạng đó có hai câu hỏi được đặt ra:

1. Ai là người chịu trách nhiệm cho thực trạng trên? Giáo sư, Giám mục, Trường lão, Mục sư, Chấp sự, Nhân sự, Phụ huynh, hay Sa tan?
2. Chúng ta cần xây dựng chuẩn mực đạo đức nào cho Hội Thánh?

Chúng ta cố gắng trả lời câu thứ hai.

#### **IV. Làm gì để xây dựng đạo đức Cơ-đốc trong giáo hội?**

Mục tiêu của việc xây dựng đạo đức Cơ-đốc trong tín hữu và giáo phẩm là nhằm “*hình thành lương tâm Cơ-đốc của tín hữu và hàng giáo phẩm.*”<sup>8</sup>

Ai sẽ là người làm việc này? Chúng ta có thể trông chờ vào một Ủy ban đạo đức và kỷ luật trong các tổ chức của Hội Thánh và Viện trường. Nhiệm vụ của ủy ban này là:

- Nghiên cứu và xây dựng chuẩn mực đạo đức Cơ-đốc trong Hội Thánh/viện trường.
- Phổ biến, huấn luyện, dạy dỗ cho các Mục sư, nhân sự, tín hữu...trong Hội Thánh.
- Xem xét, kết luận những vấn đề đạo đức (vi phạm, vấn đề mới phát sinh...).

Vấn đề đặt ra là “Làm sao biết hành động nào đúng hay sai?” Câu trả lời nằm trong Kinh Thánh. Kinh Thánh đủ sức hướng dẫn chúng ta biết đúng hay sai. Đạo đức Cơ-đốc phải đặt trên nền tảng đạo đức Kinh Thánh.

Rô-ma 2:17 “*Còn người, mang lấy danh người Giu-đa, yên nghỉ trên luật pháp, khoe mình về Đức Chúa Trời người, <sup>18</sup> hiểu ý muốn Ngài và biết phân biệt phải trái, vì người đã*

---

<sup>8</sup> Bruce C. Birch and Larry L Rasmussen, The Bible and Ethics in the Christian Life. Minneapolis: Augsburg, 1976, 117.

được luật pháp dạy;<sup>19</sup> khoe mình làm người dẫn đường cho kẻ mù, làm sự sáng cho kẻ ở nơi tối tăm,<sup>20</sup> làm thầy kẻ ngu, làm người dạy kẻ tâm thường, trong luật pháp có mẫu mực của sự thông biết và của lẽ thật.”

2 Tim: 3:16 “Cả Thánh Kinh đều được Đức Chúa Trời thần cảm, có ích cho việc dạy dỗ, khiển trách, huấn luyện con người sống trong công chính,<sup>17</sup> hầu cho người của Đức Chúa Trời được trang bị để làm mọi việc lành.”

Ủy ban đạo đức sẽ xây dựng những nguyên tắc sống đạo đức Cơ-đốc. Sau đây là một số gợi ý về nguyên tắc:

1. Làm gương:

- “Chớ để người ta khinh con vì trẻ tuổi; nhưng phải lấy lời nói, nét làm, sự yêu thương, đức tin và sự tinh sạch mà làm gương cho các tín đồ.” 1Tim 4:12.
- “Sự sáng các người hãy soi trước mắt người ta như vậy, đừng họ thấy những việc lành của các người, và ngợi khen Cha các người ở trên trời.” Mat 5:13

2. Tránh gây vấp phạm:

- “Chúng tôi chẳng làm cho ai vấp phạm, hầu cho chức vụ của mình khỏi bị một tiếng chê bai nào.” 2 Cor 6:3

Sau đây là một số gợi ý về quy định đạo đức Cơ-đốc (Code of Ethics) được tiếp thu từ quy định đạo đức của Hội Thánh Đấng Christ tại Mt Barker<sup>9</sup>:

1. Giữ đời sống gương mẫu theo Kinh Thánh, không bị quở trách.
2. Không lợi dụng những người ở dưới sự chăm sóc của mình về bất phương diện nào (thể xác, tình cảm, thuộc linh, tài chính).
3. Đối xử với mọi người cách vị tha, tôn trọng, quan tâm, không thiên vị (tuổi, phái, dân tộc, tính ngưỡng, khuynh hướng chính trị hay giới tính).
4. Tôn trọng phẩm giá và nhân quyền mọi người.
5. Tôn trọng quyền riêng tư, giữ bí mật đời sống riêng tư đã được thổ lộ khi tâm vấn.
6. Không làm hay để người nhà làm những công việc có thể là xung đột lợi ích, gây vấp phạm về đạo đức (kể cả lời nói).
7. Thành thật với mọi người, tuân giữ luật pháp trong mọi hoàn cảnh/mục vụ, nơi công cộng hay chốn riêng tư.
8. Giữ nếp sống không xa hoa, lãng phí, không vương vào tệ nạn.
9. Nhận biết và tôn trọng các chức vụ trong giáo hội.
10. Không đưa ra nhận xét nhằm gây tổn hại, gây chia rẽ, gây lo lắng cho người khác hay giáo hội và Hội Thánh.
11. Biết chăm lo đời sống đạo đức cá nhân, gia đình, và Hội Thánh.

---

<sup>9</sup> [http://mtbarker.cofc.org.au/site/downloadable/Code\\_of\\_Ethics.pdf](http://mtbarker.cofc.org.au/site/downloadable/Code_of_Ethics.pdf)

Một vài gợi ý khác nữa là trong quy trình đề cử, ứng cử, tuyển chọn, tuyển sinh, phong chức, cần có nhận xét của ít nhất hai “người làm chứng.” Một trong hai người đó, ít nhất là một người hàng xóm, hay người biết rõ nhất nhưng không có xung đột quyền lợi.

### **Kết luận:**

Có câu chuyện kể rằng có một học trò đến hỏi xin một vị sứ đồ kia một lời từ Chúa. Sứ đồ trả lời: Nếu anh đồng ý không bao giờ quay trở lại cho đến khi hoàn tất xong lời Chúa mà anh định xin đó thì tôi sẽ nói. Anh học trò đồng ý. Người sứ đồ nói: Hãy hết lòng, hết linh hồn, hết sức, hết trí khôn, mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời ngời. Anh học trò đi. Hai mươi lăm năm sau quay về nói: Tôi đã sống theo lời Chúa! Ông còn có lời Chúa nào khác nữa không? Vị sứ đồ ôn tồn nói, “một lần nữa anh phải hứa chỉ trở về khi đã “hoàn tất” lời Chúa thì tôi mới nói.” Anh học trò cam kết và nhận được lời Chúa: “Hãy yêu kẻ lân cận như mình.” Lần này người ta thấy anh không bao giờ trở lại.

Vâng, vấn đề đạo đức Cơ-đốc cũng khó giữ như vậy, nhưng nhờ ơn Chúa chúng ta phải ngày càng sống tốt hơn. Nếu Hội Thánh cứ chấp nhận tình trạng đạo đức hiện tại, nhiều cơ hội để làm sáng danh Chúa, đem người khác về với Chúa sẽ bị vuột mất. Chúa cần những người được cứu bởi ân điển nhưng sống bởi đức tin để bày tỏ đạo đức Cơ-đốc cho “thế... gian hơn chúng ta.”

### **Tài liệu tham khảo:**

- Branaman, Barry. “ĐẠO ĐỨC CƠ ĐỐC GIÁO VỚI CÁC VẤN ĐỀ CẬN ĐẠI.”  
<http://nguonsusong.com/forum.php?mod=viewthread&action=printable&tid=1456>
- Một số trang web:
  - ✓ <http://www.sexualethics.org>
  - ✓ <http://www.gospelway.com/morality/index.php>
  - ✓ [http://www.fni.com/cim/technical/ethics\\_t.html](http://www.fni.com/cim/technical/ethics_t.html)
  - ✓ [http://mtbarker.cofc.org.au/site/downloadable/Code\\_of\\_Ethics.pdf](http://mtbarker.cofc.org.au/site/downloadable/Code_of_Ethics.pdf)

# SUY TƯ VỀ MỐI LIÊN HỆ GIỮA TÍN HỮU TIN LÀNH VỚI TÍN HỮU CỦA CÁC TÔN GIÁO KHÁC

MS Nguyễn Trọng Việt

## I – DẪN NHẬP

Trong dòng chảy lịch sử của Việt Nam từng ghi nhận đời sống tâm linh đã trở nên một trong những yếu tố cực kỳ quan trọng cấu thành nền văn hóa của dân tộc, đến mức đã hình thành một “nền văn hóa tâm linh”. Ngay trong văn kiện của nhà nước cũng đã xác chứng rằng: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân”.<sup>1</sup> Nghĩa là sinh hoạt về tâm linh được nhà nước thừa nhận như là một sinh hoạt mang tính tất yếu.

Nhìn vào toàn bộ các sinh hoạt về tâm linh của dân tộc ta từ khởi thủy cho đến nay thì thấy: tín ngưỡng, tôn giáo trên đất nước chúng ta là “đa thần giáo”. Trong đó có các tôn giáo “ngoại nhập” như: Phật Giáo, Đạo giáo (hay Lão giáo), Nho giáo (hay Khổng giáo), Hồi giáo . . . ; đồng thời cũng có những tôn giáo “nội sinh” như Hòa Hảo, Cao Đài . . . ; ngoài ra còn có hàng loạt những tín ngưỡng truyền thống khác như: tín ngưỡng thờ ông bà tổ tiên, tín ngưỡng thờ thành hoàng làng, tín ngưỡng thờ Mẫu . . .

Tuy nhiên, xét từ khi hình thành cơ sở của văn hóa tâm linh người Việt cho đến nay chưa hề ghi nhận bất kỳ một tôn giáo nào trở thành Quốc giáo.

Trong các tôn giáo ngoại nhập có hai tôn giáo có chung nguồn gốc (Cơ Đốc giáo), xuất xứ từ Tây phương đã có ảnh hưởng rất lớn trong sinh hoạt tâm linh của người Việt là Công giáo La-mã và Tin Lành. Trong đó, Công giáo du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ thứ 16; theo Giáo hội Công giáo Việt Nam thì cho rằng đạo Công giáo du nhập vào Việt Nam từ năm 1533;<sup>2</sup> còn đạo Tin Lành thì du nhập vào Việt Nam khoảng hơn 100 năm – điều này được “đánh dấu” bằng sự kiện: vào tháng 6/2011 Tổng Liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam – HTTLVN MN), và Tổng Hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc – HTTLVN MB) đã long trọng kỷ niệm 100 năm ngày Tin Lành đến Việt Nam.

Điều đáng nói ở đây là: Công giáo và Tin Lành xuất phát từ một nền văn hóa mang những đặc trưng của nền văn minh du mục (vùng Mesopotami), còn Việt Nam lại là một đất nước mang những đặc trưng của nền văn minh nông nghiệp (cụ thể hơn là lúa nước). Vì hai nền văn minh này mang những đặc trưng hoàn toàn đối nghịch nhau. Do đó, trong quá trình “giao thoa” không thể tránh khỏi những sự “đụng chạm” mà nhiều khi trở nên rất gay gắt.

Riêng đối với những Tín Hữu Tin Lành (THTL) đều cho rằng: Họ là tín đồ của một “đạo” đến từ sự mạc khải của Đấng Tạo Hóa, nên “đạo” của họ là “đạo” của “đức tin”, tất cả mọi “ứng xử” đều dựa trên nền tảng là Lời của Đấng Tạo Hóa, chỉ có “đạo” ấy mới chứa đựng “lẽ thật”, còn mọi tôn giáo khác đều chỉ xuất phát từ tâm trí của con người không thể có “lẽ thật” nằm trong đó.

Tuy nhiên, trong bối cảnh trào lưu toàn cầu hóa đã “càn quét” trên toàn thế giới, nó không chừa bất kỳ một dân tộc nào, một quốc gia nào. Ngày nay, khoảng cách biên giới địa

---

<sup>1</sup> Nguyễn Đăng Duy. Văn Hóa Tâm Linh. NXB Văn Hóa Thông Tin. 2009. Trg 27.

<sup>2</sup> Tóm Lược Lịch Sử Công Giáo Việt Nam. Theo: <http://www.catholic.org>

lý dường như được thu hẹp lại; đã xuất hiện rất đông đảo những công dân “toàn cầu”, họ có thể sống và làm việc cùng một lúc ở vài tổ chức quốc tế, hoặc ở vài quốc gia khác nhau. Thế thì, một vấn đề cần đặt ra là: Trong bối cảnh như vậy thì “tư duy” của các THPTL trên đất nước ta liệu có cần phải “đổi mới” không? Hay kiên quyết không cần có bất kỳ một sự “đổi mới” nào để thích ứng với những biến động của xã hội hiện tại, mà chỉ có thể tìm mọi phương cách để bắt xã hội phải suy tư và thích ứng theo lối của Tin Lành đã “định hướng” cho xã hội? Và nếu có thể thì các THPTL tại VN cần có “cách nhìn” như thế nào về tín hữu của các tôn giáo khác?

Bài viết này không hy vọng giải quyết được vấn đề cách rốt ráo, mà chỉ xới lên một số nội dung đã được một số trí thức Tin Lành trong và ngoài nước có tâm huyết, trăn trở trong những năm gần đây, mọi ý tưởng trong tiểu luận này chỉ mang tính gợi mở mà chưa thể đi đến kết luận.

## II – NỘI DUNG

### 1. Căn tính của tín hữu Tin Lành

Trước khi tìm hiểu những THPTL tại VN suy tư thế nào về mối liên hệ với tín hữu của các tôn giáo khác; thiết nghĩ chúng ta cũng nên dành vài dòng để trả lời câu hỏi tưởng như thừa và “xưa như trái đất” ấy là: Căn tính của THPTL là gì? Tại sao người viết lại đưa ra vấn đề này? Lý do, bởi một điều hiển nhiên như một tiên đề mà không cần chứng minh là: nếu anh không thể biết về chính anh một cách cụ thể và xác thực, thì thật khó để anh nhìn người khác bằng con mắt không thiên lệch, hoặc suy nghĩ về người khác một cách chân xác và có lòng vị tha được.

Xin giải thích một chút về thuật ngữ *căn tính* (根性) như sau: chữ *căn* (根) nằm trong cụm từ ghép *căn bản* (根本), trong đó: *căn* (根) là *rễ cây*, *bản* (本) là *gốc cây*; còn *tính* (性) là *tính* (hay *tính chất*), là cái lẽ chân chính trời phú.<sup>3</sup> Như vậy, khi nói đến *căn tính* của một người nào đó, một vật nào đó, một tôn giáo nào đó có nghĩa là nói đến *cái tính chất gốc rễ của người ấy, vật ấy, tôn giáo ấy mà nếu mất đi tính chất gốc rễ đó thì người ấy không còn là người ấy, vật ấy không còn là vật ấy, tôn giáo ấy không còn là tôn giáo ấy nữa*. Tại sao chúng tôi lại dám nói như vậy? Bởi một điều hết sức đơn giản, nhưng hợp lẽ tự nhiên ấy là: Một cây đang sống tất yếu phải có gốc, có rễ; có gốc thì cây mới có thể đứng vững, có rễ thì rễ cây mới có thể hút dinh dưỡng trong đất nuôi toàn thể cây; từ đó cây mới có thể sinh trưởng, đâm cành xanh lá, trổ hoa và kết quả. Nếu chúng ta hái sạch hoa cây vẫn là cây; nếu chúng ta vặt trụi lá thì cây vẫn là cây, thậm chí chúng ta cưa cả cành thì cây cũng vẫn là cây, vì một khi gốc và rễ của nó vẫn còn, thì cây vẫn được cung cấp chất dinh dưỡng, cây ấy vẫn có thể mọc cành khác và đơm hoa kết quả như thường. Nhưng nếu chúng ta chặt đứt hết rễ, cưa gốc thì lúc đó cây ấy không còn là cây nữa, nó chỉ còn là một khúc gỗ theo đúng nghĩa đen; nếu cứ cố tình gọi nó là cây thì chắc chắn đó chỉ là một cây “chết toàn diện”.

Cũng như vậy, nếu là một THPTL anh buộc phải mang *căn tính* của người TL. Một THPTL dù sống trong bất kỳ hình thái xã hội nào, thời đại nào, sinh hoạt trong bất cứ nền văn hóa nào thì *căn tính* của TL vẫn phải bộc lộ qua đời sống của anh ta; nếu *căn tính* đó không

---

<sup>3</sup> Theo trang web: hannom.huecit.vn

còn thì dù anh ta vẫn xưng là tín đồ của TL nhưng thực tế chỉ còn là “cái vỏ”, hay chỉ là “cái áo choàng có in hình chữ thập mà thôi.

Nếu hiểu về *căn tính* như trên, thì có một số câu hỏi cần phải giải quyết, đó là: *Căn tính* của THTL nói chung được hình thành trên nền tảng nào? Và: *Căn tính* của THTL Việt Nam nói riêng cần phải có thêm “cái rễ” nào nữa? Sau đây chúng ta cùng xem xét.

### ***Trước hết, căn tính của THTL được hình thành dựa trên nền tảng nào?***

Một điều có thể khẳng định ngay rằng: tất cả những gì “cấu thành” căn tính của THTL đều dựa trên sự dạy dỗ đến từ Đức Chúa Trời. Bởi thế, chúng ta chỉ có thể “nhìn thấy” căn tính của THTL từ những sự bày tỏ của Ngài qua con đường mạc khải cách đặc biệt trong Thánh Kinh. Chỉ khi “sống” với Thánh Kinh các THTL mới có thể tiếp nhận được *lẽ thật*; vì Chúa Cứu Thế Giê-su đã dạy rằng: “*Ta chính là Con Đường, Chân Lý và Nguồn Sống, chẳng bởi Ta thì không ai đến cùng Cha được*” (Giăng 14:6, BDM). Khi đã tìm được *Con Đường*, tiếp cận được với *Chân Lý*, và kết nối với *Nguồn Sống*, thì các THTL phải sống theo tiêu chí mà Đấng Christ đã truyền phán, ấy là: “*Hãy hết lòng, hết linh hồn, hết lý trí yêu kính Chúa là Đức Chúa Trời người. Đó là điều răn thứ nhất và quan trọng nhất. Còn điều răn thứ hai cũng như thế: ‘Hãy yêu thương người khác như chính mình.’ Tất cả Kinh Luật và Kinh Tiên Tri đều dựa vào hai điều răn này*” (Math 22:37-40; BDM). Nói một cách mô na theo kiểu quê mùa là: Chúa Giê-su yêu cầu các Cơ Đốc nhân nói chung và THTL nói riêng phải chu toàn bốn phận “*KÍNH CHÚA, YÊU NGƯỜI*”.

Một điều thiết tưởng cần nhắc lại ở đây là: “Kinh Luật và Kinh Tiên Tri” mà Chúa Giê-su nhắc nhở ở trên, thực chất vẫn là Kinh Luật và Kinh Tiên Tri đã có từ thời Cựu Ước, vì thời điểm Chúa Giê-su đang tại thế thì toàn thể dân Do-thái vẫn sống theo và “áp dụng pháp luật” Cựu Ước. Vì thế “Đại giới răn” mà Chúa Giê-su đã phán, thực chất là Ngài đã gồm tóm cả 10 điều răn mà Đức Giê-hô-va đã ban cho Môi-se: Trong đó dân Do-thái phải chu toàn hai bốn phận chính yếu: *Thứ nhất* là bốn phận với Đức Chúa Trời, cụ thể: 1) Phải nhận biết một Đức Chúa Trời thực hữu và duy nhất có một không hai (Xuất hành 20:1-3); 2) Chỉ được thờ phượng một mình Ngài mà thôi (Xuất hành 20: 4-6); 3) Phải luôn tôn vinh Danh của Đức Chúa Trời (Xuất hành 20:7); 4) Phải giữ Ngày Sa-bát hay ngày Yên nghỉ (Xuất hành: 20: 8-11). *Thứ hai* là bốn phận trong mối quan hệ giữa con người với con người; cụ thể là: 1) Phải hiếu kính với cha mẹ (Xuất hành 20:12); 2) Phải biết tôn trọng sinh mạng của người khác (Xuất hành 20:13); 3) Phải biết trân trọng hôn nhân (Xuất hành 20:14); 4) Phải biết tôn trọng tài sản cá nhân (Xuất hành 20:15); 5) Phải tôn trọng sự thật (Xuất hành 20:16); 6) Phải biết kiềm chế mọi ham muốn (Xuất hành 20:17).

Như thế, ngày nay các THTL vâng phục “Đại giới răn” mà Chúa Giê-su ban thì cũng đồng nghĩa phải chu toàn hai bốn phận đã nêu ở trên. Tuy nhiên, bốn phận trước hết là phải hướng đến Đức Chúa Trời; bởi cái cách “hành xử” trong mối liên hệ giữa các THTL với những người xung quanh tùy thuộc vào cách họ tương giao với Đức Chúa Trời. Nếu họ thực sự yêu kính Đức Chúa Trời thì họ phải yêu thương và phục vụ những người xung quanh họ. Điều này phải được coi là *căn tính* của THTL. Sỡ dĩ khẳng định được như vậy là căn cứ vào *LỄ THẬT* trong Thánh Kinh, chứ không phải đến từ sự suy diễn bằng tâm trí con người. Như thánh Giăng đã dạy rằng: *Ai ghét anh chị em mình là kẻ sát nhân và anh chị em biết rằng không kẻ sát nhân nào có sự sống vĩnh phúc trong nó* (I Giăng 3:15; BDM). Ở chỗ khác ông lại khẳng định: *Nếu ai nói: Tôi yêu kính Đức Chúa Trời mà lại ghét anh chị em mình, thì người ấy là kẻ nói dối; Vì ai không yêu thương anh chị em mình là người thấy được, thì*

không thể yêu kính Đức Chúa Trời là Đấng không thấy được. Và chúng ta có điều răn này: Ai yêu kính Đức Chúa Trời thì cũng phải thương yêu anh chị em mình (I Giăng 4:20-21; BDM). Đặc biệt, thánh Phao-lô còn nâng tình yêu thương “người lân cận” lên một mức cao hơn, đó là: *Đừng mắc nợ ai gì cả ngoại trừ món nợ yêu thương nhau, vì ai yêu thương người lân cận là làm trọn kinh luật. Vì các điều răn: “Người chớ ngoại tình”, “người chớ giết người”, “người chớ trộm cắp”, “người chớ tham lam”, và bất cứ điều răn nào khác cũng đều tóm lược trong một câu này: “Người hãy yêu thương người lân cận như mình.”* Tình yêu thương không làm hại người lân cận, cho nên yêu thương là làm trọn kinh luật. (Rô-ma 13:8-10; BDM).

Vậy, căn cứ theo Thánh Kinh thì có thể khẳng định: ‘*Hãy yêu thương người khác như chính mình*’ phải được coi là *căn tính* mà mỗi THTL bằng mọi cách phải thực hành và giữ gìn; nếu đánh mất điều này thì không còn là THTL nữa mà thế vào đó sẽ một “tín hữu bề ngoài thì Tin Lành, bề trong thì tin dữ”; và chính những tín hữu kiểu này sẽ biến Cơ Đốc giáo thành “cỏ độc giáo”.

## 2. Căn tính của THTL Việt Nam

Nếu chúng ta tin rằng “mỗi THTL đều được Chúa lựa chọn từ buổi sáng thế”; thế thì các THTL VN cần phải hiểu rằng: họ là người VN, họ được Chúa cứu chuộc để trước hết rao giảng Phúc Âm của Đức Chúa Trời cho người VN. Đành rằng toàn thể nhân loại đều do Đức Chúa Trời tạo dựng; tuy nhiên 7 tỷ người trên thế giới ngày nay là 7 tỷ cá thể duy nhất, 7 tỷ tính cách không ai giống ai. Cũng như thế, trên thế giới có hàng trăm quốc gia với hàng ngàn dân tộc, thế thì mỗi dân tộc đều có những hệ tư tưởng, nền văn hóa khác nhau; bởi thế *căn tính* của mỗi dân tộc cũng khác nhau. Như vậy, các THTL VN còn phải có thêm *căn tính* nữa; đó là *căn tính* của dân tộc VN. Bởi một điều nhỡ tiền là dù chúng ta có nói tiếng Anh như người Anh, có mặc “quốc phục” của người Anh, có vợ là người Anh, có nhà ở nước Anh thậm chí có quốc tịch nước Anh thì một điều chắc chắn là: mắt chúng ta không thể xanh ra được, da chúng ta không thể trắng được và tóc chúng ta không thể vàng ra được, nếu chúng ta có cố tình tẩy da trắng, có nhuộm tóc màu vàng thì lúc đó chúng ta sẽ trở nên một kẻ dị dạng và người khác nhìn chúng ta không khác gì một kẻ bị đột biến gen. Điều này là phù hợp với Lời của Đức Chúa Trời chứ không phải suy diễn theo ý của con người, bởi Thánh Kinh có chép rằng: *Người Ê-thi-ô-bi có đổi được màu da, Con beo có đổi được đốm nó không?* (Giê-rê-mi 13:23). Vì vậy, là THTL VN cần phải mang *căn tính* của dân tộc VN.

Nhưng *căn tính* của dân tộc VN là gì? Đây là một câu hỏi khó, đến ngày hôm nay cũng ít ai dám đưa ra câu trả lời ở dạng khẳng định. Bởi cứ, nếu căn cứ vào một số nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước thì có rất nhiều sự khác biệt. Chẳng hạn, gần đây Viện Nghiên Cứu Xã Hội Học Hoa Kỳ đã nêu lên 10 đặc tính căn bản của người Việt;<sup>4</sup> còn theo một học giả người Việt khác thì nêu ra tới 46 tính cách của người Việt.<sup>5</sup> Tuy nhiên, căn cứ theo “Đại giới răn” mà Chúa Cứu Thế Giê-su dạy dỗ các môn đồ của Ngài thì ngoài mỗi tương quan với Đức Chúa Trời Ngài còn nhấn mạnh về quan hệ giữa con người và con người. Đặc biệt, là đến thời các sứ đồ thì mỗi quan hệ này được càng được nhấn mạnh hơn (như trường hợp của Giăng và Phao-lô đã trích dẫn ở trên). Bởi thế, trong *căn tính* của người Việt

<sup>4</sup>Theo: <http://agriviet.com/home/archive/index.php/t101454.html?s=5d71b5149fbb74f3fcaede193f98f73f>

<sup>5</sup>Theo: [http://mactrieu.vn/index.php?option=com\\_content&id=484%3Asuy-ngh-v-c-tinh-dan-tc-vit-nam&Itemid=54](http://mactrieu.vn/index.php?option=com_content&id=484%3Asuy-ngh-v-c-tinh-dan-tc-vit-nam&Itemid=54)



mà chúng tôi đưa ra ở đây cũng chỉ nói đến những đặc tính căn bản trong lối ứng xử xã hội (hay mối tương quan giữa người với người). Theo Giáo sư Viện sĩ Trần Ngọc Thêm thì người Việt có những đặc tính nổi bật như: *Tôn trọng tính cộng đồng; trọng tình nghĩa, dễ khoan dung tha thứ, mềm dẻo, và hòa hiếu.*<sup>6</sup> Đây cũng có thể coi là *căn tính* của người Việt, và các THPTL VN cũng cần phải có những *căn tính* ấy. Nếu “nhìn” một cách khách quan thì những đặc tính như: *Tôn trọng tính cộng đồng, trọng tình nghĩa, khoan dung tha thứ, mềm dẻo và hòa hiếu* cũng không có gì là không phù hợp với “bổn phận” của THPTL mà Chúa Giê-su yêu cầu họ phải chu toàn.

Điều cần nói thêm ở đây là: từ những đặc tính căn bản này đã nảy sinh rất nhiều những ưu điểm nhưng cũng lại nảy sinh không ít những nhược điểm trong tính cách của người Việt. Ví dụ: Tinh thần đoàn kết tương trợ lẫn nhau là rất tốt, nhưng lại nảy sinh hậu quả là: Vai trò của cá nhân bị hạ thấp nếu như không nói là bị thủ tiêu hoàn toàn; Tinh thần tập thể, hòa đồng là tốt và cần thiết, nhưng cũng từ đó lại kèm theo hậu quả là nảy sinh thói dựa dẫm, ỷ lại. Nếp sống dân chủ và ưa thích bình đẳng là tốt và đáng quý, nhưng cũng lại nảy sinh hậu quả là hay đổ ky và tâm lý thích cào bằng.<sup>7</sup> Ngoài ra tính cộng đồng của người Việt còn được xây trên nền tảng huyết thống;<sup>8</sup> xem ra trong các mối quan hệ thì không có mối quan hệ nào gắn kết người ta với nhau bằng quan hệ huyết thống, mà trong quan hệ huyết thống thì phải có tôn ti trật tự, trên ra trên, dưới ra dưới. Người Việt hôm nay ở đồng Bằng Bắc bộ vẫn tôn vinh mô hình gia đình ba, thậm chí bốn thế hệ cùng chung sống trong một mái nhà, khi gia đình nào đáp ứng mô hình này thì chủ gia đình hết sức hãnh diện và tự hào, và như thế mới được coi là gia đình có phúc lớn. Chính từ đặc tính này trong sinh hoạt cộng đồng, cộng thêm với sự sùng bái con người đã nảy sinh tín ngưỡng mang tính truyền thống là thờ cúng tổ tiên, ông bà, và ai không thờ cúng tổ tiên ông bà thì đương nhiên kẻ đó không chỉ bất nhân, bất hiếu, bất nghĩa, mà còn là phản bội dòng tộc nữa. Ngay từ xa xưa, các bậc thức giả người Việt đã cho rằng: *còn văn hóa làng xã, còn văn hóa dòng họ thì nước Việt còn . . .* Nghĩa là, việc giữ được *căn tính* của dân tộc cũng đồng nghĩa với việc bảo vệ quốc gia dân tộc, xem thế đủ biết người Việt coi trọng tính cộng đồng đến thế nào. Thiết nghĩ những điểm nêu trên các THPTL VN không thể không nắm vững để có cách ứng xử đúng đắn trong mối quan hệ với cộng đồng quanh mình và đặc biệt là với những tín hữu của những tôn giáo ngoài Cơ Đốc.

Qua phần trình bày trên cho thấy, một THPTL *thật* trên đất nước VN không chỉ cần *yêu thương người khác như chính mình*, mà còn cần phải có lối sống *biết tôn trọng tính cộng đồng, trọng tình nghĩa, có lòng khoan dung, có lối ứng xử mềm dẻo, và thái độ hòa hiếu*, tức là những đặc tính tốt đẹp căn bản của người Việt. Nói cách khác những đặc trưng trên cần phải trở thành *căn tính* của THPTL VN.

### **3. Suy tư của THPTL VN về mối liên hệ với tín hữu của các tôn giáo khác trong thực tại và tương lai**

Từ *căn tính* của THPTLVN đã tạm định hình như trên, thế thì THPTL VN đã “nhìn” tín hữu của các tôn giáo khác như thế nào? Và liệu “cách nhìn” ấy liệu có quá “thiên lệch”? Nếu có thì liệu chúng ta có cần phải thay đổi “cách nhìn” ấy không, hay chúng ta có quyền “bắt”

---

<sup>6</sup> Trần Ngọc Thêm. Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam. NXB Giáo Dục. 2000. Trg 25.

<sup>7</sup> Trần Ngọc Thêm. Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam. NXB Giáo Dục. 2000. Trg 99.

<sup>8</sup> Trần Ngọc Thêm. Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam. NXB Giáo Dục. 2000. Trg 89.

tín hữu các tôn giáo khác và cả xã hội hiện tại phải “nhìn” theo lăng kính mà các THTL đã “cài đặt” sẵn cho họ? Sau đây chúng ta cùng xem xét.

#### **a) “Cách nhìn” của THTL về các tôn giáo khác trong thực tại**

Với *căn tính* của THTL đã được trình bày trên; nếu căn cứ vào “nhân quan” của THTL thì, mọi khía cạnh trong đời sống tâm linh của người VN nằm ngoài Tin Lành đều được coi là lệch lạc với *lẽ thật* đến từ sự mạc khải của Đức Chúa Trời. Tại sao chúng tôi có thể nói được như vậy? Bởi các THTL VN được dạy dỗ rằng: Chỉ có Tin Lành mới là *chính đạo*, mới chứa đựng *lẽ thật*, nếu buộc phải coi Tin Lành là một tôn giáo thì tôn giáo này có giá trị tuyệt đối vượt trên mọi tôn giáo khác; vì Tin Lành là do Con Một Đức Chúa Trời (cũng là Đức Chúa Trời) thiết lập, nên mạc nhiên có sự mạc khải từ trời xuống. Đương nhiên mạc khải đến từ Trời thì luôn chứa đựng *lẽ thật*, luôn đảm bảo tính đúng đắn tuyệt đối; còn mọi tôn giáo khác đều chỉ là “nỗ lực của con người đi tìm Ông Trời”, mà sự mò mẫm của con người thì luôn chứa đựng đầy đủ những khiếm khuyết và sai lầm. Đây có thể coi là niềm tự hào của các THTL về “đạo” của họ. Xét cho cùng niềm tự hào này của họ không phải không hợp lý. Bởi, Thánh Kinh (sự mạc khải đặc biệt đến từ Đức Chúa Trời) đã cung cấp cho họ nền tảng “vững chãi” về “nơi” mà đức tin của họ đã “đặt” vào. Xin đơn cử: *Ngôi Lờ đã giáng thế làm người, cư ngụ giữa chúng ta, tràn đầy ân sủng và chân lý. Chúng tôi đã tận mắt chiêm ngưỡng vinh quang Ngài, là vinh quang của Con Một đến từ Cha . . . Chưa ai trông thấy Đức Chúa Trời bao giờ, chỉ Con Một Đức Chúa Trời ở tận trong lòng Cha mới giải bày được Đức Chúa Trời cho chúng ta* (Giăng 1:14, 18; BDM), đã cho họ biết sự mạc khải đặc biệt của Đấng đã thiết lập Tin Lành; hoặc: *Không có sự cứu rỗi trong một ai khác cả, vì dưới trời không có Danh nào khác được ban cho loài người để chúng ta phải nhờ Danh ấy mà được cứu* (Công vụ 4:12, BDM), đã chỉ cho các THTL con đường duy nhất đúng của sự cứu rỗi; còn trong sách Rô-ma thì chép: *Thật vậy, tôi không hổ thẹn về Phúc Âm vì đây là quyền năng của Đức Chúa Trời để cứu mọi người tin* (Rô-ma 1:16; BDM), điều này cũng cho họ thấy rằng Tin Lành mà họ tin theo là duy nhất đúng; và khi chính Chúa Giê-su phán rằng: *“Ta là đường đi, lẽ thật và sự sống; chẳng bởi ta thì không ai đến được cùng Cha”* (Giăng 14:6), thì Ngài cũng chỉ cho các THTL con đường duy nhất đến với *lẽ thật* và với Đức Chúa Cha.

Rõ ràng, nếu căn cứ vào “nền tảng” như đã trích dẫn thì chỉ có Tin Lành mới là “con đường” duy nhất đưa tội nhân đến sự cứu rỗi, còn mọi con đường thông qua các tôn giáo, tín ngưỡng, hay giáo chủ của các tôn giáo, hoặc các loại thần thánh trong các tín ngưỡng đều thành ra vô ích.

Đề đối chúng xin điếm qua một vài tôn giáo phổ biến nhất ở Việt Nam.

#### **Trước hết là Phật giáo:**

Xét về người sáng lập thì ngay giáo chủ của Phật giáo cũng chỉ là một con người, Ngài cũng qua đời ở tuổi 80, và thân xác Ngài đã được đem hỏa thiêu, còn tro thì đem phân phát cho tám vương quốc xung quanh “chiêm bái”, còn gọi là “ngọc xá lợi”;<sup>9</sup> và như vậy Đức Phật đã không “phục sinh”, nghĩa là Ngài đã không “cứu” được chính Ngài thì làm sao Ngài cứu được người khác. Trong trường hợp này theo các THTL thì việc thờ lạy Đức Phật là hoàn toàn “đi ngược” Lời dạy từ Thánh Kinh, vì họ được dạy rằng chỉ thờ phượng một mình Đức Chúa Trời mà thôi.

---

<sup>9</sup> Thích Gia Tuệ. Phật Học Căn Bản. NXB Tôn Giáo. 2003. Tập I, Bài 4.

Xét về vấn nạn căn bản của con người cần phải giải quyết thì theo Phật giáo vấn nạn căn bản ấy chỉ là *Dukkha* (*Khổ đế* - hay sự đau khổ). Vì vấn đề cần giải quyết chỉ là *giải thoát* con người khỏi cái *Dukkha* (thoát khỏi *Khổ đế*); nên con người cũng chỉ cần tìm ra được cái *Magga* (*Đạo đế* - tức là *con đường* hay *phương pháp*) để *Nirodha* (*Diệt đế* - tức là chấm dứt sự đau khổ, hay chấm dứt mọi phiền não là nguyên nhân đưa đến đau khổ); mà khi con người đạt được *Nirodha* thì cũng đồng nghĩa với việc đã đạt được *Nirvana* (*Cõi Niết bàn* - tức là hoàn toàn được *giải thoát* khỏi *Dukkha*).<sup>10</sup> Nghĩa là vấn nạn của con người thì có thể do con người tự giải quyết được bằng chính năng lực của mình. Nếu vậy, cứ cho rằng vấn nạn *Dukkha* được giải quyết, thì cũng chỉ giải quyết theo kiểu “bám ngọn, tĩa cành” chưa phải là phương án giải quyết vấn nạn của nhân loại đến tận “gốc rễ” được. Vì vấn nạn của nhân loại đâu chỉ có *tam độc* (*tham, sân, si*) mà còn gồm nhiều khía cạnh khác nữa; điều chính yếu mà nhân loại không thể biện minh được ấy là tình trạng tội lỗi và hư hoại của họ; khi còn nằm trong đêm đen của tội lỗi và sự sa bại hoàn toàn, thì dù có cố mảy mò tìm kiếm, con người cũng không bao giờ tìm được chân lý hết. Điều quan trọng bậc nhất của nhân loại là khôi phục mối tương quan bị đổ vỡ với Đấng Sáng Tạo ra mình, do chính sự bất tuân gây ra, đó mới là mấu chốt của vấn đề, chứ *Dukkha* chưa phải là vấn nạn căn bản.

Như thế, theo cách nhìn của THTL thì chỉ có thể học tập được về khía cạnh đạo đức của Phật giáo, còn về phương cách tu tập để tìm được sự cứu rỗi trọn vẹn xem ra “bất khả thi”.

Sở dĩ các THTL cho rằng vấn nạn căn bản của nhân loại cần phải giải quyết là *tội lỗi*; bởi Thánh Kinh đã chỉ ra rằng: *vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất vinh quang của Đức Chúa Trời* (Rô-ma 3:23; BDM); vì vậy nếu giải quyết được vấn đề về *tội lỗi* thì cũng có nghĩa là đã giải quyết rốt ráo tận gốc rễ, giải quyết được nguyên nhân của mọi nguyên nhân gây ra sự đau khổ và sự chết toàn diện của nhân loại. Về vấn đề con đường duy nhất đúng để giải quyết vấn nạn của nhân loại thì các THTL cho rằng: bởi cả nhân loại đều phạm tội, họ đã hoàn toàn sa bại về tâm linh, hoàn toàn không có khả năng khôi phục mối tương quan giữa họ với Đấng đã tạo dựng nên mình; nên chỉ còn một phương án duy nhất là trông cậy vào *ân sủng* của Đấng Chủ Tể thông qua Đấng Trung Bảo; vì như Thánh Kinh đã chép: *Thật vậy, nhờ ân sủng, bởi đức tin mà anh chị em được cứu rỗi, đây không phải tự sức anh chị em, nhưng là một tặng phẩm Đức Chúa Trời ban, cũng không phải do công đức anh chị em làm, để không ai có thể khoe mình* (Ê-phê-sô 2:8-9; BDM). Đấng Trung Bảo ấy chính là Chúa Giê-su, chính Ngài đã làm trọn kế hoạch cứu rỗi nhân loại của Đức Chúa Trời. Nhân loại dù đã nhọc công tìm nhiều con đường, nhưng giới lắm thì họ chỉ đến được “Rô-ma” mà không thể đến được với Đức Chúa Trời, chỉ duy nhất thông qua Chúa Giê-su mới có thể “lên tới trời” được.

Để sự đối chứng thêm phong phú, chúng tôi xin đề vài dòng đề cập đến một tôn giáo lớn khác tại VN và có thể coi là “anh em” với Tin Lành, đó là *Công giáo La-mã*.

Khi có ai đó nói rằng: Tin Lành, Công giáo La-mã, Chính thống giáo đều có chung một gốc là Cơ Đốc giáo, có lẽ điều này khỏi cần phải chứng minh, vì hầu hết các THTL đều được dạy dỗ về Lịch sử Hội Thánh; và nói một cách công bằng thì Công giáo La-mã “giới thiệu” Chúa Giê-su cho người Việt trước Tin Lành tới vài trăm năm. Tuy nhiên, Công giáo có những tín lý mà THTL khó có thể chấp nhận. Theo nghiên cứu của một mục sư người Việt ở hải ngoại, ông đã cho rằng: “. . . người Công Giáo tin rằng Thánh Kinh được Đức Chúa Trời soi dẫn, họ cũng tin rằng truyền thống của Giáo Hội trải qua dòng lịch sử do các Giáo

<sup>10</sup> Thích Viên Giác. Phật Học Căn Bản. NXB Tôn Giáo. 2003. Tập I, Bài 1, Phần 2.

*Hoàng và Giáo hội nghị lập thành có giá trị quyết định trong các vấn đề niềm tin và giáo lý. Vì đó, theo năm tháng, Giáo Hội Công Giáo La mã đã thêm những giáo lý không có trong Kinh Thánh*<sup>11</sup>; và sau đó ông đã liệt kê một số những giáo lý “thêm thắt” ngoài Thánh Kinh như: “. . . Thánh Kinh được liệt vào những sách cấm giáo dân đọc (Toulouse năm 1229); truyền thống Giáo Hội được thừa nhận có uy quyền tương đương như Kinh Thánh (công đồng Trent năm 1545); Đức Mẹ vô nhiễm nguyên tội (được Giáo Hoàng Pius IX công bố năm 1854). Sự vô ngộ (không sai lầm) của Giáo Hoàng (được công đồng Vatican công bố năm 1870); Giáo Hoàng Benedict XV (1914 – 1922) đã công bố Đức Mẹ là Đấng Đồng Cứu chuộc với Chúa Giê-xu; và Đức Mẹ về trời (được Giáo Hoàng Pius XII công bố năm 1950)”<sup>12</sup>. Nghĩa là ngoài thẩm quyền của Thánh Kinh thì sự cứu rỗi còn phải “nhờ vào” uy quyền theo truyền thống của giáo hội Công giáo nữa.

Để chứng minh nhận định trên, chúng tôi xin trích dẫn từ chính những tài liệu về “thần học” của Giáo hội Công giáo La-mã như sau: Tại công đồng Laterano IV (năm 1215) tuyên bố rằng: “Chỉ có một Giáo hội toàn cầu: ở ngoài Giáo hội này, chẳng có ơn cứu độ”<sup>13</sup>. Một tuyên bố còn đi xa hơn nữa là vào năm 1302, Giáo hoàng Bonifacio VIII đã khẳng định: “**không ai ở ngoài Giáo hội Công giáo hoặc thuộc Giáo hội Công giáo nhưng lại không vâng phục giám mục Rô-ma mà có thể được cứu rỗi**”<sup>14</sup>. Với những “sắc lệnh”, những “tuyên bố” về giáo lý kiểu này thì khi những Cơ Đốc nhân chân chính phải tìm cách rời khỏi cái “giáo hội” đã dim nhân loại vào đêm trường Trung cổ ngót một ngàn năm kia để tìm kiếm lẽ thật liệu có đáng phải mang cái danh là “thệ phản” hay “lạc giáo” không? Vì coi thẩm quyền của giáo hội tương đương (thực chất là vượt lên trên) thẩm quyền của Thánh Kinh, nên giáo hội Công giáo La-mã mặc sức “tự làm luật” kể cả những điều nghịch với lẽ thật của Thánh Kinh, nhưng tệ hại hơn là họ “tiền hậu bất nhất” với chính “luật lệ” của họ. Xin đơn cử: như trên đã trích dẫn họ khẳng định: không có sự cứu rỗi nào ngoài giáo hội La-mã, thậm chí ở trong giáo hội rồi mà không thuận phục giám mục Rô-ma thì cũng không thể có sự cứu rỗi. Tuy nhiên đến Công đồng Vaticano II (kết thúc năm 1965) họ lại “cho phép” sự cứu rỗi có thể có ở cả các tôn giáo khác hoặc thậm chí không tôn giáo nào; cụ thể là: căn cứ vào câu Thánh Kinh chép rằng: *Đáng muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý* (Thư 1 gửi ông Ti-mô-thê 2:4; Thánh Kinh Công giáo. NXB Tôn giáo, 2011); rồi từ đó suy diễn và “dạy dỗ” rằng: “*nếu biết thành tâm tìm kiếm Thiên Chúa, và dưới tác động của ơn thánh, biết cố gắng chu toàn Thánh Ý Thiên Chúa trong hành động của mình theo sự hướng dẫn của tiếng lương tâm, thì cả những kẻ không biết đến Phúc âm của Đức Kitô và Giáo hội Ngài, nhưng lại không do lỗi mình, cũng có thể được cứu rỗi*.”<sup>15</sup> Nếu theo “lý sự” này thì người ta hoàn toàn có thể đặt câu hỏi: Thế thì Đức Ki-tô có cần phải nhập thể không? Thậm chí: Liệu Đức Ki-tô có cần phải vâng phục Thiên Chúa đến chết trên thập tự giá không? Mà không hề sợ bị qui chụp là kẻ báng bổ. Có lẽ các THTL không cuồng tín đến mức bảo “những người anh em” chúng ta là “tà giáo”, là “cái mò chôn tập thể nơi hỏa ngục”; nhưng quả thật “những người anh em” của chúng ta đã đi quá xa lẽ thật được mạc khải từ Thiên Chúa.

<sup>11</sup> Mục sư Nguyễn Văn Huệ. Đạo Tin Lành Khác Với Công Giáo La-mã. Theo: hoithanh.com/Home/tin-lanh/cho-nguoi-viet/1869-dao-tin-lanh-khac-voi-cong-giao-la-ma-the-nao.html.

<sup>12</sup> Mục sư Nguyễn Văn Huệ. Đạo Tin Lành Khác Với Công Giáo La-mã. Theo: hoithanh.com/Home/tin-lanh/cho-nguoi-viet/1869-dao-tin-lanh-khac-voi-cong-giao-la-ma-the-nao.html.

<sup>13</sup> Hợp Tuyên Thần Học Số 20; chương 8. Theo: lamhong.org/hop-tuyen-than-hoc.

<sup>14</sup> Hợp Tuyên Thần Học Số 20; chương 8. Theo: lamhong.org/hop-tuyen-than-hoc.

<sup>15</sup> Hợp Tuyên Thần Học số 20, chương 8. Theo: lamhong.org/hop-tuyen-than-hoc.

Rõ ràng, dựa trên nền tảng Thánh Kinh (như đã trích dẫn) thì chỉ duy nhất có ân sủng của Đức Chúa Trời thông qua Chúa Cứu Thế Giê-su mới có thể cứu rỗi được nhân loại, chứ hoàn toàn không cần đến “thẩm quyền của giáo hội” hay những nỗ lực của con người; và theo các THTL thì giáo hội hoàn toàn không có quyền ban cho ai đó sự cứu rỗi, lại càng không có quyền đưa ai đó *lên trời* ngoài việc chỉ có thể giúp người ta tiến đến hỏa ngục cách nhanh chóng và hiệu quả hơn mà thôi. Như thế, kể cả trong trường hợp đã đặt niềm tin nơi Thiên Chúa nhưng vẫn còn cần phải “nhờ đến uy quyền của giáo hội” mới đảm bảo được sự cứu rỗi thì theo “nhân quan” của THTL đó chính là một *suy tư* lệch lạc đáng tiếc.

Từ “nhân quan” như đã trình bày, thì các THTL tại VN đã có cách “hành xử”, hay nói cách khác đã có quan điểm như thế nào trong mối quan hệ với tín hữu của các tôn giáo khác?

### **b) Những suy tư cụ thể về mối liên hệ**

Dựa trên “căn tính” của THTL đã xác định, các THTL VN đã có “cách nhìn” về chính mình và những “láng giềng” khác; từ “nhân quan” quan này, tất yếu sẽ nảy sinh lối ứng xử với các tín hữu của các tôn giáo ngoài Tin Lành hay tín ngưỡng tại VN theo đúng với “nhân quan” và “căn tính” của mình.

Nếu xét về mặt “lý thuyết”: thì các THTL tại VN phải luôn thể hiện *tình yêu thương* với mọi người không chỉ trong cộng đồng Tin Lành của mình mà còn phải bày tỏ *tình yêu thương* ấy đến với tất cả những *người lân cận* và toàn thể dân tộc VN; mà không được xét đến việc *người lân cận* mình theo tín ngưỡng nào, tôn giáo nào, hoặc không theo bất cứ một tôn giáo nào; vì đã là AGAPE thì không cần phải lựa chọn; thậm chí THTL còn được dạy phải yêu cả kẻ thù nghịch mình; như Chúa Giê-su đã dạy: *Hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho kẻ bắt bớ các con* (Math 5:44; BDM); ở một chỗ khác Thánh Kinh lại dạy rằng: *Nếu kẻ thù của anh chị em đói, hãy cho ăn; có khát hãy cho uống. Vì làm vậy là anh chị em chất than hồng trên đầu nó* (Rô-ma 12:20; BDM). Bên cạnh đó, các THTL phải ý thức được rằng chính mình đang “sở hữu” nguồn sống vĩnh phúc là Phúc Âm của Đức Chúa Trời; thế thì vì *tình yêu thương* thì họ buộc phải chia sẻ nguồn sống vĩnh phúc ấy cho những *người lân cận*. Những người dân vùng sa mạc Sa-ha-ra (sa mạc lớn nhất thế giới nằm ở châu Phi) có câu thành ngữ rằng: *Kẻ có tội nặng nhất là kẻ biết nguồn nước mà không chỉ cho người khác*. Nếu các THTL làm được điều này thì họ đích thị là: *muối của đất, ánh sáng của thế gian*; ngược lại, nếu họ không thể hiện được điều đó thì họ đã đánh mất hoàn toàn *căn tính* của người THTL. Ở một phương diện khác; nếu các THTL thiếu tôn trọng những tín hữu của các tôn giáo ngoài Tin Lành, không coi trọng tình nghĩa, không tôn trọng tính cộng đồng, không thể sống hòa hiếu với những *người lân cận*, không thể có sự khoan dung với những người không cùng niềm tin với mình, thì các THTL còn đánh mất luôn cả *căn tính* của dân tộc Việt Nam nữa.

Có thể nói, những điều đã nêu trên thì hầu như bất cứ THTL nào cũng có thể trình bày cách thông suốt. Tuy nhiên, việc “thực hành” như thế nào thì lại cần phải bàn. Đến đây, thiết tưởng rất cần dành vài dòng đề cập đến điều này.

Trước hết, căn cứ vào những gì mà Thánh Kinh truyền phán thì chỉ duy nhất nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời và bởi đức tin mà nhân loại được cứu (Ê-phê-sô 2: 8), và vì Đức Chúa Trời là chân thần nên chỉ được thờ phượng một mình Ngài, đồng thời phải lấy hết tâm linh và lẽ thật mà thờ lạy (Giăng 4:24). Và lại, các THTL được dạy dỗ rằng: họ đang bắt buộc phải tham dự một cuộc chiến không khoan nhượng đó là Chiến Trận Thuộc Linh, và trong chiến cuộc đó không hề có vị trí trung gian để họ có thể nghỉ ngơi; cụ thể là: *Ở trận*

*chiến này người tin đồ không thể đặt một chân trong Nước Đức Chúa Trời, còn chân kia ở nước của Sa-tan được . . . chỉ có hai nước đối địch nhau và người tin đồ không thể đứng ở giữa lằn ranh giới giữa hai nước đang tham chiến . . . không có vị trí giữa chừng hay trung dung trong cuộc chiến thuộc linh. Hoặc bạn chọn trại quân của Đức Chúa Trời, hoặc bạn chọn trại quân của ma quỷ.*<sup>16</sup> Nếu theo tinh thần trên, đối với các THTL thì bất cứ tôn giáo nào ngoài Tin Lành, bất cứ hình thức thờ phượng nào ngoài Tin Lành, bất cứ tín ngưỡng nào và các loại thần thánh của tín ngưỡng ấy đều là đến từ Sa-tan, ma quỷ. Thậm chí các THTL tại VN còn được “truyền khẩu” rằng: nếu theo tiêu chí của Tin Lành thì Công giáo La-mã chính là tà giáo, và giáo hoàng chính là . . . Có điều cần chú ý: với lối suy diễn trên, nếu bàn đến cùng thì sở dĩ họ có lối suy tư ấy cũng không hoàn toàn vô lý, bởi thực sự có những câu Thánh Kinh phê phán những kẻ giả hình, những kiểu thờ phượng không thật. Điều đáng bàn là ở chỗ, với “nào trạng tự tôn” ấy, các THTL đã coi những tín hữu của các tôn giáo ngoài Tin Lành, những người tin theo tín ngưỡng truyền thống đều là những kẻ “đáng thương hại”, vì họ bị “ma quỷ dụ dỗ”; còn những người không theo tôn giáo nào (vô thần) đều là “công cụ” hoặc “tay sai” của Sa-tan, vì họ đã bị chúng “làm mù lòng”. Từ lối *suy tư* ấy dẫn đến việc kỳ thị, coi thường và hạn chế tối đa trong mối quan hệ. Trường hợp khi chưa tin Chúa thì rất nhiều bạn hữu, nhưng sau khi tin Chúa thì bạn hữu rơi rụng dần đã trở nên phổ biến; vì ngay sau khi tin Chúa thì các THTL nghiêm nhiên coi mình là “con trời”, còn đám bạn cũ đều là “con cái ma quỷ”, mà “con trời” với “con cái ma quỷ” thì chơi với nhau làm sao được. Khi bạn hữu thưa vắng dần thì chính các THTL lại không thấy đó là điều cần phải xem lại mình, mà lại cho rằng: như thế là mình đã làm đúng theo Thánh Kinh, và vui mừng rằng: thế là mình thực sự đã tách khỏi thế gian tội lỗi, đầy ô uế và ngày càng trở nên thánh khiết hơn; vì Chúa đã dạy: *“Hãy ra khỏi giữa vòng chúng nó, Hãy phân rẽ khỏi họ, Chớ động đến đồ ô uế, Thì Ta sẽ tiếp nhận các con* (II Cô-rinh-tô 6:17; BDM). Ý tưởng, chỉ có Tin Lành mới sở hữu được sự sống vĩnh phúc và chỉ có THTL mới thực sự đang hành trình về Thiên Đàng, đã làm cho các THTL nảy sinh tâm lý không thích quan hệ với những tín hữu của các tôn giáo hay tín ngưỡng khác, vì nghĩ rằng: chúng ta đang trên lộ trình lên Thiên Đàng, còn đám kia đang rủ nhau xuống hỏa ngục, thế thì có gì chung với nhau để mà quan hệ. Làm *con* của Đức Chúa Trời rồi không thể quan hệ với *con cái* của Sa-tan; điều này đã có nền tảng hẳn hoi chứ không phải nói suông, chẳng phải Thánh Kinh đã dạy: *Đừng mang ách chung với người không tin hay sao?*

Còn trong trường hợp nếu có tiếp tục quan hệ thì cũng biến mối quan hệ vốn dĩ bình đẳng trước kia trở thành mối quan hệ của “nước lớn” với các “chư hầu”; vì một điều tất yếu là “con trời” thì phải làm bề trên, còn “con cái ma quỷ” tất nhiên phải chịu phạt bề dưới; dứt khoát không có chuyện ngang hàng. Với lối “hành xử” như trên, thì trong hiện tại rất nhiều THTL VN cho rằng mình đã đúng, mà quên đi mất rằng: nếu “mở” một mối tương quan theo *tư duy* đó thì không chỉ thất bại khi rao truyền Phúc Âm mà còn làm mất đi *căn tính* của Tin Lành đó là *tình yêu thương*.

Đến đây, nếu chúng ta không dành vài dòng đề cập đến quan hệ giữa THTL VN với tín ngưỡng truyền thống của người VN, đặc biệt là thờ tổ tiên ông bà thì sẽ là thiếu sót lớn. Như phần *căn tính người Việt* đã trình bày ở trên, thì sự sùng bái con người kết hợp với sự tôn trọng mối quan hệ huyết thống đã nảy sinh tín ngưỡng thờ tổ tiên ông bà. Theo Giáo sư viện sĩ Trần Ngọc Thêm thì: việc thờ cúng tổ tiên, ông bà “*gần như trở thành một thứ tôn giáo*;

<sup>16</sup> Chiến Trận Thuộc Linh Giới. Giáo Trình Cửa: International School of Theology – Asia. Không Ghi NXB. Không Ghi Năm. Trg 4.

ngay cả những gia đình không tin có thần thánh cũng lập bàn thờ tổ tiên trong nhà”,<sup>17</sup> và điều này trở thành truyền thống mà người Việt cho là hết sức quý báu cần phải gìn giữ; việc thờ cúng tổ tiên hiện nay còn được khuyến khích thực hành trên qui mô quốc gia. Hơn thế nữa, truyền thống ấy còn được quốc tế công nhận và vinh danh; cụ thể là: vào ngày 6/12/2012 tại kỳ họp lần thứ 7 của Ủy Ban liên chính phủ về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể tại Paris (nước Cộng hòa Pháp), thì UNESCO đã chính thức công nhận Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam là *Di Sản Văn Hóa Phi Vật Thể Đại Diện Của Nhân Loại*.

Tuy nhiên, tín ngưỡng được tổ chức quốc tế UNESCO vinh danh kia thì theo “nhân quan” của THTL VN lại đích thị là hành động tôn vinh Sa-tan, và đương nhiên thờ phượng ông bà tổ tiên cũng là thờ ma lạ quỷ. Và cho rằng: các THTL tại VN có nghĩa vụ phải hủy phá tất cả những điều đó; bất cứ ai tin Chúa thì yêu cầu ngay sau đó là phải lập tức đoạn tuyệt với tất cả lễ nghĩa trong dòng họ; phải liệng ngay bàn thờ tổ tiên ông cha vào sọt rác, chính điều này đã trở thành “cửa ải” mà các tân THTL khó “vượt qua” nhất, và cũng là nguyên nhân gây ra “sự va chạm” mạnh nhất giữa Tin Lành và văn hóa người Việt. Vậy câu hỏi đặt ra ở đây là: Thế thì lối “hành xử” của THTL VN đối với tín ngưỡng truyền thống này sai hay đúng? Có thể nói rằng: nếu căn cứ theo Thánh Kinh thì lối “hành xử” của THTL là không sai, bởi có họ được lệnh chỉ thờ phượng một mình Ngài mà thôi. Nhưng điều đáng bàn ở đây là các THTL VN đã “hành xử” với “thái độ” không thuộc *căn tính* của người Việt, ấy là sự *khoan dung và hòa hiếu*, từ đó đã áp dụng “phương pháp” thiếu khôn ngoan.

Tuy nhiên, cũng không thể trách các THTL VN khi họ có “thái độ thiếu khoan dung và hòa hiếu” với ngay cả tín ngưỡng truyền thống của cha ông mình để rồi đi áp dụng cái “phương pháp thiếu khôn ngoan” nhằm rao truyền Phúc Âm và chinh phục linh hồn “những kẻ lân cận” mình. Bởi có ngay từ đầu thế kỷ thứ XX, khi Tin Lành xâm nhập vào VN không lâu thì đã xuất hiện một “giáo trình biện giáo nội địa khuyết danh” có tên là Chân Giả Luận; nhằm chỉ ra những sai trái của các tôn giáo, tín ngưỡng có mặt tại VN; đồng thời lý luận bắt bẻ và bác bỏ những điều không phù hợp với tiêu chí trong Thánh Kinh; có thể nói việc phê phán, bác bỏ này là không sai. Nhưng thật đáng tiếc, những “tiền bối” đã soạn thảo ra Chân Giả Luận lại dựa vào những điển tích, những câu chữ thiếu chính xác, cộng với thái độ thiếu thiện chí để xây dựng phương pháp luận của mình. Điều này đã đưa đến việc những tín hữu của các tôn giáo khác, những người theo tín ngưỡng truyền thống có những suy tư thiếu lành mạnh và có ấn tượng không tốt về Tin Lành. Giới học giả Tin Lành người Việt dường như cũng hiểu được điều này, nên một thời gian “giáo trình biện giáo nội địa khuyết danh” này tưởng như đã được “xếp bên cạnh cái xa kéo sợi và cái riu bằng đồng” ở trong viện bảo tàng. Nhưng thật đáng tiếc là trong thời gian gần đây Chân Giả Luận đã được người ta “khai quật”; tất nhiên một số “chuyên gia khảo cổ và phục chế” trong giới Tin Lành người Việt đã “cắt xén” những chỗ không chính xác, “dán” thêm vào những chỗ còn thiếu khuyết, “tia tót” lại những chỗ còn rối rắm, “son phết” lại những mảng màu trầm tối; rồi in ấn, và tung lên mạng internet để “hâm nóng” lại tinh thần Chân Giả Luận. Tuy nhiên, lần “tái xuất giang hồ” này thì “khuôn mặt” của Chân Giả luận vẫn không “sáng sủa” hơn là bao. Vẫn còn đó thái độ “trịch thượng nước lớn” chứ không phải thái độ *khoan dung và hòa hiếu* vốn có trong *căn tính* của người Việt; vẫn còn đó những lời công kích và đả phá chứ không phải những lý giải tâm tình, nhẹ nhàng và gây dựng; đặc biệt là vẫn còn những sai lầm ngộ nhận. Từ đó không có gì để đảm bảo rằng: khi “tác phẩm biện giáo nội địa” này được khuyến khích đọc và “nghiên cứu” để vận dụng thì sẽ không dẫn đến vấn đề là các THTL VN cho rằng: thái độ

<sup>17</sup> Trần Ngọc Thêm. Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam. NXB Giáo Dục. 2000. Trg 138.

cứng rắn, “bề trên” của mình hóa ra là đúng, rao truyền Phúc Âm theo lối công kích và đả phá hóa ra lại hiệu quả; từ đó vô tình sẽ khuyến khích các THTL VN phải có thái độ thật cứng rắn và kiên quyết, phải đả phá mạnh hơn nữa vào các tín ngưỡng truyền thống của dân tộc. Theo quan điểm của chúng tôi, ở vào thời điểm của nền văn minh số hóa này, các THTL tại VN có quá nhiều việc cần phải làm, chẳng nên mất thời gian để quảng bá, khuyến khích áp dụng cái tri thức thiếu chính xác và gây phản cảm từ cuối thế kỷ thứ XIX đầu thế kỷ thứ XX làm gì.

Như vậy, với những gì đã được trải nghiệm, và “mục sở thị” thì có thể nói, trong quá khứ và hiện tại, các THTL VN luôn tồn tại tâm lý tự tôn khi đứng trước các tôn giáo khác và tín ngưỡng truyền thống của dân tộc. Từ đó nảy sinh những thái độ *coi thường, thiếu tôn trọng, thiếu thiện cảm* trong mối tương quan với các tín hữu của các tôn giáo khác là khó tránh khỏi. Điều này cũng đồng nghĩa họ đã đánh mất cả *căn tính* của dân tộc VN. Vậy, thái độ tự tôn quá đáng này có phù hợp với điều Chúa mong muốn không? Đây là một câu hỏi khó và tế nhị. Chúng tôi sẽ không tìm cách trả lời nhưng xin nêu một tấm gương để mỗi THTL tự rút ra kết luận. Ấy là chúng ta hãy nhìn vào tấm gương tuyển dân của Đức Chúa Trời là dân Ixraen.

Các THTL đều biết, căn cứ theo Kinh Cựu Ước thì sự thờ phượng mà Đức Chúa Trời dạy dỗ cho Môi-se và toàn dân Ixraen là sự thờ phượng duy nhất đúng đắn, và những gì Chúa truyền phán đều là *LỄ THẬT*; vào thời đó nếu gọi những sinh hoạt tâm linh là tôn giáo thì Do-thái giáo là *tôn giáo duy nhất đúng, và thật*; còn tất cả các tôn giáo của các sắc dân xung quanh đều thờ thần tượng và đều trở nên kinh tởm đối với Đức Chúa Trời. Dân Ixraen thời đó đã hết sức hãnh diện về tôn giáo của mình. Bởi thế họ sinh ra lòng tự tôn rất cao, nhưng điều đáng tiếc là họ cứ bám víu vào sự tự tôn hãnh diện kia mà quên mất rằng sở dĩ họ có được sự hãnh diện đó là do ân sủng của Chúa. Đơn giản là Chúa chọn họ và ban cho họ như vậy, chứ thực ra họ không hề từ tế gì, tốt đẹp gì hơn các sắc dân xung quanh. Ngay việc Đấng Mê-si nhập thể trong vòng người Do-thái cũng là ý muốn tối thượng của Đức Chúa Trời; bởi thế Ngài đã bày tỏ ý định ấy cho các tiên tri Do-thái không ít lần, và thậm chí chính xác đến từng chi tiết. Ví dụ: Đấng Mê-si phải được sinh ra bởi một trinh nữ (Ê-sai 7:14); Địa chỉ nơi giáng sinh của Đấng Mê-si cũng được “thông báo” chi tiết là Bết-lê-hem (Míchê 5:1).v.v.

Nhưng thực sự những mạc khải mâu thuẫn và chính xác ấy có giúp cho dân Do-thái cùng các hàng ngũ lãnh đạo tôn giáo của họ được đón rước Đấng Mê-si cách vui mừng và trọng thể theo đúng như những gì họ vốn rất hãnh diện và luôn mong mỏi chờ đợi cả ngàn năm không? Câu trả lời là không. Đấng Mê-si giáng sinh đúng địa chỉ đã được tiên báo nhưng lại trong một chuồng nuôi cừu, rồi không có nô hay giường nằm phải đặt tạm vào trong cái máng đựng thức ăn cho cừu. Bởi cố, ngay một vị trí rất nhỏ trong tấm lòng của dân Do-thái và trong hàng ngũ lãnh đạo Do-thái giáo dành cho Ngài cũng không có, trong khi họ vẫn dương dương tự đắc trước các dân khác rằng họ là dân tuyển của Chúa, chỉ có họ mới đang sở hữu chân lý, và rằng Đấng Mê-si chắc chắn xuất hiện trong qua dòng dõi họ. Trớ trêu thay, những kẻ được Thiên Chúa thông báo cho biết rằng: *hôm nay tại thành Đa-vít đã sanh cho các ngươi một Đấng Cứu Thế, là Christ, là Chúa* thì lại là mấy tên mục đồng đang trú ở ngoài đồng chứ không phải mấy vị lãnh đạo của Do-thái giáo. Thậm chí Thiên Chúa còn bày tỏ cho ba nhà thông thái ở phương Đông (tức là những dân không biết Thiên Chúa, không *sở hữu được lễ thật* như dân Do-thái) biết *Vua dân Do-thái đã giáng sinh*, trong khi đó thì chính các *thầy thượng tế* và các *chuyên gia kinh luật* của tuyển dân thì vẫn mù tịt. Sự kiện Đấng



Christ giáng sinh trong bối cảnh tối tăm, lại chỉ có vài mục đồng và ba nhà thông thái không phải Do-thái giáo biết, ngoài những ý nghĩa thần học khác thì còn có cả ý nghĩa Thiên Chúa không ưa gì cái thói hãnh diện và tự tôn quá đáng của tuyển dân Ngài; chắc chắn Ngài cũng không ưa gì cái thói dương dương tự đắc ra vẻ chỉ có ta mới nắm được lẽ thật nhưng lại không sống và làm theo lẽ thật. Và vì thế, cái sự kiện vui mừng, vinh quang đáng lẽ dân Do-thái và các lãnh đạo Do-thái giáo phải là những người được biết đến đầu tiên, thì bây giờ vinh quang đó lại dành cho những kẻ mục đồng và những kẻ ngoài Do-thái giáo. Có lẽ đây cũng là bài học dành cho cái thói cao ngạo của họ.

Rõ ràng, ý chí tự tôn sẽ dẫn đến “não trạng” hãnh diện, đắc thắng và khinh rẻ những gì không phù hợp với mình. Khi mang ý nghĩ đó trong tâm trí thì không thể có thái độ tôn trọng và khoan hòa với người khác được; nếu có giả bộ cố tình “cúi khom mình xuống” thì không thể tránh khỏi tình trạng: không sớm thì muộn người ta cũng nhận chân được sự việc, lúc ấy sẽ còn bi đát hơn nhiều. Và một điều nữa dễ nhận thấy là: làm một tín hữu của một tôn giáo chân chính là hết sức đáng trân trọng, đáng quý, đáng tự hào; nhưng điều quan trọng hơn là tín hữu của tôn giáo đó có luôn vật vã, khát khao **sống** và **làm** theo **lẽ thật** mà tôn giáo chân chính đó đã chỉ ra hay không. Đối với các THTL VN cũng vậy, không thể nói khác được rằng: Chính họ đã được hưởng ân sủng quá lớn lao và kỳ diệu khi họ đã tìm thấy *nguồn sống* và đang *sở hữu lẽ thật*, nhưng thật khó để bảo rằng: Trong quá khứ, hiện tại (và không loại trừ cả ở trong tương lai nữa) họ thực sự **sống** và **làm** theo **lẽ thật**; nếu như họ đánh mất cả *căn tính* của Tin Lành cũng như *căn tính* của dân tộc.

### III – KẾT LUẬN

Qua sự trình bày trên, chúng tôi thấy: THTL nói chung và THTL tại VN nói riêng đã được sống trong ân sủng vượt quá sức tưởng tượng. Một điều hết sức vui mừng là họ được kết nối với nguồn mạch của sự sống vĩnh phúc thông qua Đấng Christ, và thực sự họ đang nắm trong tay “phương tiện” cứu rỗi hoàn hảo ấy là Phúc Âm của Đức Chúa Trời. Tuy Tin Lành đã đến VN hơn một trăm năm qua; nhưng nếu nhìn lại con số tín hữu Tin Lành trên cả nước hiện nay (chỉ khoảng hai triệu so với số dân là 87 triệu người), thì một THTL **thật** sẽ không thể tránh khỏi sự tra vấn ngay trong lương tâm mình. Nếu mỗi THTL VN biết tự tra vấn, biết khát khao và thực sự **sống** với Phúc Âm thì họ phải bày tỏ những *căn tính* của Phúc Âm; đồng thời phải biết bảo lưu *căn tính* của dân tộc trong mọi phương diện của đời sống mình. Đặc biệt, trong lĩnh vực nghiên cứu lý luận thì những trí thức Tin Lành phải thấy trách nhiệm nặng nề của chính mình, và phải luôn có trách nhiệm đi trước các mục vụ khác một bước. Thật không lấy gì làm vui vẻ, khi ngay trong lĩnh vực truyền giáo chúng ta vẫn thường thấy các giáo sĩ của nước ngoài đến dạy dỗ chúng ta phương pháp truyền giáo cho người VN trong khi không có gì để đảm bảo rằng họ hoàn toàn am hiểu *căn tính* của người VN.

Chúng tôi thiết nghĩ, ngày hôm nay không phải là thời điểm để các học giả Tin Lành VN còn ngồi để bàn xem rằng: Liệu có cần thiết phải xây dựng một nền thần học hội nhập hay không? Mà sẽ là hội nhập như thế nào? Ngay trong vùng châu Á, chúng tôi “có nghe bàn tán” rằng: đã xuất hiện những khuynh hướng thần học Hàn Quốc, thần học Phi-lip-pin, thần học Trung Hoa, thậm chí là thần học Nhật Bản (một đất nước có rất ít Cơ Đốc nhân). Thế thì phải chăng Đức Chúa Trời yêu dân Hàn Quốc, dân Trung Hoa hơn dân VN? Phải chăng Đức Chúa Trời ban ơn phúc cho các THTL Hàn Quốc, Phi-lip-pin nhiều hơn các THTL ở VN? Câu trả lời chắc chắn là không. Bởi ân sủng dư dật thì Chúa đã ban cho hết thảy nhân loại,

những ơn phúc đặc biệt Ngài cũng đã “xuống” cho các con cái Ngài rồi, vấn đề là bản thân các con cái Ngài đã xử dụng những ơn phúc ấy ra sao? Theo thiên ý của chúng tôi: nếu như thần học của VN đang ở con số “không” thì các học giả Tin Lành VN hãy bắt đầu viết con số “một”; nếu như thần học VN đã viết được con số “một” thì ngày nay các học giả Tin Lành VN phải viết tiếp con số “hai”. Trong bối cảnh ấy, hết sức cần sự cầu thay, sự đoàn kết hiệp nhất, sự cộng tác chặt chẽ và chân thành của toàn thể cộng đồng Tin Lành VN ở cả trong và ngoài nước. Nếu ngay trong nội bộ Tin Lành của chúng ta còn chưa dỡ bỏ được hàng rào giáo phái, chưa san lấp được hố ngăn cách vùng miền, chưa xóa đi sự khác biệt về chính kiến, chưa giải tỏa được tâm lý coi thường nhau giữa đào tạo thần học chính qui và đào tạo ngắn hạn . . . thì chúng ta đã đánh rơi mất *căn tính của Tin Lành và căn tính của dân tộc*, khi đó thì chính là các THTL VN chứ không phải ai khác đã trở nên nguyên nhân đầu tiên và chính yếu đưa đến việc cản trở sự phát triển của Đạo Tin Lành trên đất nước và dân tộc này. Nếu như chính các THTL VN không tự “Phúc Âm hóa” chính mình thì dù chúng ta có nỗ lực rao giảng Phúc Âm đến mấy cũng khó có sức thuyết phục.

Như đã nói ở phần dẫn nhập: trong bài viết này chúng tôi chỉ gợi mở một số vấn đề mà chưa đưa ra một kết luận nào, để các THTL VN rộng đường dư luận. Do trình độ và kiến thức còn nông cạn; rất mong nhận được sự chỉ giáo của các anh chị em. Nguyên xin Đức Chúa Trời Ba Ngôi ban ân sủng tràn đầy trên các anh chị em. Amen!

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kinh Thánh tiếng Việt: BDM, BDC, Kinh Thánh Công Giáo bản dịch năm 2011. NXB Tôn Giáo.
2. Thánh Kinh Tân TỰ ĐIỂN. Viện Thần Học Tin Lành Việt Nam. NXB Phương Đông. 2009.
3. Thần Học Căn bản. Charles C. Ryrie. NXB Tôn Giáo. 2010.
4. Thần Học Cơ Đốc Giáo. Millard J. Erickson. NXB Thời Đại. 2009.
5. Văn Hóa Tâm Linh. Nguyễn Đăng Duy. NXB Văn Hóa Thông Tin. 2009.
6. Cơ Sở Văn Hóa Việt Nam. Trần Ngọc Thêm. NXB Giáo Dục. 2000.
7. Chiến Trận Thuộc Linh Giới. Giáo Trình Của: International School of Theology – Asia. Không Ghi NXB. Không Ghi Năm.
8. Chân Giả Luận. Khuyết Danh. Không ghi năm.
9. Phật Học Căn Bản. Viện Phật Học Việt Nam. Tập I, II, III, IV. NXB Tôn Giáo. 2003.
10. Một số các trang web: [hoithanh.com](http://hoithanh.com); [catholic.org](http://catholic.org); [lamhong.org/](http://lamhong.org/); [hoptinhhoply.net](http://hoptinhhoply.net); [agriviet.com](http://agriviet.com); [mactrieu.vn](http://mactrieu.vn)

## MỐI LIÊN HỆ GIỮA CƠ ĐỐC NHÂN VỚI XÓM GIÈNG CHƯA TIN CHÚA

Lê Đức Trịnh

Hội Thánh Chúa ngày nay đang đứng trong một thách thức mới về sự tồn tại và phát triển Hội Thánh trong thời đại mới. Làm sao để Hội Thánh Chúa có thể tiếp tục phát huy ảnh hưởng của mình với nhiệm mạng “chứng nhân” của Chúa Giê-xu là điều cần được ưu tư suy gẫm. Điều này cần đặc biệt quan tâm khi đứng trước thực trạng văn hóa Việt Nam với việc làm sao tín hữu tin Chúa có thể gây ảnh hưởng và phát triển đạo Chúa trong môi trường xóm giềng chưa tin Chúa của mình. Thông qua bài viết này người viết ước mong con cái Chúa có thể xây dựng mối liên hệ với xóm giềng chưa tin bằng cách nỗ lực phát triển, giữ gìn và giúp đỡ bằng mọi phương cách có thể đối với những người xóm giềng chưa tin Chúa để tôn cao danh Chúa và làm chứng về Chúa cho họ.

### Thực Trạng Cơ Đốc Nhân Đối Với Xóm Giềng Chưa Tin Chúa

#### 1. Thiếu ảnh hưởng của tín hữu tin Chúa với xóm giềng

Trong những năm gần đây, thời buổi kỹ thuật số đã ảnh hưởng đến vấn đề thông tin của toàn thể nhân loại. Sự hiểu biết tình hình thế giới đã ảnh hưởng đến quan niệm sống của nhiều người. Từ chỗ quá khích trong niềm tin của mình, mọi người cũng sống cởi mở hơn. Tuy nhiên, đối với Cơ Đốc nhân ngày nay tại Việt Nam, sự gần gũi, cảm thông của họ trên những xóm giềng chưa tin Chúa dường như không thấy rõ nét. Cái thấy ở chỗ những người chưa tin Chúa thấy người Tin lành đi thờ phượng Chúa ngày Chúa nhật, và họ có các hoạt động tôn giáo của mình cách tích cực, nhưng chỉ giới hạn bên trong cánh cửa nhà thờ. Ngoài những yếu tố đó ra họ không thấy gì khác hơn nữa từ Cơ Đốc Nhân. Điều chúng ta phải suy nghĩ ấy là quan niệm sống của Cơ Đốc Nhân ngày nay không còn nhiệt thành nóng cháy như buổi ban đầu của Hội Thánh mới thành lập. Điều này không những đúng trong tinh thần thời Tân ước được mô tả sống động trong Kinh Thánh sách Công Vụ Các Sứ đồ, nhưng chính tại Việt Nam trong những ngày đầu đạo Chúa mới đến cũng nóng cháy trong lòng con cái Chúa dù hoàn cảnh có khó khăn. Hiện nay nhịp sống công nghiệp tăng, nhu cầu vật chất cao hơn, sự chi phối của công nghệ thông tin cao. Người ta thay vì chú tâm vào những điều Chúa muốn trong mối quan hệ giữa con người với nhau thì họ bị thu hút bởi những chương trình game show, chương trình phim hay hoặc dành thì giờ để lướt web. Những điều đó đã và tiếp tục đang tác động đến không ít đời sống con dân Chúa. Tinh thần yêu thương nhau trong cộng đồng Cơ Đốc và yêu thương nhau giữa người tin và chưa tin cũng hời hợt. Ngay từ buổi đầu của Hội Thánh, lòng nhiệt huyết của những người tin Chúa đã ảnh hưởng đến với nhiều người chưa tin, nhưng ngày nay đã chững lại. Đó cũng là lý do đạo Chúa không thể tiếp tục tiếp phát triển như những ngày đầu. Chính John Stuart Mill đã nói về những ngày đầu của Cơ Đốc Nhân. “Hãy xem những người Ki Tô giáo thương yêu nhau biết bao, một nhận xét dường như bây giờ chẳng còn ai nói...có thể đó là nguyên nhân chính khiến cho Ki Tô giáo bây giờ chẳng có mấy tiến bộ trong việc mở rộng khu vực của nó.”<sup>1</sup>

Tinh thần thiếu ảnh hưởng này dần thành thói quen giữa người Cơ Đốc với nhau. Thay vì họ cần phải xây dựng mối quan hệ với xóm giềng trong tinh thần Cơ Đốc, nhưng họ lại đi theo hai thái cực khác nhau. Thái cực thứ nhất là những người theo chủ nghĩa thuộc linh, cho

---

<sup>1</sup> John Stuart Mill, *Bản Về Tự Do*, NXB Tri Thức, 2016, p 120.

rằng yêu mến Chúa thì phải sống xa lánh những gì có thể làm mình phạm tội. Họ cho rằng mình thuộc linh, nên muốn sống đúng điều Chúa dạy là chỉ có đến nhà thờ, sinh hoạt và vui chơi, gần gũi với những người tin Chúa là tốt nhất. Chính suy nghĩ đó thành ra họ trở nên những cộng đồng xa lánh với người chưa tin Chúa, đặc biệt ít có mối quan hệ với xóm giềng của mình. Quả thật chúng ta dường như thấy được tính hợp lý trong điều này. Thông thường những người chưa tin Chúa sống xung quanh Cơ Đốc nhân, vì họ chưa tin Chúa nên nếp sống có thể khác với quan niệm của người Cơ Đốc. Họ sẵn sàng nhậu nhẹt sau một ngày mệt nhọc, hoặc họ có thể tổ chức đánh bài, cúng bái, hoặc ma chay đầy nhang khói. Rồi bước vào trong nhà họ, những người tin Chúa lại thấy tràn đầy hình tượng, thấp nhang, v.v. Điều này làm cho nhiều người tin Chúa cảm thấy không thể hòa hợp với nếp sinh hoạt đó. Từ đó, họ tách ra hoàn toàn với sinh hoạt của những người xóm giềng chưa tin và xem đó là sự bất hòa hợp căn bản để không còn gắn kết gần gũi, gây ảnh hưởng. Có thể họ vẫn còn thiết lập mối quan hệ xóm giềng nhưng kỳ thật đó chẳng qua là một hình thức của xã giao trong mối quan hệ hợp quần của xã hội cần phải có, nhưng lại không đi đúng với ý nghĩa của cộng đồng gần gũi hợp quần.

Thái cực thứ hai ta cũng suy nghĩ đến là những người tin Chúa có đạo nhưng kỳ thật nếp sống thay vì mang ảnh hưởng, tiếng tốt cho danh Chúa, họ lại mang tiếng xấu cho danh Ngài. Bởi đời sống thể hiện một Cơ Đốc Nhân xác thật hơn là một người thuộc linh. Ta có thể nói họ mang vẻ Cơ Đốc Nhân hơn là một Cơ Đốc Nhân thật sự. Họ sống thay vì ảnh hưởng đến thế gian lại bị thế gian ảnh hưởng. Thay vì họ phải biến đổi thế gian họ lại bị thế gian biến đổi. Nếu xét ra ta thấy tầng lớp này rất sốt sắng trong việc kết bạn và có mối quan hệ khá gần gũi và thường giao thiệp với người xóm giềng. Bởi đời sống họ chẳng khác nào những người chưa tin Chúa, nên trong mắt của xóm giềng, Tin lành chẳng qua cũng chỉ là một tôn giáo như bao tôn giáo khác vậy. Nhiều khi có những tín hữu Tin Lành có lối đạo đức bê tha. Với nếp sống như thế thì làm sao có thể biến đổi hay ảnh hưởng đến những người xung quanh mình? Nếu chúng ta dừng lại ở đây có thể hơi thiếu một chút tính công bằng vì cho rằng ngày nay con số những người yêu Chúa, sống ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh mình cũng có? Nhưng kỳ thật con số ấy so với tỷ lệ và số lượng tín hữu trong Hội Thánh thật sự ít ỏi. Vậy nguyên nhân do đâu?

## 2. Thiếu nếp sống xác định mục đích của Cơ Đốc Nhân

Đây là điều chúng ta đang bàn đến. Một câu hỏi để chúng ta cùng suy nghĩ và giải quyết xem có phải những hành động không xây dựng và quan tâm đến những người xung quanh hoặc hành động tình trạng sống đời sống không đúng chuẩn mực là nguyên nhân dẫn đến những Cơ Đốc Nhân không thể có tiếng tốt và ảnh hưởng đạo Chúa với những người xung quanh? Như vậy nguyên nhân do đâu? Điều gì đã khiến cho nhiều Cơ Đốc Nhân không biết mình cần phải sống ảnh hưởng đến những người xóm giềng về nếp sống trong tiêu chuẩn của Chúa? Đó chính là lối sống không biết mình sống để làm gì. Câu hỏi lớn nhất của những người phân vân về đời sống của mình trên đất phải được đặt ra là lý do tôi tồn tại và tôi sẽ đi về đâu? Hay ta có câu nói thường nêu ra khác là ý nghĩa cuộc sống tôi là gì và tôi phải làm gì? Tôi sẽ đi đâu? Tất cả các câu hỏi đó dường như rất khó trả lời đối với triết học, khoa học và thậm chí nhiều tôn giáo, nhưng lại là câu trả lời không khó đối với Cơ Đốc Nhân. Nhưng nếu nói như thế thì đời sống Cơ Đốc Nhân trên đất này là gì? Mục đích tồn tại của họ là gì? Một câu hỏi chúng ta thường thấy trên môi miệng Cơ Đốc Nhân nhất là khi nói về Chúa cho người khác rằng anh chị hãy tin Chúa đi, tin Chúa để có một đời sống sung mãn, tìm được ý

nghĩa cuộc đời mình, nhưng nếu câu hỏi này được hỏi đến mỗi Cơ Đốc Nhân thì câu trả lời là gì? Đa phần Cơ Đốc Nhân không thể trả lời câu hỏi tôi sống trên đất này để làm gì? Ý nghĩa của đời sống tôi là gì? Những câu hỏi đơn giản dường như nói lên rằng trong Cơ Đốc Giáo có giải đáp và khi muốn trả lời thì rất dễ nhưng kỳ thật khi đối diện và trả lời cũng chẳng phải đơn giản. Chính điều này khiến cho nhiều Cơ Đốc Nhân không biết mình sống để làm gì trước Hội Thánh và những người xóm giềng của mình. Sự mất định hướng và nếp suy nghĩ ngoài việc Cơ Đốc Nhân tin Chúa để được cứu, và nếu được nữa là chia sẻ Tin lành cho người khác, họ chẳng có thêm điều gì hơn là sống như mọi người khác. Từ chỗ đáng ra họ phải chia sẻ tình yêu, nếp sống quan tâm, gần gũi, an ủi và sẵn sàng chia sẻ, hy sinh hạnh phúc của cái mình có và cả thời gian cho những người xóm giềng họ đã sống khác hẳn. Khi gặp bất hòa với xóm giềng họ sẵn sàng tranh đấu để làm sao đạt lợi nhất về phần mình. Họ sẵn sàng tìm mọi phương cách và thủ đoạn để có được phần thắng cho mình và làm lợi về mình. Không thể nói hơn về nếp sống của những người thiếu mục đích và hướng đi khi họ cho rằng họ là Cơ Đốc Nhân lâu năm, tín đồ gốc. Nhìn thấy cảnh trạng những Cơ Đốc Nhân sống đối đãi với xóm giềng với nếp sống tiêu chuẩn đạo đức còn thấp hơn chính những người xóm giềng chưa tin thì có thể có cách nào để đạo Chúa được đồn ra với những tiếng tốt về một Tin lành bình an và cứu rỗi? Vậy chúng ta phải làm sao đây?

## **Trách Nhiệm Của Cơ Đốc Nhân Với Xóm Giềng Chưa Tin Chúa**

### **1. Xác định mục đích Cơ Đốc Nhân**

Như người viết đã trình bày ở trên. Đời sống không có mục đích và xem mục đích của đời của mình trên đất này tồn tại để làm gì đã ảnh hưởng đến lối sống của Cơ Đốc Nhân. Họ dần không ý thức trách nhiệm của mình. Thay vào đó là đời sống hoặc xa lánh những người xóm giềng, hoặc đồng hóa đến nỗi không thể hiện được danh Chúa cho người khác. Như vậy, ta phải nói Cơ Đốc Nhân xác định mục đích của mình khi sống trên đất rất quan trọng.

Trong niềm tin của Cơ Đốc Nhân có hai phương diện ta có thể nhận thấy. Một phương diện mô tả về lối sống hay hành vi đạo đức. Nó thể hiện đặc trưng của người tin Chúa. Phương diện thứ hai là phương diện siêu hình hay điều mình tin. Phương diện thứ hai này giải thích cho người Cơ Đốc biết lý do tại sao mình sống như vậy hay ta có thể nói việc Cơ Đốc Nhân sống như thế nào, tùy thuộc vào điều họ tin thể ấy. Vậy ta xem Cơ Đốc Nhân cần phải làm gì? Mục đích của họ khi sống trên đất này để làm gì?

Để trả lời câu hỏi mục đích của Cơ Đốc Nhân ta xem thử tại sao Cơ Đốc Nhân cần phải xác định mục đích của mình? Nếu chúng ta làm bất cứ điều gì không có mục đích cụ thể chắc hẳn công việc chúng ta chẳng đi đến đâu. Đó cũng là lý do Phao lô nói “tôi chạy, chẳng phải là chạy bừa vơ; tôi đánh, chẳng phải là đánh gió” (1 Côr 9:6). Và nếu mỗi Cơ Đốc Nhân đều có một mục đích duy nhất trong đời và các hành động của họ đều bị chi phối bởi một mục đích duy nhất ấy chắc hẳn họ sẽ không bị làm lạc trong những mối quan hệ, hành động đối với những người xóm giềng. Nhưng nếu mỗi Cơ Đốc Nhân đều ý thức được mục đích của mình sống cho Chúa, điều đó cũng có nghĩa là những hành động, lối ứng xử, công việc của họ cũng sẽ bị ảnh hưởng đến lối sống với những người láng giềng. Điều này không chỉ chi phối lối sống, suy nghĩ và hành động của người tin Chúa với những người xóm giềng chưa tin, nhưng ngay cả đối với người tin Chúa và với những nơi người tin Chúa đi đến, hành động và làm việc. Và nếu như thế ta suy rộng ra rằng người tin Chúa biết được mục đích cụ thể của mình sống cho ai, làm gì, thì trong việc kinh doanh, trong việc định hướng tương lai của

mình, hay việc nuôi dạy con cái.v.v., đều bị được chi phối. Vấn đề chính của Cơ Đốc nhân vì không xác định cụ thể mục đích của mình, nên họ bị chi phối ngay chính trong mối quan hệ và công việc của họ. Họ thờ phượng Chúa nhưng không biết mục đích thờ phượng Chúa để làm gì, hoặc họ chẳng biết tại sao ứng xử với tốt hay ứng xử xấu với xóm giềng chưa tin. Có người nói họ ứng xử tốt, thân thiện và gần gũi với những người chưa tin Chúa đơn giản vì Chúa dạy họ phải làm như thế. Còn người khác khi có sự cố xảy ra giữa hai người với nhau, anh ta sẵn sàng sẵn áo tay lên hoặc nổi trận lôi đình, hoặc dùng những ngôn từ không thể diễn tả đó là Cơ Đốc Nhân. Nguyên nhân bởi họ không xác định mục đích của mình giữa người chưa tin Chúa là gì. Vì vậy, Cơ Đốc Nhân cần phải xác định mục đích hay nói cách khác là Cơ Đốc Nhân phải trả lời cho câu hỏi tại sao tôi phải tốt với xóm giềng, tại sao tôi phải sống yêu thương với họ và tại sao tôi phải làm bạn gần gũi với họ.

Có người cho rằng đồng ý có những vấn đề cần phải đưa ra được lý do, hay mục đích, nhưng trong mối quan hệ bạn bè, gần gũi với xóm giềng ta không nên có lý do hay mục đích gì cả, chỉ đơn giản là xóm giềng. Nếu chúng ta đưa ra thêm rằng tôi quen biết, giúp đỡ hay gần gũi với một người sống gần bên tôi cần phải có lý do hay mục đích có vẻ như không tốt cho lắm, hay nói cách khác là có vẻ như một người làm việc gì cũng có điều kiện hoặc tìm lợi ích gì đó. Nó dường như đi ngược với quan niệm Cơ Đốc Nhân, vì Chúa chúng ta đã yêu chúng ta bằng tình yêu mặc dầu, nên chúng ta cũng nên như thế, không cần phải mục đích hay lý do gì cả, chỉ đơn giản là gần gũi, quan tâm thôi. Nhận định nghe có vẻ rất hợp lý khi chúng ta đang bàn về mục đích hay hành động của Cơ Đốc Nhân với xóm giềng, và quả thật Chúa yêu chúng ta bằng tình yêu Agape, nhưng không vì lý do đó để chúng ta được phép nói với người khác rằng ta làm bất kỳ điều gì cũng không có mục đích hay lý do. Chúa yêu chúng ta không cần điều kiện gì đi nữa nhưng Chúa có một mục đích khi yêu chúng ta và việc Ngài chết trên thập tự giá cũng có mục đích. Tất cả những hành động của Chúa được trước tác trong các sách Phúc âm đều mô tả cho chúng ta về mục đích của Ngài. Với lý do đó, ta không có lý do gì để nói rằng ta làm bất cứ điều gì cũng không cần mục đích, và như thế, với xóm giềng chưa tin Chúa trong mối quan hệ ta phải xác định mục đích rõ ràng trước khi đến với họ để xây dựng mối quan hệ. Dầu vậy, có người vẫn cho rằng nếu Chúa có mục đích trong tất cả việc làm của mình, nhưng đối với tôi có một điều gì đó chưa ổn thỏa khi cho rằng tôi phải sống và xây dựng mối quan hệ với xóm giềng chưa tin Chúa phải xác định mục đích ngay từ đầu dường như không ổn lắm. Vì có vẻ như thế chẳng phải tôi là người lợi dụng hoặc có ý không tốt khi đến với người chưa tin Chúa sao? Nhưng người viết cho rằng ngay cả những việc nhỏ nhất nhất đến việc lớn nhất đều phải có mục đích hành động. Đối với Cơ Đốc Nhân có hai điều ta lưu ý. Hoặc ta đến với người chưa tin với mục đích hay lý do thấp hèn hoặc mục đích hay lý do cao cả mà thôi. Nếu tôi đến để nói về Chúa, để giúp họ đến và nhận được sự sống đời đời nơi Chúa Giê-xu. Tôi đến với động cơ giúp họ nhận biết lẽ thật thì điều đó là điều đáng khen ngợi và đó là mục đích cao thượng. Nhưng ngược lại, nếu tôi đến với họ để lợi dụng, hoặc dùng tôn giáo để tìm cầu lợi ích cá nhân, lấy bụng mình làm Chúa mình thì đó là mục đích thấp hèn. Do đó, tất cả chúng ta là người tin Chúa trong mối quan hệ xóm giềng chưa tin phải xác định ngay từ đầu trong mục đích mình đang xây dựng là điều cần yếu.

Vậy ta đã bàn đến việc phải có mục đích trong đời sống Cơ Đốc Nhân. Vấn đề tiếp theo người viết muốn suy gẫm xem mục đích của đời sống Cơ Đốc Nhân là gì? Mục đích của tôi được Chúa đặt để như thế nào đối với xóm giềng chưa tin Chúa? Để xét vấn đề này ta xem và nhận biết mỗi người Chúa đặt để một mục đích nào đó. Tiên tri Giê-rê-mi khi ông đối diện với nhu cầu của dân Israel, Chúa có phán ông rõ rằng: “Trước khi tạo nên người trong lòng

me, ta đã biết người rồi; trước khi người sanh ra, ta đã biệt riêng người, lập người làm kẻ tiên tri cho các nước” (Giê 1:4, 5). Mục đích của Giê-rê-mi đối với các nước là một tiên tri. Vậy đối với Giê-sép khi được Chúa đặt để ông đến Ai-cập làm gì? Để cứu gia đình của Gia-cóp. Nhưng đó có phải là mục đích tối hậu không? Chắc chắn không phải. Và một gương mẫu để chúng ta suy nghĩ đó chính là Chúa Giê-xu, đối tượng đức tin của chúng ta như chính lời Kinh Thánh mô tả “nhìn xem Chúa Giê-xu là cội rễ và cuối cùng của đức tin” (Hê 12:2). Vậy mục đích của Chúa Giê-xu là gì? Kinh Thánh mô tả mục đích của Ngài là giảng Tin lành. “Ngài phán: Chúng ta hãy đi nơi khác, trong những làng xung quanh đây, để ta cũng giảng đạo ở đó nữa; vì ấy là cốt tủy việc đó mà ta đã đến” (Mác 1:38). Nhưng đó có phải là mục đích cuối cùng của Chúa Giê-xu không? Cũng không phải. Vậy mục đích của cuối cùng của Ngài là gì? Để trả lời câu này ta xem xét và nhận biết điều Chúa Giê-xu đã tuyên bố khi Ngài phải đối diện với thời điểm mà Cha giao phó đã đến, Ngài đã nói “con đã tôn vinh Cha trên đất, làm xong công việc Cha giao cho làm” (Giăng 17:7). Như vậy, có hai điều Cơ Đốc Nhân phải thực hiện trong đời sống hằng ngày và nó gắn liền với những hoạt động giữa Cơ Đốc Nhân với xóm giềng chưa tin Chúa.

Điều đầu tiên là tôn vinh Cha trên đất và điều thứ hai là làm xong công việc Cha giao cho làm. Vậy thì trong mối quan hệ với xóm giềng chưa tin Chúa Cơ Đốc Nhân phải thể hiện như thế nào để qua đời sống của mình người ta có thể tôn vinh Chúa của chúng ta. Điều đó có nghĩa là những hành động, suy nghĩ, lời nói, cách sống của chúng ta không được đi ngược lại với nguyên tắc tôn vinh Cha trên đất và đó chính là mục đích đầu tiên của Cơ Đốc Nhân với xóm giềng chưa tin. Điều thứ hai là hoàn thành mọi công tác Chúa giao cho chúng ta. Như thế, Cơ Đốc Nhân không được phép làm điều gì khác ngoài hai mục đích quan trọng của đời sống mình là làm vinh hiển Cha trên đất hay tôn vinh Cha trên đất và hoàn thành sứ mệnh Chúa đã giao phó. Vậy đời sống tôn vinh Cha trên đất đòi hỏi mỗi chúng ta phải thể hiện mình là sự sáng, là muối và bất cứ điều gì có thể tôn vinh Cha trên đất. Điều đó gói gọn trong từ việc lành “vì chúng ta là việc Ngài làm ra, đã được dựng nên trong Đức Chúa Jê-sus Christ để làm việc lành mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn trước cho chúng ta làm theo” (Ê-phê-sô 2:10).

Điều thứ hai chúng ta thấy ở đây đó là làm xong công việc Cha giao cho làm. Điều này là điều gì? Có phải là Chúa đã chịu đóng đinh trên thập tự giá rồi không? Nếu xét trong bối cảnh phần Kinh Thánh Giăng 17:4 và tiếp đó là câu “con đã tỏ danh Cha cho những người Cha giao cho con, và họ đã nhận lấy” (Giăng 17:6). Ta có thể biết được điều Chúa muốn nói đây là rao giảng Tin lành, và đó là điều Chúa Giê-xu đã nói “Cốt tủy việc đó mà ta đến”. Đây cũng là trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân. Mạng lệnh này đã được Chúa Giê-xu để lại cho các môn đồ và bây giờ là mỗi tín hữu, và trong phạm vi gần nhất của mình là xóm giềng chưa tin Chúa. Chúng ta không thể sống bày tỏ vinh hiển hay tôn vinh danh Chúa ra giữa xóm giềng chưa tin mà không có lời chứng hay cho họ biết mình là người được Chúa cứu. Ta không thể chỉ thể hiện nếp sống Cơ Đốc tôn vinh Chúa giữa họ mà không cung cấp cho họ chìa khóa để nhận lấy sự cứu rỗi. Đó chính là mục đích của Cơ Đốc nhân đối với xóm giềng chưa tin Chúa.

## 2. Quan tâm và đáp ứng nhu cầu người chưa tin Chúa

Mục đích của Cơ Đốc Nhân đối với xóm giềng chưa tin Chúa đã được xác định, nhưng ta cũng suy nghĩ đến yếu tố tiếp theo trong mối quan hệ giữa Cơ Đốc Nhân với xóm giềng chưa tin Chúa được xem như điều cần yếu ngày nay nhưng lại bị thiếu sót. Thông thường

trong suy nghĩ của người tin Chúa cho rằng điều cần yếu nhất của người tin Chúa là phải làm chứng về Chúa cho những người chưa biết đến Chúa và điều này cũng dẫn đến một thực tế khi chúng ta nghĩ đến kết quả là phải tin Chúa mà quên đi phương cách hành động. Và có thể phương cách hành động nhiều khi được đề cập đến nhưng lại quá gấp rút để mong đạt đến ước muốn của Cơ Đốc Nhân là những người mình tiếp cận phải tin Chúa. Điều này khiến cho đáng lẽ mỗi ngày chúng ta có mối quan hệ thân thiết và khẩn khít cũng như qua đó ta có thể từng hồi từng lúc chia sẻ Phúc âm cho những người lân cận ta, nhưng sự vội vã đó đã đi ngược lại, phản tác dụng. Những người ta tiếp cận họ đã có sự dè chừng trong mối quan hệ của chúng ta và làm cho giữa người tin và chưa tin có một bức tường vô hình không thể giải quyết.

Một số người cho rằng ngày hôm nay mục đích chính của Cơ Đốc Nhân là cứu người chứ không phải giúp đỡ người chưa tin, vì vậy ta không quan tâm đến nhu cầu của họ là gì, họ cần gì, họ thích gì, họ suy nghĩ gì nhưng chúng ta cứ áp đặt niềm tin của chúng ta trên họ. Đây cũng là khoảng cách làm cho người tin Chúa khó giúp đỡ hoặc bị rào cản sẵn mà không còn cơ hội hoặc bị khước từ khi nghe về Phúc âm. Nếu chúng ta suy nghĩ điều này trên nền tảng Phúc âm ta có thể thấy. Chúa Giê-xu chú trọng đến cuối cùng vấn đề của họ là phải tin Chúa để được cứu, nhưng Ngài cũng không vì có đó mà quên đến nhu cầu của người xung quanh mình. Chúa đã chữa mười người phong nhưng chỉ có một người quay lại. Chúa vẫn cho Giu-đa có cơ hội để phục vụ bên cạnh Ngài. Chúa vẫn hóa bánh cho đoàn dân đông và dẫn sau đó Ngài chỉnh sửa suy nghĩ sai lầm của họ. Cũng thế, Cơ Đốc Nhân không thể suy nghĩ rằng người chưa tin Chúa cần cứu rồi và đó là điều chúng ta đang làm ơn cho họ, nên họ phải nghe và làm theo điều chúng ta. Rồi từ đó ta quên đi họ đang cần những điều thật sự nhu yếu trong đời này mà họ có thể chưa chú ý gì về sự sống đời đời.

Có đôi khi chúng ta biện hộ cho hành động mình làm cho họ chú ý đến điều quan trọng nhất là được cứu và quên đi đáp ứng nhu cầu của họ trong hiện tại. Điều chúng ta mong đợi những người chưa biết Chúa là họ được cứu. Nếu xét bình diện theo lẽ đối nhân xử thế và họ chưa nhận biết sự sống đời đời là quan trọng đối với họ thì chúng ta đang là những con người ích kỷ. Chúng ta ích kỷ vì chỉ muốn người ta đáp ứng nhu cầu của mình mà thôi. Nhu cầu của Cơ Đốc Nhân là gì? Chẳng phải là muốn nhiều người tin Chúa sao? Và đó là lý do và điều chúng ta có thể đã làm trong những ngày vừa qua để muốn những người trong mối quan hệ mình có, là xóm giềng chưa tin Chúa phải tin Chúa mà ta quên đi họ đang cần gì. Ngay cả người đàn bà bên giếng nước, Chúa Giê-xu đã nhắc đến nhu cầu thể chất của bà là nước và chồng trước khi nói đến vấn đề tâm linh. Vậy ta không có lý cứ gì để chỉ bắt ép họ theo quan điểm và cách nhìn của chúng ta rằng họ phải tin Chúa trước, đầu chúng ta biết điều đó là điều quan trọng nhất đối với họ. Nhưng nếu chúng ta xây dựng mối quan hệ trên sự chân thành, và đến với họ để đáp ứng những nhu cầu thật sự cần thiết trên đời sống của họ mà ta có thể giúp đỡ trong khả năng của chúng ta, chắc hẳn chúng ta sẽ có tình cảm, mối quan hệ lâu dài, sự cảm thông trong mối quan hệ xóm giềng. Đây cũng là nguồn thân hữu chắc chắn và lâu dài cũng như ta có thể chăm sóc và giúp đỡ họ lớn lên trong sự cảm thông và gần gũi để giúp đỡ được họ. Tại sao người viết lại đề cập đến sự chắc chắn về nguồn thân hữu và cả việc họ tin Chúa chắc chắn hơn? Nhìn chung trong thời gian qua trong công tác truyền giảng của các Hội Thánh, đặc biệt các chương trình truyền giảng lớn ta thấy một vấn đề xảy ra, ấy là số lượng tin Chúa rất đông nhưng tỷ lệ đứng vững không có bao nhiêu. Lý giải cho điều này ta có thể thấy ở đây với những nguyên nhân như khi một người tin Chúa ta không biết họ là ai, ai là người hướng dẫn gần gũi để giúp đỡ. Và nếu người giúp đỡ người tin Chúa lớn lên cũng quá



ít ỏi. Bên cạnh đó, ta thấy thực tế xảy ra, vì không có mối liên hệ gắn kết gần gũi, nên cơ hội làm chứng, đối thoại niềm tin và cảm thông không có. Vì vậy, những người đứng lên tin Chúa có thể vì cảm xúc nhất thời hoặc bị thúc giục hoặc bị áp lực mà tin Chúa. Nhưng khi họ trở về họ lại không tiếp tục trong điều mình đã tin dưới nhiều góc độ khác nhau. Nhưng nếu xét trên bình diện của mối quan hệ của tín hữu và xóm giềng chưa tin Chúa ta có thể giải quyết được vấn đề này. Vì thông cảm và hiểu nhau, giúp đỡ nhau nên có thể đối thoại niềm tin và nguồn thân hữu này ta mời rất dễ. Khi họ đã chắc chắn và quyết định tin Chúa ta có thể có những người thật gần gũi với họ để giúp đỡ họ lớn lên, san sẻ nhiều điều. Và những người này ta thấy khi tin Chúa sẽ ổn hơn, chất lượng hơn và cũng không phải tốn kém cho những chương trình truyền giảng lớn dù ta biết nó cũng cần thiết để gây tiếng vang và khích lệ tinh thần truyền giảng chung. Như thế, phát triển và quan tâm của tín hữu và xóm giềng chưa tin là cơ hội tốt để chúng ta phản ánh đời sống của người được Chúa biến đổi, có thể tôn vinh Cha trên đất và giới thiệu về Chúa hiệu quả.

### **Phương Cách Xây Dựng Một Cộng Đồng Tín Hữu Với Xóm Giềng chưa tin Chúa**

Làm thế nào để tinh thần sống đúng mục đích Chúa muốn của cộng đồng tín hữu với xóm giềng chưa tin Chúa được phát huy hiệu quả? Nó không thể thực hiện chỉ bởi cá nhân, vì cá nhân sốt sắng không thể trọn vẹn trong ý nghĩa của thân thể Đấng Christ. Nhưng nếu muốn một cộng đồng tin Chúa thực hiện ta phải có một chiến lược cho Hội Thánh nơi chúng ta đang dự phần và thờ phượng. Chúng ta thấy có những yếu tố không thể thiếu để xây dựng một cộng đồng phát triển về số lượng và chất lượng với mục đích làm sáng danh Chúa, làm trọn điều Cha giao phó. Phương cách đó được phát triển dựa trên sự phát triển đầu tư của khối Cơ Đốc Giáo dục, xây dựng các nhóm nhỏ hỗ trợ và những công tác thiết thực trong mối quan hệ với xóm giềng chưa tin.

#### **1. Phát triển giáo dục**

Điều đầu tiên chúng ta phải đề cập đến là công tác giáo dục. Một Hội Thánh tăng trưởng hay không thì yếu tố quyết định là vấn đề giáo dục. Tại sao giáo dục được đề cập đầu tiên như thế? Chúng ta đã suy nghĩ và nhận thấy lý do ngày nay tín hữu tin Chúa không sống đúng mục đích của Chúa giao phó và làm tổn thương đến danh Chúa ấy là do sự thiếu hiểu biết. Thiếu hiểu biết đầu tiên là thiếu hiểu biết lẽ thật để đời sống tâm linh tăng trưởng và sâu nhiệm Chúa. Tiếp theo là thiếu chuẩn bị và hướng dẫn cụ thể. Và cuối cùng là họ bị ảnh hưởng bởi quan niệm sống thế tục, tư tưởng họ không thể thay đổi với hoàn cảnh văn hóa của họ đang tiếp nhận với những triết lý họ được nuôi dưỡng từ nhỏ, từ nhiều thế hệ và cả được giáo dục trong môi trường gia đình, nhà trường và xã hội. Làm sao ta có thể thay đổi được tư tưởng của một người? Chẳng có cách nào hơn là giáo dục. Giáo dục hay dạy lời Chúa phải được đề cập đến và được xem như vấn đề tiên phong sự cải cách tư tưởng, cải cách lối sống và cải cách mục đích sống. Nếu giải quyết và thay đổi tình trạng quan niệm sống của tín hữu tin Chúa mà không bắt đầu từ cái gốc rễ là cái tư tưởng thì khó có thể thực hiện được. Và để thực hiện được, để thay đổi được tư tưởng chỉ có giáo dục dựa trên nền tảng Thánh kinh về vấn đề ta đang nói đến là mục đích Cơ Đốc Nhân với những người xóm giềng chưa tin. Chúng ta có thể thấy điều này trong là quan trọng như thế nào khi nói đến phong trào Minh Trị Duy tân, nó đã thay đổi to lớn trong cấu trúc xã hội Nhật như thế nào. Một trong yếu tố liên quan đó là giáo dục.

Các môn học chuyên chủ yếu từ học thuộc Kinh Sứ sang Khoa học-Kỹ nghệ-Thương mại. Mô hình tự trị-tự chủ Đại học được áp dụng theo hình mẫu phương Tây. Tư nhân được phép mở trường. Chất lượng dạy học cũng như chương trình chịu ảnh hưởng Hoa Kỳ và Phương Tây nhiều mặt. Điển hình như việc soạn sách: 80% sách vở và tài liệu chuyên ngành được biên soạn theo mẫu Phương Tây. Trong thời gian đầu cải cách Giáo Dục, ước tính có tới 500 giảng viên nước ngoài trong số 15 Đại Học đầu tiên của Nhật. Các giảng viên này được trả lương rất cao - 300 Yên/ tháng so với lương Công chức Nhật thời bấy giờ là 30 Yên/tháng và hỗ trợ tốt về ăn ở, đi lại nhằm mục đích để họ cống hiến hết mình, truyền bá các kinh nghiệm của bản thân. Giảng viên Nhật có thể học hỏi phương pháp của các Giáo sư nước ngoài này. Những học sinh giỏi được cử sang du học ở nước ngoài.<sup>2</sup>

Không những bên Nhật bản nhưng cả cuộc cải cách nước Trung Hoa cũng thế. Họ tập trung vào giáo dục “-Lập trường học theo kiểu phương Tây, cử người đi học ở nước ngoài. Cải cách chế độ thi cử, bỏ lối văn bát cổ trong các khoa thi mà lấy môn luận về thời vụ thay vào. Cho mở nhà in để in sách báo,..”<sup>3</sup> Để xây dựng được tinh thần xác định được mục đích của đời sống và cách thức làm thế nào để sống cho mục đích đó thì chắc hẳn phải thay đổi quan niệm sống và mục đích sống của tín hữu trong chính căn nguyên tư tưởng của họ. Vậy ta làm bằng cách nào? Ta có thể xây dựng một hệ thống giáo dục Cơ Đốc qua việc giảng dạy có định hướng của Mục sư hay người hướng dẫn tín hữu của mình. Bên cạnh đó, ta có thể lên kế hoạch soạn và giảng dạy các loạt bài mà Kinh Thánh đề cập về mục đích của đời sống Cơ Đốc Nhân, cách thực hiện như thế nào để có thể sống như thế. Các chương trình trường Chúa nhật của Hội Thánh và cả tòa giảng là nơi có thể giảng dạy về vấn đề này. Đối với trường hợp những Hội Thánh đã học trong các lớp trường Chúa nhật và giảng dạy, lâu lâu ta có thể giảng để tiếp tục khích lệ tinh thần của con dân Chúa và cho họ xác định lại mục đích đời sống mình. Không những như thế ta có thể thực hiện loạt bài học cho các tân tín hữu hoặc dành cho các chương trình hậu báp têm về loạt bài ta đã soạn xây dựng trên nền tảng Thánh Kinh. Từ nền tảng giáo dục đó tín hữu có thể biết lý do mình sống và cách ứng xử đối với xóm giềng chưa tin Chúa.

## 2. Xây dựng các chương trình hoạt động cụ thể

Bên cạnh công tác giáo dục để thay đổi tư tưởng, quan niệm và xây dựng trên nền tảng Thánh Kinh về ý muốn của Đức Chúa Trời trên Cơ Đốc Nhân với xóm giềng chưa tin ta cũng không quên một yếu tố khá quan trọng liên quan đến sự thực hành những điều tín hữu đã được dạy và chuẩn bị tri thức Thánh Kinh. Cụ thể ta có thể đặt ra những kế hoạch, chương trình thực hiện cụ thể hầu có thể giúp đỡ các con cái Chúa thực hiện mục đích Chúa đặt để trên họ. Các chương trình này có thể là các mô hình nhóm nhỏ sinh hoạt, giúp đỡ và kết thân với xóm giềng chưa tin. Nó được xem như một nhịp cầu nối giữa người tin và chưa tin. Ta có thể lên chương trình chi tiết cần thực hiện theo từng giai đoạn từ ba tháng đến một hoặc hai năm. Ngoài ra, cần có những đề xuất cụ thể về phương cách nào nắm bắt được nhu cầu của xóm giềng mình về những điều họ thật sự có nhu cầu trong nhóm nhỏ có thể quan tâm giúp đỡ để tạo tinh thần. Ta có thể đặt vài câu hỏi như xóm giềng chưa tin Chúa đang cần điều gì? Họ có thiếu hụt về tình cảm không? Con cái họ có cần giúp đỡ về tri thức hay tư vấn không? Hôn nhân gia đình của họ có cần ta giúp không? Những người xung quanh ta có hoàn cảnh đặc biệt ta phải giải quyết và gần gũi giúp đỡ như thế nào? Những sự kiện trong cộng

<sup>2</sup> [http://vi.wikipedia.org/wiki/Minh\\_Tr%E1%BB%8B\\_Duy\\_t%C3%A2n](http://vi.wikipedia.org/wiki/Minh_Tr%E1%BB%8B_Duy_t%C3%A2n)

<sup>3</sup> [http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A1ch\\_nh%E1%BA%ADt\\_Duy\\_t%C3%A2n](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A1ch_nh%E1%BA%ADt_Duy_t%C3%A2n)

đồng nhỏ của chúng ta và những người chưa tin ta đã thực hiện và tham gia, gắn kết như thế nào? Nếu một gia đình có hoàn cảnh neo đơn cần giúp đỡ thì tín hữu cần phải làm gì? Những chương trình lễ tang lễ của người chưa tin mà chúng ta đang sống gần ta phải ứng xử như thế nào? Hay những ngày sinh nhật của những người tin Chúa lẫn người chưa tin đã được gắn kết như thế nào? Chúng ta phải đưa ra những chương trình cụ thể về từng vấn đề và giúp cho các tín hữu ta biết phải ứng xử như thế nào trong từng tình huống và từ đó họ có thể biết phải ứng phó những tình huống phát sinh. Như thế, chắc hẳn Cơ Đốc Nhân có thể tôn vinh Chúa và hoàn thành sứ mạng Chúa giao cho.

Như vậy, nếu chúng ta xây dựng một cộng đồng tín hữu được giáo dục trên nền tảng lời Chúa và họ xác định được mục đích đời sống mình làm vinh hiển danh Chúa, hoàn thành công tác Chúa giao như một nhu cầu và lẽ sống của tín hữu với những chương trình cụ thể trong sự quan tâm, giúp đỡ, gần gũi với xóm giềng chưa tin, chắc chắn chúng ta sẽ có được ảnh hưởng và đạo Chúa được phát triển trong môi trường Việt.

# VĂN BẢN QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VỀ ĐẠO TIN LÀNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY – VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP

Hoàng Ngọc Hùng

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cơ đốc nhân hiểu Trời là đấng tạo hóa, tin rằng “luật tự nhiên” là do tạo hóa ban cho, tin bản chất con người và thế giới là sự phản ánh ý chí của tạo hóa; luật tự nhiên, luật xã hội suy cho cùng là quy định bất hủ của tạo hóa về nguyên tắc sống cho loài người. Từ giá trị về các quyền tự nhiên và quyền con người (có giá trị mọi lúc, mọi nơi, gắn với bản chất con người), từ lời đầu của Tuyên ngôn độc lập nước Việt Nam DCCCH, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã dẫn ý Thánh kinh qua Tuyên ngôn độc lập của Mỹ (“...*tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được...lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ...*”). Nghĩa hẹp từ “luật pháp” tiếng Hê-bơ-rơ (viết: תורה và תורה) là tên chung 10 Điều Răn của Trời (Xuất Ê-díp-tô Ký chương 20 và Phục Truyền Luật Lệ Ký chương 5), nghĩa rộng là tên chung 5 sách đầu tiên của Thánh kinh. Sự dạy dỗ từ Thánh kinh về bổn phận công dân của tín đồ đối với chính quyền và về trách nhiệm của chính quyền đối với công dân vừa là quy định bất hủ của tạo hóa vừa là cơ sở lý luận và thực tiễn sống đạo (1).

Việc tín đồ Tin lành vừa theo ý Trời vừa theo luật người cũng là làm theo Kinh thánh – bởi nếu Trời không ban thì chẳng vua, tổng thống, chủ tịch nào (từ chủ tịch nước tới chủ tịch xã) có thể phát ra những thông tin hành chính để điều chỉnh quan hệ xã hội – trong đó có quan hệ pháp lý của tín đồ, hội thánh. Tuyên ngôn dân quyền, tuyên ngôn độc lập, hiến pháp, bộ luật, sắc lệnh, pháp lệnh và các văn bản dưới luật là ý chí của giai cấp thống trị, là hệ thống qui tắc xử sự có tính bắt buộc (cho mọi công dân, cơ sở tôn giáo), là nhân tố điều chỉnh quan hệ xã hội, đưa xã hội phát triển (bao gồm sự phát triển hội thánh) và phạm luật, luật Trời hay luật vua, là một trong các hành vi phản loạn. Phát triển hội thánh ở Việt Nam gắn với hệ thống luật và văn bản dưới luật Việt Nam, trước mắt là gắn với những văn bản quản lý hành chính nhà nước đối với tôn giáo:

- Năm 2004, Ủy ban thường vụ Quốc hội ra Pháp lệnh số 21/2004/PL-UBTVQH 11 ngày 18 tháng 6 năm 2004 về tín ngưỡng, tôn giáo (có 41 Điều).
- Năm 2005, Chính phủ ra Nghị định của số 22/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2005 hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo (Nghị định 22, có 38 Điều)
- Năm 2012 Chính phủ ra Nghị định số 92/2012/NĐ-CP (46 Điều) quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh 21 (năm 2004) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013 và thay thế Nghị định 22 (năm 2005). Nghị định 92 quy định chi tiết về:
  - Hoạt động tín ngưỡng; tôn giáo;
  - Trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc quản lý hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

Nếu giới nghiên cứu (2) hiểu: “*Tin lành là một tôn giáo lớn trên thế giới, đạo Tin lành đã có mặt ở Việt Nam hơn 100 năm. Quá trình phát triển ở Việt Nam, Tin lành đã chọn các hình thức hoạt động mềm dẻo, giáo lý và lễ nghi được đơn giản hoá, quần chúng hoá, nhiều nơi thích nghi*”

*với phong tục tập quán địa phương, số lượng tín đồ càng tăng. Cốt yếu là tín đồ không tách rời với điều kiện lịch sử mới, tìm được nhiều phương sách đúng đắn để hoà nhập cộng đồng dân tộc, không đi ngược lại lợi ích của dân tộc...”* thì việc tín đồ, nhà tu hành, chức sắc và tổ chức tôn giáo thiếu chú ý nguồn thông tin quản lý hành chính đối với tôn giáo đang gây lúng túng cho chính sự phát triển tôn giáo mình nói chung và Đạo Tin lành nói riêng.

Vì vậy, tìm hiểu thêm các nguồn thông tin quản lý nhà nước về tôn giáo giúp tín đồ, nhà tu hành, chức sắc, người quản trị các tổ chức tôn giáo tiện tra cứu là một trong những việc cần làm ngay và là một trong các mục tiêu của bài viết này.

## **2. THỰC TRẠNG**

### **2.1. Đánh giá của giới nghiên cứu về Đạo Tin lành**

Đến năm 2010, qua 31 năm (từ năm 1975), số tín đồ Tin lành tăng gấp 6 lần so với 64 năm (từ 1911 đến 1975) ở mọi tỉnh, thành; nhưng đạo Tin lành vẫn là vấn đề rất mới, rất lớn và rất khó đối với Chính phủ, liên quan đến công tác đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Xét về thành phần, tín đồ Tin lành nay rất đa dạng, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và Tây Bắc. Theo một thống kê không chính thức, đến năm 2010, ở Tây Nguyên, Nam Trường Sơn, vùng cao duyên hải miền Trung có gần 500.000 người dân tộc thiểu số theo Tin lành Tây Nguyên khoảng trên 400 ngàn người, đa số mới theo đạo Tin lành trong những thập niên cuối thế kỷ XX; so với năm 1975, người theo Tin lành ở đây tăng hơn 7 lần (tính năm 1975, sau 40 năm truyền giáo chỉ có hơn 60 ngàn tín đồ). Từ năm 2001 khi công nhận tư cách pháp nhân của Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) đến năm 2005, Tây Nguyên có khoảng 10% tín đồ thuộc HTTL Việt Nam (miền Nam) còn lại 90% vẫn chưa được đăng ký hoạt động theo pháp luật. Ở Tây Bắc, ngoài 01 Chi hội người Dao ở Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn thuộc Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc) có từ trước năm 1945. Từ giữa năm 1980 đạo Tin lành phát triển nhanh với khoảng 110 ngàn tín đồ, chủ yếu là đồng bào Mông. Do nhiều nguyên nhân, số tín đồ dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc chưa được nhìn nhận sinh hoạt tôn giáo và đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết liên quan đến dân tộc, tôn giáo, văn hóa, trật tự an toàn xã hội. Tây Bắc có khoảng 135.000 đồng bào Mông và 2.500 người Dao theo đạo Tin lành. Văn hoá lối sống tích cực của đạo Tin lành càng được phát huy, các mặt tiến bộ về lối sống Tin lành được thể hiện (chấp hành chính sách pháp luật, chăm lao động, sống tiết kiệm, không uống rượu, không hút thuốc, từ bỏ nhiều hủ tục lạc hậu,...). Tín đồ Tin lành có đức tin và tình cảm tôn giáo sâu sắc, có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo bình thường. Chính phủ Việt Nam cho rằng: *“Dù theo đạo trước năm 1975 hay mới theo gần đây, dù người Kinh hay đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc, Tây Nguyên, dù là nông dân hay thị dân, trí thức, ... tín đồ Tin lành ở Việt Nam là một lực lượng quần chúng khá đông đảo, có niềm tin tôn giáo, có tình cảm và nhu cầu sinh hoạt tôn giáo bình thường, cần được quan tâm xem xét giải quyết hợp lý.”*

### **2.2. Chỉ thị số 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam**

Đảng CSVN có chủ trương công tác đối với đạo Tin lành qua Thông báo 184-TB/TW (1998), Thông báo 255-TB/TW (1999) nhưng chưa có văn bản hướng dẫn. Năm 2005, Thủ tướng ký ban hành chính sách mới đối với đạo Tin lành qua Chỉ thị số 01 (3) trong hoàn cảnh:

Chính quyền các cấp nhận thức khác nhau về đạo Tin lành. Việc quản lý nhà nước đối với đạo Tin lành chưa phát huy hiệu quả gây khiếu kiện vượt cấp, phía thù địch cho rằng Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền và từ đó công khai gây sức ép trong quan hệ quốc tế. Chính sách đối với đạo Tin lành thực hiện khi Nhà nước vừa ban hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo (năm 2004) đòi hỏi thống nhất thực hiện chính sách với tôn giáo nói chung và với đạo Tin lành trong khi các mặt bằng hoạt động của đạo Tin lành chưa đủ điều kiện để thực hiện theo quy định của Pháp lệnh này.

Đạo Tin lành ở Việt Nam có nhiều đặc trưng về lịch sử, tôn giáo, văn hóa hợp lối sống, văn hóa thị dân xã hội công nghiệp, nay phát triển trong hoàn cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tin lành là tôn giáo quốc tế lớn có số tín đồ gần 700 triệu người (cả Anh giáo), có ảnh hưởng lớn ở các nước công nghiệp tiên tiến Tây Âu, Bắc Âu và Bắc Mỹ; phải chủ động thực hiện chính sách đối với đạo Tin lành trong bối cảnh và điều kiện mới ở trong nước và quốc tế. Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo (2004) tạo thống nhất nhận thức và công tác đối với đạo Tin lành, tạo mặt bằng quản lý tôn giáo bình thường, ổn định góp phần vào chính sách đối ngoại. Sau 5 năm thực hiện Chỉ thị số 01, tính đến 2011 có 10 tổ chức Tin lành được công nhận tư cách pháp nhân về tổ chức:

- |   |   |
|---|---|
| 1. Hội thánh Tin lành Việt Nam (Miền Bắc)   | 6. Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam,  |
| 2. Hội thánh Tin lành Việt Nam (Miền Nam)   | 7. Hội thánh Mennonite Việt Nam,        |
| 3. Hội thánh Tin lành Trưởng lão Việt Nam,  | 8. Hội thánh Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam, |
| 4. HT Báp-tít Việt Nam - Ân điển Nam phương | 9. Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam,     |
| 5. Hội thánh Báp-tít Việt Nam - Nam phương  | 10. Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam   |

Lượng tín đồ và thân hữu ở các điểm nhóm tăng. Tóm lại, hoạt động đạo Tin lành căn bản được bình thường trong khuôn khổ pháp luật như tôn giáo khác. Cùng với việc bình thường hoá hoạt động đạo Tin lành theo quy định của pháp luật, các tổ chức Tin lành đều đã xác định cho mình đường hướng hoạt động tiến bộ, tuân thủ pháp luật và gắn bó với dân tộc. Cụ thể:

- Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Bắc), Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam) với đường hướng “Sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc”;
- Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam là: “Thờ phượng Đức Chúa Trời Ba Ngôi hằng sống, yêu thương đồng loại, Kính Chúa, Yêu Người và phục vụ Tổ quốc”;
- Hội thánh Báp-tít Việt Nam (Nam phương) là: “Kính Chúa yêu người, thờ phụng Chúa Trời, học lời Chúa trong Kinh Thánh, truyền bá Phúc âm, liên hữu xây dựng Hội thánh, sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc, gắn bó với dân tộc và tuân thủ pháp luật”;
- Hội truyền giáo Cơ đốc Việt Nam là: “Rao truyền danh Chúa Jesus Christ ra cho mọi người để gây dựng Hội thánh nhằm thờ phụng Đức Chúa Trời và yêu thương đồng loại”;
- Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam là: “Trung tín thờ phượng Đức Chúa Trời Ba Ngôi theo đúng mẫu mực Kinh Thánh và trung thành với Tổ quốc Việt Nam”,... (2); (3); (4)

### **2.3. Một số vấn đề vướng mắc thường gặp khi thực thi Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo (2004)**

Pháp lệnh tương đương (Bộ) Luật, do ủy ban thường vụ quốc hội (UBTVQH) ban hành và do thủ tướng hoặc chủ tịch nước ký - có giá trị như bước đệm trong quá trình hoàn thiện Luật. Pháp

lệnh số 21/2004/PL-UBTVQH 11 ngày 18/ 6/2004 về tín ngưỡng, tôn giáo là bước đệm để hoàn thiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Theo Điều 21 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (BHVBPPL), sau thời gian thực hiện, Pháp lệnh sẽ trình Quốc hội xét quyết định ban hành thành Luật. Mỗi Pháp lệnh sau khi được UBTVQH thông qua, Chính phủ ban hành Nghị định (văn bản dưới luật) để quy định chi tiết thực hiện Pháp lệnh (Nghị định 22 năm 2005, Nghị định 92 năm 2012). Nắm vững các khái niệm ở Pháp lệnh tôn giáo năm 2004 là cần thiết để sử dụng các quy định chi tiết và biện pháp thi hành trong Nghị định 92 năm 2012. Việc Nghị định 22 năm 2005 chưa hướng dẫn thi hành đủ các Điều của pháp lệnh 21 không chỉ gây lúng túng cho ngành quản lý nhà nước về tôn giáo mà còn gây khó khăn cho hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của phía tín đồ, nhà tu hành, chức sắc và tổ chức tôn giáo.

Hoạt động tôn giáo và hoạt động quản lý nhà nước về tôn giáo ở cơ sở vẫn lúng túng do chưa thống nhất về hiểu và làm theo Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo. Thể hiện qua một số vấn đề:

1. Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo?
2. Thế nào là tín đồ, nhà tu hành, chức sắc?
3. Thế nào là tổ chức tôn giáo cơ sở?
4. Cơ sở tôn giáo là gì? Hoạt động tín ngưỡng tại cơ sở tôn giáo (CSTG)? Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo nào sẽ bị đình chỉ?
5. Cơ quan giao đất, thu hồi đất CSTG?
6. Cơ quan nhận đăng ký hoạt động tôn giáo? Thủ tục đăng ký hoạt động tôn giáo?
7. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao dịch về quyền sử dụng đất CSTG?
8. Pháp luật quy định thế nào về người sử dụng đất của CSTG?
9. Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc tôn giáo?
10. Khi chuyển nơi hoạt động tôn giáo, chức sắc, nhà tu hành, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gì với cơ quan quản lý nhà nước?
11. Một tổ chức muốn được công nhận là tổ chức tôn giáo cần có các điều kiện gì?
12. Hoạt động tôn giáo chưa đăng ký trong chương trình hoạt động tôn giáo hàng năm?
13. Thời gian hoạt động tôn giáo (HĐTG) ổn định của tổ chức được quy định như thế nào?
14. Công nhận về mặt tổ chức khi tổ chức tôn giáo đã đăng ký hoạt động, được cấp giấy đăng ký nhưng chưa đủ ổn định?
15. Những sinh hoạt của tổ chức tôn giáo đã đăng ký hoạt động, được cấp giấy đăng ký nhưng chưa đủ ổn định?
16. Quyền, trách nhiệm các tổ chức đã đăng ký HĐTG nhưng chưa được công nhận?
17. Việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo?
18. Quy định chức sắc, nhà tu hành nước ngoài vào giảng đạo tại CSTG của Việt Nam
19. Quy định thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc?
20. Thủ tục tổ chức hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở được quy định thế nào?
21. Thủ tục đăng ký chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành?
22. Nhận Giấy CN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn với đất?
23. Thủ tục lập trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo?
24. Thủ tục mở lớp bồi dưỡng người chuyên hoạt động tôn giáo?
25. Thủ tục tham gia hoạt động tôn giáo ở nước ngoài, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài?
26. Thủ tục để tổ chức CSTG hoạt động?

27. Việc mời tổ chức, người nước ngoài vào Việt Nam để tiến hành các hoạt động hợp tác quốc tế có liên quan đến tôn giáo?
28. Việc đăng ký hoạt động tôn giáo hàng năm của tổ chức tôn giáo cơ sở?
29. Trách nhiệm TCTG với cơ quan quản lý Nhà nước khi cách chức, bãi nhiệm chức sắc
30. Việc phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử trong tổ chức tôn giáo?
31. ...

#### **2.4. Nghị định 22/2005/NĐ-CP 01/3/2005 – Hướng dẫn thực hiện Pháp lệnh (2004)**

Từ tình hình này, Chính phủ ra Nghị định 22/2005/NĐ-CP 01-3-2005 có 5 Chương, 37 Điều hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo với kết cấu:

| CHƯƠNG                      | MỤC                         | ĐIỀU |   |
|-----------------------------|-----------------------------|------|---|
| I.<br>PHẦN CHUNG            |                             | 1    | Đối tượng và phạm vi điều chỉnh   |
|                             |                             | 2    | Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân                                   |
| II.<br>LỄ HỘI<br>TÍN NGƯỠNG |                             | 3    | Lễ hội tín ngưỡng   |
|                             |                             | 4    | Việc tổ chức lễ hội   |
|                             |                             | 5    | Trình tự, thủ tục, thời hạn chấp thuận  |
| III<br>TỔ CHỨC<br>TÔN GIÁO  | 1.<br>ĐĂNG KÝ               | 6    | Đăng ký hoạt động tôn giáo  |
|                             |                             | 7    | Hoạt động sau khi được cấp đăng ký  |
|                             |                             | 8    | Công nhận tổ chức tôn giáo  |
|                             | 2. LẬP, TÁCH,<br>NHẬP       | 9    | Điều kiện thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất                             |
|                             |                             | 10   | Thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất                                       |
|                             | 3. ĐĂNG KÝ<br>HỘI ĐOÀN      | 11   | Đăng ký hội đoàn tôn giáo   |
|                             |                             | 12   | Đăng ký dòng tu, tu viện và tu hành tập thể khác                                |
|                             | 4. TRƯỜNG<br>ĐÀO TẠO        | 13   | Thành lập trường đào tạo  |
|                             |                             | 14   | Giải thể trường đào tạo   |
|                             |                             | 15   | Mở lớp bồi dưỡng  |
|                             | 5.<br>PHONG CHỨC,<br>BẦU CỬ | 16   | Đăng ký người được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử             |
|                             |                             | 17   | Thông báo về việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc trong tôn giáo                  |
|                             | 6. THUYỀN<br>CHUYỀN         | 18   | Thông báo về việc thuyền chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc nhà tu hành |



|                              |                           |   |   |
|------------------------------|---------------------------|---|---|
|                              |                           | 19  | Đăng ký chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành   |
| IV.<br>HOẠT ĐỘNG<br>TÔN GIÁO | 1. ĐĂNG KÝ<br>HÀNG NĂM    | 20  | Đăng ký chương trình hoạt động tôn giáo hàng năm của tổ chức tôn giáo cơ sở   |
|                              |                           | 21  | Hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đã đăng ký của tổ chức tôn giáo cơ sở   |
|                              | 2. VÀO TU                 | 22  | Việc đăng ký người vào tu   |
|                              | 3. HỘI NGHỊ,<br>ĐẠI HỘI   | 23  | Hội nghị, đại hội của tổ chức tôn giáo (TCTG) cơ sở   |
|                              |                           | 24  | Hội nghị, đại hội cấp trung ương, toàn đạo của TCTG   |
|                              |                           | 25  | Hội nghị, đại hội của TCTG không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định này   |
|                              | 4. LỄ                     | 26  | Các cuộc lễ của TCTG diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo   |
|                              | 5. TRUYỀN ĐẠO             | 27  | Việc giảng đạo, truyền đạo...ngoài cơ sở tôn giáo   |
|                              | 6. XÂY DỰNG<br>CÔNG TRÌNH | 28  | Việc cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc tôn giáo không phải xin cấp giấy phép xây dựng  |
|                              |                           | 29  | Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình kiến trúc tôn giáo phải xin cấp giấy phép xây dựng  |
|                              | 7. QUYÊN GÓP              | 30  | Việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, TCTG   |
|                              | 8.<br>QUAN HỆ<br>QUỐC TẾ  | 31  | Việc mời tổ chức, người nước ngoài vào Việt Nam   |
|                              |                           | 32  | Việc tham gia hoạt động tôn giáo ở nước ngoài   |
|                              |                           | 33  | Việc tham gia khóa đào tạo tôn giáo ở nước ngoài  |
| 34                           |                           | Xuất cảnh của chức sắc, nhà tu hành không thuộc quy định tại Điều 32, Điều 33 Nghị định này |   |
| 35                           |                           | Việc giảng đạo của chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài tại Việt Nam                   |   |
| V.<br>ĐIỀU KHOẢN<br>THI HÀNH |                           | 36  | <p>Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước</p> <p>1. Ban Tôn giáo Chính phủ và cơ quan QLNN về tôn giáo ở địa phương thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn QLNN về tôn giáo theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Các trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (TTCP), Ban Tôn giáo CP có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thẩm định, trình TTCP và thừa ủy quyền TTCP trả lời tổ chức tôn giáo. Trường hợp thuộc thẩm</p> |

|  |  |    |   |
|--|--|----|---|
|  |  |    | quyền giải quyết của UBND các cấp, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cùng cấp có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, trình UBND và trả lời tổ chức tôn giáo.  |
|  |  | 37 | Hiệu lực thi hành   |
|  |  | 38 | Trách nhiệm thi hành<br>1. Tổ chức tôn giáo, tín đồ, nhà tu hành, chức sắc và các tổ chức, cá nhân<br>2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương |

Việc thực hiện Nghị định số 22/2005/NĐ-CP trên đây cho thấy những hạn chế (có nội dung quy định không khả thi, có nội dung chưa hợp thực tiễn hoặc nay không phù hợp; có nội dung của Pháp lệnh chưa được hướng dẫn hoặc hướng dẫn chưa cụ thể,...) gây khó khăn cho các bên. Chủ trương cải cách hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Nội vụ có 25 nhóm thủ tục về lĩnh vực tôn giáo liên quan Nghị định số 22/2005/NĐ-CP cần sửa, thêm, thay, bỏ (về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ và thời hạn trả lời). Do đó, Nghị định 92 (năm 2012) không chỉ khắc phục vướng mắc của Nghị định 22 (năm 2005) mà còn đảm bảo thực hiện hiệu quả đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện thuận lợi trong khuôn khổ pháp luật. Nghị định 92/2012/NĐ-CP có kết cấu như sau:

| CHƯƠNG                     | MỤC                   | ĐIỀU |   |
|----------------------------|-----------------------|------|---|
| I<br>PHẦN CHUNG            |                       | 1    | Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng   |
|                            |                       | 2    | Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân                                     |
| II<br>TÍN NGƯỠNG           |                       | 3    | Hoạt động tín ngưỡng tại cơ sở tín ngưỡng   |
|                            |                       | 4    | Lễ hội tín ngưỡng và việc tổ chức lễ hội  |
| III<br>TỔ CHỨC<br>TÔN GIÁO | 1. ĐĂNG KÝ            | 5    | Đăng ký sinh hoạt tôn giáo  |
|                            |                       | 6    | Đăng ký hoạt động tôn giáo (HĐTG)   |
|                            |                       | 7    | HĐTG của tổ chức sau khi được cấp đăng ký   |
|                            |                       | 8    | Công nhận tổ chức tôn giáo  |
|                            | 2. LẬP, TÁCH,<br>NHẬP | 9    | Điều kiện thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc   |
|                            |                       | 10   | Trình tự, thủ tục thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực |

|    |                             |                          |   |  |
|----|-----------------------------|--------------------------|---|--|
|    | 3. HỘI ĐOÀN                 | 11                       | Con dấu của tổ chức tôn giáo  |  |
|    |                             | 12                       | Đăng ký hội đoàn tôn giáo   |  |
|    |                             | 13                       | Đăng ký dòng tu, tu viện, tổ chức tu hành tập thể khác  |  |
|    | 4. LẬP TRƯỜNG ĐÀO TẠO       | 14                       | Lập trường đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo  |  |
|    |                             | 15                       | Quản lý đối với trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo (HĐTG)                   |  |
|    |                             | 16                       | Người nước ngoài theo học tại trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo ở Việt Nam |  |
|    |                             | 17                       | Giải thể trường đào tạo người chuyên HĐTG   |  |
|    |                             | 18                       | Mở lớp bồi dưỡng những người chuyên HĐTG  |  |
|    | 5. PHONG CHỨC, BẦU CỬ       | 19                       | Đăng ký người được phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử                           |  |
|    |                             | 20                       | Phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài                         |  |
|    |                             | 21                       | Thông báo về việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc trong tôn giáo                                |  |
|    | 6. THUYỀN CHUYỂN            | 22                       | Thông báo về việc thuyền chuyển nơi HĐTG của chức sắc, nhà tu hành                            |  |
|    |                             | 23                       | Đăng ký thuyền chuyển nơi HĐTG của chức sắc, nhà tu hành                                      |  |
|    | IV<br>HOẠT ĐỘNG<br>TÔN GIÁO | 7. HOẠT ĐỘNG             | 24  | Đăng ký chương trình HĐTG hàng năm của tổ chức tôn giáo cơ sở                                      |
|    |                             |                          | 25  | HĐTG ngoài chương trình đã đăng ký của tổ chức tôn giáo (TCTG) cơ sở                               |
|    |                             | 8. VÀO TU                | 26  | Việc đăng ký người vào tu  |
|    |                             | 9. HỘI NGHỊ, ĐẠI HỘI     | 27  | Hội nghị, đại hội của TCTG cơ sở   |
|    |                             |                          | 28  | Hội nghị, đại hội trung ương, toàn đạo của TCTG  |
|    |                             |                          | 29  | Hội nghị, đại hội của TCTG không thuộc các trường hợp quy định tại các Điều 27 và 28 Nghị định này |
|    |                             |                          | 30  | Đăng ký hiến chương, điều lệ sửa đổi   |
|    |                             | 10. NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO | 31  | Các cuộc lễ của TCTG diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo  |
| 32 |                             |                          | Giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài TCTG                                    |  |

|  |                                  |    |  |
|--|----------------------------------|----|--|
|  | 11. TẠI DI TÍCH                  | 33 | Hoạt động của chức sắc, nhà tu hành tại TCTG đã xếp hạng di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh  |
|  | 12. XÂY DỰNG, CẢI TẠO CÔNG TRÌNH | 34 | Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, tôn giáo, công trình phụ thuộc cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo phải xin cấp giấy phép xây dựng |
|  |                                  | 35 | Việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo không phải xin cấp giấy phép xây dựng                                      |
|  | 13. QUYÊN GÓP                    | 36 | Tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, TCTG   |
|  | 14. NGƯỜI NƯỚC NGOÀI             | 37 | Mời tổ chức, cá nhân là người nước ngoài vào Việt Nam  |
|  |                                  | 38 | Tham gia hoạt động tôn giáo, khoá đào tạo tôn giáo ở nước ngoài  |
|  |                                  | 39 | Việc giảng đạo của chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài tại Việt Nam  |
|  |                                  | 40 | Sinh hoạt tôn giáo của người nước ngoài tại Việt Nam   |
|  |                                  | 41 | Việc xuất cảnh, nhập cảnh liên quan đến tôn giáo   |
|  | V.<br>TỔ CHỨC THỰC HIỆN          |    | 42   |
|  |                                  | 43 | Tiếp nhận hồ sơ  |
|  |                                  | 44 | Điều khoản chuyển tiếp   |
|  |                                  | 45 | Nghị định này có hiệu lực thi hành từ 01/01/2013. Nghị định này thay thế Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005.                                    |
|  |                                  | 46 | Trách nhiệm thi hành   |

Dù còn nhiều vấn đề thực tiễn khác (hoạt động từ thiện, xã hội; y tế, giáo dục của các TCTG, sinh hoạt tôn giáo của người nước ngoài, tư cách pháp nhân của các TCTG, ...) chờ sửa đổi bổ sung Pháp lệnh 2004 hoặc văn bản quy phạm pháp luật cao hơn (Luật Tín ngưỡng, tôn giáo) nhưng Nghị định 92 trên đây có những điểm thuận lợi hơn cho hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo:

- 1) Khi Nghị định cũ quy định chung các công trình tôn giáo thì Nghị định mới quy định phân loại các công trình và hướng dẫn cấp phép xây dựng đối với từng loại (Điều 34, Điều 35); xây dựng, sửa chữa công trình tôn giáo chỉ gửi một cấp có thẩm quyền (cơ quan QLNN về xây dựng).
- 2) Con dấu: Khắc, quản lý, sử dụng, giao dịch con dấu của các tổ chức tôn giáo (quan hệ trong tôn giáo và quan hệ xã hội, khi các tổ chức tôn giáo có tư cách pháp nhân).
- 3) Mở trường: Nếu Nghị định cũ quy định hồ sơ lập trường phải có ý kiến bằng văn bản của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh nơi muốn đặt trường thì Nghị định 92 bỏ nội dung này, tổ chức tôn giáo chỉ

gửi hồ sơ đến cơ quan nhà nước về tôn giáo ở trung ương. Nơi đặt trường do cơ quan ở trung ương và địa phương thống nhất quyết định và trả lời tổ chức tôn giáo.

4) Người nước ngoài ở Việt Nam sinh hoạt tôn giáo được sinh hoạt tôn giáo chung với người Việt Nam hoặc thành nhóm riêng tại cơ sở tôn giáo ở Việt Nam.

5) Người nước ngoài theo học tại các trường đào tạo chức sắc tôn giáo: Nếu Nghị định cũ chưa có hướng dẫn này thì Nghị định mới có hướng dẫn tuyển sinh người Việt Nam và người nước ngoài của trường đào tạo chức sắc; trách nhiệm cơ quan nhà nước thẩm quyền.

6) Phong chức, phong phẩm có yếu tố nước ngoài phải được sự đồng ý trước của Ban Tôn giáo Chính phủ qua việc “gửi văn bản đề nghị đến cơ quan QLNN về tôn giáo ở Trung ương” và nhận trả lời sau 60 ngày làm việc; trong trường hợp không chấp thuận thì phải nêu rõ lý do.

7) Thủ tục hành chính. Để khắc phục những hạn chế về thủ tục hành chính trong Nghị định cũ (thời hạn giải quyết quá dài, không quy định số lượng hồ sơ, cách thức gửi và tiếp nhận hồ sơ,...), Nghị định mới quy định lượng hồ sơ gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thời hạn trả lời các tổ chức, cá nhân tôn giáo; tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, trách nhiệm của cơ quan Nhà nước khi tiếp nhận hồ sơ. Quy định việc nêu rõ lý do khi không chấp thuận, v.v.

## **2.5. Về giấy tờ, hồ sơ, thủ tục cụ thể**

Từ năm 2003, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7, khoá 9 về công tác tôn giáo đã có Nghị quyết 25/NQ-TW 12/3/2003 khẳng định: “*Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta*” và thực tiễn hoạt động tôn giáo và hoạt động quản lý nhà nước về tôn giáo luôn gắn với từng sự kiện rất cụ thể.

Thực tiễn hoạt động tôn giáo và thực tiễn quản lý nhà nước (QLNN) về tôn giáo cho thấy mỗi sự kiện gắn với thông tin, thủ tục, quy trình, v.v. thể hiện qua hồ sơ, giấy tờ, biểu mẫu. Việc thiếu thống nhất giữa các bên liên quan (bên hoạt động tôn giáo và bên QLNN về tôn giáo), thiếu thống nhất giữa các cấp QLNN (nhất là cấp cơ sở - xã, phường; thậm chí cấp quận, huyện) không chỉ tăng khó khăn cho hoạt động tôn giáo mà còn giảm hiệu lực QLNN về tôn giáo, giảm hiệu quả cải cách hành chính.

Tóm lại, nhiều khó khăn của công dân (tín đồ, người hoạt động tôn giáo) do thiếu thông tin về thủ tục, quy trình, hồ sơ, giấy tờ, biểu mẫu liên quan. Bên cạnh đó, một số cơ quan QLNN về tôn giáo đã cụ thể hóa, phổ biến các nhóm thông tin hướng dẫn thực hiện – diễn giải các thủ tục, các biểu mẫu để người sử dụng dễ dàng “điền vào chỗ trống” (Phụ lục)

## **3. BÀN LUẬN**

3.1. Nếu sự đánh giá của Chính phủ về đạo Tin lành (“*tín đồ Tin lành ở Việt Nam là lực lượng quần chúng khá đông đảo, có niềm tin tôn giáo, có tình cảm và nhu cầu sinh hoạt tôn giáo bình thường, cần được quan tâm xem xét giải quyết hợp lý*”) được tín đồ thảo luận kỹ lưỡng hơn thì các sinh hoạt tôn giáo và lời cầu nguyện cho chánh quyền càng cảm động lòng trời hơn nữa.

3.2. Trước thực trạng mỗi tôn giáo và mỗi cộng đồng tín ngưỡng ở Việt nam có những mâu thuẫn cần giải quyết (về mặt quản lý nhà nước) thì nhận xét của Chính phủ về “*các mặt bằng hoạt động*”

*đạo Tin lành chưa đủ điều kiện để thực hiện theo quy định của Pháp lệnh tôn giáo” cần được coi là vấn đề hóc búa đối với các bên liên quan. Cộng đồng Tin lành cần làm gì để các mặt bằng hoạt động đạo Tin lành đủ điều kiện thực hiện Pháp lệnh tôn giáo?*

3.3. Tín đồ, chức sắc tôn giáo được nghiên cứu Nghị định mới không chỉ tăng hiệu quả công việc cho cơ sở tôn giáo, cho sự kiện thuộc linh mà còn góp phần nêu gương thượng tôn pháp luật cho cộng đồng trong và ngoài hội thánh. Điều này còn giúp phía QLNN về tôn giáo nhìn rõ hơn những ưu điểm của đạo Tin lành qua tấm gương trọng pháp của các tín đồ khi tiếp xúc với cán bộ QLNN về tôn giáo.

3.4. Người hầu việc Chúa không chỉ biết thêm Luật thế gian (và văn bản dưới luật) mà còn tạo điều kiện cho tín đồ biết rõ hơn về các tổ chức, cơ quan, ban ngành liên quan công tác quản lý nhà nước về tôn giáo cũng như cán bộ viên chức ở đó nhằm nâng hiệu quả liên hệ công tác, giao tiếp, làm chứng, thăm viếng.

3.5. Việc làm tốt muôn sự trong thực tiễn hoạt động của đạo Tin lành ở Việt nam luôn cần sự cầu xin Chúa cho Quốc hội thêm thông sáng để sửa đổi bổ sung những chính sách hợp ý trời và người.

3.6. Kết quả hoạt động tôn giáo không chỉ qua lời cầu nguyện mà gắn bó nhân quả với thông tin, thủ tục, quy trình, v.v. thể hiện qua từng nhóm hồ sơ, giấy tờ, biểu mẫu cụ thể. Tín đồ và chức sắc Tin lành càng sớm nắm vững các nguồn thông tin hành chính liên quan thì càng không phạm những thiếu sót do thiếu thông tin về thủ tục, quy trình, hồ sơ, giấy tờ, biểu mẫu.

#### **4. MỘT SỐ Ý KIẾN KHÁC**

4.1. Hầu hết các nước đều có quy định pháp luật ở các mức khác nhau (luật, pháp lệnh, v.v.) để quản lý hoạt động tôn giáo. Giới hoạt động tôn giáo ở Việt Nam hiện nay cần khai thác nguồn văn bản QLNN về tôn giáo không chỉ ở văn bản luật, dưới luật mà còn tham khảo các nghị quyết, thông báo liên quan của Đảng CSVN để tăng hiệu quả việc chung cho các bên liên quan.

4.2. Việt Nam có đa dạng loại hình tín ngưỡng, tôn giáo nên chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo của nhà nước Việt Nam phải phản ánh thực tiễn và đáp ứng nhu cầu đa dạng đó của công dân.

4.3. Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (năm 2004) và Nghị định 92/2012/NĐ-CP thể hiện chính sách của nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo của công dân, trong đó có tín đồ đạo Tin lành. Môi trường pháp lý càng minh bạch càng thuận lợi để Đạo Tin lành phát triển với tôn chỉ gắn với dân tộc, ủng hộ sự nghiệp đổi mới, tuân thủ pháp luật.

4.4. Cần mở hội nghị khoa học chuyên đề (có nghị quyết) về các việc cần làm để nâng các mặt bằng hoạt động của đạo Tin lành sớm đủ điều kiện thực hiện Pháp lệnh tôn giáo. Hội nghị khoa học chuyên đề có sự cộng tác của các cơ quan và các cấp quản lý nhà nước về tôn giáo, tổ chức tôn giáo (gồm các cơ sở đào tạo, các ban chuyên môn trực thuộc HTTL Việt Nam).

4.5. Các ban chuyên môn trực thuộc HTTL Việt Nam và các khóa đào tạo đại học, sau đại học ở các cơ sở đào tạo đại học và sau đại học Tin lành có thể giao sinh viên nghiên cứu các đề tài liên quan Nghị định 92 (năm 2012) ở từng vùng lãnh thổ, từng lĩnh vực hoạt động cụ thể; nghiên cứu những dự án cải tiến từng nhóm hồ sơ, giấy tờ, biểu mẫu cụ thể cho các hoạt động phát triển đạo Tin lành ở mức toàn diện trong bối cảnh hiện nay theo quy định của Nghị định 92.

4.6. Lập ban Tư vấn pháp lý (có webpage và hotline) để giúp tín đồ các nơi thực hiện các thủ tục, quy trình hoạt động tôn giáo theo đúng hướng dẫn của Nghị định 92 và lưu giữ những vướng mắc cụ thể để góp ý cho các bên liên quan.

4.7. Xuất bản Sổ tay Pháp lệnh tôn giáo để con cái Chúa, đầy tớ Chúa dễ tra cứu, sử dụng.

4.8. Xây dựng chuyên đề Quản lý nhà nước đối với Đạo tin lành (khung chương trình, bài giảng) và bổ sung vào chương trình đào tạo.

### THAM KHẢO

- 1) Kinh thánh: Châm 24:21; Giăng 19:11; I Phi e rơ 2:13-14; I Phi e rơ 2:17; I Phi 2:13; I Phi 2:17; I Ti mô thê 2:1-3; Luca 20:25; Mác 12:17; Mathi 22:21; Philíp 3:20; Rôma 13:1a; Rôma 13:1; Rôma 13:5; Rôma 13:6,7a; Tít 3:1; Tít 3:1; Xuất 22:28.
- 2) Phạm Thanh Giang: Đạo Tin lành ở Việt Nam và một số vấn đề đặt ra hiện nay; Nguyễn Cao Thanh: Đạo Tin lành ở Việt Nam từ 1975 đến nay - một số đánh giá ban đầu.
- 3) Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg ngày 4/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin lành.
- 4) Tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin lành.
- 5) Nhiệm vụ công tác năm 2013 của ngành quản lý nhà nước về tôn giáo

### PHỤ LỤC

Website Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng - Lĩnh vực quản lý nhà nước về tôn giáo

<http://www.noivu.danang.gov.vn/noivu/index.php/vi/tra-cuu-thu-tuc-hanh-chinh/ton-giao/>

## BIỂU TƯỢNG NHỮNG CÂY CẦU VÀ CON ĐƯỜNG PHỤC HƯNG HỘI THÁNH ĐỨC CHÚA TRỜI

TS Công Nghĩa Tự

### Lời dẫn:

Trong tháng 6/2011 đã diễn ra một sự kiện lớn lao đối với cộng đồng Tin Lành và xã hội Việt Nam đương thời. Đó là việc con dân Chúa cùng đồng đạo thân hữu ở ba miền Bắc-Trung-Nam Việt nam, cũng như ở nhiều nơi trên thế giới tổ chức long trọng kỷ đại lễ kỷ niệm Một Trăm Năm Tin Lành truyền đến Việt Nam (1911-2011).

Trong các đêm truyền giảng Tin Lành, hình ảnh “*Dòng Sông Sự Sống*” (Ê-xê-chiên 47:9b) đã cuộn chảy trong dòng người nô nức bước lên tin nhận Chúa Giê-xu. Hình ảnh này gợi nhớ khung cảnh của Lễ Ngũ Tuần đầu tiên cách đây hơn hai ngàn năm: Hơn ba ngàn người được cứu, gia nhập Hội Thánh Đức Chúa Trời, sau lời giảng của sứ đồ Phi-e-rô tại thành Giê-ru-sa-lem. Đó là *việc Chúa làm* (Thi 126:3) và Ngài đang tiếp tục công việc của Ngài trong các Hội Thánh Chúa cho tới ngày nay...

Đức Chúa Trời đã đáp lời dân sự Ngài qua sự hạ mình kiêng ăn, cầu nguyện của họ, như Kinh Thánh đã chép: “*Và nhược bằng dân sự Ta, là dân gọi bằng Danh Ta, hạ mình xuống, cầu nguyện, tìm kiếm mặt Ta, và trở lại, bỏ con đường tà, thì Ta ở trên trời sẽ nghe, tha thứ tội chúng nó, và cứu xir họ khỏi tai vạ*” (2Sử 7:14).[1] Ngài đã ban khải thị và sự phục hưng lớn lao cho Hội Thánh Chúa qua mỗi thời kỳ thăng trầm của lịch sử nhân loại tiếp nối cho đến ngày nay.

Bài viết này được hình thành trong quá trình suy ngẫm, khi cầu nguyện xin được ơn nghe tiếng phán của Chúa và nhận được sứ điệp của Ngài ban cho. Qua *biểu tượng những cây cầu và con đường phục hưng Hội Thánh Đức Chúa Trời*, chúng tôi cảm tạ Chúa và gửi đến những ai đã khấn cầu Chúa ban Phục hưng cho Hội Thánh Ngài, lời cảm ơn vì những khích lệ và đồng công hầu việc Ngài.

Để tập trung vào đề tài, xin tổng hợp và khái quát một số bài viết của chính tác giả đã đăng tải trên Tạp Chí Thông Công của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) [2], trong thời gian vừa qua (2006-2012) để làm căn bản cho bài này:

Thông Công 17: “*Mới và cũ*”, Thông Công 30: “*Biểu tượng một cây cầu đặc biệt*”, Thông Công 31, 32, 33: “*Suy nghĩ về Hội Thánh Đức Chúa Trời*”. Thông công 35, 36, 37: “*Tìm biết lẽ thật*”. Thông Công 36, 37: “*Lửa Phục Hưng*”. Sau đây viết tắt TC. Ước mong được sự quan tâm và đóng góp của các quý vị.

Bài viết gồm ba phần:

Phần 1: Hội Thánh – Mầu nhiệm của Đức Chúa Trời

Phần 2: Biểu tượng một cây cầu đặc biệt

Phần 3: Con đường phục hưng Hội Thánh Đức Chúa Trời.



## **I. Hội Thánh – Mẫu nhiệm của Đức Chúa Trời (TC 17, 31, 32, 33)**

### **1. Nhận thức và phương pháp luận**

Tuy đề tài Hội Thánh rất quen thuộc trong đời sống, nhưng không phải đã được mọi người nhận thức một cách đầy đủ và chính xác, vì trên thực tế nhiều lúc còn tồn tại những sự nhầm lẫn. Sự nhầm lẫn này xuất phát từ quan điểm và cách hiểu khác nhau về nội hàm khái niệm “*Hội Thánh*”. Nhiều nhà nghiên cứu khoa học đã quan niệm: Hội Thánh là một hiện tượng xã hội, có thể nhận thức được qua việc khảo sát các hoạt động xã hội của nó. *Họ đã không biết rằng, Hội Thánh là một thể chế đặc biệt do Đức Chúa Trời tạo dựng. Bản chất Hội Thánh được xác định không chỉ qua phân tích hình thức, mà cần sự bày tỏ bởi chiều kích thuộc linh trong Kinh Thánh, là Lời Đức Chúa Trời.* Hội Thánh không chỉ là một tổ chức, đoàn thể, mà còn là *thân thể thuộc linh sống động của Chúa Giê-xu*. Vì hạn chế này, đôi khi người ta còn hiểu lầm Hội Thánh như một kết cấu kiến trúc, tức là một nhà thờ (church)! Còn theo cách nói thông thường, Hội Thánh là để chỉ về một bộ phận tín hữu cụ thể, ví dụ Hội Thánh C&MA, Hội Thánh Trưởng Lão, Hội Thánh Bap-tit... Thậm chí trong lịch sử, có trường hợp ở một số giáo phái, Hội Thánh còn bị hiểu sai về bản chất và đặc tính chủ yếu. Những điều nêu trên đây đã *gây nên những trở ngại, khó khăn và nhiều thiệt hại đối với sự tồn tại, phát triển và phục hưng Hội Thánh Chúa trong từng giai đoạn cụ thể của lịch sử, thậm chí cả đến giai đoạn hiện tại.*

Trong những lý do gây nên sự nhầm lẫn trên đây, có một lý do thuộc về lịch sử tư tưởng Cơ Đốc Giáo. Đã có một thời gian dài (cho đến đầu thế kỷ XX) *giáo lý về Hội Thánh chưa được quan tâm trực tiếp, đúng mực và đầy đủ như đối với các giáo lý khác, chẳng hạn giáo lý về Đức Chúa Trời Ba Ngôi, giáo lý đức tin, giáo lý cứu rỗi...* thậm chí cho tới năm 1948, tại Đại Hội đầu tiên của Hội Đồng các Giáo Hội Thế Giới (World Council of Churches) họp tại Amsterdam, người ta còn chưa thống nhất được câu trả lời cho câu hỏi *Bản chất Hội Thánh là gì?* Có thể vì đến lúc đó, người ta vẫn còn coi khái niệm Hội Thánh là đơn giản và tự nhiên, ai cũng có thể hiểu được!

Mặc dù như vậy, ngay sau khi nhận thức được tầm quan trọng của đề tài Hội Thánh, tuy vẫn còn những bất đồng trong một số lĩnh vực thần học, người ta đã tập trung nghiên cứu *làm sáng tỏ để thống nhất nhận thức, quan điểm về Hội Thánh*. Đi đầu hoạt động này là phong trào hiệp nhất Cơ Đốc Giáo (The Cumennical Movement) đã có những đóng góp tích cực trong nửa cuối thế kỷ XX. Tiếp đó là sự bùng phát những mối quan tâm về đề tài của Hội Thánh, được thể hiện qua các bài nghiên cứu, các tác phẩm, các luận văn thần học theo hướng lý luận và thực hành. Các tác giả đã khảo sát Hội Thánh Đức Chúa Trời trong điều kiện xã hội thay đổi nhanh chóng dưới ảnh hưởng của sự phát triển vũ bão của khoa học, kỹ thuật, cũng như khoa học xã hội: khoa triết học, khoa lịch sử, khoa nhân văn, khoa tâm lý xã hội, khoa học về phát triển... Từ đó, hình thành và tồn tại một nhận định: *Để đứng vững, phục hưng và phát triển trong một xã hội văn minh thế tục như ngày nay; Hội Thánh phải được sự soi sáng, hướng dẫn, kiện toàn của Đức Thánh Linh, trên nền tảng Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời; cùng với sự điều phối, kết hợp nhịp nhàng, chuẩn xác của một nền Thần Học Cơ Đốc chuẩn mực; và qua sự đồng công tận hiến, trung tín hầu việc Chúa của mọi con dân Ngài trong những hoàn cảnh, thử thách của đời sống thực dụng, hiện đại.*

Nhận định quan trọng trên đây minh định ý nghĩa thần học của Hội Thánh Đức Chúa Trời: Hội Thánh là tiếp nối sự hiện diện của Đức Chúa Jesus Christ một cách sống động giữa thế gian, qua chức vụ đặc biệt của Đức Thánh Linh: *Đáng khai sinh (Công vụ 2:1-4), Đáng tế*

*trị, dẫn dắt* (Công vụ 13:1-13) và *kiện toàn* Hội Thánh (Khải huyền 21:2-4). Quả thực, Hội Thánh là mầu nhiệm của Đức Chúa Trời; càng học biết sâu nhiệm về Hội Thánh, con dân Chúa càng kinh nghiệm sâu sắc ơn phước lạ lùng trong Ân điển và Quyền năng của Đấng Cứu Thế là Đức Chúa Giê-su Christ của chúng ta. “*Nhưng anh em là dòng giống được lựa chọn, là chức thầy tế lễ nhà vua, là dân thánh, là dân thuộc về Đức Chúa Trời, hầu cho anh em rao giảng nhân đức của Đấng đã gọi anh em ra khỏi nơi tối tăm, đến nơi sáng láng lạ lùng của Ngài*” (1 Phiêrô 2:9).

## 2. Hội Thánh – Mầu nhiệm của Đức Chúa Trời

Lịch sử đã chỉ ra, theo thời gian các kỳ quan nhân tạo trên đất đã dần bị hủy phá, có còn sót lại chẳng là các Kim tự tháp, nhưng đó chỉ là những nắm mồ tro tro với gió cát khô cằn nơi hoang mạc. Đúng như Kinh Thánh đã dạy rằng, những gì đến từ loài người thì sẽ tự hư mất, nhưng những gì đến từ Đức Chúa Trời thì còn đến đời đời (Công-vụ 5:38b-39). *Hội Thánh chính là một Kỳ Quan Vĩ Đại, độc nhất vô nhị, sống động giữa thế gian mờ tối. Hội Thánh là Mầu Nhiệm của Đức Chúa Trời, và là sự bày tỏ Tể Trị vô đối của Quyền Năng Yêu Thương vô song của Ngài. “Ấy là nhờ Ngài mà cả thân thể ràng buộc vững bền bởi những cái lắt léo, khiến các phần giao thông với nhau, tùy lượng sức mạnh của từng phần, làm cho thân thể lớn lên, và tự gây dựng trong sự yêu thương”* (Ê-phê-sô 4:16).

Trong Kinh Tân Ước từ “mầu nhiệm” được nhắc tới 47 lần, trong đó khoảng một nửa liên quan đến Hội Thánh. Mầu nhiệm diễn tả một chân lý thiên thượng kín dấu nay được bày tỏ ra (Rô-ma 16:25-26). Hội Thánh là một bí mật trong Chúa từ buổi sáng thế, ngay cả các thiên sứ hay các tiên tri cũng không được biết mầu nhiệm này của Đức Chúa Trời. Lễ mầu nhiệm thiêng liêng đã được bày tỏ, khiến người Do-thái và người ngoại bang hiệp một và trở thành một tạo vật mới, đó chính là Hội Thánh Chúa. Họ đã trở thành thân thể của Đấng Christ và không còn những hàng rào thuộc linh ngăn cách trước đó, giữa người Do-thái và người ngoại bang. Chúa đã lựa chọn một dân mới, một tuyển dân được cứu chuộc bằng chính Huyết Thánh của Ngài. Ngài sống trong lòng kẻ tin Ngài, ban ân điển của giao ước mới, cùng Hội Thánh đồng công, tiếp tục hoàn thành chương trình cứu rỗi dành cho loài người (1Cor 1:27).

Đức Chúa Jesus Christ thật xứng đáng được tôn vinh, ca ngợi. Ngài là đầu của Hội Thánh, Ngài hiệp một với Hội Thánh bằng sự ràng buộc thiêng liêng, đó là mối thông công trọn vẹn trong tình yêu thiên thượng, thể hiện qua mọi lĩnh vực của đời sống. Trong Chúa, các thuộc viên Hội Thánh được tăng trưởng đức tin, sự trông cậy và tình yêu thương. Họ đồng công trong công việc của chức dịch và gây dựng lẫn nhau, và cùng hiệp một gây dựng thân thể Đấng Christ (Êphê-sô 4:12). “*Đức Chúa Giê-xu là khởi nguyên và hoàn tất đức tin*” (Hêbơrô 12: 2). Học biết để *giống Chúa Giê-xu càng hơn*, vâng phục và làm theo Lời Ngài là điều kiện cần và đủ cho một đời sống tin kính, đẹp lòng Đức Chúa Cha trên trời.

Trong Khải Huyền (19:7) đã ghi rõ, *Chúa Giê-xu là Tân Lang của Hội Thánh*. Đây thực sự là mối liên hệ mật thiết, toàn hảo trong tình yêu và sự vâng phục; là liên kết thiêng liêng của mối thông công trong Con Đức Chúa Trời (1Cor 1:12-18). Điều này hàm chứa ý nghĩa *thuộc linh và cả ý nghĩa thần học* rất đặc biệt một khi suy ngẫm Sáng Thế Ký (1:26-27; 2: 7). Đức Chúa Trời dựng nên A-đam từ bụi đất *theo khuôn hình Chúa Giê-xu*, ban sinh khí vào lỗ mũi thì người trở nên một loài sinh linh. Sự kiện Đức Chúa Trời thiết lập hôn nhân đầu tiên của nhân loại được ký thuật rõ ràng, Ê-va được sinh từ xương sườn của A-đam lúc đang ngủ

mê (Sáng Thế Ký 2:18-25). Tương tự một thể ấy: *Hội Thánh là Ê-Va-Mới, Tân Nương Mới* được sinh ra từ cạnh sườn Đức Giê-xu (Tin Lành Giảng 19:34). Quả vậy, sứ đồ Giảng đã làm chứng cho điều nói trên, khi ông chứng kiến và mô tả Chúa Giê-xu bị lưỡi giáo của tên lính La-mã đâm thấu ngang sườn Ngài, tức thì máu và nước chảy ra. Máu tượng trưng cho sự hy sinh (hy tế) làm của lễ chuộc tội qua Chúa Cứu Thế, và nước tượng trưng phép Báp tem do chính Ngài ban ra. Lễ thật đã được bày tỏ: Từ sự phục sinh vinh quang của Ngài, Chúa đã sinh ra một nhân loại mới (Ê-phê-sô 2:15), và một Trời Mới Đất Mới (Ga-la-ti 6:15).

Quả vậy, Lễ Thật của Đức Chúa Trời rạng tỏ qua *Hội Thánh là mẫu nhiệm đặc biệt* của Ngài “*Vậy, nếu ai ở trong Đấng Christ thì nấy là người được dựng nên mới. Những sự cũ qua đi, nầy mọi sự đều trở nên mới*” (2 Cor 5:17).

Tuy nhiên, cần lưu ý một điểm quan trọng: Dù Hội Thánh là một tạo vật thiêng liêng của Đức Chúa Trời, nhưng *vẫn tồn tại những con người bất toàn*. Đức Chúa Trời sẽ đào luyện họ qua sự dẫn dắt, uốn nắn, bẻ trách sửa trị của Đức Thánh Linh. Đây cũng chính là một mẫu nhiệm quyền phép Đức Chúa Trời: *Hội Thánh sẽ chưa đạt được sự thánh hóa và sự vinh hiển cùng sự toàn hảo, trước khi Chúa Cứu Thế tái lâm*.

### 3. Biểu tượng dành cho Hội Thánh Đức Chúa Trời

Đức Chúa Trời hoạch định hai sự kiện oai nghi, được biểu trưng bằng *Hai Tháp mẫu nhiệm* và gắn kết bởi *Cầu Nối Thuộc Linh* mà Ngài dựng nên cho Hội Thánh Chúa, trên Thiên trình Thập Tự Giá.

**Tháp Ân Điển** là đặc ân vô giá đến từ tình yêu thiên thượng dành cho loài người. Ngài lựa chọn tuyển dân mới từ trong nhân loại vốn phạm tội bất tuân, không tin kính, chìm sâu trong sự yêu mến thế gian đến nỗi mọc rễ trong đời này; thậm chí còn vui trong sự ác, tự bào chữa cho mình bằng hàng loạt các triết thuyết, chủ thuyết, tôn giáo, khoa học ... Với tấm lòng chai lì, họ đi theo con đường kiêu ngạo, vô tín, duy lý trí, và ngày càng xa rời Đức Chúa Trời, để tự tìm đến nẻo sự chết.

Cho dù như vậy, Bồi Tình Yêu Thương dành cho loài người, Tháp Ân Điển đã được dựng nên qua sự Giáng sinh và Phục sinh của Cứu Chúa Giê-xu. Ngài đã đến giữa loài người chỉ có hơn ba mươi năm, một khoảnh khắc của thời gian đời đời, nhưng Ngài mang ánh sáng của sự sống thiên thượng đến cho thế gian, đang hư hoại trong xích xiềng của Sa-tan, ma quỷ và tăm tối. Ngài đã chiến thắng và hoàn tất chương trình cứu rỗi dành cho toàn thể nhân loại trên Thập Tự Giá từ hơn hai ngàn năm trước đây.

**Tháp Vinh Hiển** được dựng nên qua sự tái lâm của Đức Chúa Giê-xu, đúng như lời hứa của Đấng Thành Tín dành cho những ai đặt Niềm tin nơi Cứu Chúa.

Hội Thánh Đức Chúa Trời bước đi trên Cây Cầu thuộc linh, nối liền hai Tháp Ân Điển và Tháp Vinh Hiển. Kết nối hai tháp là những bó dây mẫu nhiệm của Lễ Thật, được bện chặt bằng Dây Cứu Chuộc trong Chúa Cứu Thế Giê-xu và Dây Thánh Hóa tuyển dân mới của Ngài. Con dân Chúa nắm chắc tay vịn cầu là Dây Phục Vụ và Tận Hiến, để kinh nghiệm Sự Quan Phòng và Dẫn Dắt của Đức Thánh Linh, trong Tình Yêu Thương của Đức Chúa Cha.

Biểu tượng *cây cầu thuộc linh* minh định Lời Chúa Giê-xu đã phán: “*Ta là đường đi, lễ thật, và sự sống; chẳng bởi Ta thì không ai được đến cùng Cha*” (Giăng 14:6). Đức Chúa Giê-xu chính là Con Đường cứu rỗi và Hội Thánh là Thân Thể Ngài. Chúa Cứu Thế là Cầu

Nói, là Đấng Trung Bảo luôn cầu thay cho Hội Thánh được đến càng gần Đức Chúa Cha (ITi-mô-thê 2:5; IPhi-e-rơ 3:18).

Khi suy niệm về Hội Thánh Đức Chúa Trời qua ba thấu kính: *Kinh Thánh–Lịch sử–Văn hóa*, trong sự soi sáng của Đức Thánh Linh, chúng ta tri nhận sự linh diệu, mầu nhiệm lạ lùng tỏa ra từ *Hai Tháp Mâu Nhiệm*. Các lớp sóng thuộc linh, quyền năng và tình yêu của Chúa lan tỏa từ hai tháp này: bắt đầu từ thành Giê-ru-sa-lem, xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri cho đến cùng thế giới; để đưa Tin Lành cứu rỗi đến với muôn dân, trong đó có dân tộc Việt Nam chúng ta. Suy niệm này có ích cho sự thông hiểu sâu sắc hơn về Hội Thánh và cũng cho những ai khẩn cầu ý Chúa được nên trong chương trình gây dựng, phục hưng Hội Thánh Chúa ngay trên đất này.

Cảm tạ Đức Chúa Trời Ba Ngôi về mọi sự dạy dỗ, dẫn dắt và chuẩn bị để Hội Thánh Ngài đến được *Tháp Vinh Hiển* trong *Ngày Lớn Vinh Quang* của Đấng Christ.

## II. Biểu Tượng Một Cây Cầu Đặc Biệt (TC 30, 35, 36, 37)

Phúc âm Giăng (8:31-32) đã chép “*Bấy giờ Ngài phán cùng những người Giu-đa đã tin Ngài rằng: Nếu các ngươi hằng ở trong Đạo Ta thì thật là môn đồ ta. Các ngươi sẽ biết Lẽ Thật và Lẽ Thật sẽ buông tha các ngươi*”. Đây cũng là mệnh lệnh đối với Cơ Đốc Nhân trong Hội Thánh Chúa ngày nay. Tim biết Lẽ Thật là *bước theo Chúa*. Kiên định từ bỏ đường tà bước đi trong sự công chính, hầu việc Chúa tận trung là phẩm chất thiết yếu của Môn Đồ Trung Tín.

Đức Thánh Linh dẫn dắt Hội Thánh Chúa đi trong Lẽ Thật, Ngài cũng ban khôn sáng để Tim Biết Lẽ thật. Ngài ban phương cách và phương tiện để hoàn thành, và Thần học Cơ đốc hội đủ cả hai điều đó. Trong phần 2, sẽ trình bày khái quát Thần Học qua Biểu Tượng Một Cây Cầu Đặc Biệt. Đó là Cây Cầu Nhận Thức Chân Lý Khoa Học và Lẽ Thật của Đức Chúa Trời. Xin tham khảo [3,4,5,6].

### 1. Sự Hình Thành Thần học Cơ đốc

Lịch Sử Hội Thánh Chúa được hình thành trong sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh và qua việc các Cơ đốc nhân duy trì bền đỗ và trung tín các hoạt động làm chứng, cầu nguyện và cử hành các nghi lễ thờ phượng vinh danh Đức Chúa Trời. Cho dù đã trải qua bao gian truân do sự bách hại của các thế lực thù địch với Đạo Chúa, Hội Thánh Đức Chúa Trời vẫn được Ngài giữ gìn, nuôi dưỡng, rèn luyện và theo thời gian Hội Thánh đã được trưởng thành trong nhiều cuộc phục hưng mạnh mẽ trên đất này.

Trong bước đường thử thách và đứng vững, trong Hội Thánh Chúa đã xuất hiện các nhu cầu khẩn thiết. Một mặt, phải học biết và suy ngẫm Lẽ Thật là Lời Đức Chúa Trời để rút ra những bài học thuộc linh, để biết điều gì Hội Thánh phải làm và không cần phải làm. Mặt khác, Hội Thánh phải thiết lập mối quan hệ thuộc linh đặc biệt với Đức Chúa Trời để dẫn dắt các mối quan hệ của Cơ đốc nhân với nhau và với dân ngoại. Hội Thánh cần xác định các tiêu chuẩn đời sống Cơ đốc nhân để đáp ứng với mục đích tối thượng của Đức Chúa Trời trên đời sống của họ. Đạo Chúa được phát triển nhờ việc Cơ Đốc Nhân nắm vững các thuộc tính của Nước Trời và sự công bình của Ngài, đồng thời biết làm theo lời dạy của Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh. Tất cả những công việc nêu trên chính là công việc thuộc phạm vi Thần học Cơ đốc.

Xét theo ý nghĩa này, phải kể tên sứ đồ Phierơ và Phaolô là những Nhà Thần học Cơ Đốc đầu tiên, trình bày những vấn đề căn bản nhất của Thần học. Tiếp theo đó là lịch sử phát triển phong phú và đa dạng của Thần Học cho đến ngày nay.

Thần học đã hình thành như một nhu cầu tất yếu, tự thân của Hội Thánh, khi phải diễn tả kinh nghiệm đức tin thành ngôn từ, chữ nghĩa để truyền thông trong Hội Thánh và xã hội. Một khái niệm Thần học không thể là gì khác hơn một kinh nghiệm đức tin đổ vào khuôn suy tư của con người. Nói tổng quát, Thần học khám phá, hệ thống hóa và trình bày những chân lý về Đức Chúa Trời một cách logic và toàn diện. Thần học đến trong ngôn ngữ của mỗi dân tộc để nói về tình yêu và sự toàn năng của Đức Chúa Trời, trong điều kiện xã hội loài người phát triển đa dạng về văn hóa, với truyền thống đa sắc của các dân tộc trên thế giới.

## 2. Những Đặc Điểm

Trong thực tiễn, Thần học Cơ đốc là đa ngành, trong đó trình bày toàn bộ giáo lý của Tin Lành. Giáo lý này được xây dựng trên mạc khải của Đức Chúa Trời, nghĩa là trên những gì Ngài tỏ bày cho con người về chính Ngài, về quan hệ của Ngài đối với con người, vũ trụ, tạo vật, và về công trình cứu chuộc loài người liên quan đến phước hạnh đời đời.

Thần học phát sinh và phát triển bởi sự Toàn Năng của Đức Chúa Trời được truyền thông cho con người qua các mạc khải. Qua thọ tạo, ta nhận ra Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa, Đấng Chủ Tể của vũ trụ và loài người. Đây là *mạc khải tự nhiên*, nhờ suy luận của trí tuệ mà hiểu biết và trình bày những chân lý này qua *Thần học Tự nhiên*, còn được gọi là *Thần Lý* (Theodicée). Các nhà nghiên cứu Thần học coi đây là đỉnh cao của khoa học và triết học, có sự soi sáng của Đức Tin Tâm linh và Niềm Tin Khoa học.

Ở khía cạnh khác, Chúa còn ban *mạc khải siêu nhiên* mà con người đón nhận nhờ ân sủng và đáp lại bằng đức tin vào chính Đức Chúa Trời. Như thế, đức tin cũng là một ân sủng nhưng không loại trừ nỗ lực của trí tuệ tìm biết nội dung sâu nhiệm và phong phú của Lời Ngài. Thần học diễn tả sâu sắc và khúc chiết Lẽ Thật trong Kinh Thánh. Đức tin không thay thế sự vận dụng trí tuệ, nhưng hướng dẫn sự vận dụng đó. Bởi vậy, *Thần học chính là sự vận dụng trí tuệ để hiểu biết Lời Chúa dưới ánh sáng của đức tin, trong sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh*. Đây chính là *Thần học Mạc Khải* hay còn gọi là *Thần học Siêu nhiên*, phản chiếu kinh nghiệm của Cơ đốc nhân trong đời sống đức tin.

Trí tuệ của con người phản ánh sự Toàn Tri của Đức Chúa Trời. Trí tuệ phải vận động theo những quy luật tư duy, đó là Logic Hình thức. Cần lưu ý đặc biệt các quy luật: đồng nhất, hệ thống, phi mâu thuẫn, bài trung, và nhân quả. Thần học đáp ứng các yêu cầu nêu trên và có mối liên kết chặt chẽ với các tri thức khoa học tự nhiên, xã hội, tư duy, theo một logic nghiêm ngặt. Quan trọng hơn, nhờ soi sáng của đức tin mà các tri thức trên được tiếp cận Lẽ Thật của Đức Chúa Trời.

Cần lưu ý rằng, trong lịch sử đã xuất hiện sự thái quá trong Thần học: những khuynh hướng cực đoan, thiếu chuẩn mực. Có thời kỳ người ta quá tin tưởng vào khả năng của lý trí và ngôn ngữ (duy ý chí, duy ngôn ngữ) đến nỗi, muốn chứng minh các mạc khải, tín điều hoặc muốn biến Thần học thành môn triết học (như *Thần học Kinh viện* trong Công Giáo). Đối lại, có thời kỳ người ta lại nghi ngờ khả năng lý trí do ảnh hưởng của *Thần học phủ định*. Các điều trên đây dẫn tới sự mất cân bằng trong nghiên cứu Thần học. Cần phải truy tìm nguồn gốc và nền tảng Thần học, được xét về cả hai phía: Về phía Đức Chúa Trời, Ngài đã mạc khải cho con người – là đối tượng yêu thương của Đức Chúa Trời. Về phía con người,

chúng ta có thể nói về Ngài trong ân điển và đức tin để đặt sự trông cậy đời đời vào chính Đức Chúa Trời.

Đối tượng *chất thể*, chính là Đức Chúa Trời qua mạc khải của Ngài cho con người. Ngài vừa là Cội Nguồn vừa là Chủ Đích của tạo vật. Theo nghĩa này, cần phải hiểu rõ *Đức Chúa Trời là một Chủ Thể* chứ không phải là đối tượng thông thường. Con người không nên nói về Ngài như một ý niệm thông thường nhưng là một Chủ Thể Thiêng Liêng– Đấng Tạo Hóa. Chúng ta nói với Chúa và nói về Chúa. Đó chính là công việc của Thần học: Luận bàn về Đức Chúa Trời và các công việc của Ngài.

Đối tượng *mô thể* bao gồm Thần học Tự nhiên, Thí dụ: Ta biết có một Đức Chúa Trời tạo dựng nên vũ trụ, loài người. Và cũng bao gồm cả Thần học Mạc khải (Siêu nhiên), Thí dụ: Ta biết một Đức Chúa Trời là Đấng Chân Thần, Tam Vị Nhất Thể.

Về phương pháp luận, Thần học có những nguyên lý chắc chắn và lẽ thật căn bản làm nền tảng. Thần học vận dụng các quy luật của chân lý khoa học như triết học, logic học cũng như các phương pháp khoa học chặt chẽ để tìm biết về Đức Chúa Trời qua mạc khải của Ngài. Các kết luận của Thần học được tổng hợp thành một luận lý hoàn chỉnh, chỉ cho thấy vận mệnh chung cho xã hội loài người, đồng thời con đường nhân loại phải theo. Đó là chương trình cứu rỗi tuyệt vời mà Đức Chúa Trời đã dành cho nhân loại.

### 3. Quan hệ của Thần học với khoa học và triết học

Khoa học, nhất là khoa học tự nhiên thuộc những lĩnh vực cụ thể, gắn với Thần học tự nhiên. Khoa học tìm cách trả lời cho câu hỏi thế nào và tại sao, do đó không thể đi tới tận cùng mục đích của chân lý, đó là Lẽ Thật.

Đặc tính Triết học, nhất là phần siêu hình có tính trừu tượng, vượt quá kinh nghiệm cụ thể của con người và không thể tự kiểm chứng được. Triết học tìm hiểu ý nghĩa tối hậu của sự vật và suy nghĩ về cái tại sao. Do đó, triết học gần với Thần học về mục đích luận, nhưng phương pháp suy luận thì khác nhau. Trong suy luận Thần học, lý trí cũng được vận dụng như trong triết học, nhưng phải được đức tin hướng dẫn khi tìm hiểu mạc khải của Đức Chúa Trời.

Nói cách khác, trong Thần học thì lý trí phải phục tùng đức tin và đức tin vận dụng lý trí để biết rõ Lẽ Thật. Triết học được sử dụng trong Thần học như một công cụ sắc bén và hữu hiệu. Triết học đặt câu hỏi và thường không tự trả lời được, nhưng nhờ mạc khải của Đức Chúa Trời và đức tin tâm linh mà Thần học có khả năng giải đáp được những vấn đề, câu hỏi của triết học đặt ra. Hơn nữa, nhiều vấn đề của khoa học tự nhiên, xã hội, tư duy như sự phát triển của xã hội, sự suy thoái của đạo đức, sự mất ổn định của giáo dục và các vấn đề khác của tôn giáo, tín ngưỡng... đã thu được lời giải chính bởi Thần học.

**Kết luận:** Thần học là phương tiện hữu hiệu, đã góp phần biến đổi thế giới quan của con người, làm cho nó trở nên hoàn thiện hơn. Thần học Cơ đốc cũng góp phần thay đổi lịch sử loài người theo chương trình tể trị của Đức Chúa Trời.

### 4. Biểu tượng và ý nghĩa của Thần học

Biểu tượng của Thần học được hình thành dần dần trong ý tưởng của chúng tôi. Đó là một *cây cầu nhận thức*, góp phần vào phương pháp tiếp cận hệ thống và khái quát tư duy của khoa Thần Lý. Xin được trình bày để quý vị cùng tham khảo.

Nền tảng: *Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời Hằng Sống*. Cột trụ là *đức tin tâm linh* và *niềm tin khoa học*. Hai mối cầu là *sự mạc khải tự nhiên* và *siêu nhiên* đến từ Đức Chúa Trời. Lan can và các thanh giằng là *sự trông cậy vào Đức Chúa Trời*. Dầm cầu nối hai mối cầu là *tri thức và thông hiểu*. Dây văng nối kết các bộ phận là *tình yêu thương của Đức Chúa Trời*.

Ý nghĩa biểu tượng: Thần học chính là một *phương tiện nhận biết lẽ thật* của Đức Chúa Trời, có ích lợi cho Hội Thánh và nhận thức của nhân loại. Từ nhận định này, mỗi Cơ đốc nhân cần phải trau dồi kiến thức Thần học cần thiết, để có thể thực hành đời sống đức tin một cách có kết quả trong Chúa.

Tuy nhiên cũng cần phải lưu ý về những giới hạn của Thần học. Có nhiều thắc mắc không phải lúc nào cũng giải đáp được trên con đường đức tin. *Đức tin truy tìm sự thông biết*. Trong (I Cô-rinh-tô 13:12) đã chỉ rõ: Ngày nay chúng ta chỉ mới thấy mờ mờ như trong tấm gương, chúng ta chỉ có thể được sáng tỏ mọi điều khi gặp được Chúa. Đặc biệt có những người tuy không có trình độ Thần học cao, nhưng lại có cảm nghiệm tâm linh sâu sắc và có đức tin mạnh mẽ. Do vậy, những nhà Thần học và những người nghiên cứu Thần học phải biết khiêm nhường trong hành trình đức tin của mình, phải có tinh thần rèn tập không ngừng để phục vụ Chúa.

Nhà Thần học Evagio Pontico đã viết: “Nếu bạn biết cầu nguyện thì bạn là nhà Thần học thực sự, và nếu bạn là nhà Thần học thực sự thì bạn phải biết thưa chuyện với Chúa và lắng nghe được tiếng Ngài.”[3]

Nói với Đức Chúa Trời và nói về Đức Chúa Trời gắn liền với nhau như hai mặt của một vấn đề trong Thần học. Lời Chúa Giê-xu trong Ma-thi-ơ 11:25 “*Hỡi Cha! Là Chúa của trời đất, tôi khen ngợi Cha đã giấu những điều này với kẻ khôn ngoan, người sáng dạ, mà tỏ ra cho những con trẻ hay*”. Bởi đó, mỗi người chúng ta cần quỳ gối cầu nguyện với Chúa, để nhận sự soi sáng thiên thượng, và quyền năng của Đức Thánh Linh. *Vì chẳng từ trên trời ban cho thì không một người nào có thể nhận lãnh chi được*” (Giăng 3:27).

### III. Con Đường Phục Hưng Hội Thánh của Đức Chúa Trời (TC 36, 37)

#### 1- Phục hưng hay phần hưng

Nhu cầu thường trực nhưng cũng là cấp bách của Hội Thánh Đức Chúa Trời là sự phục hưng. Trước khi nói về phương cách phục hưng Hội Thánh, chúng ta cần thống nhất với nhau về quan niệm như thế nào là phục hưng. Đây không phải là vấn đề từ nguyên hay câu chữ mà là bản chất và nội hàm của khái niệm này. Cơ Đốc Nhân cần hiểu rõ và thống nhất, mới có thể đồng công kết quả trong công cuộc phục hưng Hội Thánh Chúa.

Không có từ *phần hưng* trong các từ điển Hán Việt thông thường và hiện đại [7,8,9,10], mà chỉ có *chấn hưng* và *phục hưng*. Danh từ ghép đi với *phần* như *phần hưng*, *phần khởi*, *phần khích*, *phần đấu*... khi đứng riêng có một ý nghĩa độc lập, *mô tả một trạng thái hoạt động của đối tượng* đang nói tới. Giả sử chấp nhận phần hưng như một từ Việt tạo, cũng không tìm thấy ý nghĩa thần học rõ ràng như từ Phục hưng, vốn được phổ cập rộng rãi từ trước đến nay.

Phục hưng Hội Thánh là sự phục hồi và quay trở về với Lẽ Thật là đường lối công bình của Đức Chúa Trời, mục đích hưng thịnh và phát triển Hội Thánh theo sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh, làm sáng Danh Vinh Hiển của Đức Chúa Trời. Trong lịch sử của Hội Thánh, cả

thời Cựu Ước và thời Tân Ước, con dân Chúa thường đi *giẹo hai bên* con đường mà Chúa đã chỉ ra, như trong I Các Vua 18:21: “*Đoạn Ê-li đến trước mặt dân sự mà nói rằng: Các người đi giẹo hai bên cho đến chùng nào? Nếu Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, khá theo Ngài; nếu Ba-anh là Đức Chúa Trời, hãy theo hấn.*”

Chúng ta đang sống trong thời đại Danh Chúa bị xúc phạm hơn bao giờ hết, nên mục đích của chúng ta khi cầu khẩn xin Đức Chúa Trời ban sự phục hưng chính là, để Danh Đức Chúa Trời được tôn cao và vinh hiển Chúa được bày tỏ; tức là tôn cao Danh và thẩm quyền tuyệt đối của Ngài. Phục hưng là công việc trực tiếp của Đức Chúa Trời Toàn Năng, thông qua sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh qua những công việc cụ thể của Hội Thánh. Nói cách khác, phục hưng là công việc của Đức Chúa Trời, để chúng ta trải nghiệm được các lời hứa và sự bảo đảm của Ngài: “*Ta thường ở cùng các người luôn cho đến tận thế*” (Mathio 28:20b). Phục hưng không tùy thuộc ý tưởng và dự định của loài người.

Phục hưng Hội Thánh là một quá trình sống động và biến đổi thường xuyên, hình dung tương tự như giao động của một con lắc quanh điểm cân bằng. Theo trục thời gian, quỹ đạo trạng thái phục hưng Hội Thánh tựa như giao động của một hình sin đặc biệt, xoay quanh đường hồi quy thuộc linh. Đó chính là con đường lẽ thật của Đức Chúa Trời cho Hội Thánh, là muối của đất và ánh sáng của thế gian.

## 2- Từ Phục sinh đến Phục hưng

Bởi sự Phục sinh của Chúa Cứu Thế, Hội Thánh Đức Chúa Trời được khai sinh. Chúa đã yêu Hội Thánh, hy sinh thân máu vì Hội Thánh. Ngài dùng nước và Đạo Đức Chúa Trời rửa làm cho tinh sạch, đấng tỏ ra Hội Thánh đầy vinh hiển, thánh sạch không chỗ trách được trước mặt Ngài (Ê-phê-sô 5: 26-27). Công việc Hội Thánh là phải phản ánh vinh quang và tôn cao Danh Thánh Ngài trên đất, trước mặt các dân ngoại. Vậy, Bản chất Phục hưng Hội Thánh là sự hạ mình của con dân Chúa ăn năn tội lỗi, từ bỏ đường tà, trở về con đường Lẽ thật (2 Sử ký 7: 14). Hội Thánh là đại diện Nước Trời, mang Vinh Hiển Chúa giữa thế gian mờ tối.

Khi nghiên cứu lịch sử công cuộc phục hưng, chúng ta thấy có chung một bối cảnh: Sau khi Hội Thánh trải qua một thời kỳ khô hạn cần cỗi, Chúa lại dấy lên một người hay một số người, ý thức được tình trạng bi đát tuyệt vọng của Hội Thánh, tức là một thời điểm sống chết, để khẩn cầu sự thương xót của Ngài, xin Chúa giải cứu con dân Ngài. Hành trình đó cứ lặp đi lặp lại và được ký thuật trong Kinh Thánh để nhắc nhở, cảnh báo con dân Chúa. Điển hình là trong sách Các Quan Xét, có tới 12 quan xét, được Chúa dựng nên để giải cứu dân Do Thái bất trung với Ngài. Mãi khắc sâu trong chúng ta hình ảnh trong sách Xuất Ê-díp-tô ký: Phía trước là Biển Đỏ thuộc linh, hai bên là núi cao dựng đứng, đằng sau là quân thù; trong vô vọng dân Do Thái kêu xin Chúa và được giải cứu khỏi kẻ thù hung bạo của xứ Ê-Díp-Tô. Bài học thuộc linh phải thuộc lòng, mà các con dân Chúa trải bao thế hệ đến nay vẫn chưa làm trọn... và vẫn cứ lặp đi lặp lại.

Suy gẫm về bài học lịch sử, khi thấy tình trạng chung của Hội Thánh ngày nay chúng ta không khỏi băn khoăn, quặn thắt. Nhiều Hội Thánh đang có đặc trưng Hội Thánh Lao-đi-xê, tự mãn với sự giàu có, đủ đầy, mạnh mẽ của mình. Họ giải quyết nan đề bằng tổ chức, bằng đề án này nọ theo sức riêng, mà không thấy mình đang đối diện với Biển Đỏ thuộc linh. Một số Hội Thánh khác thấy khó tập trung vào các vấn đề then chốt như: Hiệp một, Phục vụ, Yêu



thương, Phục tùng và đặc biệt là sự Cầu nguyện với Chúa. Sự cám dỗ nằm đúng ở chỗ, chúng ta có thể rất bận rộn với công tác xây dựng cơ sở vật chất, hoạch định nhiều chương trình hoạt động, mà xao nhãng việc gây dựng đời sống thuộc linh của từng cá nhân và gia đình họ trong Hội Thánh. Do bị tấn công bởi làn sóng thế tục của đời này, vẫn còn nhiều Hội Thánh chưa thực hiện được điều đầu tiên và trước hết như trong Tin Lành Ma-thi-ơ 6:33 đã chỉ dạy “*Nhưng trước hết, hãy tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài, thì Ngài sẽ cho thêm các người mọi điều ấy nữa*”. Cầu xin Đức Chúa Trời thương xót, mở mắt cho chúng ta thấy rõ thực trạng của Hội Thánh Chúa, để có sự chân thật nơi bề trong (Thi-thiên 51:6), và biết hạ mình, trung tín hầu việc Ngài cách khôn sáng, kết quả.

Từ Phục sinh qua Phục hồi đến Phục hưng là *con đường tất yếu* của Hội Thánh Đức Chúa Trời. Hội Thánh phải vượt qua cây cầu thuộc linh từ *Tháp Ân Điển đến Tháp Vinh Hiển*, để chiến thắng Biển Đỏ thuộc linh, như đã trình bày trong Phần 2.

### 3- Từ Phục hưng đến Phục vụ

Hội Thánh là việc Đức Chúa Trời làm ra và Ngài làm việc trong Hội Thánh qua Đức Thánh Linh. Cơ Đốc Nhân luôn nhờ cậy Ân điển của Chúa Cứu Thế, với sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh, mà đồng công làm tròn chức việc.

Phục hưng Hội Thánh được khởi sự từ việc duy trì Hiệp Một. Điều này có được từ sự khiêm nhường, hạ mình, phục tùng lẫn nhau trong sự kính sợ Chúa và tôn vinh Danh Ngài. Hiệp Một không tự Cơ Đốc Nhân làm ra, mà do Chúa tạo nên qua sự hóa hình của chính Ngài (Ê-phê-sô 2:11-22). Do đó, sự hòa thuận trong Hội Thánh là sự hợp nhất trong một thân thể, chính là Đức Chúa Giê-xu. Đây là một Phước Hạnh kỳ diệu Chúa ban cho Hội Thánh Ngài.

Như vậy, vấn đề quan trọng cho Hội Thánh là, dùng dây hòa bình để duy trì cho được sự Hiệp Một không chỉ trong Hội Thánh, mà còn giữa các Hội Thánh với nhau trong tinh thần hóa hình. Bởi như vậy, Cơ Đốc Nhân mới có thể phục vụ lẫn nhau và hầu việc Đức Chúa Trời theo ân điển Chúa ban. Chỉ trong Chúa mới có sự thông công, gắn bó, yêu thương, đồng công thật, để cho Hội Thánh hầu việc Ngài cách kết quả. Trong Hội Thánh, phải học biết cách phục tùng nhau và vận dụng năng lực Chúa ban cho mỗi tôi con Ngài, để Cơ Đốc Nhân chống cự và thắng được Sa-tan ma quỷ.

Hội Thánh còn phải biết nhờ cậy nơi Cửa Cải Trên Trời (Ê-phê-sô 1:3, 20; 2:6; 3:10) và Ân Điển Chúa ban. Sự khẩn nguyện là phương cách kỳ diệu nhận được Năng Lực của Chúa, để Hội Thánh dạn dĩ bước đi thành công: Từ Phục hưng qua Phục tùng đến sự Phục vụ Danh Vinh Hiển đời đời của Đức Chúa Trời Toàn Năng.

*“Tạ ơn Đức Chúa Trời đã cho chúng ta sự thắng, nhờ Đức Chúa Giê-xu chúng ta”* (1Cô-rinh-tô 15:57).

*“Vậy, hỡi anh em yêu dấu của tôi, hãy làm công việc Chúa cách dured luôn, vì biết rằng công khó của anh em trong Chúa chẳng phải là vô ích đâu”* (1Cô-rinh-tô 15:58). Amen.

Tài Liệu Tham Khảo:

- [1] Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước – NXB Tôn Giáo.  
Bản truyền thống, 2005; Bản dịch mới, 2006; Bản hiệu đính , 2010
- [2] Thông Công – HTTLVN (Miền Bắc), 2006-2012
- [3] Dẫn vào Thần học (bản dịch tiếng Việt) – NXB The Liturgical Press/St. Pauls, 1996
- [4] Từ điển triết học – NXB Mir, 1985
- [5] Thần học căn bản – Charles C. Ryrie, 2004
- [6] Thần học Cơ Đốc Giáo – Millard J. Erickson – NXB Văn Hóa Thông Tin, 2005
- [7] Từ điển Hán Việt hiện đại – NXB Khoa học xã hội, 2008
- [8] Từ điển từ và ngữ Hán Việt – NXB Từ điển Bách khoa, 2002
- [9] Từ điển Giáo khoa Việt-Hán (Hoa) thông dụng – NXB Từ điển Bách khoa, 2005
- [10] Hán Việt Từ điển (Tái bản) – NXB Văn Hóa Thông Tin, 2010
- [11] Sự phục hưng hầu đến (Bản dịch tiếng Việt) – Bill Bright – NXB Campus Crusade Asia Limited, 1997
- [12] Phục hưng (Bản dịch tiếng Việt) – D.Martyn Lloyd Jones – NXB Crossway Books, adivision of Good News Publishers, Westchester, Illinois, 1992

Hà Nội, tháng 3/2013